

TẠP CHÍ



VĂN BÚT MIỀN ĐÔNG



SỐ 02 **Hạ 2025**

TÁC GIẢ CỘNG TÁC TRONG SỐ NÀY

CAO MỸ NHÂN ♦ CUNG THỊ LAN ♦ DƯƠNG VIỆT-CHÍNH ♦ DƯƠNG VŨ ♦ ĐỖ DUNG ♦ HẢI-VÂN ♦ HEATHER HOLDEN ♦ HỒNG THỦY ♦ HỒNG VÂN ♦ KIM LOAN ♦ KIM OANH ♦ LÊ MAI LĨNH ♦ LÊ MỸ HOÀN ♦ LÊ MỘNG HOÀNG ♦ LÊ THỊ NHỊ ♦ LUÂN TÂM ♦ MẶC KHÁCH ♦ MINH THÚY THÀNH NỘI ♦ NGỌC CƯỜNG ♦ NGỌC HẠNH ♦ NGÔ TĂNG GIAO ♦ NGUYỄN MINH NỮ ♦ NGUYỄN TÚ ♦ NGUYỄN TƯỜNG NHUNG ♦ PHAN KHÂM ♦ PHONG CHÂU ♦ PHƯƠNG HOA ♦ PHƯỢNG HỒ ♦ RABINDRANATH TAGORE ♦ TẠ QUANG KHÔI ♦ TẠ QUANG TUẤN ♦ TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO ♦ THANHSONG KIMPHÚ ♦ TÊ LUÂN ♦ THÁI NỮ LAN ♦ THƯ KHANH ♦ TIỂU LỤC THẦN PHONG ♦ TÍNH QUÁCH ♦ TRẦN ĐẠI BẢN ♦ TRẦN PHÚ ĐA ♦ TRẦN QUỐC BẢO ♦ TT-THÁI AN ♦ TƯỜNG DUNG ♦ UYÊN NGUYỄN ♦ UYÊN THÚY LÂM ♦ VĂN DUY TÙNG ♦ VÕ PHÚ ♦ Ý NHI ♦ Y THY

TẠP CHÍ VĂN BÚT MIỀN ĐÔNG
SỐ 2 - Hạ - 01-07-2025

ISBN barcode: 978-1-300-09002-1

Imprint: Lulu.com

©by VĂN BÚT MIỀN ĐÔNG & AUTHORS



TÒA SOẠN: Văn Bút Miền Đông
6614 Bethlehem Rd
Richmond, VA 23230
(804) 370-0215
Email: vbvnhn.vdbhk@gmail.com

TẠP CHÍ VĂN BÚT MIỀN ĐÔNG

SỐ 2 - Hạ - 01-07-2025

ISBN barcode: **978-1-300-09002-1**

CỘNG TÁC TRONG SỐ NÀY

Cao My Nhân * Cung Thị Lan * Dương Việt-Chinh * Dương Vũ * Đỗ
Dung * Hải-Vân * Heather Holden * Hồng Thủy * Hồng Vân * Kim
Loan * Kim Oanh * Lê Mai Linh * Lê Mỹ Hoàn * Lê Mộng Hoàng * Lê
Thị Nhị * Luân Tâm * Mặc Khách * Minh Thúy Thành Nội * Ngọc
Cường * Ngọc Hạnh * Ngô Tăng Giao * Nguyễn Minh Nữ * Nguyễn
Tú * Nguyễn Tường Giang * Nguyễn Tường Nhung * Phan Khâm *
Phong Châu * Phương Hoa * Phụng Hồ * Rabindranath Tagore * Tạ
Quang Khôi * Tạ Quang Tuấn * Tâm Minh Ngô Tăng Giao *
ThanhSong KimPhú * Tế Luân * Thái Nữ Lan * Thư Khanh * Tiểu
Lục Thần Phong * Tính Quách * Trần Đại Bản * Trần Phú Đa * Trần
Quốc Bảo * TT-Thái An * Tường Dung * Uyên Nguyên * Uyên Thúy
Lâm * Văn Duy Tùng * Võ Phú * Ý Nhi * Y Thy

BÌA & TRÌNH BÀY: Võ Phú

PHỤ BẢN: AI & Internet

ĐỌC BẢN THẢO: Hồng Thủy

PHỎNG VẤN: Phụng Hồ

BAN BIÊN TẬP

Hồng Thủy - Nguyễn Minh Nữ - Tạ Quang Tuấn - Võ Phú

Chủ Nhiệm: Võ Phú **Chủ Bút:** Hồng Thủy

Cố vấn: Nguyễn Minh Nữ **Thư Ký Tòa Soạn:** Tạ Quang Tuấn

LIÊN LẠC: Văn Bút Miền Đông

6614 Bethlehem Rd,

Richmond, VA 23230

(804) 370-0215

Email: vbnhn.vdbhk@gmail.com

MỤC LỤC

TẠP CHÍ VĂN BÚT MIỀN ĐÔNG

SỐ 2 - Hạ - 01-07-2025

Văn:	Trang
Kim Loan - <i>Còn Mãi Một Mùa Hè</i> –	9
Nguyễn Minh Nữ - <i>Một Thoáng Mây Phiêu Bạt</i> –	19
Phuong Hoa - <i>Giới Thiệu Sách Mới & Phỏng Vấn Nữ Sĩ Cao My Nhân Về Tập Thơ "Chim Bay Mỗi Cánh"</i> –	40
Nguyễn Tường Nhung - <i>Mùa Ve Sầu Cuối Cùng</i> –	56
TT-Thái An - <i>Mùa Hè 1967</i> –	68
Tiểu Lục Thần Phong - <i>Ngựa Kéo Xe</i> –	82
Lê Mỹ Hoàn - <i>Hoa Điệp Vàng</i> –	91
Ý Nhi - <i>Hồn Tôi Ở Tận Miền Sơn Cước</i> –	104
Tạ Quang Khôi - <i>Kiểm Duyệt Văn Nghệ</i> –	108
Võ Phú - <i>Ngày Hè</i> –	115
Minh Thúy Thành Nội - <i>Mùa Hè Rực Rỡ</i> –	122
LS. Ngô Tăng Giao - <i>Vui Buồn Nghe Khúc Nhạc Hè...</i> –	130
Lê Mai Linh - <i>Tùy Bút</i> –	136
Phong Châu - <i>Hồ Lung Linh</i> –	142
Phượng Hồ - <i>Gặp Gỡ Và Trò Chuyện Với Nhà Văn Lê Tổng Mộng Hoa</i> –	159
Lê Mộng Hoàng - <i>Làm Sao Mà Quên Được Nỗi Đau Dai Dẳng?</i> –	167
Dương Vũ - <i>Có Một Ngày Hè Như Vậy Đó</i> –	173
Tế Luân - <i>Cảm Nghĩ Về Mùa Hè</i> –	179
Tạ Quang Tuấn - <i>Câu Chuyện Vượt Biển Của Tôi</i> –	185
Hồng Thủy - <i>Hoa Tương Tư</i> –	203
Nguyễn Tú - <i>Tổ Quốc</i> –	206
Ngọc Cường - <i>Sài Gòn Và Paris</i> –	208
Thái Nữ Lan - <i>ĐàLat và Ngôi Trường Của Tôi</i> –	246
Tường Dung - <i>Tháng Năm và Những Đường Hoa Phượng Tím</i> –	256

Văn Duy Tùng - <i>Chiều -</i>	269
Lê Thị Nhị - <i>Trại Hè Về Nguồn</i>	
<i>Vùng Hoa Thịnh Đốn 1990-1999 -</i>	278
Ngọc Hạnh - <i>Thăm Charleston, South Carolina</i>	287
Đỗ Dung - <i>Hương Ngọc Lan -</i>	300
Hải Vân - <i>Người Xưa -</i>	306
Nguyễn Nguyên - <i>Chữ Nghĩa Và Căn Tính:</i>	
<i>Võ Phú, Những Ngày Thơ Ấu -</i>	315

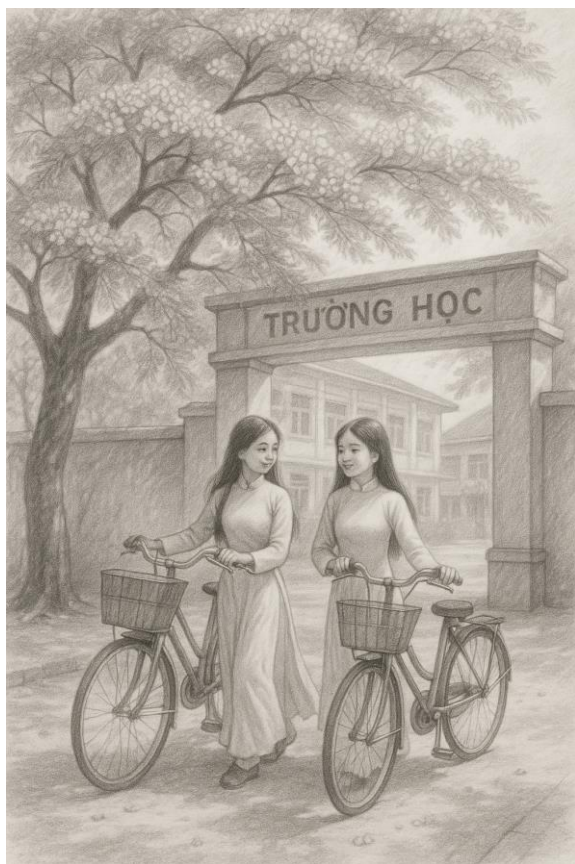
Thơ:	Trang
Tính Quách - <i>Nỗi Nhớ Mùa Hè -</i>	29
Lê Mỹ Hoàn - <i>Tháng Tư Nhớ Em -</i>	30
Tiểu Lục Thần Phong - <i>Em Về Tháng Năm -</i>	32
Mặc Khách - <i>Sài Gòn Hấp Hối -</i>	34
Y Thy - <i>Tôi Ngồi Ngó Biển Nhớ Quê -</i>	35
Rabindranath Tagore - <i>Lotus -</i>	
Tâm Minh Ngô Tăng Giao - <i>Hoa Sen (chuyển ngữ) -</i>	36
Phong Châu - <i>Biển-Núi Và Sông -</i>	38
Cao Mỹ Nhân - <i>Cơn Mưa Hạ -</i>	39
Phương Hoa - <i>Môi Tương Tư -</i>	49
Cung Thị Lan - <i>Lời Của Mẹ -</i>	50
Uyên Thúy Lâm - <i>Đường Về Chiêm Quốc -</i>	52
Tính Quách - <i>Mùa Hạ Cali -</i>	95
Dương Việt-Chinh - <i>Yêu Thầm -</i>	97
Luân Tâm - <i>Phượng Hồng Mưa Áo Em Bay -</i>	99
Trần Quốc Bảo - <i>Về Đây Với Biển -</i>	100
Hồng Vân - <i>Mùa Hè Trong Ký Ức -</i>	101
Thư Khanh - <i>Hạ Về -</i>	102
Hồng Thủy - <i>Thuở Ấy Trưng Vương -</i>	103
Luân Tâm - <i>Trong Tiếng Ve Sâu -</i>	153
Ý Nhi - <i>Mưa Tháng Tư -</i>	154
Heather Holden - <i>Summer Poem -</i>	
Tâm Minh Ngô Tăng Giao - <i>Thơ Mùa Hạ (chuyển ngữ) -</i>	155
Dương Việt-Chinh - <i>Phượng Vỹ Sân Trường -</i>	156
Kim Oanh - <i>Lạc Bước Song Đôi... -</i>	157
Hồng Vân - <i>Đón Hạ Về -</i>	158
Lê Mai Linh - <i>Mùa Hạ, Thơ Tình Làm Trong Tủ -</i>	196

Tạ Quang Tuấn - Tuổi Trẻ Hôm Qua –	199
Trần Quốc Bảo - Em Oi, Hè Đã Về Rồi! –	200
ThanhSong KimPhú - Ước Mơ Vào Hạ // Hạ Nhớ -	201
Trần Đại Bản - Mùa Hè Quê Tôi –	202
Nguyễn Tú - Quê Hương Đôi Bờ!–	235
Dương Vũ - Mùa Ngâu Gọi Nhớ -	236
Tế Luân - Góc Phố Mùa Hạ -	237
Cao Mỹ Nhân - Trong Hiện Tại -	238
Trần Phú Đa - Dạ Khúc Tháng Tư -	239
Nguyễn Tường Giang - Một Mình (Trong Viện Dưỡng Lão) -	240
Mặc Khách - Mai Em Đi -	241
Cung Thị Lan - Hãy Đến Bên Nhau -	242
ThanhSong KimPhú - Ta Lại Nhớ -	243
Phan Khâm - Ta Nhớ Em -	294
Kim Oanh - Ký Ức Thu -	295
Tường Dung - Tìm Em Giữa Phố Hạ Hồng -	296
Trần Phú Đa - Làng Xưa Bây Giờ -	297
Phương Hoa - Giấc Mơ Chiều Tháng Bảy -	298
Nguyễn Tường Giang - Một Mình III -	299

Nhạc:	Trang
Chiều - Nhạc: Văn Duy Tùng - Thơ: Lê Thị Nhị	276

Tạp Chí Văn Bút Miền Đông:	Trang
Lời Ngỏ Tạp Chí Văn Bút Miền Đông	7
Thư Tòa Soạn: Tạp Chí Số 3 - Chủ Đề - Thu	i
Phiếu Mua Tạp Chí	ii

TẠP CHÍ VĂN BÚT MIỀN ĐÔNG
SỐ 2 - Hạ



01-07-2025

Lời Ngỏ Tạp Chí Văn Bút Miền Đông

SỐ 2 - HẠ - 01-07-2025

Kính thưa quý văn hữu và bạn đọc,

Mùa Hạ lại về, mang theo ánh nắng vàng rực rỡ, tiếng ve ngân vang, và những ký ức êm đềm của một thời đã qua. Giữa nhịp sống hối hả nơi đất khách, mùa Hạ vẫn là khoảng lặng dịu dàng, gọi nhớ về quê hương – nơi có những buổi trưa oi nồng dưới tán phượng vĩ đỏ rực, những chiều mát rượi bên dòng sông quê, và cả những kỷ niệm tuổi học trò chưa kịp phai mờ.

Với chủ đề mùa Hạ, Văn Bút Miền Đông hân hạnh gửi đến quý độc giả tuyển tập những vần thơ, truyện ngắn, tùy bút, và tản văn đầy cảm xúc từ các cây bút gần xa. Những tác phẩm không chỉ phác họa vẻ đẹp sống động của mùa hè, mà còn mở ra những khoảng trời ký ức – kết nối tâm hồn người xa quê với cội nguồn thân thương.

Trong số báo này, chúng tôi xin giới thiệu buổi trò chuyện đặc biệt cùng nhà văn Lê Mộong Hoàng – Lê Tống Mộong Hoa, qua bài phỏng vấn sâu sắc do phóng viên Phương Hồ thực hiện. Hy vọng cuộc đối thoại này sẽ mang đến cho bạn đọc một góc nhìn thú vị về hành trình sáng tác và những trăn trở trong đời sống văn chương của một cây bút từng trải.

Ban Biên Tập tạp chí Văn Bút Miền Đông xin chân thành cảm ơn quý tác giả đã gửi gắm những sáng tác quý báu, góp phần làm phong phú thêm trang viết của tạp chí. Trong thời đại mà đời sống văn hóa đang dần bị lấn át bởi tốc độ của internet, sự hiện diện của văn chương – dù lặng lẽ – vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng tâm hồn và giữ gìn bản sắc.

Sự cộng tác quý báu và sự ủng hộ bền bỉ của quý vị chính là nguồn động viên to lớn để chúng tôi tiếp tục duy trì và phát triển sân chơi văn học này – nơi mà mỗi con chữ là một nhịp cầu, nối kết người viết và người đọc bằng tình yêu đối với ngôn ngữ và ký ức.

Kính chúc quý văn hữu và bạn đọc một mùa Hạ an lành, dịu mát và tràn đầy cảm hứng sáng tác.

Trân trọng,
Ban Biên Tập



Tạp chí Văn Bút Miền Đông



CÒN MÃI MỘT MÙA HÈ

KIM LOAN

(Viết cho con gái)

Jenny bước những bước chân vô định trong sân trường University of Alberta. Kết thúc kỳ thi final ai cũng thấy nhẹ nhàng,



thoải mái, như trút được gánh nặng ngàn cân sau những ngày miệt mài học hành suốt ngày đêm. Nhiều sinh viên tận dụng buổi nắng đẹp đầu hè nằm sưởi

ấm ngay trên bãi cỏ trong campus, một nhóm khác đang rủ nhau đi xem phim hay vào quán bar nào đó enjoy một buổi chiều tuyệt vời, mấy cô bạn Việt Nam đang xôn xao đi tìm Jenny:

- Trời, sao mà trốn kỹ vậy, bộ tính làm thơ hay đang nhớ chàng nào đó?

- Chúng mình đến nhà đưa nào làm BBQ không?

- Hay là kéo nhau xuống Phố Tàu ăn phở và uống bubble tea!

Cả tuần ăn sandwiches ớn quá rồi!

- Ê, chạy qua khu Hub Mall kêu thêm nhóc Kathy nữa nghe!

Jenny nhovn miệng cười tươi, khoe hàm răng trắng đều mới được niềng xong tháng rồi, chạy theo mấy đứa bạn về phía Hub

Mall. Đây là khu nội trú cho sinh viên, tuy Jenny không ở đây nhưng đã từng cùng bạn bè đến thăm bạn chung lớp, trong đó có một cô bạn người Việt nhà ở Calgary đang ở trong khu resident này mấy năm học qua.

Có những ngày thi xong, cả đám kéo nhau đến đây ăn uống ở food court và nhâm nhi ly café nóng khi ngoài trời lạnh lẽo mùa đông.

Cả nhóm kéo nhau ra phía trạm xe bus, nói chuyện ríu rít như chim hót. Khi mới bước chân vào *U of A* này, trời xui đất khiến cho một nhóm 4-5 đứa con gái Việt Nam quen nhau và chơi thân đến bây giờ đã là bốn năm. Có lẽ ngoài tuổi trẻ dễ thân thiện, ngoài tình đồng hương, cả nhóm đều có điểm chung khá thú vị, là đứa nào cũng nói được tiếng Việt kha khá. Có đứa giỏi thì nói trôi chảy, có đứa nói tiếng Việt lơ lơ nên phải chêm chút English vào càng thêm lạ tai, duyên dáng; đứa dở nhất đám thì cũng nói “half and half”, tức là nửa Việt nửa Anh, nhưng đặc biệt đứa nào nghe tiếng Việt cũng giỏi, mặc dù không hề biết đọc hay biết viết một chữ Việt! Tuy nhiên, còn một điểm đặc biệt nữa làm cả đám gần nhau nhiều hơn nữa, đó chính là... tâm hồn ăn uống các món ăn Việt Nam. Chắc tại ở nhà đứa nào cũng được nuôi bằng cơm gạo, nước mắm, hủ tít bún riêu nên đi học Đại Học với nhiều bạn bản xứ, cũng hòa mình ăn hot dogs, hamburgers, nhưng hễ có dịp tụ tập là đứa nào cũng thèm ăn phở, bún chả giò thịt nướng. Có lần có đứa mang cơm với thịt kho tàu, đem hâm microwave trong cafeteria thoang thoang mùi nước mắm hấp dẫn, làm cả nhóm đói bụng giành nhau ăn trong khi mấy đứa da trắng xung quanh hơi khó chịu nhưng không dám nói gì. Suy cho cùng, ở cái xứ đa chủng tộc này thì phải quen dần với những mùi lạ chớ! Bữa nào mấy đứa Ấn Độ mang cà ri hay mấy đứa Châu Phi hâm đậu hầm của nó mới biết mùi thịt kho của mình còn... thua xa!

Ra tới trạm xe bus, mấy đứa kia vẫn còn hăng say bàn tán về bài exam vừa rồi, Jenny ngẩng nhìn phố xá hai bên, mọi vật dường như sinh động hơn dưới bầu trời đầu hè rực rỡ! Thời tiết Canada thay đổi nhanh đến không ngờ, mới cuối mùa đông còn những cơn gió lạnh tê người, những hàng cây khô còn run rẩy như chưa quên những ngày giá băng, vậy mà qua một vài đêm thức giấc, một màu xanh tươi cả vòm trời, nắng lên ấm áp và đâu đây tiếng chim chuyền cành rộn ràng. Các hàng quán như hồi sinh, và lũ sinh viên nhốn nháo tràn trề sinh lực.

Khoảng mười phút nữa mới có chuyến xe bus. Một chiếc xe bus ngược chiều lướt qua chỗ cả nhóm đang đứng, bất chợt Jenny nhìn thấy trên chiếc xe bus đó, một dáng cao gầy, nước da sạm đen, một khuôn mặt rất thân quen, đứng nghiêng nghiêng, tay cầm thành vịn trên xe bus, lẫn lộn trong đám đông trên xe, nhưng chỉ trong khoảnh khắc Jenny biết mình không thể nhìn lầm, bởi vóc dáng đó, con người đó đã từng thân quen gần gũi với Jenny suốt 13 năm trời! Jenny khựng lại một giây, suy nghĩ có nên chạy theo chiếc xe bus ấy tới trạm kế tiếp hay không, nhưng rồi có cái gì đó giữ chân Jenny lại, hoang mang mơ hồ, khi sự tỉnh lại thì chiếc xe bus đã đi thật xa rồi, không kịp nữa. Jenny gọi thầm:

“Revin ơi! Có phải Revin vừa đi qua Jenny đó không?”

Đó là một mùa hè đẹp nhất và nhiều kỷ niệm nhất của đời học sinh: mùa hè ra trường năm lớp 12. Jenny cùng lũ bạn đang háo hức cho những ngày bận rộn tung bừng cuối năm, nào là chuẩn bị mua áo mặc vào dịp prom, rồi graduation ceremony, và dĩ nhiên cũng bù đầu bù cổ học thi. Năm đó, Jenny may mắn và vinh dự được chọn làm valedictorian, tức là cùng với một bạn trai khác, đại diện cho grade 12 đọc cảm nghĩ ngày ra trường. Trách nhiệm cũng khá nặng nề, Jenny phải mất mấy ngày mới viết xong phần speech của mình. Mẹ cũng đã đưa Jenny đi shopping tìm mua chiếc áo đầm và đôi giày high heels thật ưng ý. Mấy bữa này, không khí trong

trường lạ lẫm, nó vừa háo hức mong chờ, vừa căng thẳng học thi, lại vừa man mác buồn khi phải chia tay mấy đứa bạn thân. Jenny chơi thân nhất với Angela và Susan, nhưng học lực khác nhau và ý thích nghề nghiệp khác nhau, nên năm học này xong là coi như chia tay. Bữa đó sau giờ tan trường, ba đứa ở lại với mấy cô giáo trong Student Union để làm một số việc chuẩn bị cho ngày Grad. Khi xong việc, ba đứa đi bộ ra sân cỏ của trường, nhìn cảnh điêu hiu hoang vắng của sân trường, mấy đứa thấy mũi lòng nghĩ đến giờ phút chia tay gần kề, bỗng òa khóc nức nở làm Jenny cũng ôm tụi nó khóc theo. Jenny về nhà hỏi má:

“Hồi đó ở Việt Nam, má có khóc khi chia tay bạn lớp 12 không?”

Má nhìn Jenny cười âu yếm, nhớ lại thời thiếu nữ xa xăm:

“Ôi, mùa hè Việt Nam có những chùm hoa phượng đỏ rực một góc trời, làm lòng người thêm buồn nao nao! Màu hoa phượng đỏ nhức mắt gắn liền với mùa chia tay, má cũng đã từng khóc vào ngày cuối cùng rời xa mái trường nhỏ bé ấy! Thì ra lứa tuổi học trò ở nơi nào cũng giống nhau.”

Nhưng có một người bạn trai thân thiết nhất mà Jenny vẫn thấy buồn buồn khi nghĩ đến ngày xa nhau. Đó là Revin, người bạn đã học chung với Jenny từ ngày ở kindergarten cho đến lớp 12, tức là đã 13 năm gần gũi tương như quá thân thuộc. Nhìn những tấm hình của 13 năm học, thấy những đổi thay lớn lên từng ngày, và tình bạn hai đứa càng đậm đà gắn bó. Jenny hay tâm sự với má:

“Má biết không, tuy Angela và Susan là hai đứa bạn gái thân thiết của con, nhưng má biết đó, mấy đứa con gái hay có mood swings, lâu lâu giận hờn vu vơ, mệt oi là mệt. Nhưng với Revin luôn cho con cảm giác thoải mái tự nhiên nhất, vì hai đứa học chung từ nhỏ, biết hết mọi điểm tốt xấu của nhau, biết rõ tính tình của nhau, và bây giờ ở lớp 12, Revin cư xử với con như một gentleman đúng nghĩa, lúc nào cũng nhẹ nhàng nghe lời con, nghe những điều

con nói, khen con mỗi khi con làm điều gì hay, và nhất là luôn ở bên con khi con có chuyện trục trặc với mấy đứa con gái...”

Những năm cuối high school, Jenny và Revin không gần gũi nhiều, phần vì đã lớn hơn xưa, phần vì Revin rất giỏi sports nên suốt ngày bận rộn luyện tập cho basketball team của trường, về nhà tập thêm với ước mong sau này thành một người chơi sports chuyên nghiệp. Hồi đó, mỗi năm đến ngày Halloween là Revin đến nhà Jenny, rồi cùng với các bạn khác kéo nhau đi “trick or treat” tới khuya, về đến nhà có sẵn nồi cháo gà nóng hổi má nấu cho cả bọn party rất vui. Nhưng năm lớp 12 thì quá bận rộn, có khi hai đứa gặp nhau trong trường học cũng chẳng nói được chuyện gì, phải chờ về nhà mới “say Hello” bằng text trên phone!

Hôm đó, Jenny vừa đến trường thì Revin chạy lại locker đưa cho Jenny hộp sushi là món ăn yêu thích của Jenny, cũng như lâu lâu má làm chả giò thì Jenny cũng chia cho Revin. Revin lặng lẽ nhìn Jenny một hồi, rồi hỏi:

“Jenny có hẹn đi chơi với Kevin hả? Revin nghe mấy bạn trong trường nói thế!”

Jenny bật cười:

“Không có đâu! Jenny làm bạn với tất cả mọi người, chúng ta vẫn còn quá trẻ mà!”

Nghe vậy, Revin mỉm cười rồi bước đi.

Rồi thì ngày mong chờ cũng đã đến, buổi chiều có prom, Jenny và mấy bạn gái rực rỡ trong những chiếc áo đầm thật đẹp, nhìn đứa nào cũng như nàng công chúa vừa thức dậy trong rừng như trong câu chuyện cổ tích. Và kìa, mấy đứa con trai trông lịch lãm và lớn hẳn hơn ngày thường trong bộ đồ vest tinh tươm, sạch sẽ. Revin bối rối tiến đến chụp hình với Jenny và buông lời khen, rất nhỏ:

“Hôm nay Jenny đẹp quá!”

Đến khi điệu nhạc slow dance trỗi lên, có mấy đứa kéo nhau ra hòa mình cùng bài nhạc, Jenny nhìn quanh thì thấy Revin cách

mình vài bước chân, đang đưa mắt nhìn Jenny vừa trù mếu vừa ngại ngùng làm Jenny phải đưa tay vẫy và mở lời: “Come here!” và như được bật đèn xanh, Revin mạnh dạn bước tới, nắm tay Jenny cùng ra sàn nhảy trong lời nhạc của bài hát được chọn là theme song của ngày ra trường:

*“I always knew this day would come
We’d be standing one by one
With our future in our hands
So many dreams so many plans*

*Always knew after all these years
There’d be laughter there’d be tears
But never thought that I’d walk away
With so much joy but so much pain
And it’s so hard to say goodbye”*

Bài hát mang đúng tâm trạng làm nước mắt lấp lánh trên khóe mi, Jenny vội quay mặt để che dấu những giọt nước mắt sắp tràn ra, Revin nói nhỏ bên tai Jenny:

“Đừng khóc nhé Jenny. Hôm nay là ngày vui mà: chúng ta đã trưởng thành!”

Jenny vội cười và lau nước mắt. Revin nhìn Jenny mỉm cười, có chút ngập ngừng:

“Jenny ơi, Jenny có biết mình thích Jenny lắm không?”

Jenny mơ màng, tránh ánh mắt Revin:

“Biết chứ! Chúng mình học với nhau lâu như vậy mà!”

Revin nhẹ lắc đầu:

“Nói đúng hơn là mình có feelings đặc biệt với Jenny đó, hiểu không?”

Dĩ nhiên là Jenny hiểu rồi, nhưng nhìn vào đôi mắt có gì đó lạ lùng, khiến Jenny thấy tim đập rộn ràng. Jenny cũng mếu Revin

lắm, nhưng chắc chưa phải là “love” giữa hai người con trai con gái, mà chỉ mới qua tình bạn một chút thôi, không biết gọi là tình gì đây?

Chiều hôm sau là cuối tuần, Jenny rủ má đi “go for a ride”, má chở Jenny đi vòng vòng thành phố, ăn ice cream và chuyện trò. Đang vui vẻ, Jenny nhìn ra ngoài cửa xe, giọng buồn buồn:

“Má ơi! Hôm qua Revin nói thương con đó!”

“Vậy à? Mà con có thương Revin không?”

“Con không biết nữa! Nhưng hôm qua nghe Revin nói vậy, con chợt nhớ ra học chung hơn mười năm nên thấy mọi chuyện như bình thường. Giờ nghĩ lại chỉ còn ba tuần nữa là xa nhau, con mới thấy tiếc, thấy nhớ ...”

“Vậy thì hãy cứ tiếp tục là best friends, tình cảm nếu có sẽ tiến triển theo thời gian.”

“Nhưng con và Revin đi hai trường Đại Học khác nhau! Revin sẽ học ở Vancouver!”

Jenny quay qua má, khuôn mặt buồn xo:

“Chắc con không nghĩ đến Revin nữa đâu! Vì Revin cao ráo, đẹp trai, lại chơi basketball rất giỏi, thế nào cũng có nhiều con gái theo, out of sight, out of mind... rồi Revin sẽ quên con thôi!”

Nói tới đây, giọng Jenny chùng lại, vài giọt nước mắt rơi trên khuôn mặt ngây thơ của cô gái mới lớn, rồi như không kìm được cảm xúc, Jenny đưa hai bàn tay ôm mặt rồi khóc to hơn. Trời cũng thấu hiểu lòng người, bỗng đổ mây kéo đến đen kịt bầu trời, gió lay mạnh các hàng cây hai bên đường. Má im lặng lái xe, để Jenny tự do bày tỏ cảm xúc muôn thuở ngậm ngùi của nỗi chia ly, chỉ đưa tay qua xoa nhẹ bàn tay Jenny:

“Má hiểu tình cảm của tuổi mới lớn, mơ hồ và mong manh, chóng đến chóng đi như nắng sớm mưa chiều. Má cũng thương thằng Revin, một cậu bé người Việt rất xinh trai, dễ thương, suốt

bao năm qua là bạn học chung của con, nên hãy giữ tình bạn đó, rồi thời gian xa nhau sẽ cho ta thấy thế nào!”

Vài ngày sau, Jenny vừa học bài xong, chuẩn bị đi ngủ thì Revin phone, một chuyện hơi lạ vì xưa nay ít khi hai đứa phonetalk, mà chỉ text qua lại mà thôi. Sau vài câu hỏi thăm bình thường, Revin đổi giọng nghiêm túc, ngập ngừng:

“Jenny ơi! Mình muốn nói với Jenny một chuyện rất quan trọng, chỉ cho Jenny biết mà thôi.”

Jenny hơi lo lắng:

“Chuyện gì vậy, Revin?”

Phía đầu dây bên kia im lặng vài giây, rồi có tiếng thở dài, dù rất nhẹ:

“Thôi! Không nói nữa...”

“Kia! ... nói cho Jenny nghe đi....Jenny đang lắng nghe mà.”

Lại im lặng. Jenny kiên nhẫn chờ đợi. Cuối cùng Revin cũng bắt đầu:

“Mình đang làm một việc không tốt. Jenny có tin hay không thì tùy, nhưng sự thật là Revin đã dính líu đến drugs, bán drugs và xài drugs nữa...”

Jenny quá bất ngờ, vì thỉnh thoảng trong trường cũng nghe nói về mấy đứa con trai hay tụ tập, chơi nhiều hơn học, hang around với nhau sau khi tan trường, hút thuốc và bán drugs để tiêu xài và mua sắm đồ mặc tiền, nhưng chưa bao giờ Jenny nghe về Revin, và có nằm mơ thì Jenny cũng không bao giờ nghĩ đến chuyện Revin làm những việc đó!

Cố nén cảm xúc, Jenny hỏi:

“Revin đang đùa phải không? Jenny biết Revin là một người tốt, biết suy nghĩ.”

Revin nói rất khê:

“Mình không đùa với Jenny đâu. Mấy ngày nay biết được tình cảm của mình dành cho Jenny, thổ lộ được nỗi lòng, mình vui lắm.

Nhưng mình vẫn phải thành thật với Jenny, dù rất đau lòng! Jenny ơi, Jenny là cô bạn dễ thương nhất của mình, nên mình không muốn hurt Jenny! Mình rất sorry, Jenny ơi...”

“Vậy tại sao Revin không bỏ việc xấu đó đi? Revin làm được mà, phải không?”

“Yes, mình rất muốn và sẽ cố gắng, nhưng mình không biết rồi sẽ ra sao?”

Jenny cúp phone và khóc như mưa. Như có cơn bão vừa đi qua tâm hồn yên bình trong sáng của Jenny, làm Jenny gục ngã, chơi vơi, vì Jenny đang mất một người bạn thân xa khỏi tầm tay, thật rõ ràng nhưng không níu kéo được.

Kể từ ngày đó, hề gặp nhau ở trường thì Revin tránh mặt Jenny, cho đến ngày cuối cùng của năm học, Jenny tự đi tìm đến Revin khi Revin đang đứng với một nhóm bạn khác ở góc sân. Jenny giang hai tay ôm Revin như đã làm với các bạn khác thay cho lời từ giã. Jenny ôm Revin thật chặt và khá lâu, rồi cầm tay, nhìn thẳng vào mắt Revin:

“Good bye, Revin! Jenny tin rằng Revin sẽ không làm cho những người thân yêu phải thất vọng, nhé?”

Revin cúi đầu, không nói gì. Jenny quay người bước đi, nhưng trong khoảnh khắc ngắn ngủi ấy, tim Jenny bỗng nhói đau khi biết rằng ánh mắt buồn buồn của Revin sẽ theo mình đến suốt đời!

Đã bốn năm trôi qua rồi, Jenny không hề biết tin tức gì của Revin. Nhiều lúc Jenny tự hỏi, Revin bây giờ ra sao, đã dứt khoát được những cám dỗ của drugs, của những đồng tiền kiếm được quá dễ dàng hay chưa? Và ước mơ trở thành basketball player chuyên nghiệp có còn cháy bỏng như chàng thanh niên thuở nào từng ấp ủ? Có đôi khi Jenny thấy căm ghét những cây cỏ marijuana vô tình, nhưng có sức quyến rũ ghê gớm, đã đổi thay một Revin dễ thương, đây ước mơ của tuổi mới lớn, đã từng làm cho Jenny cảm

mến, nay đã trở thành xa lạ, nếu có gặp lại nhau thì cũng đã đi trên hai con đường đời khác nhau, không bao giờ hòa hợp.

Chiếc xe bus khác vừa đến, Jenny bước theo mấy đứa bạn lên xe như kẻ mộng du. Lòng Jenny vẫn còn tràn ngập một nỗi rung rung tê tái vì hình ảnh quen thuộc vừa thoáng qua, gọi lại biết bao kỷ niệm tươi đẹp của một mùa hè đã qua.

Mùa hè đó, mùa hè đẹp nhất đời học sinh, một lần nữa, đánh thức ký ức Jenny bừng sáng cả một trời nhớ thương và rất đối diện dằng...

Revin ơi!

Kim Loan

====oO=====

Nước Mỹ: Chuyện Đời, Chuyện Người

Võ Phú

ISBN 978-1-300-60554-6

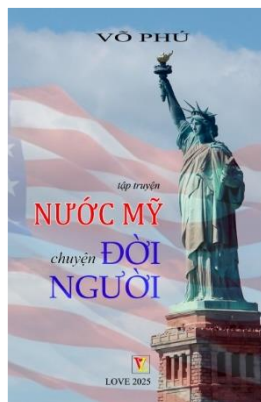
Sách 268 trang

Thể loại: truyện ngắn

Xuất Bản: Love Publishing, 2025

Giá: 18.00 USD

Liên lạc: phuvophotography@gmail.com





MỘT THOÁNG MÂY PHIÊU BẠC

NGUYỄN MINH NỮU

Tết năm đó, Nhự không về thăm nhà. Lý do thật dễ hiểu là còn nhà dâu nữa mà thăm. Di cư vào Nam, mẹ Nhự muốn một căn nhà nhỏ trong khu xóm lầy lội ở Sài Gòn làm chỗ thờ bố Nhự, đó cũng là cái tổ ấm duy nhất của Nhự, trong suốt tuổi ấu thời. Nhự là con trai út, đứa con tội nghiệp nhất. Nhự mất cha từ hồi còn bốn tuổi, cũng cái tuổi này, Nhự mất cả quê hương. Các anh các chị lần lượt lấy vợ lấy chồng. Căn nhà quạnh hiu còn lại hai mẹ con, kể tới khi Nhự thi rớt, đi lính, đồn trú ở một tỉnh xa trên cao nguyên. Gần tết, nhận được thư nhà: “Đề đã trả lại nhà cho bà Tư. Bàn thờ thầy để trên anh Thạch, còn Đề thì nay đây mai đó cũng được, kỳ này giỗ thầy cứ Đề ở đâu thì cúng thầy ở đó, mâm xôi hay con gà thì dầu Sài Gòn hay Đà Lạt cũng được. Tết này Đề chưa định ở Sài Gòn với anh Du hay lên Đà Lạt với anh Thạch, nhưng thôi, tết này mày đừng về nữa”. Nhự đọc thư mà muốn khóc. Mới đầu còn tưởng vì nhớ tới bà con xóm giềng, nhớ tới những con trai con gái đã cùng Nhự một thời lăn lộn trên đất, chơi đùa, đã cùng Nhự đánh đáo, u mọi, bắn bi, tạt lon. Nhớ tới sân cỏ, nhớ tới cây trứng cá, cái giếng. Nhưng càng ngày, Nhự càng cảm thấy một thất thoát khác, chua xót hơn, man mác mà giầy vò Nhự từng ngày từng đêm từng sớm từng chiều. Đó là chỗ trở về.

Nhự bỗng giật mình khi nghĩ đến một bất ngờ nào đó, thí dụ Nhự tử trận. Xác Nhự sẽ đưa về đâu. Không lẽ đem về nhà anh rể? Không lẽ đem về nhà chị dâu? Hay nhẹ nhàng hơn, suốt một năm có dăm ba ngày phép Nhự cũng chưa nghĩ ra mình sẽ đi đâu. Về Sài Gòn thăm anh rể hay lên Đà Lạt thăm chị dâu? Nhự nghĩ hoài mà không có câu trả lời.

Nhự biết mình hơn ai hết. Nhự biết rằng với số tuổi mình, với kinh nghiệm mình có, hơn nữa với thể đứng bèo bọt nổi trôi này làm sao dám nghĩ đến căn nhà của riêng, làm sao dám nghĩ đến chuyện đón mẹ về ở. Giữa những thăng thất đó, nhiều khi trong cơn mê nào không rõ giạt mình thức dậy, bỗng thấy mình nước mắt đầm đìa.

Nhự vẫn nói với một vài thân hữu rằng không phải là đùa, cũng không phải là húng bắt tử, nhưng xin tụi mày hiểu cho những u uất không tiện nói ra và chấp nhận giúp cho tao một điều là nếu bất ngờ nào đó lỡ tao có chết, chỉ xin một điều là chết đâu chôn đó.

Con gió mùa lập đông trên cao nguyên lạnh se sắt da môi. Nhự bước ra ngoài nhìn bao quát chung quanh cái sân Tiểu đoàn rộng mênh mông. Buổi chiều, nắng sắp tắt, doanh trại buồn thiu. Tiểu đoàn hành quân đã ba lần tiếp tế. Ba lần tiếp tế là chín ngày, cộng năm ngày trên lưng là mười bốn ngày. Mười bốn ngày Nhự sống như một cái bóng. Cái bóng mờ nhạt của chuỗi ngày tác chiến cũ. Đó là thời của kiêu hùng chữ nghĩa, của hào khí men rượu, của hai mươi tám trên ba mươi ngày một tháng trong rừng. Khi đó, Nhự làm Tiểu đội trưởng Tiểu đội tác chiến sống lay lắt bên bờ rào các buôn ấp xa. Thường khi dành cho những bi-đông rượu đế, cho những con khô mực bằng ba ngón tay. Thường khi quay quắt, suốt ngày cho những nét bút chì xanh đỏ trên chiếc bản đồ xa lạ. Những nét bút ngắn mà đi suốt một ngày không tới. Cũng đôi khi, có khi được nằm một chỗ. Buồn bã suốt ngày, bất chợt bừng mắt dậy nghĩ ngợi vu vơ. Nhự muốn lấy vợ, muốn đào ngũ, muốn khóc. Nhưng rồi cũng quên đi khi nghĩ rằng đào ngũ là trốn tránh trách nhiệm, khóc hay cười cũng chẳng giải quyết được gì, và lấy vợ, lấy vợ cũng tựa hồ như đeo thêm trên lưng một cái ba-lô nữa, cái ba-lô quá nặng.

Đến khi đi hành quân ở Daksieng, Nhự bị sốt rét. Điều trị tại bệnh xá hành quân ba ngày, quá nặng phải chuyển về hậu cứ. Tại

đây Nhựt nằm thêm mười tám ngày nữa. Những con vi trùng sốt rét đã cho Nhựt một thân thể xanh xao, thiếu máu. Nhưng bù lại đã tặng cho Nhựt một món quà khá hấp dẫn hơn là làm việc tại hậu cứ, trong một công tác chưa bao giờ được ghi trong bảng cấp số. Sau khi xuất bệnh xá trở về trình diện Tiểu đoàn, Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng hỏi Nhựt trước khi đi lính cậu làm gì? Nhựt nói và ông ta muốn xem giấy tờ chứng minh học lực. Nhựt ngạc nhiên nhưng vẫn đưa. Sau đó, những tờ giấy đã trôi cuộc đời Nhựt vào những vòng quay khốn khó của cuộc sống, thì cũng chính nó được sử dụng để kèm bốn đứa con ông Tiểu đoàn trưởng.

– Đây là một công việc nhân nhĩ, tôi sẽ chỉ thị cho ông Chỉ huy Hậu cứ để cậu khỏi canh gác và cấp cho cậu một căn phòng riêng.

Nhựt cảm ơn và bắt đầu dạy. Bốn đứa con ông Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng là bốn trình độ, bốn vẻ ngộ nghĩnh khác nhau. Nhựt là ông thầy tội nghiệp. Nhiều khi Nhựt đã biến thành một trò chơi đầy thú vị của đám trẻ. Nhựt không vừa ý chút nào về thể đứng cũ và cũng không hài lòng chút nào về vị thế mới. Nhưng Nhựt tin mãnh liệt rằng cái chỗ đứng mình mong mỏi từ bấy lâu nay sắp tới. Đó là ngày nào cởi bỏ bộ đồ lính lại cho chính phủ, trở về vùng đèo heo hút gió nào đó khai khẩn dăm ba chục thước đất trồng rau nuôi gà sống cuộc đời bình dị. Nhựt chỉ thấy mình được như vậy trong những cơn mơ. Nhưng cơn mơ đó chỉ có sau một ngày băng rừng lội suối.

Nhiều khi, Nhựt cũng tự hỏi mình đang sống làm gì đây cái chuỗi ngày nhọc nhằn khốn đốn bất biến này. Sống cô đơn và bi thảm như một con chó đói. Bất ngờ sao, Nhựt quen Thúy. Đó là cô giáo trường tiểu học tư rất tầm thường. Sau một vài lần gặp mặt Nhựt đường đột tỏ tình, Thúy rất bất ngờ khi chấp nhận tình yêu này. Thúy mời Nhựt lại nhà chơi cùng tiện dịp giới thiệu cùng gia đình. Nhựt hoan hỉ nhận lời nhưng không tới được vì lệnh hành quân quá đổi bất ngờ. Nửa tháng sau, trở về thành phố, Nhựt bất kể

dù còn rất dơ dáy, bất kể bụi bặm bám đầy mình, Nhựt cũng chạy đến Thúy ngay, xin lỗi về chuyện hôm trước. Thúy không trách móc, chỉ kín đáo cho Nhựt biết hôm đó ngoài gia đình, Thúy còn mời thêm một số bạn nữa. Nhựt rất ân hận và xin chuộc tội bằng cách sẽ đến đón Thúy đi chơi vào tối hôm đó, sau khi tắm rửa và thay quần áo xong. Tối đó, Nhựt không tới vì con say đã hạ chàng tại ngay trước cửa phòng chàng. Nhựt mắc cỡ hết sức và toan sẽ không ra nhà Thúy nữa. Nhưng Thúy là mẫu người dịu dàng. Thúy nói Thúy thương Nhựt nhiều hơn yêu Nhựt và bày tỏ một cách bóng bẩy rằng sẽ chờ Nhựt, nếu Nhựt nghĩ đến chuyện lâu dài. Nhựt xúc động tới muốn khóc. Không phải tại vì mới trải qua tình yêu đầu đời mà vì cảm thấy như mình trở lại tuổi bé thơ, sống tự nhiên và thanh thản bên người chị đôn hậu khoan dung. Nhựt cũng không phải là người mơ mộng để tưởng mình là ông hoàng con đi chơi gặp công chúa trong rừng. Nhựt cho rằng chàng đã tới tuổi nói thẳng với Thúy gia đình anh nghèo, rất nghèo. Anh chỉ có tình yêu cho em mà không còn một đảm bảo nào. Nhựt cũng không giấu Thúy chuyện nhà, không giấu cả những xích mích nhỏ giữa chàng và gia đình. Khi Nhựt nói, Nhựt đã tính hoặc là sẽ yêu nhau hơn, hoặc là sẽ rời xa. Vậy mà Thúy vẫn yêu Nhựt. Thúy nói anh làm em yêu anh hơn, yêu vì sự thành thật và cũng vì sự bất hạnh mà anh đã, đành phải gánh chịu.

Thúy quả là một bà tiên đầy quyền phép. Vòng đai quyền lực của Thúy với Nhựt mới đầu chỉ như sợi tơ, dần dần đã nương vào sự vô tình của Nhựt, vòng đai trói buộc Nhựt mỗi lúc một chặt. Nhựt vẫn tự nhủ lòng mình giữa trăm vạn vòng đai trá ngụy của đời sống, chẳng thà chàng chọn vòng đai này.

Người lính bước tới từ dãy nhà đặt làm văn phòng, nhìn Nhựt cười.

- Không đi phố à?
- Hết tiền.

Người lính cười khan ờ ờ rồi ngồi xuống thềm xi-măng, bảo Nhựt ngồi xuống đây chơi. Mấy cây khuynh diệp gió thổi lá rơi ào ào, Nhựt lượm cành khuynh diệp phủi thêm, ngồi xuống.

– Ông bao nhiêu tuổi rồi hả?

- Hai mươi hai.

- Tuổi con cạp hả?

– Không, con trâu.

- Sao hai mươi hai?

– Bị cuối năm ta, đầu năm tây.

Người lính gục gặc vạy ông thua tui mười hai tuổi. Nhựt móc gói thuốc.

– Vạy sao? Vạy mời ông anh điếu thuốc.

– Thôi, cái thứ này hành quân hút sướng hơn. Về đây phải hút thuốc thơm, nhả khói cho khoái lỗ mũi. Có Ruby nè, hút không?

Nhựt cảm ơn không nhận, táy máy lại lượm hòn sỏi liệng ra sân. Đàn sẻ có có lượn lên cao bay vòng rồi lại tụ họp trên nóc một mái nhà: Nhà Vĩnh Biệt. Mắt Nhựt cũng hoa lên và thấy đàn chim biến thành đàn quạ. Đàn quạ trên nóc nhà mồ.

– Bao giờ lấy vợ, ông?

– Lấy vợ? Chi vậy?

Người lính nhún vai, - để nó nấu cơm cho ăn, giặt đồ cho bận và chết có người khóc.

- Chắc không?

- Sao không?

Nhựt bật cười lớn:

- Dóc tổ cha oi, ăn cơm nhà bàn, bỏ đồ giặt muốn không hơn sao?

- Mình cần là cần có người thương kia chứ, chết có người thương khóc.

– Không tin, hay là có đứa cười?

– Chồng chết mà cười, sao cười?

- Mình chết rồi, tiền ta người lấy, ruộng ta người cày, vợ ta người cuỗm không phải là nó cười sao?

Người lính cười theo rồi đứng dậy, ông nói chi bá láp không, thôi tui về.

- Ủa về sao?

Người lính quay lại nhìn Nhựt nheo mắt cười, bỏ ra ngoài cửa trại. Nhựt còn ngồi nán lại bên doanh trại buồn thiu. Heo hút mà mong được một chỗ trở về. Chỗ trở về đầu được ăn cơm uống nước hàng ngày hay chỉ là chỗ trở về khi vĩnh cửu, khi thịt nát xương tan.

Chiều hai mươi sáu tết, bà Tiểu đoàn trưởng gọi Nhựt vào hỏi chú có muốn về thăm nhà và ăn tết thì tôi bảo ông Chỉ huy Hậu cứ cho chú mấy ngày.

Đây là một đặc ân lớn cho những người tác chiến, Nhựt không khỏi thấy cảm ơn sự đãi ngộ của bà Tiểu đoàn trưởng.

Nhựt mang mang nghĩ tới mẹ, nghĩ tới các anh các chị, nghĩ đến ngày mai ngày giỗ cha, nghĩ tới danh từ chú dành cho các người có chức vụ gọi kẻ thuộc quyền như chú bồi chú bếp, chú tài xế, chú thầy giáo. Bất ngờ Nhựt từ chối.

- Chú điên à? Bà Tiểu đoàn trưởng kêu lên.

- Thưa không, rồi Nhựt trả lời vắn tắt và viện dẫn vài lý do tưởng tượng như muốn thử ăn tết xứ lạ một lần xem sao, như thấy thích thành phố này, như mới đi phép. Bà Tiểu đoàn trưởng bĩu môi, ờ cái đó tùy chú, nhưng tôi nói trước, không vui đâu.

Nhựt cảm ơn, ra ngoài. Hôm đó dạy tụi nhỏ bài đức dục, Nhựt muốn khóc khi giảng câu "Phải yêu thương và kính mến cha mẹ, sống thì thăm hỏi chết thì cúng giỗ". Đến tám giờ, chiếc đồng hồ treo tường gõ một tràng dài những tiếng động khô. Nhựt đứng dậy bảo tụi nhỏ dẹp tập. Tụi nhỏ ồn ào mai có học không chú?

- Sao không?

- Mốt?

- Có.

- Vậy ba mươi, mừng một?

- Có.

Nhự cười chua chát tiếp, lính tráng mà, đâu có thằng lính nào nghỉ ngày tết đâu. Nhự nhìn đám nhỏ đang ngo ngác rồi bật cười, nói vậy chớ mai nữa rồi nghỉ. Đám trẻ reo vui trong khi Nhự dời nhà ra lộ đón xe đi phố. Đến Thúy khi Thúy đang làm mứt. Gọi Thúy ra một góc vườn, Mai em đi chợ mua cho anh một thè hương, hai ngọn nến và nải chuối. Đem vào trại cho anh vào buổi sáng.

- Chi vậy?

- Em sẽ biết sau.

Đêm đó, Nhự, thức đến khuya thu xếp tất cả những thứ gì lộn xộn vào cái va-ly. Cái bàn ọp ẹp bằng gỗ pháo binh được lau chùi lại, và kê vào chỗ trang trọng nhất trong phòng. Trãi bàn bằng tờ nhật báo. Nhự tìm trong ví tấm ảnh nhàu nát của người cha già, dán trên bìa sau tấm lịch, rồi treo lên. Cái ly cũng được lau chùi đựng gạo để cắm nhang. Khi ngủ, Nhự nằm mơ thấy mình đi trên những con đường ngút ngàn, vừa đi vừa té mà đi hoài không tới. Hình như hai bên bờ mọc toàn cây khuynh diệp, những cây khuynh diệp lá sắc như dao, những con dao làm Nhự trầy da xước máu tay chân. Nhự mơ hồ thấy có đi ngang sông, có đi ngang đèo mà không rõ mình định đi đâu.

Thức dậy, Thúy đến, nụ cười đầu ngày rạng rỡ. Nhự mở cửa phòng nói với Thúy đây là lần giỗ thứ mười bảy của thầy anh, và là lần đầu tiên đưa con trai út giỗ bố. Nhự mang mang nghĩ đến mẹ. Người đàn bà gian khổ đó bây giờ ở một phương trời nào đó hẳn vừa cúng xong tuần nước trà đầu tiên. Thúy hỏi sao mắt anh đỏ vậy? Nhự giật mình.

- Em vào đây.

Nhự lục giở ra nải chuối, hai ngọn nến và thè hương. Bày trên bàn thờ. Nhự chỉ biết lễ mà không biết khấn. Rồi quay lại Thúy.

- Lần đầu tiên trong đời anh tự tổ chức một bàn thờ, lần đầu tiên anh giỗ cha, vui sao lại có em.

Nhự xúc động cứng lời. Khựng lại rồi hôn Thúy. Nụ hôn kéo dài như hứa hẹn mai sau. Mai sau thì vốn mịt mù sương khói. Tới khi có bước chân người tới Thúy mới đẩy Nhự ra, bỏ xuống dưới nhà. Viên sĩ quan bước vào phòng.

- Làm gì đó mày?

Nhự lắc đầu không nói. Viên sĩ quan bước tới gần. Con Cá nào khá quá vậy mày?

- Không.

- Không C. Tính xài riêng sao? Cho anh em ké với chó?

- Xin lỗi Thiếu úy, tôi nói chuyện với Thiếu úy đảng hoàng mà Thiếu úy mày tao với ai? và Thiếu úy nói C. với ai?

Con nóng làm Nhự đứng dậy: “Tôi cấm Thiếu úy xưng hô mày tao với tôi, nếu không tôi sẽ dùng danh từ này với Thiếu úy”.

Thúy cũng vừa chạy lên gì đó anh. Viên sĩ quan trở mắt nhìn Thúy bất chợt quay lại Nhự.

- Yêu cầu anh nói chuyện nhã nhặn lại. Tôi là Sĩ quan An ninh của Tiểu đoàn này. Ai cho phép anh đem gái vào trại? Tôi đủ quyền hạn giam anh vào chuồng cọp. Cái dành cho hạ sĩ quan vô lễ.

Nhự cười nhạt.

- Tôi chờ hình phạt của Thiếu úy, và chờ nghe quyết định của Thiếu tá về trường hợp một sĩ quan có lối nói nham nhở mất dạy với vợ lính như Thiếu úy.

Viên sĩ quan bỏ ra ngoài, mặt hầm hầm, tao sẽ trình Thiếu tá vụ này. Đ.m, đừng có cậy thế. Nhự nói vọng theo thừa Thiếu úy tôi chờ.

Những ngày sau đó Nhự luôn bị sự dòm ngó và trả thù nhỏ mọn của Sĩ quan an ninh. Kẹt cho hắn là Nhự tuy trẻ nhưng không phải thuộc loại ham chơi cà chớn. Hơn nữa, Nhự lại là nhân viên riêng và tín cẩn của ông Tiểu đoàn trưởng. Mà những kẻ hà hiếp

cấp dưới lại là những kẻ khiếp hãi cấp trên. Sáng mồng một, Tiểu đoàn tập hợp nghe thông điệp của vị nguyên thủ quốc gia và nhận lệnh đơn vị trưởng. Tiểu đoàn cấm trại và ứng chiến cho thị xã, ông Tiểu đoàn trưởng nhấn mạnh, tập hợp bất thần vắng mặt sẽ bị nghiêm phạt. Trừ ông Trung Sĩ Nhựt có công tác riêng. Nhựt được mời về nhà ông Tiểu đoàn trưởng “ăn tết với các cháu cho vui”. Nhựt thầm cảm ơn sự trọng đãi của ông Tiểu đoàn trưởng cho Nhựt - kẻ bất đắc chí về học vấn đã phùng thời về cái mình hèn kém - Nhưng lễ phép từ chối sau khi theo xe của ông ta ra nhà chúc tết. Nhựt mừng tuổi bốn đứa nhỏ mỗi đứa một tờ hai chục mới tinh. Nhựt cũng được vợ chồng Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng lì xì khá trọng hậu so với số tiền Nhựt mừng tuổi tụi nhỏ. Nhựt dự tính sẽ mua cho Thúy một món quà, thật ngạc nhiên vào dịp đầu năm mới.

Nhựt bỗng bàng hoàng thức dậy vì những tiếng la lớn quanh mình. Bóng tối kín như bưng. Có tiếng la lớn pháo kích, pháo kích. Nhựt xô đồng chắn màn qua một phía, chụp vội khẩu súng bước ra cửa. Tiếng nổ lớn đập mạnh vào tai. Nhựt ù tai và té xuống.

Khi tỉnh dậy thấy chân tay mình trắng xóa. Cuối giường đứa con gái đang ngồi gọt trái cam.

– Thúy.

Thúy quay lại nhìn Nhựt mỉm cười, tỉnh rồi hả?

Nhựt cử động thử tay chân và nhắm mắt coi mình đau đớn ở đâu, chỉ thấy rêm rêm nhức nhức ở bắp đùi bên trái.

– Anh sao đó Thúy?

– Mảnh đạn vào đùi và trầy trụa sơ sơ.

– Nặng không?

– Năm mươi hai ký. Thúy cười, anh bị xoàng thôi mà làm em hết hồn.

– Hết hồn sao?

– Anh Dị ra báo tin anh bị pháo kích nằm Quân Y Viện. Mọi bảo em vào xem ngay. Sợ anh có bề gì.

Sự tỉnh táo và không quá đau nhức cho Nhựt biết tình trạng mình không nguy hiểm. Có lẽ chàng bị bất tỉnh vì đứng quá gần chỗ viên đạn rơi xuống. Bất tỉnh vì tiếng động mạnh.

– Anh đưa cho em cái địa chỉ để đánh điện về nhà cho... bác lên thăm.

Nhựt lúng búng miếng cam trong miệng im lặng, và lắc đầu:

– Không biết chỗ nào mẹ ở mà đánh điện về.

– Anh không có chỗ nào để trở về sao?

Nhựt nuốt chửng miếng cam, lắc đầu.

– Ờ, mà có chứ.

– Đâu?

– Ở một khu vườn có trồng trăm thứ cây ăn trái, có hồ nuôi cá, có thân yêu, có ruột thịt, có tất cả những gì trên đời người ta cho là hạnh phúc. Với chuổi ngày chỉ có hưởng nhàn, có sách, có kẻ lòng mảy cho ái ân. Là em đó, Thúy.

Nhựt chống tay lên giường ngồi dậy. Toan choàng vai Thúy. Bỗng vết thương nhói đau làm chàng ngã xuống lại và lịm đi. Trong tiếng khóc của Thúy, Nhựt mơ hồ thấy những đợt sóng biển, những cơn mây bay, thấy yêu dấu, thấy hạnh phúc. Thấy trong tâm tay của mình cả mảnh đất trở về. Chỗ trở về mơ ước, cầu khẩn hoài hoài trên cái đất lạ quê người mà Nhựt trôi giạt bấy lâu nay.

Nguyễn Minh Nữ

(MỘT THOÁNG MÂY PHIÊU BẠC là truyện ngắn đầu tay của Nguyễn Minh Nữ, đăng trên tạp chí VĂN – Sài Gòn, 1971)



NỖI NHỚ MÙA HÈ TÍNH QUÁCH

Đâu chỉ nhớ những chiều nắng đẹp
Trên sông Potomac ngắm tháp bút chì
Bầu trời xanh Washington D.C.
Sừng sững cao Tòa nhà Quốc hội

Đâu chỉ nhớ những ngày biển gọi
Florida cát trắng tình nồng
Chợt ngỡ ngang thấy tán phượng hồng
Đang bùng nổ sắc hoa rực rỡ

Đâu chỉ nhớ cầu Cổng Vàng đầy gió
San Francisco mát mẻ ngày hè
Thác Niagara hơi nước phủ che
Bên Canada cầu vòng bảy sắc...

Tôi vẫn nhớ về quê nhà nhiều nhất
Có một thời lắng tiếng ve ngân
Man mác buồn xác phượng đầy sân
Trường lớp cũ và đàn em thương mến

Cánh bướm trắng mang hồn thơ lưu luyến
Bay về đâu giữa chốn trần ai
Vầng trán nào trần trở tương lai
Đừng chất chứa hoàng hôn đầy trong mắt

Tôi vẫn nhớ mùa hè nhiều nhất...

Tính Quách



THÁNG TƯ NHỚ EM

LÊ MỸ HOÀN

Em đã về đây mỗi tháng Tư
Về quê ngồi lại giữa sương mờ
Có nghe sương rót bờ vai cũ
Bơ vơ mộng mị chốn xa mờ

Để tháng Tư như dòng nước chảy
Bôn ba năm tháng nước về đâu
Ta gục xuống đôi bàn tay lạnh
Lòng nghe rơi rớt ánh tinh cầu

Ta nghe mãi bên bờ sông vỗ
Những lời buồn của tháng trôi qua
Lời tình như sóng dòng sông cuộn
Nước mắt nào còn mãi mưa sa

Em ôm trái tim nào đã lỡ
Một lời thề mộng ước mai sau
Một nụ cười như vừa nở lại
Cho ta êm ái mỗi tình sâu

Em đã về đây mỗi tháng Tư
Về đây ta kể một lời thơ
Em mặc áo dài hoa cúc nở
Cùng ta đi suốt một nẻo bờ

Rồi em cảm động từng cơn khóc
Vạt tóc nào đắm lệ quê hương
Tổ tiên ta đã từng hơi thở
Dựng Sơn hà một giấc như mơ

Nhớ trong tâm tưởng ngày hoa gấm
Nụ môi thom khế nép hải đường
Ta muốn mở lòng bao câu nói
Lời yêu kia còn mãi vấn vương.

Lê Mỹ Hoàn - 2/2025



====oOo====

"Mùa hè là mùa của sự hồi sinh, một thời gian để yêu thương và khám phá."

"Summer is the season of renewal, a time to love and explore."

— **Barbara Ann Kipfer** - tác giả, nhà triết học, và chuyên gia trong lĩnh vực tự giúp mình. Bà là tác giả của nhiều cuốn sách về các chủ đề như sự phát triển cá nhân, triết lý sống, và những kỹ thuật cải thiện cuộc sống.



EM VỀ THÁNG NĂM

TIỂU LỤC THẦN PHONG



Em về tháng năm
Đất trời vào hạ
Cây lá biếc xanh đời
Mức bình nước mát trồng khóm hoa
Em tung tăng chưa biết buồn
Tôi vẫn vụng về như lần đầu biết yêu
Liêu xiêu
Hồi hộp
Dập dồn trào dâng như sóng biển
Nồng nhiệt tràn nắng trưa
Lại rụt rè con trẻ
Hoa đẹp hương thơm
Tôi là bướm
Mật ngọt đời tận hưởng những phút giây
Hạ về vàng lên cung trời mộng
Cuộc sống vui giữa con đường
Hoa trong vườn mây nước mười phương

Em hiện tại, em từ trong tiềm thức
Em vào hạ, em bốn mùa miên viễn
Tình ta say đắm vô biên
Gót son êm êm đạp cỏ xanh
Bàn chân trần khỏa chao sóng nước
Về thành tha thướt áo hoa
Em về tháng năm
Mây mùa hạ trắng trời bay
Hồn ngất ngây
Quên dòng đời chưa hề ngưng trôi chảy
Tôi nơi này
Ngày tháng cháy con mơ

Tiểu Lục Thần Phong

Ất Lăng thành, 05/22



GIỌT NƯỚC NGHIÊNG MÌNH

Tiểu Lục Thần Phong

ISBN 978-1-300-38446-5

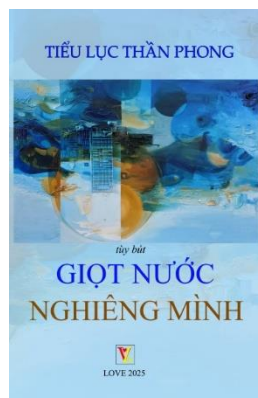
Sách 289 trang

Thể loại: tùy bút

Xuất Bản: LOVE Publishing

Giá: 23 USD

Liên lạc: freedomsteven_01@yahoo.com





SÀI GÒN HẤP HỐI MẶC KHÁCH



Sài gòn vội vã chút khăn tang
Cuộc chiến vô nhân lửa bạo tàn
Vạn năm mờ hoang sâu cách biệt
Muôn hồn oan khuất tiếng kêu than
Người đi xa vắng nơi rừng thẳm
Kẻ ở lòng đau cảnh dở dang
Đất Mẹ vui chôn bao tuần kiệt
Chiều buông nước nở khóc ly tan

Mặc Khách (1975)



TÔI NGỒI NGÓ BIỂN NHỚ QUÊ

Y THY



Tôi ngồi ngó biển xa xôi
Phía sau biển rộng quê tôi đâu còn?
Trông con mắt đã mỏi mòn
Trải qua năm tháng sắc son đợi chờ

Tôi ngồi ngó biển mà mơ
Bên vòng tay mẹ nên thơ thuở nào
Ầu ơ câu hát ca dao
Ru tôi giấc ngủ dạt dào khó phai

Từ khi tâm trí chia hai
Ở nơi đất khách lạc loài tủi thân
Tôi ngồi cát ướt dưới chân
Vết đau xát muối ngấm thân thể này!

Tôi ngồi ngó biển quanh đây
Sao tôi lại thấy mắt cay lệ nhòa
Quê hương giờ đã cách xa
Gửi theo sóng biển đi qua nỗi buồn...

Y Thy



LOTUS

RABINDRANATH TAGORE (1861 – 1941)



On the day when the lotus bloomed, alas,
my mind was straying, and I knew it not.
My basket was empty
and the flower remained unheeded.

Only now and again a sadness fell upon me,
and I started up from my dream
and felt a sweet trace of a strange fragrance
in the south wind.

That vague sweetness made my heart ache
with longing and it seemed to me
that is was the eager breath of the summer
seeking for its completion.

I knew not then that it was so near,
that it was mine,
and that this perfect sweetness had blossomed
in the depth of my own heart.

Rabindranath Tagore

HOA SEN
TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO
(chuyển ngữ)

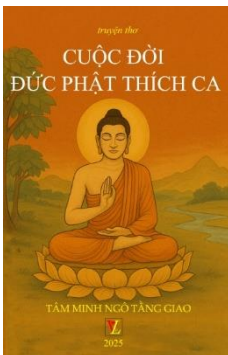
Vào ngày sen nở, chao ôi,
Tâm hồn tôi bỗng bồi hồi lang thang
Tôi đâu có biết rõ ràng
Lãng hoa trống rỗng, hoa vương chốn nào.

Giờ đây lại thấy buồn sao
Giật mình tỉnh mộng, xiết bao ngỡ ngàng
Thấy mùi hương lạ dịu dàng
Uớp trong làn gió phương Nam thổi về.

Hương thơm thoang thoảng đê mê
Làm lòng tôi chợt tái tê mơ màng
Tưởng chừng mùa hạ mặn nồng
Thở hơi tha thiết cầu mong vẹn phần.

Tôi nào ngờ thấy quá gần
Hương ngào ngạt tỏa ngát thâm trong tôi
Hương hoa toàn hảo tuyệt vời
Nở ra trong đáy lòng tôi thơm lừng.

Tâm Minh Ngô tăng Giao



CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT THÍCH CA

Tâm Minh Ngô tăng Giao

ISBN 978-1-300-30518-7

Sách 121 trang

Thể loại: truyện thơ

Xuất bản: Love Publishing, 2025

Giá: \$10

liên lạc: giaongo@msn.com



BIỂN - NÚI VÀ SÔNG

PHONG CHÂU

Biển

Những bước chân khua ánh mặt trời
Buồm căng theo gió vượt trùng khơi
Từ địa xua người ra hải lộ
Bến bờ thấp thoáng áng mây trôi
Biển dậy phong ba tiếng thét gào
Bập bênh thuyền giữa cỏi trắng sao
Biển cuốn em lên đầu ngọn sóng
Biển lừa mẹ xuống đáy vực sâu

Núi và Sông

Núi vẫn âm thầm ôm bóng mây
Sông soi bàng bạc ánh trăng gầy
Núi sông đôi bóng hình chung thủy
Mây cùng trăng từ đâu tới đây
Sáng núi ngân vang khúc dặm đường
Chiều sông đồng vọng tiếng quê hương
Ai đem ta đến sông cùng núi
Tình lụy nhau rồi chẳng thể buông

Phong Châu



CƠN MƯA MÙA HẠ

CAO MỸ NHÂN

Cơn mưa mùa hạ thật buồn
Như khi thu tới, hay còn tiếc xuân
Bởi vì mưa hạ băng khuâng
Như khi anh bỏ tình nhân xa rời

Một khung kỷ niệm thiếu thời
Chúng mình ngồi đếm mưa rơi bạt ngàn
Ôi mưa mùa hạ lỡ làng
Giờ tay che mặt hai hàng lệ tuôn

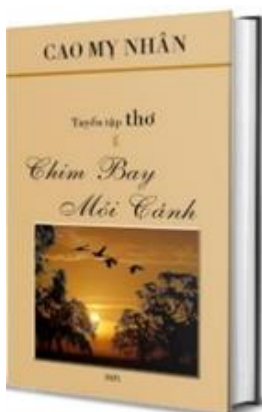
Mấy mươi năm ướm át hôn
Hong khô từ độ anh còn cạnh em
Bây giờ mùa hạ buồn thêm
Vì mưa mang cả nỗi niềm sầu đau

Mưa làm nát ngọc, tan châu
Đêm đi càng nhớ lời nhau già từ
Mưa ơi, mưa đến bao giờ
Xóa xong hình ảnh trong thơ mê cuồng...

Cao Mỹ Nhân



GIỚI THIỆU SÁCH MỚI &
PHÒNG VĂN NỮ SĨ CAO MY NHÂN
VỀ TẬP THƠ "CHIM BAY MỖI CÁNH"
PHƯƠNG HOA



Nữ sĩ Cao My Nhân (Ảnh: Nhiếp ảnh gia Nguyễn Ngọc Dung)

Ngày 17 tháng 10/2021, tại Hội Chợ Sách (Book Fair) ở Trung Tâm thương xá Eden, do Nhà Việt Nam tại Virginia và Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại tổ chức, “Tuyển Tập THƠ Chim Bay Mỗi Cánh” của nữ sĩ Cao My Nhân được giới thiệu lần đầu tiên. Đó là một Hội Chợ Sách thật quy mô, quy tụ nhiều văn thi sĩ quanh vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn và khắp các tiểu bang Hoa Kỳ. Khi ấy vì còn trong thời kỳ trốn tránh Covid -19, nhà thơ Cao My Nhân đã không thể bay qua miền Đông tham dự. Chị nhờ người viết đại diện đem sách qua cho nhà văn Hồng Thủy, Chủ Tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ (VBVNHN VDB HK) nhờ ghi danh vào Hội Chợ Sách để “trình làng” cùng công chúng giúp chị.

Có rất nhiều đài truyền hình và ký giả các tờ báo ở Washington DC và vùng phụ cận tới quay phim, ghi hình, phỏng vấn, đưa tin ngày Hội Chợ Sách. “Tập Thơ THƠ Chim Bay Mọi Cánh” của nhà thơ Cao My Nhân đã được nhiều đài truyền hình khác nhau đến phỏng vấn những người đại diện cho tác giả Cao My Nhân: Cung Lan chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, nhà văn Hồng Thủy chủ tịch VBVNHN VDB HK, và người viết, Phương Hoa. Mỗi người đều giới thiệu kỹ càng chi tiết về tập thơ còn nóng hổi bay từ California sang Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn dự Book Fair. Thật ra, từ California “bay” qua DC dự Hội Chợ Sách không phải chỉ có tập thơ của nữ sĩ Cao My Nhân, mà còn nhiều tác phẩm khác của nhóm văn thơ California, bao gồm của người viết nữa. Phương Hoa tôi cũng mang theo 3 Tuyển Tập Truyện Ngắn “Yêu Nhau Mấy Núi, Thăng Nước Mắm, và Chung Một Ước Mơ” để giới thiệu tại Book Fair. Nhưng nội dung trong bài viết này, tôi chỉ nói về Tập Thơ Chim Bay Mọi Cánh của nữ sĩ Cao My Nhân mà thôi.



Từ trái qua, các tác giả có sách tham dự tại Book Fair: Cung Lan, Phương Hoa, Hồng Thủy & Phương Hoa đại diện giới thiệu sách cho văn thi sĩ Cao My Nhân.

Vài tháng sau đó, Văn Thơ Lạc Việt cũng đã giới thiệu “Tuyển Tập THƠ Chim Bay Mỏi Cánh” của chị Cao My Nhân trong một buổi sinh hoạt thường kỳ, bao gồm tiệc sinh nhật quý II trong năm của thành viên, tại San Jose. Sau cuộc họp, các thành viên vui vẻ ra về với tập thơ “THƠ Chim Bay Mỏi Cánh” nhưng vẫn còn cảm giác...thiếu thiếu, khi không được chính thi sĩ tác giả Cao My Nhân ký tên vào sách, mà là do chủ tịch Lê Văn Hải đại diện.

Trong khi chờ đợi nữ sĩ Cao My Nhân “xé rào Covid” để ra mắt sách tại Nam Cali - chưa biết đến bao giờ, vì Covid hiện vẫn tiếp tục lan tràn - người viết xin tạm giới thiệu đôi điều về tập thơ này cùng bạn đọc.

Trước hết, xin phép được tán mạn đôi chút về tác giả Cao My Nhân. Có lần tôi nói với nữ sĩ, “Chị là ‘hàng hiếm’ trong làng văn học Việt.” Mặc dù chị đã khiêm nhượng dầy chối từ, nhưng tôi không nói quá, hay vì quen biết với chị mà “áo thụng vái nhau.” Vì sự thực đúng như vậy, những văn thi sĩ danh tiếng từng thời, mỗi người đều có biệt tài riêng, lập những kỳ tích riêng. Nhưng thật khó mà tìm ra một nhà văn nhà thơ khi còn nhỏ tuổi đã viết báo được trả tiền. 13 tuổi, cô bé Cao My Nhân đã có bài đăng trên tờ Liên Hiệp tại Hà Nội, tờ Tia Sáng, tờ Giang Sơn Hà Nội, và được mời cộng tác cho Trang Nhi Đồng của tờ Giang Sơn Hà Nội, chủ bút là Mộc Đình Nhân, vào năm 1953. Thêm vào đó, chị là một trong số không nhiều các nhà thơ nhà văn hiện tại còn nhớ và biết rõ về những văn thi sĩ nổi tiếng thời Việt Nam Cộng Hòa và cả thời tiền chiến.

Trong những lần trao đổi với tôi, và trong những bài viết đó đây của chị, tôi biết được rất nhiều điều thú vị. Chị Cao My Nhân đã có một chiều dài tham gia hoạt động về văn học Việt thật đáng nể. Chị gia nhập Thi Đàn Quỳnh Dao thời VNCH khi mới vừa 40, trong khi những bậc đàn chị như nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội hay nữ sĩ Vân Nương đều đã gấp đôi niên tuế chị.

Nhà thơ thường kể tôi nghe về kỷ niệm ngày xưa, những lần chị tháp tùng nữ sĩ Mộng Tuyết đi thăm những bậc tài danh như quý cụ Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê, Đông Xuyên, Bàng Bá Lân...mà tên tuổi những vị này tôi chỉ nghe qua sách vở, vì khi họ nổi tiếng tôi vẫn còn đâu trong bụng mẹ, hoặc chỉ mới chập chững những bước đi đầu đời.

Có nhiều chi tiết độc đáo chị Cao My Nhân thuật lại tôi nghe qua rồi nhớ mãi, vì nó giống chuyện đời xưa đời xưa, thời còn vua chúa. Như trong đám cưới nữ sĩ Vân Nương, chú rể là Luật Sư Lê Ngọc Chấn một Tri Phủ, sau này làm đại sứ VNCH ở Luân Đôn và Tunisie, và nhị vị phù rể là hai thi sĩ danh tiếng thời tiền chiến: Huy Cận và Xuân Diệu. Rồi chuyện trong đám cưới anh chị Cao My Nhân, đại tá Biệt Động Quân VNCH Cao Văn Ủy, thì phù rể là nhạc sĩ Nguyễn Hiền và nhạc sĩ Nhật Bằng rất nổi tiếng thời VNCH.

Chị còn kể về hai nhà văn tên tuổi Duy Lam và Thế Uyên, về những người bạn thiết như thi sĩ Trần Dạ Từ và nhà văn Nhã Ca, nhà văn Thế Phong v.v.... Hơn thế nữa, chị Cao My Nhân còn biết rất rõ về những hậu duệ của Tự Lực Văn Đoàn. Cho nên nếu có ai hỏi, chị có thể kể vanh vách về dòng họ Nguyễn Tường, như Nguyễn Tường Tâm, con cụ Nguyễn Tường Cầm, Nguyễn Tường Thiết, con cụ Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Nguyễn Lâm, con cụ Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo) bác sĩ Nguyễn Tường Giang, con cụ Nguyễn Tường Lâm (Thạch Lam)... mà mỗi lần nghe tôi chỉ biết...há hốc vì khâm phục. Nữ sĩ Cao My Nhân quả đúng là một “nhân chứng sống” đã từng sống qua bốn chế độ: Cộng Sản Miền Bắc VN, Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa Nam Việt Nam, Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa sau 1975, rồi bây giờ thì ở trên đất nước tự do Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Có ai đó đã viết một câu về tình yêu của nữ sĩ Cao My Nhân mà chị rất tâm đắc, "Người yêu thực sự của chị MỸ chỉ là THƠ thôi." Người viết cũng rất đồng ý với điều này. Đối với nhà thơ Cao My

Nhân, thơ là tất cả. Chị có thể làm hàng chục bài thơ trong một đêm không ngủ và gửi cho tôi để đăng lên diễn đàn Văn Thơ Lạc Việt. Tôi mê chị nhất ở cái duyên dáng, cái nũng nịu, cái hồn giận dỗi thương, trong thơ, và trong cả đời thường. Chẳng hạn như chị viết mail mà tôi chưa kịp hồi âm, là chị trách móc, “PH ghét gì chị Mỹ hay sao vậy? Không thèm trả lời trả vốn chi hết? Chị Mỹ buồn lắm cơ! Giận rồi, không thèm chơi nữa đâu nha!”

Những lời giận hờn trách móc đáng yêu này như phát ra từ một cô bé mới lớn, ai nghĩ là của một nhà thơ nhà văn lão thành chứ! Có lẽ đó là cái vốn “Trời cho” nên thơ Cao Mỹ Nhân lúc nào cũng mượt mà thướt tha và nũng nịu. Như trong bài “Trái Tim Màu Tím” của thi phẩm “Chim Bay Mỏi Cánh,” Cao Mỹ Nhân đã bắt “chàng” tô trái tim máu đỏ tự nhiên bằng một màu tím bất thường, nhưng lại là màu tím trữ tình, một màu tím hấp dẫn để cho ai kia phải quay quắt đến... nhận chìm cả tuổi thơ:

“Người tô tim sắc tím sim

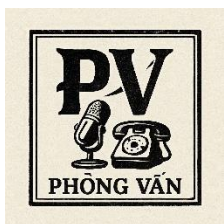
Khiến ta quay quắt nhận chìm tuổi thơ”

(Trái Tim Màu Tím tr. 34)

Tôi đã đọc hết 101 bài thơ trong “Chim Bay Mỏi Cánh” của nữ sĩ Cao Mỹ Nhân với một sự thích thú khôn lường. Tôi hỏi chị, nguyên do nào mà mỗi tập thơ của chị đều giữ đúng 101 bài thơ, không hơn không kém. Câu trả lời của chị thật thú vị, đúng như người ta nói các nhà thơ hay “đi mây về gió” nên thường có ý tưởng khác người. Theo lời chị Cao Mỹ Nhân, “Con số 101 đó có nghĩa là... trên trăm vẫn còn tiếp nối, giống như chuyện “Nghìn Lẻ Một Đêm” vậy, vì chị muốn giữ cho dòng thơ “trên trăm năm vẫn tuôn chảy mãi không ngừng...”

Tuy tựa đề tập thơ là “Chim Bay Mỏi Cánh” nhưng thơ trong tuyển tập thì chẳng những không thấy chút... mệt mỏi nào, mà trái lại, còn bùng bùng sức sống và bát ngát hương yêu.

Sau đây Phương Hoa (PH) xin chia sẻ cùng quý vị về những trao đổi rất thú vị của nhà thơ Cao My Nhân (CMN) cùng người viết, về Tập Thơ “Chim Bay Mỗi Cánh.”



PH: Thưa chị Cao My Nhân, khi thấy tựa đề tập thơ “Chim Bay Mỗi Cánh” của chị, em nghĩ chắc đây là tập thơ cuối cùng vì chị muốn gác bút dừng chân. Thế nhưng, từ đó đến nay chị vẫn sáng tác ào ào, có nhiều đêm chị làm tới 5, 6 bài thơ xướng họa liên tiếp, vừa nhanh lại vừa hay, mà những cây bút hậu bối như tụi em đây phải bái phục. Vậy chị làm ơn cho biết, tại sao chị lại chọn cái tựa đề này? Và nó có ý nghĩa gì với chị như thế nào ạ?

CMN: Số là có vị bạn thân, nguyên thủ khoa khoá 14 Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, CMN đưa 3 tên sách, nhờ vị bạn lựa. Ông nói: “Chúng ta đã đi qua gần cả một chiều dài thế kỷ rồi, cô làm thơ đã cảm thấy mệt mỏi chưa, theo tôi, cô nên đặt tên cho sách thơ này là “CHIM BAY MỖI CÁNH.” My tôi rất vui, vì bạn vàng đã chọn cho tựa đề mình ưng ý. Thế là tập thơ “Chim Bay Mỗi Cánh” thành hình.

PH: Dạ, hay quá! Vậy là “tư tưởng lớn gặp nhau” rồi (Smile). Thưa chị, trong thi phẩm “Chim Bay Mỗi Cánh” có một điều rất đặc biệt, đó là nơi trang đầu có bản nhạc do Gs nhạc sĩ Thái Phạm phổ tặng tác giả từ bài thơ “Nhật Nắng Xuân” và em cũng đã được nghe giọng hát mượt mà của ca sĩ Thanh Hoài trình bày.

(<https://www.youtube.com/watch?v=XXtxVPQ9ZyY>) Trong này có những câu thơ em rất tâm đắc như, “Anh rủ em nhật nắng/Về hun khói lều tình/Ngọn lửa vàng hoang vắng/Sưởi ấm thơ hồi sinh.” Xin chị chia sẻ chị đã viết bài thơ này trong trường hợp nào, cảm hứng từ đâu mà có những lời thơ như đến từ tận trái tim?

CMN: Giáo sư Phạm Thái đã ưu ái phổ nhạc bài thơ “Nhật Nắng Xuân.” Cám ơn Gs Thái đã chọn đúng bài thơ tác giả tâm đắc và đã hoàn thành ca khúc thật bay bổng. Thì đúng là những lời thơ

xuất phát từ tận cùng trái tim, với lý do rất thông thường: Viết cho ... người yêu tưởng tượng nào đó, nhờ điều tưởng tượng đó, mới làm được thơ tình chứ (Smile).

PH: Wow! Sự tưởng tượng của nhà thơ rất có hồn, rất sống động, hèn chi chị đã làm nên lịch sử. Thưa chị CMN, em nhận thấy chị là một người luôn vui vẻ và yêu đời. Nhưng xuyên suốt tập thơ “Chim Bay Mỗi Cánh” lại có rất nhiều bài thơ tình buồn, chẳng hạn như “Ánh Nguyệt Tà” với “Nguyệt vẫn tròn như dạ nửa khuya/Buồn tênh mây hện bóng trăng thê,” hay “Man Đại” cùng “Con rắn nào đã cuốn/Tình yêu trườn đi xa,” và bài “Tan Con Mê Hoảng” có những câu, “Thoảng hơi gió thoảng sau lưng/Giật mình tỉnh mộng, mơ chừng ấy thôi” v.v...nghe thật xót xa, thật náo nức. Xin chị “bật mí” chút xíu, đây có phải là những sáng tác chị muốn ngấm “nhấn gửi cho cố nhân” hay cũng chỉ là những sáng tác từ trong tưởng tượng?

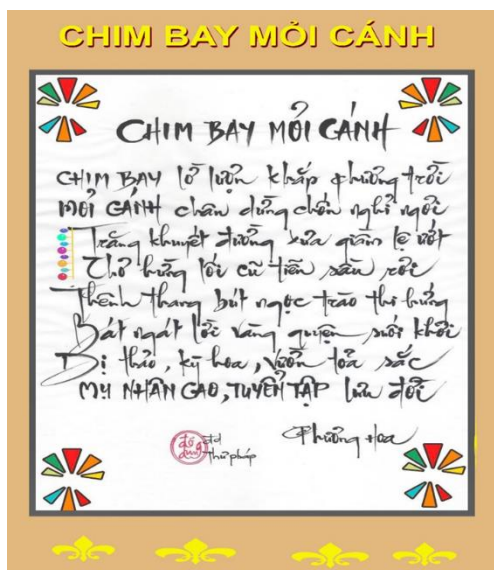
CMN: Đã làm thơ tình thì hình như phải viết những lời thơ thật buồn, thật náo nức. Thực tế, chỉ buồn chút thôi, nhưng tưởng tượng thêm cho khổ lụy, xót xa, để được bạn đọc... thương cảm tác giả (Smile). Như những định luật cổ kim, chuyện vui thì dễ lấy nụ cười, nhưng chỉ trong thoáng chốc nụ cười liền bay theo gió, và khi chạm đến nỗi buồn thì nỗi buồn nó sẽ vương vấn mãi trong ta. Cho nên những câu chuyện tình với happy ending ít được người nhớ tới, nhưng “Romeo & Juliet” thì mãi mãi lưu truyền.

PH: Dạ cảm ơn chị Mỹ cho những chia sẻ rất là thú vị này. Câu hỏi sau cùng: Trong trang đầu của thi tập “Chim Bay Mỗi Cánh” chị đã ưu ái ghi dành tặng “Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ” và “Văn Thơ Lạc Việt.” Chị có thể cho biết lý do?

CMN: Thưa quý vị và thưa nhà thơ Phương Hoa, tôi ghi tác phẩm được dành tặng và cảm ơn 2 cơ sở văn học tên tuổi ở hải ngoại nói chung và Hoa Kỳ nói riêng, “Văn Bút Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ” và “Văn Thơ Lạc Việt” lý do rất đơn giản. CMN tôi hiện đang là thành viên của 2 cơ sở Văn Học và Thi Văn Đoàn này. Phạm

một người nào sinh hoạt ở một Hội, Đoàn nào, cũng muốn ghi nhận những việc đang làm của các cơ quan ấy. Tôi là một người trọng lễ thủy chung ở đời, nên chuyện cảm ơn Văn Bút Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ và Văn Thơ Lạc Việt rất hợp tình lý.

Hơn nữa, Thi phẩm "CHIM BAY MỖI CÁNH" của CMN tôi, được sự chia sẻ của Nhà Văn HỒNG THUỶ, Chủ Tịch VB/VĐBHK viết Tựa và nhà thơ Phương Hoa hội viên trung tâm Văn Bút nêu trên viết Bạt.



Thêm vào đó, Thi tập "CHIM BAY MỖI CÁNH" còn được nhà văn thi họa sĩ Phạm Thái giáo sư điện toán, Trưởng Ban Biên Tập VTLV, cùng nhà thơ Phương Hoa Phó Trưởng Ban Biên Tập, đã giúp cho các phần trình bày và in ấn cuốn thơ đó. Như đã nói ở trên, Giáo sư Phạm Hồng Thái còn là một nhạc sĩ tài hoa, ông cũng tặng tác

phẩm CHIM BAY MỖI CÁNH bản nhạc "NHẬT NẮNG XUÂN" ông phổ từ bài thơ cùng tựa đề của CMN trong tuyển tập.

Tóm lại, nhờ Văn Thơ Lạc Việt yểm trợ kỹ thuật để Thi phẩm "CHIM BAY MỖI CÁNH" của CMN được hình thành, cùng sự hỗ trợ của Văn Bút Vùng ĐBHK trong các phần giới thiệu cùng hội viên VĂN BÚT VNHN để phổ biến tác phẩm này, qua 3 mục đích chính đáng: Kỷ niệm, quảng cáo, một chút đóng góp thực tại của tác giả. Cao My Nhân xin cảm ơn VB/VĐBHK, VBVNHN, và VĂN THƠ LẠC VIỆT cùng tất cả bạn văn thơ đã đọc tập thơ nhỏ "CHIM

BAY MỎI CÁNH" này của Cao My Nhân, xin gửi lời kính chúc vạn an.

PH: Dạ cảm ơn chị CMN. Những lý do trên chứng tỏ chị là một người rất trọng tình nghĩa. Xin cho hỏi thêm câu... chót chót: “Theo PH biết, thì ngoài việc sáng tác thơ... như vũ bão, chị còn viết rất nhiều những bài văn cũng hay không kém, đã được VTLV, Văn Bút, và các thi văn đàn khác phổ biến lâu nay. Vậy thì sau tập thơ này, chị có dự định xuất bản thêm tác phẩm nào nữa không? Nếu có, thì đó cũng sẽ là thơ hay sách truyện?

CMN: Từ khi bắt đầu tập viết lách, CMN đã thích cả Thơ lẫn Văn xuôi rồi. Thế nên đã viết những bài truyện cổ tích, nhi đồng, đăng trên báo Giang Sơn Hà Nội kể từ 19/3/1953. Di cư vô Nam 1954, tập viết tùy bút, truyện ngắn gởi đăng các báo học sinh, văn nghệ. Qua Mỹ, bắt đầu từ 15/3/1992, tuần báo Saigontimes dành cho CMN viết mục CHỖN BỤI HỒNG, mỗi thứ sáu 1 bài cho tới bây giờ vẫn tiếp tục viết. Nhà xuất bản Sông Thu của Thi Sĩ THÁI TÚ HẠP đã xuất bản cho CMN cuốn "CHỖN BỤI HỒNG 1" năm 1994. Nên, nếu định in ấn thêm các truyện Văn Xuôi, CMN có thể xuất bản tiếp các cuốn truyện "Chỗn Bụi Hồng" 2,3,4 v.v... Nhưng bây giờ trong thời đại công nghệ thông tin ngày càng cao, những tác phẩm in bằng giấy hình như có vẻ không thực dụng nữa, có lẽ CMN sẽ nhờ người giúp xuất bản theo dạng Ebooks, hoặc là chỉ... để dành làm kỷ niệm vậy (Smile).

PH: Cảm ơn nữ sĩ Cao My Nhân đã chia sẻ những tâm tình, những suy nghĩ rất độc đáo về văn học, và về tập thơ “Chim Bay Mỏi Cánh.” Kính chúc chị luôn vui khỏe trẻ bình an, tiếp tục sáng tác để cho đời thưởng thức những dòng thơ trữ tình và những áng văn đầy thú vị của chị.

Lời kết, Tuyển tập THƠ “Chim Bay Mỏi Cánh” của nữ sĩ Cao My Nhân là một tác phẩm văn học tuyệt vời, mà với trình độ thơ hạn hẹp của một hậu bối, người viết cảm thấy mình không đủ ngôn

ngữ để diễn tả cho đầy đủ và xứng đáng với giá trị của tập thơ. Độc giả phải tự mình đọc thì mới thưởng thức được hết những cái hay, lạ, và độc đáo trong tuyển tập.

Xin trân trọng kính giới thiệu Tuyển tập THƠ “Chim Bay Mỗi Cánh” của nữ sĩ Cao My Nhân cùng quý độc giả khắp nơi.

Link order sách từ Amazon:

https://www.amazon.com/s?k=chim+bay+moi+canh+-+cao+my+nhan&i=stripbooks&crd=1TAOLWWEPOPZE&sprefix=chim+bay+moi+canh+-+cao+my+nhan%2Cstripbooks%2C174&ref=nb_sb_noss

Phuong Hoa

====oOo=====



MỐI TƯƠNG TƯ

PHƯƠNG HOA

(Toán Thi)

Không giờ đối diện góc trời thu
Nửa mảnh hồn hoang lạc cõi mù
Nhất mối tương tư lòng hỗn độn
Nhị thời khắc khoảnh trí mờ lu
Tam phiên nhớ nét môi mềm dịu
Tứ khắc mơ về tiếng ái nhu
Ngũ ngoạt, tình ơi, sao đếm xuể
Lục niên vời vợi lấy chi bù?

Phuong Hoa



LỜI GỬI MẸ

CUNG THỊ LAN



Mẹ ơi, mẹ có biết
Tháng ngày rất vô tình
Chẳng màng hay tha thiết
Cuộc đời là bao lăm
Nên âm thầm trôi chảy
Như giòng sông lặng câm

Vì... không thể hỏi thời giờ ngưng chạy
Và không thể đòi thời gian ngừng trôi
Cho nên, con chỉ thể
Boi theo chúng mà thôi

Mẹ ơi, mẹ có hay
Nơi xứ lạ quê người
Mệt nhòa thân người máy
Con chỉ muốn chia lấy
Nỗi đau tấm lưng còng
Nỗi buồn mái tóc bạc
Mong mẹ được an lạc
Quên chuỗi ngày long đong

Vì.. không thể chờ ngày nói một lời
Và không thể đợi tháng hứa một câu
Cho nên, con chỉ phải
Làm việc cho thật mau
Mẹ ơi, mẹ có hiểu
Con ước thành thời gian
Ngưng trôi biến ngày dài
Tặng thọ thêm cho mẹ
Để cuộc đời êm nhẹ
Mẹ con ta bên nhau
Quên hết mọi khổ đau
An bình trong hạnh phúc

Nhưng, không thể ở cùng một nơi
Và không thể có chung một đời
Cho nên, giờ con phải
Hy sinh một mình thôi!

Cung Thị Lan



ĐƯỜNG VỀ CHIÊM QUỐC

UYÊN THÚY LÂM

LỜI DẪN

Tháng 6 năm Bính Ngọ (1306) vua Trần Anh Tông cử Trương Nguyên Mạc Đĩnh Chi, Ngự Sử Đoàn Nhữ Hài và Thượng tướng Trần Khắc Chung cầm đầu phái đoàn Đại Việt gồm nhiều quan quân hộ tống đưa tiến Công chúa Huyền Trân về Chiêm Thành.

Sau khi cử hành hôn lễ, Công chúa được Vua Chế Mân phong tước Hoàng Hậu với tước hiệu là Paramesvari của Champa.

Hương lửa đang nồng thì tang thương tràn đến!

Năm Đinh Mùi 1307 vua Chế Mân băng hà (Vào năm Hưng Long thứ 15)...

Bằng cuộc hôn nhân lịch sử Công Chúa Huyền Trân đã có công mang về hai châu Ô Lý.

Đất nước được mở rộng bờ cõi về phương Nam....





ĐƯỜNG VỀ CHIÊM QUỐC

Mùa xuân Thượng Hoàng du phương Nam
Vua Chiêm đón chào nhạc tấu vang.
Đẹp lòng Người ban lời đính ước,
Cho cùng Công chúa kết trăm năm.

Hoàng huynh Anh Tông với triều trung,
Ý chưa thuận lòng cho cưới xin.
Vua Chiêm dâng hai châu Ô, Lý,
Xin đón giai nhân về nước mình.

Huyền Trân vừa độ tuổi xuân thì,
Như đóa phù dung tươi nét mi.
Chớm nở duyên tình cùng Thượng tướng,
Đôi tim hòa nhịp hẹn thề ghi.

Vì ân đất nước phải lên đường,
Giã biệt cung vàng rời gác son.
Đường ra biên ải mờ sương lạnh,
Hiu hắt biên phương lệ mấy hàng.

Đường về nam, Thượng tướng bên người,
Chẳng thể cùng nhau chung hướng đời
Trùng điệp quan san ngần ngại bước
Thương chàng lệ nóng dạt dào rơi!

Gió oi đừng thổi nữa lòng đau,
Cổ quận hoài trông ngấn lệ trào.
Ta đến quê người duyên có thuận,
Gánh tình non nước đến nghìn sau?

Thành Đồ Bàn lấp lánh ánh vàng,
Hôn lễ tung bừng ca múa vang
Quân vương nâng nhẹ đôi tay ngọc,
Nàng đến cùng ta, hạnh phúc tràn.

Paramecvari¹ của lòng ta
Mẫu nghi cao sang của mọi nhà,
Thành quách, vương triều này vô nghĩa,
Nếu lòng Hoàng hậu chẳng thiết tha.

¹Paramecvari : tước hiệu Hoàng hậu nước Champa mà vua Chế Mân phong cho Công chúa Huyền Trân khi nàng thành hôn với nhà vua.

Trải mấy mùa trăng duyên thắm tươi,
Chàng nâng niu, dạ thiếp bồi hồi.
Tơ loan thắm đượm nồng ân ái,
Chung bóng bên nhau suốt cuộc đời.

Ân tình đang thắm tuổi đang xuân,
Nào ai biết trước bước căn phần.
Hương lửa chưa tròn năm ước nguyện,
Vua về âm cảnh, kiếp phù vân!

Góa phụ đón đau trong đơn côi
Cả kinh đô tang tóc ngập trời,
Tang lễ Quân vương xuôi mệnh bạc
Phận nàng phiêu dạt cánh hoa rơi!

Vời trông về đất Thăng Long trước,
Nghe dậy niềm đau nhớ cố hương
Đâu hoàng thành của ngày thơ ấu,
Nhớ khi lưu luyến buổi lên đường...

Mai này định mệnh đòi oan nghiệt
Giàn hỏa theo chồng trọn nghĩa ân.
Trăm họ trăm nhà ai đã thấu?
Nàng dâng Ô, Lý đến muôn dân...

Trải bao nắng hạ đông tàn
Nghìn sau nước Việt ngập tràn cỏ hoa.
Công Huyền Trân mở cõi bờ
Tình Bà dâng nước non nhà nghìn thu.

Uyên Thuý Lâm



MÙA VE SẦU CUỐI CÙNG

NGUYỄN TƯỜNG NHUNG

Giac ngủ chập chòn gần về sáng nghe như có tiếng chiếc muỗng khuấy sữa trong ly cà phê mỗi buổi sáng anh thường uống. Chiều qua chú Hòa, người tùy viên cũ từ California gọi hỏi thăm. Chú và tôi vẫn giữ liên lạc qua lại, mỗi khi có dịp qua bên đó chú đều gặp thăm. Một lần tôi qua vào đúng ngày giỗ anh (Jan. 22), tôi mời gia đình chú, gia đình chú Hiệp cũng là tùy viên cũ, thêm vài gia đình bên họ Ngô Quang, có gia đình con trai út Ngô Trị Thiên. Vì nhà Thiên không tiện nghỉ nên tôi mời tất cả đến nhà hàng ăn khá lịch sự, khi trả tiền thì chú Hòa đã thanh toán rồi. Hòa là một người sống nội tâm hiểu biết, rất tình nghĩa chu đáo, rất thông minh hiếu học, chú đã có được bằng tiến sĩ.

Buổi nói chuyện với chú chiều hôm qua sau những thăm hỏi thông thường chú nói nhiều về anh, vì từ năm 1972 làm tùy viên cho đến 1975, ba năm ở Đà Nẵng, chú là người ở gần anh nhiều hơn tôi.

Anh thức dậy sớm rất đúng giờ. Những cư dân trên con đường anh đến Bộ Tư Lệnh mỗi ngày có tiếng đồn không cần xem đồng hồ, mỗi lần thấy xe Tư Lệnh chạy ngang là biết đúng giờ đó anh di chuyển, không bao giờ có xe còi hú, không người hộ vệ, chỉ có một tùy viên. Giờ phút cuối ở Đà Nẵng, chỉ có anh và chú đi bộ ra bên bờ biển Sơn Trà lặng vắng, mỗi người trên mình độc nhất chỉ một khẩu súng. Chú còn kể rất nhiều sự việc vào thời gian đó.

Tuy không phải là lần đầu tôi được nghe những chuyện tương tự như thế, có rất nhiều chi tiết khúc mắc, nhưng để mà viết ra cho chính xác, tôi ngại không nhớ hết, vì vậy tôi nói chú nên viết ra. Hình như chú cũng có ý định ấy. Qua nhiều lần nói chuyện với Hòa, có những việc rất nhỏ làm tôi áy náy tự cảm thấy như thiếu bốn phần làm vợ. Chú nói hai thầy trò thường nhịn đói không có

bữa ăn trưa. Bữa ăn sáng của anh là một bát cháo trắng với muối đường và một ly nước trà nóng pha đậm. Tôi có nói để mua một tô bún bò hay phở mì, anh hỏi giá bao nhiêu rồi nói mắc quá và mất công đi mua. Bây giờ nghĩ lại tôi quá khờ, nếu cứ mua chắc anh sẽ phải ăn; có thể tôi bị ảnh hưởng anh nói gì tôi làm theo, ít khi trái ý. Hàng ngày anh đến văn phòng rồi lên trực thăng thăm các tiền đồn, chỗ đóng quân, có khi đáp xuống một vài nơi đúng giờ ăn trưa họ mời nhưng không bao giờ anh ở lại ăn. Chú cho biết hôm nào Trung Tướng ăn một hộp trái cây thì Hòa ăn một hộp thịt. Những món đồ hộp thường có để một ít trên máy bay nhưng ít khi ăn vì vậy tùy viên cũng nhịn theo. Nếu biết vậy thì tôi đã làm com nắm hay bánh mì để đem theo, nhưng biết tính anh có làm chắc anh cũng không cho.

Thời gian ở Huế và Đà Nẵng, những ngày cuối tuần hay ngày lễ anh không bao giờ nghỉ. Tôi và các con không có bữa ăn trưa cùng anh. Những bữa cơm tối anh thường về muộn, các con ăn trước, ôn bài vở để đi ngủ sớm. Tuy sống cùng một nhà nhưng chúng chỉ gặp chào anh trước khi đi ngủ. Hàng ngày mấy đứa lớn đi học, còn lại Út Lý thơ thẩn một mình. Những ngày nghỉ học cũng chỉ mấy mẹ con quanh quẩn với nhau. Tuổi trẻ ngoài giờ học không có sinh hoạt gì sợ chúng buồn, anh bảo cho mấy đứa học piano. Bà nội nghe nói vậy mua cho cái đàn, người chị họ giới thiệu một ông nhà giáo có thêm nghề dạy piano. Tôi nhờ ông đến dạy tại nhà, chúng có vẻ cũng thích học lắm. Nhiều buổi tối anh suy nghĩ trần trọc khó ngủ vùng dậy bấm vài phím theo nốt nhạc, lâu dần anh cũng đánh được bài Trở Về Mái Nhà Xưa (Come back to Sorrento). Thủa nhỏ anh chơi đàn ghi-ta cũng khá, thi thoảng cao hứng hát vài câu, tôi cười bảo anh nên đi thi làm ca sĩ anh sẽ đoạt giải nhất vì không thể nào có giọng uồm uồm dỏ hơn cả tiếng ếch nhái kêu. Nghe tôi nói anh cười còn cố hát thêm vài câu nữa. Đó là những giây phút thoải mái hạnh phúc bên anh nhưng rất tiếc thật hiếm hoi. Anh ăn giản dị không đòi hỏi nhưng tôi biết ý anh thích những món mặn theo cách chế biến của miền Nam. Hai đứa nhỏ nhất thì thích nấu theo kiểu Huế, còn tôi vẫn thích những món thanh nhẹ của miền Bắc. Món ăn của tôi rẻ tiền nhất vì quanh đi quẩn lại cũng chỉ là đậu rán tẩm mỡ hành, rau muống xào tỏi, canh đậu cà chua,

cà pháo muối. Tôi thường phụ với chú đầu bếp luôn tiện dạy cho chú cách nấu những món của miền Nam và miền Bắc. Món thịt gà là món mọi người ưa thích nhất, nhưng giá một con gà khoảng hơn một nghìn cho cả nhà không đủ, mà mua hai con thì nhiều tiền quá. Tiền chợ mỗi ngày đã chỉ định chỉ có một ngàn, vì vậy món thịt gà thường vắng bóng trong những bữa ăn. Tướng Tư Lệnh một vùng mà thức ăn hàng ngày cũng phải tính toán vì còn phải để dành một ít. Thời gian ở miền Tây thực phẩm rẻ và có nhiều lựa chọn, đặc biệt là hải sản và rau củ trái cây, nhờ vậy thức ăn đầy đủ hơn. Tuy vậy, chú bếp cũng không vui, than phiền. Chú nói người tư lệnh trước đưa tiền chợ nhiều gấp hai mà lại ít người hơn, gạo ngon có người cung cấp, nước tương nước mắm họ biếu cả thùng, v.v... và v.v... Với tiền chợ tôi đưa gồm cả gạo mắm muối, chú phải tính mua những món ít tiền mới đủ mặc dù tôi nói chúng tôi không cần những thức ăn cầu kỳ đắt tiền. Ít lâu sau đó không biết chú bằng cách nào mà phu nhân Thủ Tướng (T-T-K) đích danh nói với tôi xin cho chú bếp về tư dinh của bà, vì lúc trước chú này đã từng là bếp của bà, ông Thủ Tướng rất ưng ý cách làm món ăn của chú. Tôi cho chú nghỉ ngay. Lúc chú lên chào, tôi thấy chú có vẻ như hơi sợ. Chú nói tự phu nhân gọi chú về chứ ý chú cũng không muốn. Chú nói thật hay vì sợ mà nói vậy, với tôi cũng vậy thôi. Nhưng lời bàn tán xầm xì của một số các bà của những người làm việc dưới quyền, họ nói tôi quá hiền; dù hiền hay không chẳng nhẽ đi tranh giành một người lính làm bếp!

Anh từ Sài Gòn đổi ra Huế đảm nhận chức vụ Tư Lệnh Sư Đoàn 1 bộ binh chỉ có một người tùy viên đi theo, ngoài ra không một người thân, không giống như phần nhiều những người khác, họ thường đem theo một số thân cận để dễ cho công việc. Chuyện chỗ ở, phương tiện, người giúp việc cho gia đình anh cũng để tùy văn phòng họ sắp xếp, tôi cũng không đòi hỏi, không lựa chọn. Thời gian sống ở Huế xa Sài Gòn, xa mẹ, xa anh chị em, xa họ hàng. Với Huế, thời tiết khắc nghiệt. Mùa mưa có khi cả tháng, mùa đông buốt giá, mùa hạ gió Lào nắng cháy da. Trước Tết Mậu Thân ở căn nhà cũ số 14 đường Lê Thánh Tôn, sát bên đường lộ có tiếng xe, có người người qua lại, gần trường học ê a tiếng trẻ học trò cũng vui vui. Sau Tết Mậu Thân, tôi và các con về ở tạm Sài Gòn hơn nửa

năm mới trở ra Huế lại. Lần này họ sắp xếp ở trong thành Mang Cá. Con đường thoai thoải trên dốc qua khoảng sân khá rộng, một căn nhà trệt đã cũ hai phòng ngủ nhỏ ngăn chia bức vách, một phòng khách cùng là phòng ăn đồ đạc thô sơ, không gian yên tĩnh. Chiều chiều tôi thường đứng sát bờ thành thả tầm mắt ngắm nhìn một khoảng trời rộng bao la và đón đợi tiếng trực thăng xè xè phạch phạch đáp xuống bãi bụi đất mù tung, biết là anh đã trở về nhưng còn ghé thăm phòng giải quyết công việc, sớm nhất cũng khoảng 7 giờ mới về nhà. Nhìn anh có vẻ mệt nhưng chưa bao giờ tỏ ra mệt mỏi. Thành Mang Cá có văn phòng Bộ Tư Lệnh, nhà thương quân đội Nguyễn Tri Phương và là chỗ gia đình chúng tôi đang ở, vì vậy thường là mục tiêu để VC nhắm vào pháo kích. Có khoảng thời gian bị pháo nhiều, cũng có lúc yên tĩnh lại. Thỉnh thoảng có họ hàng ra chơi, gặp đúng lúc bị pháo ai cũng run sợ. Thấy tôi bình tĩnh như không họ đều tỏ vẻ ngạc nhiên và nói sống ở đây buồn và nguy hiểm sao tôi sống được? Một lần bà nội tội nhỏ nhớ con trai út của cụ ra chơi mới ngày thứ hai bị ngay một quả pháo trúng bờ thành, may là sát mé bên ngoài rớt xuống vực hào sâu chỉ sai một tí rơi vào mé trong thì cả nhà đâu còn và tôi ngồi đây để ôn lại một thời lửa đạn. Anh với chức vụ Tư Lệnh Sư Đoàn 1 ở Huế, Tư Lệnh Quân Đoàn 4 ở Cần Thơ, Tư Lệnh Quân Đoàn 1 ở Đà Nẵng, phương tiện di chuyển của tôi cũng chỉ là chiếc xe Jeep cũ mang bảng số dân sự. Thời gian làm Tư Lệnh vùng Một ở Đà Nẵng, người Mỹ có cho một xe du lịch Huê Kỳ màu đen khá rộng để gia đình sử dụng nhưng anh bảo tôi nhường xe ấy cho gia đình Tư Lệnh phó, Thiếu Tướng Hoàng Trọng Lạc. Thỉnh thoảng bà Lạc ghé thăm tôi cũng đi bằng chiếc xe ấy, còn tôi thăm bà cũng vẫn trên chiếc xe Jeep quen thuộc nhưng tôi thấy thật thoải mái và rất vui.

Mùa hạ khi ở Huế, tôi hay đưa các con ra bãi biển Thuận An. Trên đường xe chạy ngang những khu vườn xanh tươi cây trái hoa quả ẩn hiện thấp thoáng những căn nhà lợp ngói đỏ đã phai màu, không gian có vẻ thanh bình, các con thường mong anh đi cùng. Chúng hay hỏi sao Ba không đi, anh chỉ trả lời một câu, “Ba bận làm việc”. Tuổi thơ vô tư chúng không thắc mắc. Tôi biết nếu anh đi, phải có hộ tống, phải lo sắp đặt an ninh. Chỉ một lần vui chốc lát mà bao người phải lo như vậy, lạm dụng công sức của quân đội,

một chuyện không thể có ở anh. Đôi lúc tôi cũng tủi, hơi buồn vì nhìn quanh những người địa vị như anh mà họ vẫn đưa gia đình đi nơi này chỗ kia... Bãi biển Cảnh Dương thuộc địa phận tỉnh Thừa Thiên, nước trong xanh bờ cát rộng mặt nước êm đềm, nổi tiếng là một trong những bãi biển đẹp nhất Việt Nam, nhờ bao quanh bằng những hàng cây dương cao ngát xanh tươi, nhưng khu vực này thuộc vùng cấm địa. Là một người thích cảnh đẹp thiên nhiên, thích sông thích núi, tôi thầm muốn một lần được ghé thăm, nhưng khu vực chưa khai thác, không có phương tiện để đến. Đôi lúc tôi nói chuyện với anh về bãi Cảnh Dương và tỏ ý rất thích nhưng rồi chuyện cũng vào quên lãng. Một ngày cuối hạ nắng đẹp, bầu trời xanh trong, từng làn mây trắng lững lờ bay, anh chợt hỏi mấy đứa nhỏ thức dậy chưa? Tôi hơi ngạc nhiên vì thường khi giờ này anh đã sửa soạn đi làm. Anh cho biết hôm nay đưa tôi cùng tụi nhỏ đi chơi. Lại thêm một sự ngỡ ngàng. Không suy nghĩ và không thắc mắc đi đâu, tôi đánh thức chúng dậy bảo thay quần áo ba đưa đi chơi. Anh đã sẵn sàng, cũng vẫn bộ quân phục mũ giày như thường lệ ngồi hút thuốc chờ các con ăn sáng. Chỉ nửa giờ sau tôi cũng đã sửa soạn xong. Lần đầu tôi và các con được ngồi chung với anh trong một chiếc xe, tuy chỉ một khúc đường ngắn nhưng với tôi là một việc quý vô cùng. Vì vậy, tất cả sự việc ngày hôm đó vẫn như hiển hiện trước mắt khi tôi đang ngồi viết những dòng này dù đã qua nhiều năm. Xe đậu ngay bãi trực thăng. Lũ trẻ vừa nhìn thấy máy đã reo lên, “Máy bay máy bay con đi được không?”. Lại một bất ngờ anh đã dành cho tôi một ngạc nhiên, thì ra anh đã sắp đặt. Tất cả ngồi vào chỗ, dây nịt thắt xong xuôi, đích thân anh lái vì anh đã có bằng lái. Trực thăng bay từ Đà Nẵng đã hạ cánh ngay trên bãi biển Cảnh Dương, niềm xúc động sung sướng nghẹn ngào gần bật khóc. Anh hôn vội nói, “em ở đây chiều anh về đón”. Niềm vui vừa đến mà anh bỏ đi làm tôi rất buồn. Nhưng nghĩ lại một việc anh làm ngoài sức tưởng tượng và mong đợi của tôi. Chỉ một sự việc trong đời nhưng niềm vui sâu đậm. Kỷ niệm niềm vui đó bây giờ còn lại hai cái ảnh của con gái Thu Trâm và Ngô Quang Trí ngồi trên trực thăng đeo cái ngăn tiếng động vào tai.

Lại một mùa hè, những ngày tụi nhỏ mong đợi đã đến. Bãi Tiên Sa nằm trong khu vực Bộ Chỉ huy của binh chủng Hải Quân, bãi

nhỏ vòng cong cong chỉ là cái eo sóng không vào tới, rất an toàn để trẻ con tập bơi chơi đùa và cho người không biết bơi như tôi. Đà Nẵng có thêm bãi biển Mỹ Khê gần thành phố, bãi rộng trải dài có hàng quà rong dọc theo bãi cát. Thành phố dành một khoảng rộng riêng biệt trong đó có một căn villa khá tiện nghi để cho gia đình Tư Lệnh vùng và một số sĩ quan cao cấp nghỉ mát. Bãi này không xa nhà nhưng bãi biển sóng rất to cho nên thỉnh thoảng chúng tôi mới ra đây chỉ để hưởng gió và ăn quà vặt. Mấy lần tôi rủ anh buổi tối ra hóng mát và có thể bơi cho khỏe. Anh bơi rất giỏi vì có thời gian về Bến Tre ở sẵn sóc bà nội nhà ở cạnh bờ sông. Rủ thì rủ vậy nhưng tôi biết anh rất ngại vì anh đâu có thể một mình ra đấy, dù không nói, nhưng bao lính trong tư dinh nhất cử nhất động họ đều theo dõi.

Những năm ở Cần Thơ thỉnh thoảng anh có nghỉ vào trưa chủ nhật luôn tiện cắt tóc tại nhà. Những lúc đó, đôi khi anh bắc ghế ra ngồi sát bên bờ gần sông ngắm cảnh thuyền bè qua lại, kể chuyện thời sống ở quê với bà nội. Những lúc như vậy tôi cảm thấy anh như một công chức bình thường và chúng tôi đang sống trong một thời bình không bom đạn. Thời gian đó anh đỡ vất vả hơn khi ở Huế. Tụi nhỏ thích được ngồi ho-bo (xuồng máy cao tốc) chạy trên sông. Nhiều lần chúng muốn anh đi cùng, nhưng anh cũng vẫn chỉ nói một câu, “Ba mắc làm việc”. Tôi nghĩ anh mặc bộ áo dân sự từ nhà mình xuống ngay xuồng ho-bo đậu sát bờ chắc không ai biết nhưng nhìn lại cũng mấy chú lính tư dinh đang canh gác, thôi đành tôi đi cùng các con vậy.

Bắt đầu cuộc sống ở Mỹ, anh quan tâm nhiều đến các con. Anh thường giúp làm bài vở, cuối tuần có những cuộc đi chơi chung như lên núi cuội ngựa hay ra biển. Anh nghiêm khắc nhưng dễ hòa đồng với tụi nhỏ. Những khi đi chơi, chúng thích gần Ba hơn Mẹ, mặc dù anh thường khuyên răn điều hay lẽ phải, v.v... Tính anh ít nói, không bao giờ mắng la hay to tiếng, nhưng các con đều nể sợ. Mỗi lần anh bảo, “Mấy đứa ra đây ba nói chuyện”, chúng nhìn nhau mặt lộ vẻ sắp phải lên lớp không mấy gì vui. Tôi thông cảm vì ở tuổi của chúng chưa thấu đáo hiểu những lời răn dạy như vậy, nhưng khi chúng trưởng thành, chính chúng nhận là những điều Ba nói khi đó đã giúp rất nhiều trong cuộc sống. Mà chính tôi cũng

bị “lên lớp”. Khi còn ở VN, sau bữa cơm tối ra ngồi ngoài sân, anh phân tách những sự việc, những thâm hiểm, những đòn phép của con người khó thể biết được mà vì vô tình hay vì sự tham lam, mình sẽ bị cạm bẫy. Nếu mình phạm vào một lần sẽ có cớ để họ gây khó dễ, họ ăn mười mình ăn một nhưng tiếng tăm mình lãnh hết và gây khó dễ cho công việc anh làm. Anh thường nói với số lương mình đã quá đầy đủ, em và các con cũng sung sướng được sống cùng nhau, còn những anh em hàng ngày sống xa gia đình bên lửa đạn cả năm mới được thấy vợ con cha mẹ một vài lần.

Những tia nắng sớm rọi chiếu trên tấm trải giường màu trắng. Qua khung cửa sổ, hàng cây basswood lá xanh tươi, một vài chùm trên cây đã có nụ non, khi nở tỏa mùi thơm và hoa phơi khô làm trà uống. Cả đêm trần trọc, sáng nay tôi uể oải nằm nán không muốn bước xuống giường. Đêm qua bao kỷ niệm chợt ùa về... Nhớ lần đầu cùng anh lên Lái Thiêu vào vườn măng cụt, đứng dưới tàn chôm chôm, anh đã ngỏ ý dọn về nhà ở Thủ Đức để anh được chăm sóc, nhiều năm sau đó thỉnh thoảng anh nhắc lại màu sắc chiếc áo dài cùng kiểu tóc và những điều nói với anh, anh đều nhớ hết. Rồi được anh đưa về ra mắt gia đình từ bà nội, ba má cùng tất cả anh chị em họ hàng đều đón nhận và tôi đã có một tình thương như tình huyết thống.

Tiếng ve kêu lại gọi nhớ anh nhiều. Lần đầu được thấy ve lên từ mặt đất đã cùng anh rọi đèn để tìm những cặp to và đẹp cùng nghe tiếng hát của ve. Đây là lần thứ ba và cũng là lần cuối được thấy mùa ve sầu 17 năm xuất hiện một lần. Năm nay quá nhiều. Chung quanh vườn nhiều cây hoa thấp chúng bu đây, nhờ vậy được nhìn chúng kỹ hơn và chụp hình quay phim ghi lại cùng tiếng râm ran đều đều như một dàn hòa tấu vĩ đại.

Anh không thấy được loài ve nữa vì tro cốt anh đã tung bay vào không trung trên đỉnh núi đèo Hải Vân, một trong những đèo đẹp nhất Việt Nam. Còn em, em cũng chưa biết sẽ theo anh hay theo họ nhà ve ở tại đất nước này.

Nhớ anh thật nhiều.

Nguyễn Tường Nhung

30-05-2021



MÙA HÈ 1967

TT-THÁI AN

Hè năm 1967 tôi vừa học xong lớp đệ lục (lớp 7). Mẹ dẫn tôi và em trai kể tên Nguyên ra Nha Trang nhân dịp mẹ đi dự hội đồng bồi linh của Hội Thánh Tin Lành tổ chức tại Thánh Kinh Thần Học Viện ở Hòn Chồng.

Đây là lần đầu tiên mẹ và em Nguyên đi Nha Trang, nhưng là lần thứ hai của tôi.

Hè năm ngoái vừa học xong đệ thất, tôi và nhỏ bạn thân tên Hạnh được chị Thu của nó dắt đi Nha Trang một cách bất đắc dĩ. Chuyển đi làm cho ba chị em lên ruột, hồi hộp và sợ hãi từng cơn, nhưng cũng có lúc vui cười no bụng.

Mẹ tôi chơi thân với mẹ chị Thu là bà Sùng. Mặc dù bà Sùng lớn hơn mẹ tôi 7 tuổi, nhưng hai bà lại hợp tánh hợp nết nên rất thân với nhau. Cả mẹ tôi và bà Sùng đều hiền lành, thật thà, nói năng từ tốn, không biết màu mè, kiểu cách.

Vợ chồng ông bà Sùng quê Lạng Sơn, di cư vào Nam năm 1954. Mẹ bà là người buôn bán hàng đặc sản xứ Lạng như cao hổ cốt, mật gấu, vòng cẩm thạch, chuỗi cẩm thạch và vài thứ thuốc linh tinh khác. Bà Sùng thành thạo cũng buôn bán mấy thứ này. Nhưng kinh tế chủ yếu của gia đình bà do chị Hà, con gái thứ hai lo toan, cung cấp. Ông Sùng, chồng bà làm công chức sở quan thuế, tánh

ông thanh liêm nên tiền lương của ông không đủ lo cho cả nhà gồm hai vợ chồng và 9 đứa con.

Ông Sùng dáng cao thẳng thớm, không hói đầu như nhiều người đàn ông khoảng tuổi gần 50 như ông, mặt ông vuông chữ điền nhìn rất đẹp trai. Trong khi bà Sùng thì nhan sắc trung bình. Vì thế, trông ông đẹp hơn vợ rất nhiều. Nhưng tánh ông Sùng không lãng nhãng, ông luôn chung thủy với vợ, sáng đứng giờ ông đi làm, chiều đứng giờ về nhà. Thỉnh thoảng ông uống vài chai bia thì rủ vợ cùng uống. Đôi khi ông cũng tự làm vài món nhậu như thịt thỏ, thịt nai. Chẳng khi nào thấy hai ông bà cãi vã với nhau vì ông thì trầm tính, còn bà thì mát tính. Nhìn thấy vợ chồng ông bà Sùng, ai cũng khen bà có phúc.

Đôi khi ông có la mắng con cái chút đỉnh, thỉnh thoảng lắm, ông có cầm roi đưa cao và đánh xuống nhẹ nhẹ. Còn bà thì chỉ nói chuyện thủng thỉnh với con chứ chưa quát nạt con cái bao giờ. Vì thế các con của ông bà luôn dạn dĩ và suy nghĩ tích cực.

Hạnh, bạn tôi là con gái thứ năm. Tôi hay qua nhà bạn chơi vì nhà bạn nhiều con gái và tôi thích cái không khí êm ả trong gia đình này.

Chị Hà là con gái thứ hai, sau anh trai cả. Chị Hà, tuổi trẻ, tài cao lại rất có hiếu. Sau khi đậu trung học đệ nhất cấp, chị đi làm sở Mỹ một thời gian rồi đi thầu cho Mỹ rất phát đạt nên giúp đỡ cha mẹ và các em dễ dàng.

Chị Thu là con gái thứ ba, chị Thu làm việc phụ giúp cho chị Hà, nên cũng có tiền lương hàng tháng.

Mẹ tôi được sinh ra tại làng Tây Hồ, cạnh hồ Tây, ngoại thành Hà Nội. Mẹ là con gái một, mồ côi mẹ từ lúc lên ba tuổi. Năm 15 tuổi được cha, là ông ngoại tôi đưa vào Hà Nội sống vì ông ngoại tôi làm việc cho một nhà in trong Hà Nội, mỗi ngày đạp xe đi về vất vả, ông phải dọn vào Hà Nội ở là thế.

Cả mẹ tôi và bà Sùng đều xuất thân trong những gia đình bình dân, nhưng nề nếp tốt nên hai bà hợp nhau. Thỉnh thoảng mẹ tôi qua nhà bà Sùng ngồi chơi với bà hoặc rủ bà ra chợ Phú Nhuận ăn nem nướng, ăn quà chợ.

Mẹ tôi chỉ là nội trợ, mọi kinh tế gia đình đều do bố tôi cung cấp. Bố tôi làm cho một công ty xuất nhập cảng của Nhật nên cuộc sống gia đình rất thoải mái. Bố mẹ tôi có 4 người con, một gái và ba trai. Tôi là con gái cả.

Mẹ tôi là con gái một nên ông ngoại tôi ở chung với chúng tôi.

Bà ngoại tôi qua đời từ khi mẹ tôi lên ba tuổi. Vì thế, mẹ tôi và mấy chị em chúng tôi không biết dung nhan bà ngoại tôi ra sao. Nhưng mẹ kể mỗi khi mẹ về quê ngoại bên làng Xù (còn gọi là làng Phú Gia) thì những người lớn trong họ hay nói với mẹ rằng bà ngoại tôi đẹp lắm.

Làng Xù nằm dọc theo sông Hồng Hà, cách làng Tây Hồ không xa lắm, nếu đi bộ tầm cỡ nửa giờ thì đến. Nhưng làng Tây Hồ không nằm gần sông Hồng. Làng Tây Hồ là một trong bảy làng nằm chung quanh hồ Tây.

Vì thân với nhau nên khi nghe mẹ tôi sẽ dắt hai chị em tôi đi Nha Trang, bà Sùng muốn đi theo ngay. Thế là chị Hà mua vé máy bay cho mẹ và chị Thu đi Nha Trang. Nhưng không mua được cùng chuyến bay với mẹ tôi, mà đến Nha Trang sau chúng tôi một ngày.

Bố mua vé khứ hồi của Air Việt Nam cho chúng tôi. Lúc máy bay đang bay nửa đường thì mẹ kêu nhức đầu, đau tai quá, mẹ ôm lấy đầu kêu đau. Tôi ngồi cạnh lo lắng nhưng chẳng biết làm sao chỉ biết cầu nguyện Chúa chữa cho mẹ. Tôi nhớ lại vào năm ngoái tôi, chị Thu và Hạnh đi Nha Trang bằng xe đò nhiều phen hôn vía lộn tùng phèo. Bây giờ đi bằng máy bay thì an toàn hơn, nhưng lại có chuyện đau đầu của mẹ khiến tôi phải lo sợ.

Nhưng cảm ơn Chúa, mẹ cũng qua khỏi và chuyến bay cũng đáp xuống an toàn. Chúng tôi theo đoàn người đi dự hội đồng leo lên mấy chiếc xe lam đưa ra Thánh Kinh Thần Học Viện ở Hòn Chồng.

Mùa hè nên các sinh viên trường thần học đã về nhà, túc xá có nhiều phòng trống cho những người đi hội đồng ở tạm vài ngày. Bên kia đường là ngôi nhà thờ Tin Lành tổ chức hội đồng, đi bộ qua rất gần. Ngôi thánh đường này cũng thuộc về Thánh Kinh Viện.

Năm ngoái tôi cũng đã ra Hòn Chồng chụp vài tấm ảnh, nhìn trời mây non nước và leo trèo trên các mồm đá, đi bộ trên bãi cát chung quanh ghềnh đá. Kỳ này tôi được ở ngay Hòn Chồng, thích quá! Căn phòng của tôi và mẹ có 3 cái giường, tôi nằm sát cửa sổ, mẹ nằm ở giữa, còn một cái giường trong cùng của một bà khác. Em Nguyên được cho vào phòng của thanh niên.

Sau khi nhận phòng, ai nấy đã đói bụng vì đến giờ cơm trưa rồi.

Mẹ và tôi đi kiếm em Nguyên để rủ đi ăn. Chẳng cần đi đâu xa, đã có những người địa phương chung quanh đó gánh hàng ăn vào bán, họ bày ngay ở sân trường các gánh bún bò Huế, gánh com thịt kho, cá kho. Vì từ đây xuống phố đón xe lam đi xa và mất thời giờ nên ai nấy ăn cho mau rồi còn phải chuẩn bị qua nhà thờ đi nhóm cho kịp giờ khai mạc hội đồng.

Đúng là hàng ăn dã chiến, mua xong phải đứng bê tô, bê đĩa mà ăn, vì không có bàn ghế gì hết. Có bà hàng đem theo mấy cái ghế xồm thì cũng không đủ cho khách ngồi. Tôi thích ăn món nước lại càng khó vừa bê tô vừa gấp ăn nên mua xong tô bún bò, tôi bê về phòng ngồi trên giường ăn. Cái hành lang sát bên cửa sổ của tôi đã có vài bà bê tô bún bò vừa ăn vừa phê bình: “bún hàng này nấu dở quá, ăn hôi mùi bò”. Tôi còn nhỏ nên chưa biết thế nào là dở, vì ở Sài Gòn thời đó chưa có nhiều hàng bún bò Huế. Chỉ có mấy bà Huế nấu trong nhà thờ nên mẹ học theo.

Ăn xong, tôi đem tô ra trả. Mẹ nhắc tôi kiểm Nguyên để nhắc nó đi qua nhà thờ cho đúng giờ. Tôi kiểm mãi không thấy Nguyên đâu nên phát lo. Về báo cáo với mẹ, mẹ lại càng lo. Vừa mới đến Nha Trang, quanh quần chỉ có sân trường này mà nó đã biến đi đâu rồi? Không lẽ có người xấu ở ngoài vào đây bắt cóc trẻ con? Nguyên chỉ mới 11 tuổi, còn non nớt lắm. Tôi và mẹ hỏi người này người kia xem có thấy Nguyên không. Khổ nỗi, ít ai quen biết chúng tôi nên chẳng ai biết Nguyên cả.

Sau cùng, có một thanh niên nghe chúng tôi tả hình dáng Nguyên thì chỉ ra phía Hòn Chồng bảo là ban nãy có mấy thanh niên người Thượng đi ra đó, bác ra xem có thấy em đi chung với họ không.

Thế là mẹ và tôi tất tả đi ra Hòn Chồng, đi độ 7-8 phút thì đến nơi. Từ xa chúng tôi đã thấy một đám thanh niên đang leo trèo trên các hòn đá. Chúng tôi cố bước nhanh hơn, khi đến gần họ, mẹ reo lên: “Nguyên kia kìa!” Nói xong mẹ đưa tay vẫy và gọi to:

-Nguyên! Nguyên!

Nguyên quay lại thấy mẹ và tôi chỉ nhẹ răng cười chẳng thấy nó lo lắng gì.

Mẹ giận lắm trách ngay:

-Tại sao con đi đâu mà không xin phép mẹ để mẹ phải đi kiểm thế này? Con làm cho mẹ lo không biết con có bị người ta bắt cóc không.

Nghe mẹ mắng, Nguyên cúi mặt làm thinh. Có một anh người Thượng xin lỗi mẹ đã rủ Nguyên đi cùng vì các anh từ trên cao nguyên xuống dự hội đồng, lần đầu tiên ra biển thấy thích quá muốn đi xem phong cảnh cho biết. Anh xin phép mẹ cho Nguyên đứng chơi với các anh, khi gần đến giờ nhóm sẽ dẫn Nguyên đến nhà thờ.

Các anh Thượng mặc quần tây áo sơ mi như người kinh. Chỉ khác nước da họ hơi ngăm ngăm, giọng nói hơi lơ lớ, nhưng gương

mặt thật vui vẻ và nụ cười tỏa sáng. Có lẽ họ khoảng chừng 17, 18 chưa đến 20 tuổi. Họ ở những cao nguyên gần Nha Trang, lái xe gắn máy chở nhau đi dự hội đồng.

Mẹ thông cảm với các anh và không trách các anh gì cả. Mẹ cho Nguyên đứng chơi với các anh nhưng phải rủ nhau về nhóm hội đồng cho đúng giờ. Dặn dò xong, mẹ và tôi đi về phòng nghỉ ngơi chờ đến giờ đi qua nhà thờ.

Mùa hè oi bức, ở ngay biển mà vẫn nóng hừng hực, căn phòng không có quạt máy. Bà cùng phòng than nóng lấy quạt ra quạt thành phách. Mẹ đem theo một cái quạt xếp nên tạm có mà dùng. Tôi chẳng có gì để quạt nên mẹ nhường quạt cho. Nhưng tôi không muốn thấy mẹ nóng nực nên lôi ra một tờ tuần báo cầm theo, bây giờ dùng làm quạt. Tôi nằm ngay bên cửa sổ không có song, cửa mở toang, ai đi ngang hành lang bên ngoài đều có thể nhìn thấy tôi. Nhưng tôi không lo vì hai phòng bên cạnh đều là phòng phụ nữ, chỉ có các bà đi ngang qua thôi.

Sau khi nghỉ lưng một chút, chúng tôi đi bộ qua nhà thờ ở ngay bên kia đường. Đoàn người đi dự hội đồng đang tiến vào trong. Mẹ và tôi cố ý nhìn xem Nguyên có vào bên trong chưa. Không thấy nó, mẹ bảo tôi ngồi xuống để mẹ ra cửa chờ nó.

Một lúc sau Nguyên và mấy anh người Thượng đến nơi, mẹ dẫn nó vào ngồi chung với tôi. Các anh Thượng đi tìm nhóm của họ.

Hội đồng được khai mạc bằng những bản thánh ca hùng tráng, thiêng liêng. Sau đó là mấy ban hợp ca của các hội thánh người Thượng. Thiếu nữ Thượng mặc áo cánh trắng và váy đen dài phủ chân, áo theo kiểu người kinh, váy chắc là của họ. Lần đầu tiên tôi nghe họ hát thánh ca bằng tiếng sắc tộc và cả tiếng Việt. Họ có giọng hát tốt, hay và hát với tấm lòng tôn vinh thờ phượng Thiên Chúa thật cảm động. Buổi nhóm đầu tiên kéo dài khoảng gần 4

tiếng. Tôi không chú ý được từ đầu đến cuối bài giảng của mục sư vì lúc đó còn nhỏ, ngồi lâu thì lo ra, hết tập trung.

Tan buổi nhóm đầu, đi về dọc đường tôi hỏi Nguyên:

-Sao Nguyên quen mấy anh Thượng đó mà đi theo họ ra Hòn Chồng?

-Lúc đứng ăn em nghe họ nói tiếng gì không hiểu nên em hỏi mấy anh nói tiếng gì vậy. Mấy anh nói tiếng Việt với em rồi rủ em ra Hòn Chồng cho biết. Mấy anh hiền lắm.

Mẹ nói vào:

-Ừ, người Thượng hiền lành, chất phát. Hơn nữa, họ là con cái Chúa thì còn hiền hơn nữa. Nhờ tin Chúa, họ thoát khỏi những mê tín dị đoan và phù phép do các thầy phù thủy bày ra.

Buổi ăn tối cũng giống như ban trưa, nghĩa là các gánh hàng bún, hàng cơm lại vào với những món như ban trưa vậy. Ăn cho đỡ đói, vì chẳng ai muốn đón xe ra phố.

Sáng hôm sau, mọi người lại qua nhà thờ nhóm hội đồng. Lúc tan lễ thì có một thông cáo gấp: Có một anh người Thượng vừa mua chiếc xe gắn máy mới toanh để đi dự hội đồng, mới đến Nha Trang hôm qua, hôm nay đã bị mất xe rồi. Xe gắn máy đậu ngay trong sân nhà thờ chật mít. Có lẽ những tên trộm cướp địa phương đã đến đây quan sát, lợi dụng lúc mọi người đang nhóm họp phía trong nhà thờ đã thừa cơ hội ăn cắp cái xe mới nhất. Sau thông cáo là lời kêu gọi mọi người đóng góp, quyên tiền giúp anh kia có thể mua được chiếc xe khác để lái về nhà. Nhất là, cái xe là tất cả khả năng của cha mẹ anh mua cho con để có xe đi công việc. Thế là mọi người sẵn lòng góp nhau, mỗi người một ít cũng đủ cho anh mua một cái xe khác. Mẹ có lòng thương người cơ nhỡ nên đóng góp tích cực.

Cái anh Thượng bị mất xe không phải trong nhóm của mấy anh đi với Nguyên ra Hòn Chồng hôm qua. Có nhiều nhóm người Thượng từ nhiều vùng khác nhau đến đây dự hội đồng.

Buổi trưa, tôi và mẹ nằm nghỉ nhưng không ngủ được vì nóng quá. Tôi hỏi mẹ sao chưa thấy bà Sùng và chị Thu đến. Mẹ bảo có lẽ giờ này đã đến phi trường Nha Trang rồi. Đang nói chuyện với nhau tôi nghe thấy tiếng bà Sùng và chị Thu ngoài hành lang: “Xin hỏi có ai biết phòng bà Nhật ở đâu không ạ?” Tôi ngồi bật lên chạy ra gọi:

-Chị Thu! Chị Thu! Em ở đây này!

Chị Thu và bà Sùng cùng quay lại trông thấy tôi cùng cười nói tíu tít: “May quá, kiếm ra được ngay.”

Hai mẹ con bà Sùng theo tôi về phòng. Mẹ và bà Sùng chào nhau vui vẻ. Bà Sùng nói ngay:

-Cái Thu không muốn ở đây, nó muốn đưa cái An ra phố ở nhà bạn tôi để tiện ra phố cho vui. Chỉ có tôi ở đây với bà thôi.

Nghe thế, tôi mừng quá, nói ngay với mẹ:

-Đúng rồi! Con muốn ra phố ở với chị Thu. Chị Thu biết đường dắt con đi chơi.

Mẹ đang vui nên đồng ý ngay. Thế là tôi thu vén hành lý theo chị Thu đón xe lam ra phố. Đi bộ một lúc là đã thấy vài chiếc xe lam ở ngay con dốc đậu sẵn chờ khách.

Xe đỗ ngay ở nhà bạn bà Sùng, họ cùng là người làng từ xưa. Sau khi di cư, ông bà Sùng ở Sài Gòn, còn gia đình ông bà Hưng ra Nha Trang. Ông Hưng đã mất sớm, bà Hưng buôn bán đồ Mỹ ở chợ nuôi đàn con 5 đứa: một trai, bốn gái.

Căn nhà nửa gỗ, nửa gạch của mẹ con bà Hưng khá rộng. Có sân xi măng rộng rãi phía bên hông nhà và có giếng để mỗi ngày các con bà tự xách lên dùng. Có phòng tắm và nhà cầu phía sau sân, có chỗ phơi quần áo trong sân.

Các con bà Hưng rất hiếu khách, chúng xúm lại xách hành lý cho tôi và chị Thu đem đi cất, rồi chỉ cái giường lớn tối nay cho tôi và chị Thu ngủ. Chúng nhỏ nhẹ, hiền lành thật dễ thương. Hai đứa con gái khoảng tuổi tôi và nhỏ hơn đến nói:

-Em xách nước đổ vào lu sẵn, khi nào các chị muốn tắm thì có nước ngay.

Tôi hiểu kỳ muốn xách nước thử, nên nói:

-Các em cứ chỉ cho chị thì chị sẽ tự xách nước.

Nghe thế, chúng nó cười vô tư:

-Thôi! Chúng em làm quen rồi không sao, chị mà xách nước lỗ lộn cổ xuống giếng ấy.

Nghe thế, tôi nhin cười không được. Nhưng vẫn nói:

-Cứ để chị thử xem mà!

Thế là tôi ra sân thử xách nước. Xem thế mà khó, cái gàu tôi kéo chẳng được đầy, nếu cứ thế thì lâu lắm mới đầy thùng. Một em nói ngay:

-Chị đưa đây, em làm cho nhanh.

Vừa nói, em vừa dành lấy cái gàu, miệng cười vui vẻ. Kỳ này tôi không dành nữa.

Hai cô con gái lớn của bà Hưng đi nấu cơm. Vừa xong thì bà Hưng về đến nhà. Bà Hưng vui vẻ đón tiếp chúng tôi. Bà nói với chị Thu:

-Hiếm khi nào mà được gặp nhau như thế này. Mẹ cháu đâu, sao không ra chơi?

-Mẹ cháu có ra nhưng đang ở Hòn Chồng với mẹ của An. Thứ Hai tan hội đồng mẹ cháu sẽ ra đây chơi với bác một ngày. Còn mẹ con An sẽ về Sài Gòn vào thứ Hai.

Bà Hưng hơi ngạc nhiên vì gia đình bà Sùng theo đạo Công Giáo mà sao đi hội đồng Tin Lành. Chị Thu lại giải thích “thì đi với bác Nhật cho vui mà, có sao đâu.” Bà Hưng hiểu ra, nên nói “À, ra thế!”

Buổi cơm tối có vài món cá biển thật tươi và hai món rau. Cả nhà ngồi quây quần trên một cái giường lớn, giữa đống mâm cơm. Các con bà Hưng mời mẹ thật lễ phép rồi mời khách, các em mời anh chị, đâu ra đó. Nhà bà Hưng vẫn giữ nề nếp miền Bắc.

Bữa cơm đối với tôi thật ngon miệng, nhất là sau ba bữa ăn cơm hàng gánh rong không mấy gì ngon.

Ăn xong, ngồi nói chuyện với mấy đứa con gái một lúc, tôi xin phép đi tắm.

Tắm gội xong, bước ra sân rồi mới theo cửa bên hông vào nhà. Vừa bước vào nhà, tôi đã thấy chị Thu đứng nói chuyện với một anh lính phi công mặc đồ bay. Chị quay lại giới thiệu:

-Đây là anh Song, bạn anh Chi. Anh Song đang rủ chị ra biển ngồi chơi. An đi với chị nhé?

Tôi phản đối ngay:

-Thôi, em đã tắm xong và thay đồ bộ rồi. Chị đi chơi với anh Song đi, em ở nhà với mấy chị em này.

Mấy đứa con gái nhớn miệng cười vui vì tôi chọn ở nhà, có lẽ ít khi nào nhà có khách phương xa đến chơi. Nhưng chị Thu lại la lên:

-Ồ hay, mày theo chị ra đây ở để đi chơi, bây giờ người ta rủ đi lại không đi.

Tôi lưỡng cuống chẳng biết chống chế thế nào vì thực tâm tôi không muốn đi chơi với người lạ, nhất là đàn ông. Anh Song lại lên tiếng:

-An đi chơi với chị Thu cho vui mà, chẳng mấy khi chị em ra Nha Trang với nhau.

Tôi lại hỏi:

-Từ đây đi bộ ra bãi biển có xa không?

Anh Song trả lời:

-Nếu đi bộ thì hơi xa, lên xe anh chở đi thì 5 phút là tới rồi.

Chị Thu xen vào:

-Anh Song có xe lambretta, chở ba được, đi đi!

Tôi lo lắng nói:

-Chở ba nguy hiểm lắm, em không dám đi đâu.

Anh Song trấn an ngay:

-Anh chớ rất an toàn, em khỏi phải lo.

Cứ thế, chị Thu và anh Song ép tôi phải đi ra bãi với họ. Tôi không hiểu sao chị Thu bắt liên lạc với anh Song nhanh thế, vừa đến nhà bà Hưng chiều nay, buổi tối anh Song đã đến. Tôi đoán chị Thu gọi điện thoại cho anh Song từ lúc còn ở Sài Gòn, vì nhà bà Sùng cũng là văn phòng làm việc của chị Hà nên có điện thoại, chứ vừa ra đây làm gì kiếm được điện thoại để gọi.

Tôi phục tài quen biết rộng rãi của chị Thu. Chị là trung tâm liên lạc với mọi người, hình như đi đâu chị cũng có người quen. Quen sơ sơ nhưng nghe chị nói chuyện với họ tưởng như quen từ thuở nằm nôi. Anh Song là bạn anh Chi, là anh cả của chị Thu, cùng trong không quân. Nhưng anh Chi đang đóng ở Sài Gòn, còn anh Song đóng ở Nha Trang. Cả hai anh đều là Thiếu Úy không quân. Nhưng anh Chi làm ở phòng kiểm soát không lưu, anh Song là phi công. Không biết anh Song có vào Sài Gòn và đến nhà của chị Thu bao giờ chưa mà chị Thu và anh quen nhau.

Không từ chối được, tôi bảo chị Thu và anh Song chờ tôi đi thay quần áo khác vì tôi không quen mặc đồ bộ ra đường. Chị Thu và anh Song cản ngay.

Chị Thu nói:

- Gần tối rồi, không ai thấy đâu mà lo.

Anh Song nói:

-Từ đây ra đó chút xíu thôi mà, giờ này ngoài đường cũng vắng xe cộ rồi. Chút nữa trời sụp tối ngay, cứ mặc thế không sao đâu, chẳng ai để ý đâu.

Tôi vẫn cố gắng:

-Cho em năm phút thôi!

Chị Thu lại la to:

-Thôi, đi mau kéo trời tối. Đi sớm còn về sớm chứ nhà bác Hưng đóng cửa ngủ sớm đó.

Nghe thế mấy cô con gái nói ngay:

-Không sao đâu, các chị về lúc nào cũng được, chỉ cần gõ cửa là chúng em nghe thấy ngay.

Tôi chỉ còn biết nghe theo chị Thu và cảm ơn các cô em. Bước theo chị Thu và anh Song ra cửa mà trong lòng ảm ức, tôi không muốn đi chút nào. Không hiểu sao chị Thu dạn dĩ như thế mà phải lôi kéo tôi theo cho bằng được.

Anh Song dắt chiếc xe lambretta ra cổng, chị Thu leo lên ngồi giữa, tôi ngồi sau chị Thu. Ba người cùng lên một chiếc xe gắn máy, chật chội quá, tôi không thoải mái chút nào, nhưng không dám cự cựa sợ bị rớt xuống đường.

Cũng may, khoảng 5 hay 6 phút đã ra đến bãi biển. Tôi bước xuống xe và cảm thấy thoát nạn chật chội, gò ép và cảm giác kỳ cục.

Bãi này nằm ngoài chị Thu, Hạnh và tôi cũng đã ra đây ngồi. Bãi cát trắng hơn ở Vũng Tàu, có lẽ vì thế trông màu biển cũng xanh hơn, bóng dừa xanh lá loi dọc theo bãi trông thật đẹp và cho người ta một cảm giác bình yên, thư giãn.

Mấy cô em ở nhà đã đưa cho chị Thu một tấm nylon để ra đây trải ra mà ngồi. Anh Song gọi 3 trái dừa tươi ở một quán gần đó đem đến cho chúng tôi. Anh ngồi xuống góc phải, chị Thu ngồi giữa, tôi ngồi ở góc trái. Cả ba chúng tôi đều quay mặt ra biển. Giờ này đã nhạt nắng nên không còn nóng gay gắt. Gió mát thổi từ biển vào thật dễ chịu.

Chị Thu lại khơi chuyện nói, anh Song và chị Thu cứ đối đáp liên tục. Tôi nghe một lúc cũng chán, lo lắng nghĩ đến các nhân vật trong vài cuốn tiểu thuyết tôi đã đọc. Thình thoảng lại để tai nghe chuyện chị Thu và anh Song nói đến đề tài gì rồi. Eo ôi, chị Thu bạo phổi quá, chị nói toàn chuyện đàn ông đàn bà sau cánh cửa.

Có lần bà Sùng kể cho mẹ tôi nghe lúc chị Thu được 8 tháng, gia đình bà chạy loạn ở Lạng Sơn khi Tây và Việt Minh đánh nhau. Chị Thu bị một viên đạn bắn qua đùi, may được đưa vào nhà

thương cứu kịp, để lại cho chị một cái sẹo lún sâu thật to. Còn người em song sinh với chị Thu thì chết ngay lúc đó vì cũng bị đạn, không cứu kịp. Bà Sùng bảo có lẽ vì thế mà tánh tình chị Thu không bình thường như người ta, nên bà thông cảm và thương chị Thu lắm.

Hình như chị Thu không biết mắc cỡ trước một người đàn ông lạ. Chị ăn nói bạo mồm bạo miệng, rất vô tư, rất dạn dĩ và không cần biết đối phương ra sao. Nhưng chị hiền lành, dễ gần. Tôi rất nhát, rất sợ đến gần những người lớn hơn mình năm, bảy tuổi. Nhưng vì chị Thu luôn niềm nở và thân mật với tôi nên đến gần chị tôi cảm thấy ấm áp tựa như tôi có một bà chị ruột vậy.

Trái lại, chị Hà là chị của chị Thu, lớn hơn chị Thu hai tuổi, ít nói và dịu dàng, kín đáo thì tôi lại không dám gần. Nhưng trong lòng, tôi rất ái mộ chị Hà, vì chị có chất giọng rất nữ tánh, rất mềm mại, nghe chị nói chuyện như thì thầm, êm tai, dễ mê lắm.

Trời đã dần tối, bãi thừa người, tôi chán nghe chuyện của chị Thu và anh Song nên nằm xuống tấm nylon ngược nhìn lên trời đếm sao. Tôi nghĩ phải chi nhà mình ở Nha Trang có lẽ tôi sẽ ra bãi này mỗi đêm để ngắm sao và hóng gió biển.

Tôi đã thiêu thiêu ngủ thì chị Thu gọi dậy đi về. Tôi mừng vì chị Thu nói chuyện xong rồi.

Qua sáng hôm sau, chị Thu rủ tôi theo hai em gái con bà Hưng ra chợ Nha Trang. Chị Thu và tôi mua cá, mực, tôm, ghẹ, nghiêu về để ăn với gia đình bà Hưng. Hải sản ở Nha Trang tươi rói, nhìn thấy mê, giá lại rẻ hơn ở Sài Gòn. Tôi và chị Thu không biết trả giá, hai con bà Hưng dắt đến hàng quen nên họ không nói thách.

Chiều tối, sau khi cơm nước với gia đình bà Hưng xong, lại thấy anh Song đến. Chị Thu lại bảo tôi đi theo như hôm qua. Tôi biết cãi cũng vô ích nên gật đầu. Tôi vẫn ngán leo lên chiếc xe chở ba người nhưng không có cách nào thoái thác.

Hôm nay anh Song lại hỏi khi nào tôi về. Hôm qua anh Song đã hỏi câu này rồi, chị Thu đã trả lời rồi. Có lẽ anh không nhớ hay sao mà hôm nay lại hỏi. Hay là anh hỏi cho có chuyện để nói? Chị Thu lại trả lời:

-Ngày mai nó về rồi.

Anh Song hỏi lại:

-An đi chuyến bay mấy giờ? Ai đưa ra phi trường?

Tôi trả lời:

- Sáng mai mẹ em và mẹ chị Thu từ Hòn Chồng ra đây đón em. Em sẽ theo mẹ ra phi trường. Còn mẹ chị Thu ở lại đây với chị Thu thêm hai ngày nữa.

Anh Song lại nói:

-Mỗi ngày chỉ có hai chuyến bay của Air Viet Nam bay vào Sài Gòn lúc xx:xx giờ và xx:xx giờ. An có biết đi chuyến nào không?

-Em không biết, vì mẹ em giữ vé máy bay.

Hỏi xong, anh Song lại chở chị Thu và tôi ra bãi biển ngồi chơi như tối hôm qua. Tôi lại hết ngồi rồi nằm đếm sao và lim dim, chập chờn cho đến khi chị Thu gọi về.

Sáng hôm sau, bà Sùng, mẹ và em Nguyên từ Hòn Chồng ra, ghé đến nhà bà Hưng đón tôi. Bà Sùng ở lại nhà bà Hưng với chị Thu.

Tôi lên chiếc xe Lam mẹ đã thuê đưa ra phi trường. Khi đến phi trường, mẹ và em Nguyên đi vào trước, tôi theo sau.

Vừa bước qua cửa, ngang mấy dãy ghế cho hành khách ngồi chờ. Có một người phi công mặc đồ bay đứng dậy khỏi ghế tiến đến phía tôi. Tôi nhìn ra anh Song nên khựng lại nhìn anh. Anh lên tiếng trước:

-Anh chờ An hơn cả tiếng rồi đó, tưởng An đi chuyến sáng sớm.

Tôi bối rối quá đỗi, lo sợ mẹ hiểu lầm tôi hẹn anh ra đây. Mẹ đứng lại chờ tôi, nhưng nhìn anh có vẻ thắc mắc. Tôi vội phân bua với mẹ:

-Đây là anh Song, bạn của anh Chi và chị Thu.

Rồi giới thiệu với anh Song:

-Đây là mẹ em.

Anh Song chào mẹ thật lễ phép:

-Cháu chào bác.

Mẹ gật đầu chào lại rồi nói với tôi:

-Mẹ vào đăng ký rồi ngồi trong kia. Nhớ vào đó với mẹ cho kịp giờ bay.

Nói xong mẹ lại chào anh Song rồi đi thẳng vào trong quầy vé. Còn lại một mình, tôi cảm thấy ngộp ngạp khó thở, mất tự nhiên. Anh Song lại lên tiếng:

-Mẹ An trông xinh và trẻ quá.

Tôi ít khi nào nghe ai khen một người phụ nữ lớn tuổi “xinh”. “Xinh” chỉ để khen con gái trẻ hay trẻ con mà thôi. Anh không phải là người đầu tiên khen mẹ tôi trẻ, mà rất nhiều người khen mẹ tôi trông trẻ hơn tuổi rất nhiều. Năm đó mẹ gần 38 tuổi, nhưng nước da mẹ trắng, khuôn mặt trái xoan, mắt bồ câu và sống mũi thẳng nhọn, nhìn mẹ vừa đẹp vừa trẻ khoảng 30 mà thôi. Như thế trông mẹ lớn hơn anh khoảng 5 đến 6 tuổi mà thôi. Thế mà anh gọi mẹ là bác nên tôi thấy kỳ cục làm sao.

Tôi cảm thấy lúng túng khi chỉ có anh và tôi nên vội chào anh để vào trong với mẹ. Anh chưa kịp nói thêm lời nào thì tôi đã quay lưng đi. Vào trong, tôi đến ngồi gần mẹ, nhưng vội nhìn trộm ra phòng ngoài xem anh đã đi về chưa. Anh vẫn còn ngồi lại hàng ghế ban nãy, đầu hơi cúi xuống. Tôi hồi hộp lạ lùng, không biết tại sao anh ra đây chờ tôi và chờ từ ban sáng.

Hai ngày sau chị Thu và bà Sùng về đến nhà. Tôi sang chơi, chị Thu nói với tôi:

- Anh Song gửi lời thăm mày, hình như anh chàng thích mày đó.

Tôi xấu hổ trả lời:

-Anh Song lớn hơn em nhiều quá. Ai mà thích kỳ vậy!

Chị Thu lại cãi:

-Anh Song 24 tuổi, lớn hơn mày có 11 tuổi chứ mấy.

-Nhưng em còn nhỏ quá, em rất sợ mấy “ông già”. Em chưa muốn có bồ, kỳ cục!

-Thì người ta thích mình thôi mà, có sao đâu.

Một năm sau, hè 1968. Hai bà mẹ lại rủ nhau đi Nha Trang chơi. Có lẽ kỳ trước ra Nha Trang, mẹ chỉ ở Hòn Chồng nên kỳ này mẹ trở lại cho biết phố phường. Kỳ này chị Thu hoặc Hạnh không đi theo bà Sùng nên tôi không có hứng đi theo mặc dù mẹ có rủ tôi cùng đi. Tôi đã ở cái tuổi cần có bạn, đi với hai bà mẹ tôi chẳng thấy vui vì chẳng có bạn cùng trang lứa để nói chuyện.

Ở Nha Trang năm này đang có anh Cường, cháu gọi bà Sùng là mợ dậu. Anh Cường là Trung Úy Biệt Kích Dù đang đóng ở Nha Trang.

Kỳ tết Mậu Thân anh Cường và sư đoàn của anh được phái về giải vây Sài Gòn nên anh hay ghé thăm gia đình cậu mợ là ông bà Sùng. Vì thế anh gặp tôi ở đây và từ đó anh hay ghé trường đón tôi và về Nha Trang anh hay biên thư cho tôi.

Tôi không dám theo hai bà mẹ ra Nha Trang có lẽ vì tôi ngại gặp anh Cường. Lúc đó tôi nhát lấm, sợ người lớn tuổi hơn mình nhiều. Con gái hay con trai lớn hơn tôi nhiều tuổi tôi đều sợ đến gần họ, huống gì anh Cường hơn tôi 13 tuổi và anh Cường thích tôi, càng làm tôi sợ hơn.

Kỳ này, hai bà mẹ ra Nha Trang một tuần lễ. Anh Cường đưa hai bà mẹ đi chơi và mời hai bà đi ăn nem nướng Nha Trang. Mẹ về kể lại:

-Sao ở Nha Trang người ta gói sẵn nem nướng rồi đem ra cho mình, còn ở đây người ta đem bánh tráng ra cho mình tự cuốn.

-Chắc đó là cách ăn của người ngoài đó. Còn mẹ ăn ở chợ Phú Nhuận là cách của người Nam.

Sau năm đó, bà Sùng còn sanh thêm một đứa con trai út. Tổng cộng, ông bà có 10 người con.

Đã hơn 50 năm trôi qua. Những nhân vật của mùa hè 1967, 1968 hầu như đã đi khỏi đời này gần hết.

Riêng Thánh Kinh Thần Học Viện Nha Trang của hội thánh Tin Lành Việt Nam được khởi công xây cất từ mùa hè 1958 đến giữa năm 1961 thì hoàn tất.

Sau tháng 4, 1975, chính quyền cộng sản miền Bắc đã tiến chiếm miền Nam và tịch thu Thánh Kinh Thần Học Viện Nha Trang và nhà thờ của viện thần học này.

Anh Cường đã tử trận năm 1972, lúc tuổi vừa 30.

Chị Thu đã đi Mỹ từ năm 1974. Có lẽ chị lấy chồng lính Mỹ, nhưng cả nhà không muốn cho hàng xóm hay, chỉ bảo là chị đi Mỹ theo một cơ quan từ thiện nào đó.

Chị Hà, Hạnh và hai em đã di tản qua Mỹ vào cuối tháng 4, 1975. Sau đó đã bảo lãnh cha mẹ và các em khác đi Mỹ.

Sau 20 năm ở Mỹ, chị Thu đã chết vì một căn bệnh thời đại, bệnh AIDS hay còn gọi là bệnh SIDA. Chị chết lúc vừa ngoài 40 tuổi. Nghe nói chị có mấy đứa con với người chồng da màu.

Ông bà Sùng đã chết vì tuổi già, sức yếu sau khi được các con bảo lãnh qua Mỹ một thời gian.

Đó là tin tức về gia đình ông bà Sùng mà tôi nghe được khi về Việt Nam thăm lại hàng xóm cũ, nghe họ kể rằng Hồng, em của Hạnh có về Việt Nam thăm hàng xóm kể lại như thế.

Mẹ tôi qua đời tháng 9 năm 2017. Cha tôi qua đời tháng 11 năm 2018.

Các con của ông bà Sùng đang sống ở Mỹ nhưng chúng tôi mất liên lạc với nhau hơn 40 năm rồi.

Nửa thế kỷ trôi qua cái vò. Mới ngày nào tóc hãy còn xanh, còn hay mắc cỡ, ra đường thấy ai nhìn mình cũng xấu hổ, không dám nhìn lại. Thích ai cũng phải dẫu, vò như không thích.

Mới ngày nào mẹ tôi hãy còn trẻ, còn nhiều người khen trông mẹ trẻ quá, đẹp quá. Vậy mà mẹ đã trải qua bao biến cố, thân nhiên trước những khó nhọc, những đổi thay từ cuộc bỏ nước ra đi tháng 4, 1975. Lang thang qua Nam Hàn, Đài Loan, Bolivia, Paraguay, Brazil và cuối cùng là Canada.

Hai tháng cuối trước khi mẹ chết, mẹ tâm sự với tôi rằng:

-Ngày xưa còn bé, mẹ chỉ biết có làng Tây Hồ. Có vài người trong họ vào Sài Gòn làm ăn, thỉnh thoảng họ về quê thăm làng. Thấy họ làm ăn khá giả, mẹ không hình dung ra được Sài Gòn ở đâu, mẹ ao ước có một ngày nào đó được đi Sài Gòn chơi. Ai ngờ khi lấy bố, lại được di cư vào Nam, sống ở Sài Gòn. Rồi tháng Tư năm 75 lại bỏ nước ra đi. Ngày xưa ở Việt Nam, có bao giờ mẹ biết đến Bolivia, Paraguay, Ba Tây, với Canada, vậy mà mẹ lại đến ở mấy nước này. Không ngờ Chúa lại cho mẹ đi nhiều như thế!

Mẹ lại nhớ đến bà Sùng. Mẹ kể lại khi còn ở Đài Loan năm 1976, mẹ có biên thư về Sài Gòn cho bà Sùng, và bà Sùng cũng biên thư qua Đài Loan thăm mẹ. Bà Sùng viết cho mẹ rằng “Tôi đang hình dung bà đang ngồi trước mặt tôi, đang rủ tôi ra chợ Phú Nhuận ăn nem nướng đây”.

Mẹ âm thầm chịu đựng mà không cảm thấy mình đang chịu đựng. Mẹ luôn bằng lòng với hoàn cảnh, dù ở nơi không có người Việt Nam như Paraguay, ngôn ngữ bất đồng, mẹ vẫn kiếm đến nhà thờ mỗi Chúa Nhật. Ông bà mục sư và tín đồ ở đây rất quý mến mẹ. Khi mẹ rời Paraguay để qua Ba Tây, họ đưa tiễn mẹ và bố ra phi trường thật quyến luyến, cảm động.

Mẹ sống cho chồng và cho các con. Từ khi lưu lạc xứ người, mẹ thương chải làm lụng kiếm sống, nuôi chồng. Khi già, được nghỉ ngơi những năm cuối đời ở Canada thì lại dốc lòng cầu nguyện cho các con, các cháu và tất cả người quen, cho hội thánh Chúa trên toàn cầu, nước Mỹ, nước Canada, Do Thái và Việt Nam. Lòng mẹ bao la, nhớ đến ai, mẹ cầu nguyện cho người đó. Mẹ gắn bó với Chúa

qua lời cầu nguyện ngày đêm không ngừng nghỉ cho đến khi Chúa đem mẹ đi.

Có lẽ khi lên thiên đường mẹ lại tiếp tục cầu nguyện cho những người còn ở lại trên mặt đất. Và mẹ cũng gặp lại ông ngoại và ông bà Sùng trên thiên đàng rồi.

Ồi! Thời gian trôi nhanh như con gió lốc, trôi băng băng, trôi biền biệt, người ta không tài nào níu lại được. Tất cả chúng ta sẽ trôi theo thời gian vào quá khứ! Hạnh phúc hay khổ đau rồi cũng trôi qua. Không ai muốn phải khổ đau, nhưng khổ đau luôn nhiều hơn hạnh phúc. Vậy tại sao có những người luôn hạnh phúc người khác phải đau khổ trong khi chính mình luôn muốn có hạnh phúc? Hãy nhớ rằng cuộc sống này quá ngắn ngủi, nếu không tạo được niềm vui cho người khác, thì xin đừng chồng chất thêm khổ đau cho người.

TT-Thái An

8/6/2020



Hành Trình của NỮ CHỦ TỊCH VBVNHN

Cung Thị Lan
ISBN 978-1-300-75062-8
Sách 371 trang
Thể loại: tự truyện
Xuất bản: Love Publishing, 2025
Giá: \$50 (bìa cứng, in màu)
liên lạc: cunglan@yahoo.com





NGỰA KÉO XE TIỂU LỤC THẦN PHONG

Con sông Xanh vào mùa khô chỉ còn một dòng nhỏ chảy sát mé hữu, cả dòng sông giờ là một bãi cát rộng mênh mông chi địa. Mỗi buổi tan trường, học sinh trường Bồ Đề tỏa ra chơi bời chạy nhảy đã đời luôn. Tụi thằng Danh, thằng Hiên, con Hoa, con Lợi...thường kéo đến bơi lội ở quãng trước nhà máy nước, dòng sông khô cạn nhưng duy chỉ khúc này nước tạo thành một vực sâu và rộng, làn nước trong xanh mát lạnh, những hàng cây bên bờ rủ bóng, những cây dừa nước, cây si xìa cành ra sát mặt sông.

Thường mỗi chiều bác Hữu dắt con ngựa ra bãi sông này cho nó tắm và chải lông. Con ngựa tên Gia Minh, nó rất đẹp, to, cao, lông màu mật mía và mượt rượt. Bọn học sinh xúm xít quanh nó để rờ mó vuốt ve. Bác Hữu nhắc nhở:

- Mấy con đứng hai bên hông, đừng đứng phía sau, rùi nó đá bất thần là bể mặt!

Bác Hữu là người lái xe thổ mộ, nhà sát trường Bồ Đề. Có lẽ bác là người duy nhất còn chạy xe ngựa trong thị trấn. Chiếc xe ngựa có hai cái bánh to vào cao hơn ngực tụi học trò, trong thùng xe ngồi chừng tám người, phía sau thùng xe có mấy cái móc để treo quang gánh hoặc đôi nùng của mấy bà đem hàng ra chợ. Bác Hữu chạy xe ngựa chở các bà các cô đi chợ Gò, chợ Quán và chợ Huyện. Cái lộ trình bao nhiêu năm nay khép kín một vòng như thế. Cứ mỗi bốn giờ sáng là người trong thị trấn đã nghe tiếng vó ngựa lộp cộp trên

đường, dòng đi mang hàng xén đi bán ở các chợ quê và dòng về thì mang theo rau, củ, hoa quả... nói chung là nông sản. Tiếng vó ngựa lộp cộp trên đường suốt mấy mươi năm in sâu vào tâm khảm không biết bao nhiêu thế hệ rồi. Con Gia Minh bị hai miếng da che mắt, nó chỉ được nhìn về phía trước để thẳng đường chạy theo ý muốn của bác Hữu mà thôi, đòi ngựa kéo xe nặng nhọc, khổ sở và chỉ được nhìn một quãng ngắn phía trước trên một lộ trình khép kín. Thế giới của Gia Minh bị buộc vào hàm thiếc, càng xe và hai miếng da che mắt. Nó kéo xe sùi bọt mép trong sự câm lặng và roi vọt, cũng nhờ cổ xe ngựa ấy mà bác Hữu nuôi nổi hai đứa con ăn học tới nơi tới chốn. Thằng Danh tốt nghiệp khoa sử trường sư phạm, con Hoa ra trường với mảnh bằng cử nhân văn. Bác Hữu nhờ người quen chạy chọt nên cũng xin được cho con Hoa một chân dạy ở trường cấp hai gần nhà, đến thằng Danh thì không còn tiền, chấp nhận đi dạy ở huyện miền núi xa nhà.

Thời buổi công nghệ thông tin bùng nổ, mạng xã hội và Internet đã chọc thủng bức màn sắt, qua những thông tin và kiến thức từ bên ngoài. Thằng Danh và con Hoa đều nhận ra những cái mình học toàn là xạo sự, những điều người ta nhét vào đầu mình từ hồi nào đến giờ toàn là giả trá. Cả hai vật vã nhưng không biết nói cùng ai, tâm sự nặng nề, có đôi khi thổ lộ gần xa trên mạng xã hội thì lập tức bị bẽ hội đồng như đầu tố thời xưa. Cả thầy Danh và cô Hoa đều bí bách, bức bối và bất an. Ngày thầy Danh về phép chơi, cả nhà 10 bữa cơm quây quần khá đầm ấm, tuy nhiên Danh và Hoa vẫn có những nét khác lạ làm cho bác Hữu cũng thấy lo nhưng không biết làm sao giúp con mình, ngoài những lời động viên khuyên bảo vốn đã như là một công thức quen thuộc. Cả hai cũng dạ dạ cho bác Hữu an lòng. Thầy Danh nói trống rỗng nhưng rõ ràng có ý với Hoa:

- Con ngựa của tía bị bịt mắt bằng hai miếng da, nó chẳng thấy được gì, ngoài cái tầm chạy định sẵn phía trước. Mình là người

nhưng cũng chỉ chạy được một cung đường nhất định, không được phép lạng quạng vượt rào.

Cô Hoa Chua quát:

- Con ngựa bị bịt mắt nhưng tai còn nghe ngóng được, tuy nhiên nó bị khớp hàm thiếc, cột vào còng xe nên đành chịu phép. Mình không chỉ bị bịt mắt mà còn bung cả tai, khớp cả miệng. Lộ trình mình cũng quanh quẩn trong vòng rào buộc bởi biên chế và những thiết chế xã hội đặt ra. Con ngựa của tía chệch một tí là ăn roi ngay, còn mình chệch một chút là... chết!

- Mấy năm nay nhờ có mạng NET nên mới nhìn ra bên ngoài được một tí, tuy nhiên tường lửa cũng ngăn chặn liền. Dù sao cũng nhờ có NET mình mới biết mình không khác gì con ngựa kéo xe của tía.

- Con ngựa bị khớp miệng, buộc vào còng xe, che mắt và chạy theo cái lộ trình nhất định. Nó không thể nhìn xung quanh, không được ăn cỏ tươi ven đường, thậm chí không được làm cái việc mà giống đực vẫn làm. Tía đặt tên cho nó là Gia Minh nhưng đòi nó tối đen chứ chẳng sáng tí nào, nó lằm lũi kéo xe theo hướng tía giắt dây cương, hễ nó buống là bị tía quất roi liền. Trước mắt nó là con lộ nhỏ bé xám đen, nó không thể thấy đồng loại hay hoa cỏ hai bên đường. Trọn đời nó trong bộ hàm thiếc, dây cương và cột vào còng xe, cứ thế kéo xe đến khi không còn kéo xe được nữa thì tía bán nó cho lò mổ. Thịnh thoảng tía đưa nó ra sông tắm những tưởng là tự do lắm nhưng nó cũng không thể làm gì theo ý muốn, vẫn luôn nghe theo lệnh và cái roi của tía.

- Mình đi học cũng thế, người ta nhét vào đầu mình những gì họ muốn, rồi ra trường đi dạy cũng cứ thế mà lặp lại như con vẹt. Thầy của mình, mình và học trò của mình cứ thế mà đi theo hướng người ta buộc mình phải đi. Con ngựa còn có đích đến là chợ nhưng mình thì chẳng biết đi về đâu, cái đích ở đâu và bao giờ tới chỉ có trời biết!

Cứ thế hai chị em nói toàn những lời đầu đầu không đầu không cuối, người nhà nghe cũng ngò ngợ hiểu nhưng chẳng biết nói gì. Cả tía lẫn má cứ cầu an bảo:

- Chuyện đầu còn có đó, người ta sao mình vậy, đừng có bày đặt cầm đèn bão chạy trước xe hơi chi cho mệt!

Cô Hoa và thầy Danh nhìn nhau cười, cả hai ngẫm hiểu nên dừng ở đây, nói thêm nữa chỉ làm cho tía má lo âu. Bữa cơm cũng xong, hôm sau cả nhà cùng với anh em họ quây quần một bữa vui nữa để rồi mai thầy Danh lại lên miền núi xa xôi kia đi tiếp tục cái lộ trình định sẵn và cô Hoa cũng thế, dù dạy gần nhà nhưng cũng phải đi theo con lộ người ta bảo mình phải đi, còn con Gia Minh vẫn cứ kéo xe cho tía.

Một ngày kia vì quá căm phẫn người Tàu giết ngư dân Việt, cướp lấy Hoàng Sa và Trường Sa, thầy Danh lên mạng xã hội đăng một cái tin ngắn vốn nhiều người biết:

- Hoàng Sa, Trường Sa của ta, lưỡi bò phi pháp. Người Philippin đã kiện ra tòa án quốc tế La Hay và tòa phán xử thắng! Tại sao ta không làm như họ?

Cái tin vừa đăng chẳng mấy chốc lũ tiểu yêu nhào vô đấu tố ném đá một cách điên cuồng, bọn chúng chửi rửa với tất cả ngôn từ mất dạy và bẩn thỉu nhất mà tâm trí chúng có được. Thầy Danh thầy nóng mặt nhưng biết không thể dùng lời phải trái để phân bua với chúng, nói chuyện thị phi với chúng thà nói với đầu gối của mình còn có lý hơn. Đồng nghiệp thầy Danh cũng ngán ngấm, họ e sợ liên lụy nên tránh ra mặt, chẳng một ai dám lên tiếng bênh vực. Thật sự ra thì nhiều đồng nghiệp đã tránh thầy Danh họ sợ liên lụy, nhất là từ sau cái vụ thầy Danh dám đăng lên mạng xã hội chuyện bà Hai Hóa bị mất cả mấy mẫu đất vườn mà người ta chỉ bồi thường có chút xíu tiền không đủ mua cục đất chọi chim. Thầy danh còn đăng nhiều vụ người này mất nhà, người kia bị trấn tiền

mãi lộ...Chính vì những lời thật này mà đám tiểu yêu luôn rình rập bề hội đồng, giờ thầy Danh đăng cái tin này nữa kể như cao điểm.

Ngày hôm sau thầy Danh được gọi lên văn phòng hiệu trưởng, có cả một toán cán bộ văn hóa, an ninh, mặt trận của huyện về. Sau khi bị chụp mũ những điều hết sức vô lý, thầy Danh đứng dậy toan nói phải quấy nhưng bọn họ không cho thầy Danh nói. Mấy cánh tay lực lưỡng đứng bên ấn thầy Danh ngồi xuống ghế, nhìn những bộ mặt hung tợn đàng đàng sát khí biết chúng sẵn sàng động thủ tay chân nên đành ngồi yên mặc tình nghe chúng buộc những cái tội trời ơi đất hỡi và cũng ngày hôm ấy hiệu trưởng tổng cho thầy Danh cái giấy buộc nghỉ dạy. Thế là thầy Danh mất dạy vì dám nhìn thấy những gì ngoài hai tấm da bịt mắt, dám nói những gì không được nói, dám chệch ra khỏi lộ trình đã định hướng.

Gói ghém tém gọn vài món đồ hành trang cá nhân ít ỏi của mình để quay lại ngôi nhà cũ bên sông, chiều chiều thầy Danh thay tía dắt con Gia Minh ra sông tắm. Thầy Danh cũng chẳng buồn vì mất dạy mà buồn vì bạn bè sao sửa quá, chỉ có nhiều đó mà đã dạt giãn ra cả rồi. Nằm trên bãi cát của con sông, nhìn mây trắng trôi lang thang trên bầu trời mà lòng cảm khái chi đâu. Thầy ước ao hóa đám mây trắng ấy mà bay bốn phương chẳng còn phải bận tâm việc người đời. Con Gia Minh đã mấy nay quen với sự ve vuốt chải lông của thầy Danh nên nó cũng tỏ vẻ quyến luyến cú lẩn lộn trên bãi cát cạnh thầy. Thầy Danh nhìn nó, đưa bàn tay vỗ vỗ vào trán nó:

- Cuộc đời kéo xe của mày vậy mà an toàn, mày sẽ kéo xe cho đến ngày cuối đời mà không lo mất việc miễn là mày chịu đeo hai mảnh da che mắt, miệng buộc hàm thiếc, thân cột vào chiếc xe thổ mộ kia.

Con Gia Minh có hiểu chi không thầy Danh không biết, chỉ thấy nó nằm ngửa tung cả bốn vó lên trời và hí một tràng nghe cảm khái làm sao.

Thầy Danh gầy gò, lúc nào cũng áo sơ mi trắng bỏ trong quần, đi đứng từ tốn, nói năng nhỏ nhẹ, cặp mắt kiếng cận dày cộp mà bạn bè cứ ghẹo là nhìn đời qua hai miếng đất chai. Thầy lên mạng suốt những lúc rảnh rỗi, tìm đọc đủ thứ tài liệu, những trang nào bị tường lửa thì tìm cách vượt qua mà đọc, có lẽ vì thế mà tên thầy Danh nằm trong danh sách đen của lực lượng an ninh mạng và cả trong danh sách của lũ tiểu yêu côn đồ mạng. Ngày thầy Danh bị buộc mất dạy và trục xuất khỏi địa phương, những người bạn cùng trong dây tập thể đều đóng cửa phòng hoặc giả bệnh, chẳng ai tiễn hay nói một lời chia tay. Thầy vốn hiểu tình đời nhưng không ngờ con người ta là yếu bóng vía đến như thế. Cả ngàn người bạn trên mạng cũng im hơi lặng tiếng, thậm chí có người còn huỷ kết bạn với thầy để tránh những rắc rối mà họ sợ sẽ xảy ra. Thầy danh gầy gò như cây tre miếu mọc lẻ loi bên bờ sông, vậy mà bão tố quăng quật chỉ làm xơ xác lá chứ chẳng thể làm ngã được. Cả nhà thương và xót lắm, tía má cứ giục thầy Danh cưới vợ rồi lo làm ăn, chuyện thiên hạ cứ để đấy có người khác lo. Chị Tư Bông vốn là bạn học ngày trước, chị thương thầy Danh quá trời luôn, đi đâu, làm gì cũng ghé qua nhà thăm tía má. Chị bán hàng xén ngoài chợ huyện. Cả nhà xúi vô, con Tư Bông hiền lành, chăm chỉ, đẹp người đẹp nết...Thầy Danh chỉ cười qua quýt không ừ mà cũng không phản đối. Chỉ có cô Hoa là hiểu nổi lòng anh trai mình, nhân lúc nhà vắng, cô nói:

- Không phải ngựa nào sanh ra cũng bị kéo xe, có những con ngựa kiếng đẹp lắm, được ăn uống và chăm sóc kỹ càng, không phải bị bịt mắt, đeo hàm thiếc, kéo xe thổ mộ.

Thầy Danh cười:

- Những con ngựa kiếng thì nói làm gì, được mấy mống như thế? Đại đa số vẫn phải bị bịt mắt kéo xe.

- Anh tính xa quá một người, thôi thì người ta sao mình vậy.

- Nghĩa là đòi ngựa cứ bị bịt mắt kéo xe, rồi ngựa sanh ra lại tiếp tục như vậy sao?

- Biết sao được gì? Ai cũng phải sống, phải sanh con đẻ cái, không lẽ sợ bịt mắt kéo xe mà để tuyệt tự?

- Thật tình anh cũng chẳng biết làm sao, nhưng anh lấy vợ về e làm khổ người ta.

Cô Hoa không biết nói gì thêm, ngồi bó gối im lặng.

Phần chị Tư Bông chờ hoài mà hồng thấy thầy Danh đá động gì, đòi con gái xuân thì ngán ngùi, bông búp hồng bán bông tàn bán ai mua. Phần tía má cổ ép quá nên đành lòng lấy anh Sáu Bang, một người buôn chuyến đường xa, lâu nay vẫn thích chị Tư Bông nhưng ngại vì chị thương thầy Danh nên hồng tán được. Nghe chị Tư Bông lên xe hoa, thầy Danh miệng cười nhưng hai đuôi mắt hắt hiu quá chùng.

Mấy tháng đã qua, kể từ ngày thầy Danh bị mất dạy. Cô Hoa thường nấu món này món kia cho anh hai ăn, làm nhiều cách cho thầy Danh vui. Một hôm hai anh em ra bờ sông để lội. Cô Hoa nói:

- Con Gia Minh kéo xe cho tía cả đời, mắt nó bị che bởi hai tấm da, thân nó bị xích trong cỗ xe, tuy cùn mòn đời nhưng thế mà yên ổn. Con ngựa chiến sa trường có vẻ dũng mãnh anh hùng nhưng bị tên bay đạn lạc, đôi khi còn bị xẻ thịt lột da để gói xác ông tướng tử trận. Con Gia Minh sẽ kéo xe cho tới khi hết kéo nổi, không lo mất việc. Anh mất dạy vì dám gõ hai cái miếng da bịt mắt, muốn tháo cái hàm thiếc khỏi miệng, gỡ bỏ cái ách khỏi cỗ xe.

Thầy Danh lấy cành tre quẹt quẹt trên cát, mắt nhìn xa xa, nói với em gái mà như tự nhủ lòng:

- Anh không phải là con ngựa, tuy nhiên muốn gỡ cái miếng da bịt mắt quả là khó khăn lắm, ấy là chưa muốn nói rất nguy hiểm. Con Gia Minh nó an toàn kéo xe cũng vì hai miếng da ấy, đòi nó chỉ thế thôi! Mà nào chỉ mình nó, tất cả những con ngựa kéo xe đều thế cả, sáng đi chợ huyện trưa về bị nhốt trong chuồng với năm cỏ

rom khô. Đòi ngựa kéo xe chẳng có chút chi nguy hiểm, cứ lăm lũi với ngày tháng, chúng quên bém mất tổ tiên từng tự do chạy nhảy trên thảo nguyên xanh mênh mông. Chúng không biết rằng bạn bè đồng trang lứa của chúng nơi rừng xanh, sa mạc vẫn tung hoành ngang dọc dưới bầu trời xanh vô tận. Đòi ngựa hoang cũng có lúc hiểm nguy khi phải đối diện với cọp, beo, sư tử hay bọn thợ săn. Tuy nhiên chúng sống và chết với tất cả tự do kiếp ngựa, chúng hoàn toàn thỏa mãn cái ước vọng tự do, chúng chưa bao giờ biết hay có thể hình dung ra cái miếng da che mắt hay cái hàm thiếc rọ mõm. Thịnh thoảng có những con ngựa hoang bị bọn thợ săn bắt được và bọn họ cố gắng tra hàm thiếc vào miệng chúng. Những con ngựa hoang bất hạnh ấy vùng vẫy chiến đấu với tất cả sức lực mà chúng có được. Tổ tiên con Gia Minh ngày xưa cũng từ thảo nguyên xanh ngút tầm mắt kia, từ khi bị bọn người bắt được và tròng vào mình chúng cái gọng xe, tra hàm thiếc vào miệng, dùng miếng da bịt hai bên mắt. Từ đó dòng họ của Gia Minh đòi đòi gắn với chiếc xe thổ mộ này. Gia Minh cũng được sinh ra từ trong chuồng ngựa của tía, nối tiếp dòng họ nó kéo xe, nhiều lúc máu hoang dã trong người nó khởi lên, nó tung cả hai chân trước lên đứng hẳn bằng hai chân sau, tiếng hí của nó nghe vang động thảm thiết cả rặng chiều bên sông.

Cô Hoa im lặng nghe mà không chen ngang vào, để cho dòng tư tưởng của thầy Danh mặc sức tuôn ra khỏi miệng, có lẽ đã lâu chưa bao giờ được nói một cách khái cảm như thế. Thầy Danh lúc này như con ngựa đã được tháo mảnh da che mắt, gỡ hàm thiếc khỏi miệng, tự do chạy rong trên bãi sông. Ngưng một lúc, dường như thấu nỗi đau của Gia Minh, thông cảm với kiếp ngựa kéo xe của nó. Thầy Danh tiếp tục tâm sự:

- Nhiều lúc anh muốn thả nó về với đại ngàn nhưng ở giữa thị trấn này biết đại ngàn ở đâu? Và lại thả nó đi rồi thì tía má và cả nhà sẽ sống bằng gì? Nó đã nuôi cả nhà, ngay cả tấm bằng cử nhân

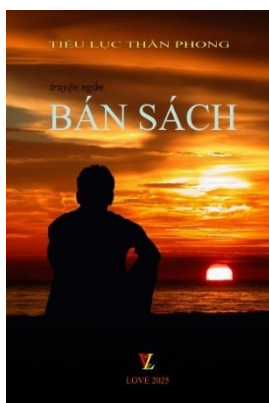
của anh và em cũng nhờ công sức kéo xe của nó. Con Gia Minh cách xa đồng loại đã lâu, chuồng ngựa là nơi quen thuộc vào ra, không biết nó có nhớ gì đồng loại của nó chẳng? Nó có thấy cô đơn như anh kể từ khi bị mất dạy?

Cô Hoa đứng dậy, kéo anh trai ra mép vũng nước để bơi như thể lôi anh ra khỏi con mặt tướng. Cả hai vẫy vùng ở khúc sông đầy sáng khoái, một chút tự do tuyệt đối mà những kẻ không biết bơi chưa bao giờ hưởng và cũng không làm sao hiểu nổi.

Thầy Danh mất dạy, chiều chiều dắt ngựa ra sông tắm, người và ngựa vùng vẫy bơi ở cái vũng nước của tuổi thơ ngày xưa.

Tháng ngày mòn mỏi chậm chạp trôi qua, tía già cụm rùm, con Gia Minh cũng già rồi chết. Cỗ xe ngựa tháo bung tận dụng được một số bộ phận, những phần không xài được bỏ chổng chơ ngoài sân, chuồng ngựa cũng tháo đi để làm nhà kho chứa đồ linh tinh chẳng mấy khi dùng. Thời buổi này đâu còn ai đi xe ngựa nữa, hồn con Gia Minh không biết thác sanh về đâu nhưng ít ra thì bây giờ nó không còn phải bị bịt mắt kéo xe, không còn ngàm thiếc buộc miệng, không cả những làn roi quật trên lưng khi chạy lệch ra mé lộ. Thầy Danh vẫn mất dạy, cô Hoa theo chồng về chợ huyện an phận thủ thường ngày ngày đi dạy, tiếp tục chạy trên con đường vô định với hai hai mảnh da bịt mắt và bộ cương vô hình.

Tiểu Lục Thần Phong



Bán Sách

Tiểu Lục Thần Phong

ISBN 978-1-300-61494-4

Sách 283 Trang

Thể loại: truyện ngắn

Xuất Bản: Love Publishing, 2025

Giá: 23.00 USD

Liên lạc: freedomsteven_01@yahoo.com



HOA ĐIỆP VÀNG

LÊ MỸ HOÀN

Gió vừa lên, những con gió không lớn lắm nhưng làm tung bay nhẹ nhàng hàng điệp trên suốt con đường, tung bay cả hai tà áo của Ngọc Sương, tiếp theo là những bông điệp vàng cuộn theo gió chơi vui trên phố, mênh mông cả một trời thấp thoáng nơi nào đó trong ký ức, cứ vời vọi tuôn ra chập chờn như trong một giấc mơ, giấc mơ một chiều trên phố cùng người yêu và cứ như thế giấc mơ theo gió lãng đãng trong tâm hồn.

Ngọc Sương mơ màng, cánh tay của người yêu gio lên chơi với bắt lấy một bông điệp, bông điệp vượt khỏi tầm với, nàng cũng vậy những cánh tay cùng vươn lên, gió đang lên cùng những tiếng cười và rồi người yêu nàng cũng có một bông điệp vàng trên tay để cài trên mái tóc cô nàng, ánh mắt nhìn nhau. Giấc mơ đơn sơ im lặng rồi một lát sau lại theo gió chập chờn bay lên bao trùm giấc ngủ, Ngọc Sương êm đềm đi trong đó.

Người yêu nàng mặc đồ quân phục, chàng mới được nghỉ phép về hôm qua, nụ cười trong khóe mắt trào dâng lên theo áng mây trời bao la như một nguồn hạnh phúc, chơi vui theo những bước đi, hạnh phúc tưởng như không bao giờ ngừng được, anh đã về và Ngọc Sương sẽ sống hết cho trọn những lần gặp gỡ như thế này. Hiện hữu đang ở trong tầm với chạm tới tận trái tim, sự sung sướng òa vỡ ra tràn lan trên những lối đi tưởng chừng đang nhảy nhót theo ánh nắng chói chang của khung trời ngày hạ.

Chiếc áo dài xanh da trời nhạt tung bay như làn mây mỏng, mát dịu chờn vờn là lướt trên màu áo hoa rừng quyến rũ, quện vào nhau như thể không rời ra được, tay trong tay cùng cười nói ríu rít tiếng hót của loài chim yêu đương, lối đi dưới hai hàng cây

xanh, trên ngọn là những bông điệp vàng. Bông điệp rút theo tầng lá không có gió như rút trước mặt hai người, có lúc Ngọc Sương vội vàng lấy hai tay đưa tà áo lên hứng lấy một bông điệp đang từ từ rơi xuống, bông điệp vàng của tình yêu, của tình yêu hôm nay và mãi mãi.

Bước đi cứ lẫm lẫm theo nhau, theo những bông điệp trải dưới chân một dải đất hương vàng của một trời hoa mộng, chất ngất dâng cao tâm tình triền miên trong lòng những ngày của ngày hôm nay, của tuổi xanh biếc ngời lên không bao giờ tan biến. Vòng tay trên lưng là tất cả, nụ hôn trao nhau bằng ánh mắt dưới màu gió nhẹ của làn môi, anh ngất ngây, tiếng nói ngọt ngào trong hai tâm hồn mở rộng ra giữa bầu trời mênh mông, rộng lớn như tình yêu trao nhau, bóng dáng cao cao của anh trong màu xanh lá rừng là mộng ước trong những ngày anh trở về, là trọn vẹn ước mơ.

Quán nhạc bỗng bình da diết những bản nhạc tình êm dịu, những âm thanh quay tròn xao xuyến, hai người như quỵên lấy nhau, hai bàn tay nắm chặt lấy nhau. Nhưng bỗng dung từ từ như hai chiếc lá rời ra bay theo gió, hai bàn tay buông lơi rất nhẹ, rồi một bông điệp vàng và tiếp tới những bông điệp bay đầy trời, những cánh tay vươn lên chọt bắt và cứ thế cả hai người chạy đuổi chap chòn như hai chiếc bóng.

Ngọc Sương tưởng chừng như hụt hơi, có gì đau nhói trong lồng ngực, âm thầm đau xót dâng cao, không gian mờ ảo chơi vơi tan dần, nàng như đang đi giữa hai hàng nến bập bùng, những giọt nến chảy xuống đang nhỏ từng giọt, nước mắt nàng sao nóng hổi, giấc mơ từ từ nhạt nhòa biến vào hư vô mơ hồ trôi nổi.

-oOo-

Đã lâu lắm mấy chục năm rồi Ngọc Sương mới trở về đây, Sài Gòn, thành phố nàng sống suốt thời thơ ấu. Nàng đã đi một vài chỗ và đi tìm những con đường quen thuộc ngày xưa có trồng những hàng điệp vàng, những hàng điệp nơi đó không còn nữa họ đã trồng những loại cây khác. Những con đường này như của ai đó, không còn là khung trời của nàng ngày xưa nữa, hay chỉ còn là ảo ảnh những bông điệp vàng theo gió của một thời xa xăm lắm. Ngọc Sương vẫn tiếp tục tìm kiếm trong những ngày còn lại, tìm lại trong tâm tư một điều gì.

Có một hôm nàng đã vô tình đổi khách sạn ở đầu một con hẻm trên đường Thành Thái, lúc ra ngoài phố như một nỗi vui mừng ở đầu sống lại trong tâm hồn nàng, trên con đường này vẫn còn hàng điệp hai bên đường. Con đường Thành Thái này hình như rất dài, về phía tay trái chỗ nàng cư ngụ đi lên một quãng là một ngã tư, qua khỏi ngã tư đó vẫn là đường Thành Thái thì phải, nhưng nàng chỉ rẽ tay phải ít khi nào đi lên mé trên đó, vì đi về mé tay phải đường dài hơn nhiều, nàng được đi lang thang nhiều hơn, tuy hơi khó đi, lề đường hẹp lại có đủ các hàng quán, những xe nhỏ bán bánh mì, nước mía, xôi đậu v.v... Ngọc Sương thường đi dọc theo đó để ăn trưa hoặc ăn chiều hay mua thức ăn về khách sạn. Lòng đường xe hơi và xe gắn máy chen chúc nhau chật ních, qua đường cả một sự khó khăn và nguy hiểm, phải là người sống lâu năm ở đây mới dám len những làn xe đang chạy để băng qua.

Điều Ngọc Sương thích nhất là suốt cả dọc đường dài, hai bên đường đều còn lại những cây hoa điệp vàng. Những thân gầy guộc cong queo tuốt lên cao có khi tới lầu ba hoặc lầu bốn, đang mùa hoa điệp, những bông điệp vàng đua nhau nở trên cao, trên những tàn cây xanh, tuy thấy chúng trông có vẻ già nua lắm, có cây tàn cũng rất to.

Cũng còn may cho nàng lắm, qua mấy chục năm những cây hoa điệp vàng này vẫn còn sót lại ở đây, không biết con đường nào còn không, nếu những cây hoa điệp này không có thân gầy và cong queo thì chắc giờ này cũng cùng chung số phận như những hàng me già thân cao to và thẳng. Người tài xế tắc xi quen thường nói cây nào to có giá thì đã bị trảm hết rồi để bán gỗ lấy tiền, mặc dù những hàng me này đã trung thành với thành phố, với những con đường và với người dân, che mưa che nắng hên hò cả trăm năm rồi.

Hàng điệp già là một niềm ưu ái nhất của Ngọc Sương từ lúc nàng trở về thăm quê hương, sáng nào nàng cũng ra ngoài, mặc dù hai bên đường hàng quán đã bắt đầu buôn bán rộn rịp, lòng đường chật chội xe cộ qua lại. Nàng len lỏi giữa những xe đậu ở bên lề bán những thức ăn sáng và những gốc cây điệp gồ ghề, những bông điệp vàng rơi rớt thả xuống trước mắt, thỉnh thoảng gió lên có những trận mưa hoa vàng, Ngọc Sương nhìn say mê.

Người ta đi lại đông đúc, đi làm đi học ai cũng vội vã không ai để ý đến một người đi lang thang làm gì. Cứ như vậy nàng đi suốt con đường lên tận nhà thờ Đồng Tiến, nhà thờ bên kia đường, nàng không qua đường được chỉ đứng bên này ngó sang, nhà thờ thật khang trang buổi sáng còn nằm im lặng trong hàng rào, tưởng như những hạt sương còn đang xuống. Có một vài cây điệp to đầy bông vàng trên ngọn ở bên đó, mé bên này đi thêm chút nữa là công sở gì nàng không để ý, ở khoảng dưới này có nhiều hoa điệp vàng.

Gió buổi sáng còn mát mẻ, nàng bước đi chậm chậm để hết tâm hồn chơi vui vào khung trời này, biết bao giờ mới trở lại đây. Nàng nhớ tới một truyện của nhà văn Bình Nguyên Lộc có đề tài là “Chiêu Hồn Nước” tả một người đàn bà có chồng ngoại quốc bao nhiêu năm mới trở về, vào lúc ban khuya bà đến chỗ bến Bạch Đằng, một mình lang thang để nhớ lại quê hương nơi bà sinh ra và lớn lên suốt thời thơ ấu. Nàng cũng giống bà, cũng về nơi đây để tìm lại những kỷ niệm của thời thơ ấu đã qua, cũng giống như bao nhiêu người khác đã đi xa và trở về để tìm một khoảnh khắc nào đó đã in sâu vào tâm khảm, nhưng nàng chỉ dám đi vào ban ngày, vào buổi sáng như thế này để được an toàn. Nơi đây là quê hương của nàng, nhưng quê hương này đã bị xâm chiếm và bị đè bẹp bởi một thể chế mà người dân bị chèn ép không nói lên được tiếng nói của mình, biết bao nhiêu người đã phải ra đi.

Hôm nay là ngày cuối cùng, Ngọc Sương đã ở Sài Gòn bốn tuần lễ, nàng nhìn lại hàng điệp, những bông hoa rớt xuống như những hạt mưa màu vàng, nàng thơ thần đi thật chậm như ôm ấp một lần chót khung cảnh của bao nhiêu năm về trước vào trong trái tim. Có những bông hoa rớt trên vai trên áo của nàng như những lời gửi gắm thì thầm từ trong gió, như những nụ hôn của người tình một thời rất xa.

Lê Mỹ Hoàn -2018



MÙA HẠ CALI

TÍNH QUÁCH



Mùa hạ Cali có gì lạ không em?
Những bãi biển chắc đầy người và nắng
Nhớ San Francisco
Cầu Cổng Vàng khoác màu áo da cam nồng nàn lãng mạn
Gió lạnh Thái Bình Dương sương mù bảng lảng
Anh thích qua bờ bên kia của chiếc cầu đẹp này
Xem thành phố bắn pháo hoa mừng ngày Độc Lập
Nhiều đôi tình nhân e ấp
Hôn nhau dưới vầng trăng huyền diệu sáng soi

Và bến Ngư Phủ vẫn quá nhộn nhịp đông vui?
Ồi món cua biển hấp và súp nghêu nóng hổi
Những nghệ sĩ đường phố tha hồ biểu diễn
Đàn hải sư phơi mình khỏi làn nước biển
Ngắm cánh bướm thấp thoáng cuối trời xa

Nhớ những ngày ở San Jose
Em đưa ta đi một vòng Thung Lũng Hoa Vàng
Mùa này hoa đã tàn úa hết
Những hàng quán bảng hiệu đầy tên tiếng Việt
Ghé Grand Century Mall ăn cơm tấm, bánh xèo...
Uống ly cà phê sữa đá đậm đà hương vị
(Tuởng ở quê mình chứ nào là đất Mỹ !)

Dại lộ Bolsa lúc này náo nhiệt lắm không em ?
Little Saigon các show văn nghệ tưng bừng, tha hồ mua sắm ?
Disneyland đâu chỉ trẻ con háo hức vui chơi, thư giãn
Ôi Cali đi dễ khó về!...

Tính Quách

====oO====

"Tôi yêu cái cách mùa hè dịu dàng ôm lấy ta, như một tấm chăn ấm áp vỗ về tâm hồn."

"I love how summer just wraps its arms around you like a warm blanket."

— **Kellie Elmore** - là một nhà văn và nhà thơ người Mỹ, được biết đến với phong cách viết giản dị nhưng đầy cảm xúc, thường tập trung vào những khoảnh khắc bình dị của cuộc sống. Cô nổi tiếng với những tác phẩm truyền cảm hứng, giàu hình ảnh và cảm xúc chân thật.



YÊU THẦM

DƯƠNG VIỆT CHÍNH

Ai bảo em cứ mãi
Học bài bên song cửa
Để anh phải ngang lối qua nhà
Rồi có những hôm
Trời chợt buồn mưa đổ
Anh nghe lòng trĩu nặng xót xa

Ai bảo em lại đến
Học chung trường với anh
Đường em đi về
Hàng cây rợp bóng lá dương xanh
Để anh mơ ước làm bóng mát
Lặng lẽ yêu thầm
Em có biết không

Ai bảo em cho anh mượn sách
Giấy thơm như mùi hương tóc
Để anh viết lá thư dài
Gửi lại em tỏ tình chân thật
Anh chờ mòn mỏi, đợi trông
Tay võ vàng điều thuốc
Tương tư thương nhớ em nhiều
Yêu em nên anh lười học

Ngò đâu hôm nay
Cũng trên đường này
Nhà em rộn rã
Pháo hồng tung bay
Em đi theo chồng
Nên không tựa cửa
Tìm anh mất nửa
Nỗi buồn khó phai

Dương Việt-Chinh 2025

"Bây giờ tôi nhận ra rằng cây cối nở hoa vào mùa xuân và kết trái vào mùa hè mà không mong cầu lời tán dương; rồi chúng rụng lá vào mùa thu, trơ trọi giữa mùa đông mà chẳng hề e sợ lời trách móc."

Now I realize that the trees blossom in Spring and bear fruit in Summer without seeking praise; and they drop their leaves in Autumn and become naked in Winter without fearing blame.

— **Khalil Gibran** - là một nhà thơ và triết gia người Mỹ gốc Liban, nổi tiếng với những suy ngẫm đầy chất thơ về cuộc sống, tình yêu và thiên nhiên, đặc biệt trong tác phẩm The Prophet (Nhà Tiên Tri) xuất bản năm 1923.



PHƯỢNG HỒNG MƯA ÁO EM BAY LUÂN TÂM



Phượng hồng mưa áo em bay
Cho anh gom hết hương say si tình
Cho hoa ghen chấy bướm nhìn
Cho ong hút mật vòng kinh cầu vòng

Phượng hồng nắng áo em hồng
Dài lưng tổn vải anh bông câu thơ
Dối cha dối mẹ chờ
Người đừng thương dại nhớ khờ chiêm bao

Phượng hồng gió áo em trao
Chim quyên cu đất bay vào tình ca
Em hoa quốc ngữ thăng hoa
Anh bướm quê tằm ao nhà hóa thơ
Phượng hồng mây áo em mơ
Mùa thi khao khát bao giờ tân hôn
Chung trường chung lối trắng non
Học yêu nghìn kiếp không mòn dấu yêu

Phượng hồng khói áo em trêu
Ca dao dài tóc nâng niu gót giày
Trong hồng trần ngoài thiên thai
Nghìn sau nghìn trước thơ say phượng hồng...

Luân Tâm - MD. 06/22/11



VỀ ĐÂY VỚI BIỂN

TRẦN QUỐC BẢO

Về đây với biển bao la
Mà xem con sóng nở hoa bạc đầu
Trùng dương thấm biếc một màu
Ô kìa!... nhật nguyệt, chìm sâu trong lòng

Về đây đứng giữa mệnh mông
Mây vàng cát trắng, nắng hồng biển xanh
Bọt bèo xô dạt đầu ghềnh
Ngắm đời mình cũng bập bênh nổi trôi

Về nghe diu dặt ngàn khơi
Trường ca biển hát những lời thiên nhiên
Nhịp nhàng sóng vỗ triền miên
Bãi dài lữ khách hành thiên trầm ngâm

Về nghe vang dội sóng gầm
Như trong lòng biển âm thầm sục sôi
Bâng khuâng nhìn bãi cát bồi
Nhớ xưa, nơi đó xanh ngời nương dâu

Về đây nhìn cánh hải âu
Ngàn trùng xa cách, từ đâu bay về
Bầy chim không tổ không quê
Tiếng kêu khan lạnh, nghe tê tái lòng

Về đây vào lúc hừng đông
Mà xem, mặt biển vùng hồng nhô lên
Thả hồn vào cõi vô biên
Để mơ hồ thấy... biển miền Quê Hương.

Trần Quốc Bảo



MÙA HÈ TRONG KÝ ỨC

HỒNG VÂN

Ta nhớ nắng, thương mây mùa hạ cũ
kỷ niệm trở về một thuở xa xưa
Nơi luôn có mặt trời soi nóng bỏng
Ngàn hoa vàng trên bãi cỏ xanh tươi

Nhớ phượng đỏ trong sân trường năm ấy
Cùng bạn bè chơi đùa giỡn bên nhau
Ngày không dứt mãi dài trong nắng hạ
Vận niềm vui chờ đợi tuổi thanh xuân

Bóng người tình của lúc mới vào yêu
Còn vương vấn trong nắng lòng muôn thuở
Theo lá me bay áo dài lộng gió
Bước theo nhau hồn rạo rực tâm tình

Ngày vui đó qua rồi Không trở lại
Tình yêu đầu khác hẳn những tình sau
Một mối tình dưới mặt trời rực rỡ
Giờ chỉ còn lưu lại giấc chiêm bao

Hồng Vân



HẠ VỀ
THƯ KHANH



Sông có tình yêu... sông ... ngủ lịm.
Mây còn... vợ vẫn... - mãi lang thang...
Mùa thơ đã đến rồi... - anh nhỉ...
Chả lẽ tình em... đã muộn màng?

Thông đánh nhịp đàn - chào nắng hạ.
Nắng hồng - hồng nữa - thắm môi xinh.
Nhớ thuở mười lăm ta cũng thế...
Nhiều anh than thở.... khổ vì tình!

Tiếng ve rí rả - lên cung bậc...
Hè hời sao ta phải muộn phiền.
Một năm có một Hè thôi nhỉ.
Là cả mùa thơ của thi nhân...

Thư Khanh - Seattle - Mùa Hè 26-



THUỞ ẤY TRUNG VƯƠNG HỒNG THỦY

Đêm qua mộng dẫn về trường
Gặp Thầy gặp bạn yêu thương thuở nào
Khi môi còn thắm hoa đào
Khi em còn dáng thon cao gót hài

Cổng Trường e lệ mắt nai
Khẽ nghiêng vành nón thoáng ai đứng chờ
Đời êm như một bài thơ
Hồn nhiên em bước đến bờ yêu đương

Tay trong tay dạo phố phường
Bô Na, Nguyễn Huệ đến đường Tự Do
Sài gòn đẹp tựa như mơ
Trước tòa Đô chính mình chờ đợi nhau

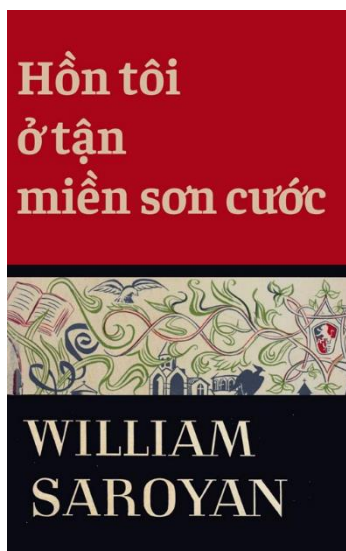
Sánh vai cùng dạo bến Tàu
Gió bay tà áo Xanh màu nhớ nhung
TRUNG VƯƠNG yêu dấu vô cùng
Trường xưa dù đã muôn trùng cách xa

Hồng Thủy



HỒN TÔI Ở TẬN MIỀN SON CƯỚC

Ý NHI



Đó là tựa đề một kịch bản của tác giả William Saroyan viết về nỗi nhớ quê hương của một người già sống ở viện dưỡng lão. Buồn và cô đơn, ông cụ Jasper Macgregor trốn ra khỏi viện, đi lang thang và thổi kèn trong thành phố Fresno, hoang vu và lạnh lẽo thuộc tiểu bang California vào khoảng năm 1914. Tiếng kèn của ông khi thổi bản Hồn Tôi Ở Tận Miền Son Cước, diễn tả nỗi nhớ nhung về miền quê ở Tô Cách Lan, nơi ông sống

ngày trước đã làm cho những người dân trong thành phố khóc sụt sùi vì cảm động...

Và dù tôi không được nghe ông cụ Macgregor thổi kèn bản nhạc đó, nhưng nỗi nhớ nơi chốn xa xưa của ông đã cảm được lòng tôi, một cô bé mới 14 tuổi đang học trung học tại miền cao nguyên còn nhiều thiên nhiên hoang dã, với tâm hồn đầy mộng mơ lãng mạn của tuổi dậy thì. Tôi không có chút khái niệm nào về nơi chốn mà tôi được sinh ra, vì khi theo gia đình di cư vào Nam, tôi mới độ khoảng 7 tuổi. Gia đình tôi di chuyển qua nhiều nơi trước khi về miền cao nguyên bụi đỏ mù trời vì bố tôi kiếm được việc làm kế toán cho Dinh Điền, một cơ quan của chính phủ thời Đế Nhất Cộng Hòa để trợ giúp người dân khai phá vùng cao nguyên nhiều tài nguyên phong phú. Cả thời niên thiếu, tôi sống ở miền cao nguyên

núi đồi trùng điệp, với những thung lũng, những cánh đồng đầy hoa dại gió núi mây ngàn cho đến khi học xong trung học và về Saigon học đại học.

Những năm đầu ở Saigon, hồn tôi còn quanh quẩn giữa những đồng cỏ dại đầy hoa dã quỳ trong sương sớm hay những đồi trồng cây cà phê nở hoa trắng muốt trong tiết tháng ba của mùa xuân vì chưa quen với lối sống ồn ào và sự đông đúc nơi phố thị. Thế rồi tôi yêu Saigon lúc nào mà chính tôi cũng không biết! Phải chăng là những rung động về tình yêu, những ánh mắt nụ cười trao nhau trong khuôn viên đại học đã làm mờ đi cảnh núi đồi của... miền sơn cước? Với những ý thức mới của tuổi trưởng thành, của tình yêu trong môi trường văn học thịnh hành của thập niên 65-75, tôi bước vào đời với tất cả hoài bão mơ say của cuộc sống tự do và nhân bản. Nhưng tiếc thay thời gian đầy những hạnh phúc đầu yêu đó đã chấm dứt một cách đau thương khi công sản chiếm đoạt miền Nam vào tháng 4/75. Những kỷ niệm về hạnh phúc yêu thương của những tháng ngày vàng son đó trở thành hành trang gói ghém mang theo khi vượt biển để tránh chế độ bạo tàn vô nhân của cộng sản.

Trong những ngày tháng đầu sống ở xứ sở tự do, hồn tôi còn đầy ắp những kỷ niệm thân thương của ngày tháng cũ. Dù rất là bận rộn với đời sống mới, nhưng trong chút thời gian rảnh rỗi, tôi không dám nghe nhạc vì từng lời từng chữ từng nốt nhạc khơi dậy lại lòng thương nhớ quê nhà mà phải ra đi, nhưng khi đêm đến, những giấc mơ về ngày tháng cũ làm ướt gối, tự thương cho cái thân phận lưu vong của chính mình.

Rồi những năm tháng trôi qua, tôi cũng đã quen dần với đời sống ở xứ người, và yêu thích cảnh đẹp thiên nhiên nơi chúng tôi ở với bốn mùa khác biệt của niềm phụ cận thủ đô Washington DC. Mùa xuân nơi đây, hoa lá ngút ngàn, chỗ nào cũng có hoa... từ những vườn hoa đầy màu sắc đến những cây hoa dại ven đường,

nổi tiếng nhất là rừng hoa Anh Đào chung quanh hồ Tidal Basin, hàng năm thu hút biết bao du khách. Mùa hạ là mùa mà tôi có ít cảm hứng vì nóng và không có nhiều bờ biển đẹp nên gia đình chúng tôi thường đi vacation đến những tiểu bang xa. Nhưng bù lại, mùa thu nơi đây thật tuyệt vời. từ những hàng cây dọc theo đường hay những rừng phong, lá đổi màu... vàng tím đỏ nâu... đẹp vô cùng, và cảnh sắc khi lá rụng tạo biết bao là cảm hứng cho đời.

Và sau hết là mùa đông, mùa mà tôi thích từ khi còn nhỏ vì ước mơ được ngắm cảnh tuyết rơi hay chạy chơi trên tuyết, nhất là sau khi xem phim *Love Story* được chiếu tại rạp chiếu bóng ở Saigon khoảng năm 1970. Dù là tuyết ở chỗ tôi ở không nhiều như tiểu bang New York hay Maine, nhưng đã quá đủ cho lòng yêu tuyết của tôi.

Chúng tôi sống ở nơi đây đã hơn bốn mươi năm, một khoảng thời gian nhiều hơn thời gian tôi sinh ra và sống trong quê hương thân yêu. Và trên miền đất tạm dung này, chúng tôi đi thăm được nhiều nơi, từ những vùng biển dọc theo hướng nam cho tới tận vùng mặt trời lặn ở Key West thuộc tiểu bang Florida. Cuối cùng là Hawaii với những bờ biển đẹp tuyệt vời, khí hậu ôn hòa và trái cây ngon ngọt như miền nam nước Việt ngày trước... Thế nhưng tất cả những điều đó chỉ là làn nước lặn trên mặt hồ mà dưới đáy cuộn cuộn nỗi nhớ thương chỉ chờ những giây phút chạnh lòng để tuôn ra. Cũng may là cuộc sống nơi đây quá bận rộn nên thỉnh thoảng mới có những phút chạnh lòng khi cảnh vật đã chạm đúng “những niềm riêng” nên còn đủ nghị lực để phấn đấu với cuộc sống trên quê hương mới.

Đến khi tôi về hưu thì... miền Sơn cước, tôi cuộn chung tất cả thời gian tôi sống ở quê hương thành một khối gọi là miền Sơn cước vì nó đã xa xôi, chỉ còn trong tâm tưởng như vùng Tô Cách Lan của cụ già Macgregor, về lại trong tôi... Chúng tôi sống ở đây, trong

căn nhà rộng có khu đất nhỏ quanh nhà, chung quanh nhà có hàng rào với những tiện nghi của đời sống trong một quốc gia được coi như tân tiến nhất thế giới mà lòng luôn vọng tưởng đến cố hương với những kỷ niệm êm đềm thân thương hạnh phúc của ngày tháng cũ. Những buổi sáng đi thơ thẩn trong vườn ngắm những giò hoa đọt lá mà ngỡ như ngày còn theo bước mẹ vun xới những gốc hồng non, hay trải lòng theo những giọt nắng chiều dài trên đám cỏ xanh như trên cánh đồng thảo nguyên hoang dã... Trong những ngày giá lạnh của mùa đông, tôi ngắm những cánh tuyết rơi, mơ tưởng đến những ngày nắng ấm với những bước chân chim tung tăng cùng người yêu dạo phố Saigon. Những nhớ nhung tha thiết đến nỗi nhiều khi tôi như chìm trong cảnh cũ người xưa. Những hoài niệm về nơi chốn cũ được nâng niu, được chia sẻ được nhắc đến với bạn bè cũ như niềm vui khi gặp lại nhau, như cùng nhau về thăm... những nơi chốn xa xôi, để được đắm mình trong những buồn vui ngày trước... để hồn theo những dấu chân cũ lao xao...

Ý Nhi (3/2025)

"Màu xanh lá là sự im lặng, ẩm ướt là ánh sáng, tháng Sáu rung rinh như một con bướm."

"Green was the silence, wet was the light, the month of June trembled like a butterfly."

– Pablo Neruda (1904–1973)- là một nhà thơ người Chile nổi tiếng và là một trong những tác giả vĩ đại nhất trong văn học thế kỷ 20. Ông đã giành giải Nobel Văn học vào năm 1971 nhờ những đóng góp xuất sắc của mình cho văn học, đặc biệt là trong việc sử dụng ngôn từ giàu hình ảnh và cảm xúc.



KIỂM DUYỆT VĂN NGHỆ

TẠ QUANG KHÔI

Hình như chân tôi là chân “ngựa vía” nên làm đâu cũng



không được lâu vì chóng chán.

Vào đầu năm 1956, sau khi trúng tuyển một kỳ thi, tôi được làm một chân biên tập viên tin tức của đài phát thanh Saigon. Ngồi soạn tin cho xưởng ngôn viên đọc được một năm, tôi thấy bó chân bó cẳng, tù túng quá, bèn xin đổi sang ban phóng viên. Mới đầu, tôi rất thích công việc này vì thay

đổi luôn luôn, hợp với cá tính “ngựa vía” của tôi. Nhờ làm phóng viên, tôi đã có mặt trong nhiều biến cố quan trọng của lịch sử, như vụ ám sát hụt tổng thống Ngô Đình Diệm ở Ban Mê Thuột năm 1957, vụ xử tử Ba Cụt ở Cần Thơ, cuộc họp báo của tổng thống Diệm ở biệt điện nghỉ mát của cựu hoàng Bảo Đại ở Nước Ngọt, thuộc Long Hải. Đây là cuộc họp báo đầu tiên của ông Diệm kể từ ngày về nước chấp chính, Khi bà Ngô Đình Nhu làm mưa làm gió ở quốc hội, tôi cũng có mặt để làm phóng sự...

Nhưng rồi đi nhiều, đến anh hùng cũng phải thấm mệt, nói chi con người ốm yếu như tôi. Thế là tôi lại có ý định xin đổi việc khác. Vì muốn nghỉ ngơi, tôi dự tính xin đầu quân vào ban Bình luận mà

ông Nguyễn Ngọc Quyền, đức phu quân của bà Mai Sinh kiêm chuyên viên dịch tin quốc tế, gọi đùa là ban..."Mẹ hát con khen hay". Sở dĩ ông Quyền gọi như vậy là vì các đảng biên tập viên của ban này luôn luôn ca ngợi những việc làm của nhà nước ta, dù hay dù dở. Nhưng tôi chưa kịp ngỏ lời với ông Trần Văn Kỳ, chủ sự phòng Tin tức và Bình luận thời đó, thì bỗng được ông Bửu Nghi, chánh sự vụ sở Chương trình đề nghị chuyển tôi sang làm kiểm duyệt văn nghệ. Thấy công việc nhẹ nhàng và không phải chạy long song sọc như ngựa bên ngoài, tôi bèn vồ ngay lấy. Tuy nhiên, trước khi chính thức nhận việc, tôi cũng tìm gặp ông bạn thân, nổi tiếng là thông thạo mọi chuyện trong ngành vô tuyến truyền thanh, đó là thi sĩ Thái Thủy, một nhân viên trong ban Tao Đàn của thi sĩ Đinh Hùng. Thái Thủy cho biết thời ông Đoàn Văn Cừu làm giám đốc, có một ban kiểm duyệt rất hùng hậu mà chính ông làm trưởng ban. Dưới quyền Thái Thủy có những kiểm duyệt viên như sau : ông Văn Thuật (chèo cổ và ca Bối), các ông Võ Chiêu Anh và Thái Thụy Phong (cải lương) và nhạc sĩ Võ Đức Tuyết (tân nhạc). Hồi đó, chủ sự phòng Văn Nghệ là nhạc sĩ Dương Thiệu Tước.

Khi ông Bửu Thọ làm tổng giám đốc nha Vô tuyến truyền thanh, nhạc sĩ Thẩm Oánh thay thế nhạc sĩ Dương Thiệu Tước ở phòng Văn Nghệ. Việc kiểm duyệt văn nghệ giao cho một người, chứ không phải một ban như trước. Thế rồi, một hôm, ông kiểm duyệt viên này có chuyện lủng củng với nhạc sĩ chủ sự phòng Văn Nghệ sao đó. Trong một cơn nóng giận không kìm hãm nổi, ông kiểm duyệt viên đòi kiểm duyệt cái cổ của ông chủ sự. Hậu quả của cơn nóng giận kỳ cục này là ông kiểm duyệt viên được...mời đi chơi chỗ khác.

Chắc ông Bửu Nghi thấy tôi ốm yếu, hiền lành không dám bóp cổ ai hết, kể cả bóp cổ gà để cắt tiết, sinh mạng của ông chủ sự phòng Văn Nghệ không bị đe dọa, nên đã cho tôi làm chân kiểm duyệt viên này.

Nhạc sĩ Thẩm Oánh kê cho tôi một bàn giấy ở ngay sát cửa ra vào của phòng Văn Nghệ, Rồi sau mấy phút chỉ dẫn sơ sài của nhạc sĩ, tôi bắt đầu “hành

nghe”. Công việc của tôi là đọc tất cả các vở tuồng, kịch nói, kịch thơ và những bài vở liên quan đến văn nghệ. Tôi phải dò từng chữ xem các bài bản có đúng chạm gì đến chính trị không. Lần đầu tiên đọc những vở tuồng cải lương, tôi cũng thấy lạ. Tất cả các điệu hát trong các vở tuồng ấy tôi không biết hát như thế nào.

Hồi đó, đài phát thanh Saigon có những ban văn nghệ như sau:

Về ca cải lương độc chiếc, có hai ban, một của cô Lệ Liễu và một của ông Bảy Quới. Ban Thành Công diễn các vở tuồng dài nhiều kỳ. Hát bội có ban của ông Sáu Vững Cổ nhạc Huế có ban ca Huế của ông Bửu Lộc. Ca nhạc kịch có ban kịch của ông Anh Lân và bà Túy Hoa. Kịch điệu có ban Tạp lục của ông Tùng Lâm. Kịch nói có ban kịch của ông Vũ Đức Duy. Ca Bắc do ông Mai Linh cầm chịch. Ông Đỗ Trí Đức là trưởng ban chèo cổ. Đặc biệt đối với ban Tao Đàn của thi sĩ Đinh Hùng, tôi thường không phải lo lắng gì hết, cứ nhắm mắt ký cho thu thanh ngay, vì tác giả của các bài viết đều là những người tin cậy được như chính thi sĩ trưởng ban, nhà văn Huy Quang (về sau là Tổng giám đốc đài phát thanh), nhà văn Thanh Nam và thi sĩ Thái Thủy. Nhưng tôi rất thích ngắm chữ viết của ông Đinh Hùng và đọc những bài thơ trích dẫn, nên nhiều khi tôi đã đọc kỹ hơn các bản văn khác. Chữ ông rất đẹp và bay bướm, viết rõ từng nét, không bỏ sót một nét nào như nhiều nhà văn nhà thơ nổi tiếng mà tôi đã gặp.

Một hôm, đọc một bài ca của cô Lệ Liễu, tôi tò mò muốn biết điệu đó ca như thế nào. Tình cờ lúc ấy, cô Lệ Liễu bước vào phòng văn nghệ, tôi liền ngỏ ý xin cô thử hát cho nghe. Cô cho biết cô sẽ nhờ một người hát rất hay, rồi cô chạy sang tiệm ăn trước đài phát thanh. Khi cô trở lại phòng văn nghệ, có một cô gái theo sau. Cô nói với tôi là cô Út sẽ ca bất cứ điệu gì tôi muốn nghe. Tôi chỉ xin nghe

có một điệu Xàng xê đang có sẵn trước mặt thôi. Tôi đưa bài đó cho cô Út. Không một chút e ngại, cô đứng giữa phòng cất tiếng ca ngay. Tôi rất ngạc nhiên về sự dễ dàng của cô và tôi bị giọng ca ngọt ngào, thánh thót của cô quyến rũ ngay. Vì cô ca khá lớn nên đã thu hút nhiều người bên ngoài phòng, hai cửa ra vào của phòng văn nghệ có hai đám đông kéo đến nghe. Qua những tiếng xì xào của đám đông bên ngoài, tôi được biết người đang ca là Út Bạch Lan, một đào thương của cải lương đang rất được hâm mộ. Lúc đó tôi mới ngắm kỹ cô. Thì ra, ngoài giọng ca, cô còn có một nhan sắc mỹ miều nữa. Nước da cô rất trắng, như người miền Nam vẫn thường nói “trắng như bông buri”. Chả trách có nhiều ông sẵn sàng mất hết cả cơ nghiệp vì cô. Ca xong bài Xàng xê, cô hỏi tôi còn muốn nghe điệu nào nữa, tôi vội từ chối vì không muốn biến phòng văn nghệ thành một sân khấu ca nhạc.

Từ đó, nhờ cô Lệ Liễu, tôi hiểu hầu hết các điệu ca cải lương. Tôi biết xuống “xề” như thế nào mới mùi rệu, và cũng biết rằng người ca vọng cổ hay nhất thời đó là Út Trà Ôn. Các ông Thành Được, Hữu Phước... đều ca vọng cổ rất hay, nhưng “xuống xề” vẫn không ngọt bằng ông Út. Cũng nhờ cô Lệ Liễu, tôi quen biết một số nghệ sĩ cải lương. Tôi bắt chước mọi người thân mật gọi ông Hữu Phước là “anh Henri”.

Để khỏi mang tiếng là thiên vị, tôi cũng giao du thân mật với các ông trưởng ban khác. Ông Bửu Lộc là một nhân viên của đài phát thanh như tôi nên dễ thân mật vì gặp nhau hàng ngày. Ông Tùng Lâm là người rất cởi mở, dễ tính và vui vẻ. Chỉ có ông Vũ Đức Duy tôi ít gặp vì ông thường giao thiệp thẳng với

nhạc sĩ Thẩm Oánh. Những vở kịch mà ông đưa kiểm duyệt đều do ông Thẩm Oánh trao cho tôi. Ông trưởng ban đặc biệt nhất là ông Anh Lâm. Bao giờ ông cũng đưa kịch bản cho tôi vào phút chót, chỉ trước giờ thu thanh có một hay hai tiếng. Nhiều lần khi tôi đã về nhà sau giờ làm việc, ông mới tới gõ cửa xin chữ ký cho vở

kịch mới viết xong. Tôi rất thông cảm với ông vì hàng tuần phải nặn óc viết một vở kịch ngắn không phải là chuyện dễ dàng. Những hôm như vậy, tôi mời ông vào nhà ngồi uống nước nghe nhạc chờ tôi đọc vội đọc vàng vở kịch của ông.

Ngoài công việc kiểm duyệt ngay tại đài, tôi còn có nhiệm vụ kiểm duyệt những vở tuồng sẽ phát thanh vào mỗi tối thứ bảy hàng tuần. Công việc này vừa mất nhiều thì giờ vừa thích thú. Tôi phải đi với một chuyên viên phòng kỹ thuật để thu thanh cả một buổi hát của một đoàn cải lương. Tôi phải theo dõi rất kỹ vở tuồng đang được trình diễn trên sân khấu để tính toán xem cần cắt những đoạn nào. Nếu là tuồng xã hội, tôi phải nghe kỹ từng câu đối thoại của diễn viên. Trước khi đi xem hát, tôi đã đọc vở tuồng được đánh máy dày cộm, nhưng mấy ông bà nghệ sĩ trình diễn đôi khi cũng cương ẩu khác với nguyên văn. Cũng có hôm chúng tôi đến thu thanh lại chẳng thấy khán giả đâu. Thì ra hôm ấy là buổi tổng dợt của đoàn hát cho vở tuồng mới ra lò. Gặp buổi thu thanh như vậy, chúng tôi rất ngại vì sau đó chúng tôi phải ghép tiếng vỗ tay vào tuồng cho ra vẻ tuồng đang được trình diễn trước công chúng. Những buổi phải ghép tiếng vỗ tay, chúng tôi đều phải nhờ một số người nghiện cải lương nghe lại toàn bộ vở tuồng để xem những đoạn vỗ tay có đúng không hay lại bị chê là “lãng nhách”. Lãng nhách tức là giả tạo, không thật, mất hay đi. Sau này khi đã có kinh nghiệm, tôi hỏi thẳng soạn giả hoặc ông bà bầu về những chỗ cần vỗ tay.

Khi đi thu thanh, dù có khán giả hay không, tôi đều được ngồi ghế hàng đầu và bao giờ cũng có một ly nước giải khát trước mặt. Hôm đầu tiên đi thu thanh, khi vừa vãn hát, tôi được một người (không rõ có phải là chủ gánh hay soạn giả) trình trọng đưa tôi một bao thư. Vừa cầm lấy bao thư dày cộm, biết ngay là tiền, tôi vội trả lại và nhất định không nhận. Khi lên xe để về đài, ông chuyên viên kỹ thuật hỏi nhỏ: “Anh có nhận được bao thư không?” Tôi cho biết

tôi đã nhất định từ chối. Nhìn vẻ mặt bần thần của ông tôi đoán ông cũng có một bao thư. Tôi bèn giải thích: “Tôi không dám nhận vì tôi là người quyết định cho phát thanh hay không. Nhận tiền của người ta, tôi bắt buộc phải cho phát thanh vô tường dù có khuyết điểm gì. Còn anh, anh chả có trách nhiệm gì hết...” Thế là vẻ mặt ông ấy tươi hẳn lên. Hôm sau, tôi được biết số tiền trong bao thư là hai ngàn. Tôi ngạc nhiên vì quá lớn. Lương phụ động hàng tháng của tôi chỉ có năm ngàn rưỡi. Một tuần có khi phải thu thanh tới ba vô tường để chọn lựa.

Nhờ việc thu thanh, tôi từ không thích cái lương (vì không hiểu) dần dần đến say mê. Thật ra, tường cái lương cũng có nhiều vở rất hay. Nếu soạn giả là những người hiểu biết về kịch, tường của họ cũng có kịch tính không thua gì những vở kịch nói, chẳng hạn những vở như “Nửa Đồi Hương Phấn” và “Con Gái Chị Hằng”

của hai soạn giả Hà Triều, Hoa Phượng...

(Đã nửa thế kỷ trôi qua, ngày nay trí nhớ không còn minh mẫn như xưa nên không nhớ hết được các vở tường và các soạn giả mà tôi ưa thích. Vậy, khi tôi chỉ nhắc đến hai vở tường của hai

soạn giả Hà Triều, Hoa Phượng, không có nghĩa là tôi thiên vị, cho hai soạn giả này hay nhất. Xin các bạn đọc thông cảm).



Có một lần chúng tôi đã thu thanh và sửa soạn cho phát thanh một vở tuồng của đoàn hát Việt Hùng-Minh Chí, thì ông Bửu Thọ, tổng giám đốc nha Vô Tuyến truyền thanh bắt bỏ vở tuồng này đi để thay thế bằng một vở tuồng của bất cứ một đoàn hát nào khác. Lý do : Việt Hùng-Minh Chí nghe...như Việt Minh. Thế là chúng tôi phải vội vã tìm một vở tuồng khác. Rất may là chúng tôi thường thu thanh trước vài ba vở để dành nên không có trục trặc quan trọng. Tôi nói với ông chuyên viên kỹ thuật: “Ông Bửu Thọ... sợ ma!” rồi chúng tôi cười phá lên.

Đến đây cũng xin nói qua về những bản tân nhạc mới sáng tác. Tôi có bốn phận phải kiểm duyệt lời nhạc, còn nhạc sĩ Võ Đức Tuyết xem phần nhạc. Thú thật tôi thấy lời nhạc thường có vẻ ngô nghê, nhưng không phạm chính trị tôi cũng chẳng có quyền gì sửa đổi hay cấm hát. Nhạc sĩ Thẩm Oánh khuyên tôi không nên khó khăn quá vì đài cần bài hát mới.

Kiểm duyệt văn nghệ là một công việc khá thích thú nên nó đã giữ được chân tôi khá lâu. Tôi chỉ bỏ nó khi tôi không còn làm cho đài phát thanh nữa.

Tạ Quang Khôi

"Tất cả những điều tốt đẹp, tất cả những điều kỳ diệu đều xảy ra trong khoảng thời gian từ tháng Sáu đến tháng Tám."

"Everything good, everything magical happens between the months of June and August."

– **Jenny Han** - là một nhà văn người Mỹ, nổi tiếng với những tác phẩm dành cho lứa tuổi thanh thiếu niên, đặc biệt là các cuốn sách về tình yêu và sự trưởng thành. Cô được biết đến nhiều nhất với loạt sách "To All the Boys I've Loved Before" (Tất Cả Những Cô Gái Tôi Đã Yêu), một bộ ba sách đã được chuyển thể thành phim nổi tiếng trên Netflix.



NGÀY HÈ VÕ PHÚ

Dì Ngàn Thương thường đến thăm chúng tôi vào dịp nghỉ hè. Dì là em bạn dì với mẹ. Ông ngoại tôi với ba dì là hai anh em chú bác. Dì trạc tuổi mẹ, khoảng ngoài ba mươi. Dì rất thân với mẹ, nên dì thường đến thăm chúng tôi. Mỗi lần đến, dì mang rất nhiều quà. Dì dịu dàng, sâu kín, thiết tha và gần gũi với mẹ trong những vấn đề về tình cảm. Mỗi lần có chuyện buồn về tình cảm là dì đến tìm mẹ để được tâm sự, an ủi.

Nghe mẹ tôi kể lại, hồi còn trẻ dì xinh đẹp, có rất nhiều người si mê. Nhưng người ta thường nói phụ nữ xinh đẹp thường hay lận đận về tình duyên. Mỗi tình đầu của dì với người chồng chưa cưới đẹp như trong phim. Dì là cô giáo dạy học còn chàng là thiếu úy không quân. Mỗi lần chàng về phép, vẫn còn trong bộ đồ lính, chàng đến đón nàng ở trường học rồi hai người cùng nhau du lịch, dạo phố, trong ánh mắt trầm trồ của bạn bè đồng nghiệp. Chiến tranh kết thúc, chồng chưa cưới của dì bị bắt đi học tập cải tạo rồi biệt tích. Vì quá nhớ thương người chồng chưa cưới nên thỉnh thoảng dì nhìn ra cửa thần thờ như người mất hồn.

Gần hai mươi năm trôi qua, dì chưa ngó ngoai với mối tình đầu và vẫn chờ đợi. Mặc dầu có rất nhiều người theo đuổi si mê dì, nhưng dì luôn từ chối và tránh né. Những lần như vậy, dì đều đến nhà chúng tôi ở vài ba tháng, nhất là những dịp hè, khi dì nghỉ dạy.

Dì Ngàn Thương ở nhà chúng tôi được vài hôm thì mẹ tôi lại phải đi buôn bán xa. Ở nhà còn lại ngoại, dì và tôi.

Trưa hôm đó đi bắt dế ở ngoài đồng về, tôi thấy có chiếc xe Honda 67 dựng cạnh cây dừa. Tôi biết ở nhà có khách nên đi vào bằng cửa sau. Vừa đến chái bếp, tôi thấy dì Ngân Thương đang nấu cơm. Tôi hỏi dì:

- Bộ nhà mình có khách hả dì? Mà sao dì không tiếp khách mà ở dưới bếp nấu cơm?

- Ủa, có cậu Toàn, bạn của dì đến chơi. Nhưng cũng gần giờ cơm nên dì nấu cơm cho ngoại, con và cậu ấy ăn luôn. Con đừng đi chơi nữa, ở nhà chuẩn bị ăn cơm. Hôm nay dì cho con ăn món ngon.

- Món gì vậy dì?

- Tôm sú hấp nước dừa.

- Tôm sú? Ở đâu mà dì mua được tôm sú vậy? Tôm này mắc tiền lắm đó dì.

- Ủa... Cửa cậu Toàn đem tới. Cậu ấy có đĩa tôm nên đem đến cho mình một giỏ tôm tươi. Dì đem hấp một nửa. Nửa còn lại dì ram mặn và nấu canh bầu để ăn với cơm.

- Dì nói mà con thèm chảy nước miếng... Con cảm ơn dì... Dì là số một.

- Thôi đi ông tướng nhỏ... Ông nịnh vừa thôi.

Có lẽ nghe tiếng nói chuyện của chúng tôi, nên cậu Toàn từ phòng khách xuống bếp. Cậu Toàn cao lớn, nước da ngăm đen. Mái tóc ngắn để lộ vàng trán cao. Hàm râu mép được cắt tỉa gọn. Thấy cậu, tôi cúi đầu chào:

- Dạ, con chào cậu...

- Ủa... Chào con. Con tên gì?

- Dạ, con tên Tịnh. Ở nhà gọi là Tí.

- Tí, Tịnh, Toàn hay Thương... Đều là "tò" hết. Cậu Toàn nói, rồi quay qua chúng tôi cười.

Giờ cơm trưa đến. Sau khi dì làm cơm và tôi đem lên cho ngoại xong, thì chúng tôi ba người ngồi ở dưới bếp ăn cơm. Đó là lần đầu

trong đời tôi được ăn món tôm sú hấp nước dừa tươi do dì Ngân Thương làm. Tôm sú chắc thịt, tươi ngon, đầu có nhiều gạch rất béo chấm muối tiêu chanh ăn thật tuyệt. Ăn món tôm sú hấp xong, chúng tôi ăn cơm với canh bầu nấu tôm và tôm rim mặn. Hôm đó tôi ăn thật no.

Nhà tôi có ba cái giường ngủ. Ngoại tôi một cái, mẹ tôi một cái, cái còn lại là của tôi. Khi có khách, tôi ngủ chung với ngoại hoặc với mẹ, còn giường tôi nhường cho khách. Cậu Toàn đến chơi, ngủ ở lại nhà chúng tôi một đêm. Sáng hôm sau, cậu lái xe về. Trước khi đi cậu hứa với tôi mai một cậu sẽ chở tôi và dì đi thăm địa tôm nhà cậu. Nghe cậu Toàn nói tới địa tôm, tôi thích lắm. Tôi mê những nơi nào có sông, nước.

Hơn một tháng cậu Toàn trở lại nhà chúng tôi. Mẹ tôi cũng về nhà được vài hôm sau chuyển đi buôn dài. Trong buổi cơm tối, dì Ngân Thương nói chuyện với mẹ tôi để xin cho tôi đi chơi cùng dì và cậu Toàn. Dì bảo nếu mẹ không cho tôi đi cùng thì dì cũng sẽ không đi vì dì sợ người ta dị nghị khi đi chơi riêng lẻ với cậu Toàn.

Sáng hôm sau tôi thức dậy sớm. Sau khi đánh răng rửa mặt xong, tôi chọn một bộ đồ ngắn bỏ vào chiếc cặp đi học cho buổi đã ngoại với dì Ngân Thương và cậu Toàn. Cậu Toàn cho tôi ngồi trước, cạnh bình xăng của chiếc xe Honda 67, dì Ngân Thương ngồi sau. Từ nhà chúng tôi lái xe đến địa tôm của cậu Toàn hơn một giờ. Chiếc xe bon bon chạy trên quốc lộ số Một hướng về phía Bắc của thành phố Nha Trang. Gió thổi mạnh, bay vào mặt, vào mắt, vào tóc. Cảm giác như tôi đang bay bổng trên những cụm mây, lơ lửng. Xe chạy một hồi, cậu Toàn rẽ vào con đường đất nhỏ. Dọc hai bên đường là những cánh đồng cây xanh với rễ là thân cây đan chằng chịt vào nhau. Đi được vài phút, chúng tôi đến căn chòi tranh nằm tro troi bên láng nước mênh mông. Trong chòi, tôi thấy một người đang vá lưới. Người đàn ông dừng lại khi thấy chúng tôi đến. Ông ta chào cậu Toàn:

- Anh Toàn... Anh đến thăm địa? Dạ, em chào chị... Chào em.
- Ủa. Đây là chị Thương, bạn của anh. Còn đây là cháu Tịnh, cháu của Thương. Còn đây là anh Bảy.

Tôi nhìn người đàn ông trước mặt rồi chào:

- Dạ con chào chú.
- Gọi anh được rồi nhóc.
- Dạ.

Cậu Toàn hỏi anh Bảy:

- Hôm nay có mình chú mày ở đây hả Bảy?
- Dạ không. Có anh Lộc anh Tùng đang cày và ủi đất ở bên kia địa.

Chúng tôi nhìn theo tay anh Bảy. Khuất sau những bụi cây được, chúng tôi thấy chiếc xe xúc đất và xe máy cày đang đào bới. Anh Bảy dẫn chúng tôi đi đến coi mọi người làm việc. Tôi chăm chú đứng nhìn hai chiếc máy hì hục đào bới. Thấy chúng tôi đến, họ tắt máy và chào chúng tôi. Người đàn ông tên Tùng, nói lớn:

- Trưa nay mình có món rắn ăn rồi chú Bảy.
- Nhiều không anh Tùng?
- Quá xá chừng nhiều. Khi nãy mức được cả ổ.

Vừa nói người đàn ông đưa cái bao lên cho chúng tôi xem. Cậu Toàn xoay qua nói chuyện với dì Ngân Thương:

- Ở ngoài này nắng nóng lắm, hay là em vào chòi nghỉ ngơi?
- Dạ được.

Rồi cậu quay qua anh Bảy hỏi:

- Chú Bảy giờ rảnh không?
- Dạ rảnh.
- Vậy bắt giùm tui ít tôm tí nướng nhậu cho vui.
- Dạ dễ ợt... Anh yên tâm. Chút nữa vợ em đi chợ rồi đem đồ ra đây nấu bữa trưa.
- Vậy à... Coi như tui có lộc ăn. Giờ chú dắt em đi vòng địa cho biết.

- Ở đây đồng không mông quạnh có gì đâu mà coi anh.
- Thì chú coi có việc gì đó cho em nó làm cho đỡ chán. Còn tui dẫn Thương vô chòi cho cổ nghỉ. Chắc đi đường xa nên mệt.

- Dạ, anh chị đi nghỉ đi. Chuyện khác để em lo.

Dì Ngân Thương và cậu Toàn trở lại căn chòi lá. Anh Bảy quay qua tôi nói:

- Em biết mò tôm không?

- Dạ biết... sơ sơ.

- Ờ, vậy hai anh em mình xuống đìa mò tôm để tí nướng cho mấy ông nhậu.

Anh Bảy nói chưa dứt câu đã cời áo bỏ bên cạnh và lội xuống đìa. Tôi thấy vậy cũng làm theo. Tôm dưới đìa thật nhiều, chứ không như ở ngoài đồng cạnh nhà tôi. Chưa được vài phút, tôi đã bắt con tôm sú to bằng ba ngón tay chụm lại. Tôi la lên:

- Em bắt được rồi nè. Giở bỏ đâu hả anh?

- Thì mày cuộn trong lưng quần đó. Khi nào kha khá thì mình lên bờ, vô chòi lấy thùng ra đựng.

- Dạ.

Thoáng chốc, chúng tôi bắt được vài chục con tôm sú to bằng hai ba ngón tay. Tôi hỏi anh Bảy:

- Anh Bảy khi nào tôm đủ lớn để xả đìa hả anh?

- Chắc chừng hai tháng nữa là được. Tôm hôm nay cũng trọng rồi. Chắc đợt này thay vỏ xong, là sẽ thu hoạch.

- Dạ... Anh ở ngoài này miết rồi có sợ hay buồn gì không?

- Lúc đầu thì cũng hơi buồn, nhưng cách vài ngày là vợ đem thức ăn ra và ở lại... Riết rồi...Giờ quen. Hết buồn.

Gần giờ trưa, ông mặt trời đứng lặng. Những tia nắng chói chang rọi xuống đìa. Nhiệt độ lên cao, nước mặn bốc hơi làm cái lưng trần của tôi hâm hẩm nóng và ngứa ngáy khó chịu. Tôi ngụp xuống lòng nước để xoa dịu cơn nắng mùa hè tháng tám đang đốt cháy trên lưng như trong lò nung. Những cơn gió nhẹ lướt qua

không còn cảm giác mát mẻ như lúc tôi ngồi trên bình xăng của chiếc xe Honda 67 lúc sáng. Hơi nóng bay lên, ran rát như ngồi cạnh bếp lửa ở giữa mây trời không bóng cây. Anh Bảy nói với tôi:

- Nhiều đây cũng đủ rồi. Mình lên chuẩn bị cơm trưa.

- Dạ.

Chúng tôi trở lại căn chòi lá. Dì Ngân Thương đang thiu thiu ngủ trên võng. Cậu Toàn nằm trên giường tre đọc báo. Thấy chúng tôi trở vô, cậu hỏi:

- Tôm lớn chưa Bảy?

- Dạ cũng khá anh à... Chắc đợt này mình trúng đậm. Mấy hôm rày tôm thay vỏ, nên ít ăn. Chắc sau khi thay vỏ xong, mình xả được rồi anh hử?

- Ủa. Tui cũng nghĩ như chú.

Chị Nguyệt, vợ anh Bảy cũng đến. Phía sau xe đạp của chị cả một cái giỏ cần xé với đủ cả gạo, muối, tiêu, ớt, dầu ăn và ít rau củ. Dì Ngân Thương thức dậy giúp chị Nguyệt chuẩn bị buổi trưa. Hai chú lái máy cày và xe ủi đất cũng về đến. Chú Tùng đưa cái bao lớn cho anh Bảy và nói:

- Bảy mày lấy dao, thớt, rổ rá ra phụ tao làm thịt mớ rắn này.

- Mình làm món gì vậy anh Tùng?

- Làm chả. Còn lại một ít xào lăn để dành mai ăn khỏi mất công nấu.

Tôi giúp anh Bảy và chú Tùng đem dụng cụ ra bên hông căn chòi làm thịt rắn. Những con rắn nước to bằng cườm tay, bê bết máu, ngọ nguậy trong thau khi chú Tùng đổ ra từ cái bao bố. Con đứt đầu, đứt mình. Có con còn sống trườn qua lại bên thân xác đồng loại. Anh Bảy lấy con dao đập mạnh vào đầu những con còn sống. Theo phản xạ, đuôi con rắn trườn mình quấn vào cổ tay anh. Anh Bảy gỡ ra rồi dùng con dao nhọn rọc một đường dưới bụng con rắn, lột da chúng. Làm xong mớ rắn, anh Bảy rửa sạch rồi cắt từng khúc bằng hai lóng tay. Số còn lại anh băm nát và cho thêm

gia vị vào làm thành những lát chả rắn để chị Nguyệt đem chiên. Ruột, lòng và da rắn, anh quăng xuống dưới địa. Do mùi tanh của máu nên chỉ vài phút sau, đám cá bu quanh rúc rĩa. Anh Bảy bảo tôi đem theo cây vợt để vớt cá. Những con cá ngát, cá ong đổ đầy cả giỏ cần xé trong chốc lát.

Trưa hôm đó chúng tôi có món tôm nướng, canh chua cá ngát, cá kho, chả rắn chiên và rắn xào lăn. Trong các món, tôi chỉ dám ăn món cá, tôm. Còn món rắn tôi không dám đụng tới. Dì Ngân Thương chắc không thấy món chả chiên được làm từ thịt rắn, nên vừa ăn vừa khen ngon. Dì bảo tôi ăn. Nhưng tôi lại sợ và ám ảnh chuyện rắn trả thù mà tôi đã đọc được ở đâu trong sách, nên không dám đụng đũa tới.

Sau giờ cơm trưa, mọi người nghỉ ngơi. Chú Tùng và chú Lộc cũng ra xe máy cày, máy xúc để nghỉ. Dì Ngân Thương trò chuyện cùng chị Nguyệt. Cậu Toàn và anh Bảy còn nhâm nhi uống rượu nói chuyện. Chỉ còn mình tôi. Tôi cầm cây vợt lên định ra địa vớt cá. Nhưng ra khỏi địa, tôi chẳng còn thấy con nào. Ruột, lòng và da rắn đã bị cá rĩa sạch, mặt nước giờ đây im lìm không tiếng động. Tôi vào lều lấy cần ra câu cá. Nhưng nắng quá, tôi lại trở vào căn chòi ngồi nghe người lớn nói chuyện.

Tôi nghĩ mà khâm phục anh Bảy. Nếu như tôi ở ngoài địa tôm này không biết tôi có chịu được hai ngày không? Ở đây, ngoài việc cho tôm ăn, câu cá, mò tôm ra không còn thú vui nào khác. Vậy mà anh Bảy có thể ở được ngày này tháng nọ....

Cậu Toàn và anh Bảy nhậu xong, lăn ra ngủ. Xế chiều, cậu Toàn thức dậy, chở chúng tôi về.

Chiếc xe Honda 67 nổ giòn. Căn chòi dần dần thu nhỏ lại, chìm trong đám bụi mù. Ngày hè vẫn còn dài.

Võ Phú



MÙA HÈ RỰC RỠ

MINH THÚY THÀNH NỘI

Mùa hè... mùa của sự mạnh mẽ khi vạn vật tươi vui trong sáng, hoa cỏ đua sắc dưới trời xanh mây trắng, cũng là mùa mọi người đi chơi xa tận hưởng niềm vui với cuộc đời.

Cũng như mọi năm, nhóm nhỏ trường Nữ Trung Học Thành Nội xưa muốn đưa bà hiệu trưởng Tôn nữ Tiểu Bích đi ra ngoài cho khuây khỏa, nhất là sau thời gian kiêng cử ở nhà tránh Covid. Tôi cũng nhanh chân gia nhập cuộc chơi vì tháng bảy vừa qua đầu óc căng thẳng theo quá nhiều tin buồn, hầu như mỗi ngày đều gọi lời chia buồn đến gia đình ở xa có người thân lìa đời, và góp lời cầu nguyện trong mùa lễ Vu Lan. Những gia đình gần đi viếng nhà quần liên tục, nhìn em trẻ tuổi, cụ già, trung niên nằm bất động đã thấu hiểu lẽ vô thường không nương một ai ngay cả tuổi trẻ lúc còn đầu xanh.

Vợ chồng tôi nghỉ hưu, những tương chăm chỉ cày bừa, cần kiệm gầy dựng nhà cửa yên ổn, nghỉ hưu sẽ đi đây đó. Ai dè ông xã tôi vừa nghỉ hưu đã mang nhiều thứ bệnh, chẳng muốn đi đâu và chẳng biết hưởng gì nữa. Riêng tôi cũng không thoát khỏi Sinh, Lão, Bệnh. Tôi đã thỏa mãn tất cả khi được tỵ nạn trên đất Mỹ mấy chục năm qua, được thành công dân Mỹ, được góp công sức đóng thuế, chả lẽ lúc nghỉ hưu lại chấp nhận để ngày tháng trôi qua chỉ ru rú quanh nhà, nên dù thường bị chóng mặt tôi cũng cố vượt qua.

Tuổi về hưu là tuổi sướng nhất, được tiền hưu trí direct vào nhà bank, medical chính phủ cover 80%, mua thêm supplement 20% nữa là yên thân an hưởng tuổi già “cứ xem như ngày mai là ngày cuối

để biết quý từng giờ từng phút. Chẳng sợ điều gì, ai cũng phải ra đi, chết cũng như giấc ngủ say...”

Suy nghĩ như vậy tinh thần tôi cảm thấy mạnh mẽ lạ thường, lòng tự nhủ phải tìm niềm vui để sống.

Giữa tháng tám 3 cặp dưới Sacramento và cô Tiểu Bích đi máy bay về Santa Ana, Chanh từ Stockton và cô Đạm Tuyết bay về vùng Rosemead thuộc quận hạt Los Angeles. Tôi đi xe đồ Hoàng được anh Tân, chồng chị Dạ Điểm đón về nhà.

Những năm trước nhà anh chị luôn mở rộng cửa đón chị em NTN từ VN hay bất cứ đâu tới, tôi cũng đã ghé nhiều lần tập trung ăn uống ban tối. Hôm nay mới có thì giờ quan sát ngôi nhà có khu vườn VN trên đất Mỹ, nào là lá lốt, rau quế, rau húng, rau mồng toi, rau dền, rau khoai, hành, giàn đậu ván, mướp đắng, cây môn, bụi chuối, cây ớt, chanh, cam, quýt... vô số cây trái khác. Tôi đi rào vòng vườn, lòng dấy lên cảm giác nao nao như đang được trở lại quê hương yêu dấu thấp thoáng hình bóng mẹ năm nào, nhất là cây khế mọc trước sân nhà to rậm, trái sum suê nặng trĩu từng chùm, những bông khế thanh tao màu hoa cà nhỏ li ti chen kẽ đám lá xanh um tùm. Tôi ngơ ngẩn để mặc tâm hồn mình quay lại năm nào... lúc người bạn ở Florida chụp hình cây khế gọi tôi xem, tôi đã nhìn và để tâm hồn chìm sâu vào kỷ niệm, dâng cảm xúc viết bài “Cây Khế Quê Hương” và được giải nhì của Văn Thơ Lạc Việt. Nay được tận mắt nhìn ngắm, được cầm những quả khế trong tay, được nâng chùm hoa mọc mậm mậm như tuổi học trò, tôi lưu lại vài tấm hình thích thú.

Sáng Chủ Nhật, tôi, anh Tân và Dạ Điểm cùng nhóm Sacramento, tập hợp ở Santa Ana để cùng về nhà anh Phước chị Thí ở Ontario theo chương trình đã định.

Chị làm bánh bột lọc, bánh bèo, nấu nồi bún riêu, chè đậu ngự chiêu đãi. Anh chị giống như ông bà Vãi trên chùa, anh gần gũi Thầy, làm MC mỗi lễ lớn, lo việc chùa, chị nấu chay mỗi cuối tuần

cúng đường phật tử đến chùa sinh hoạt, hoặc có dịp gây quỹ cho chùa, chị đảm nhận đủ món. Tôi ăn cũng nhiều nơi, nhưng hưởng bánh của chị làm nhận thấy bột mềm, bánh ngon nên hỏi cách làm, chị vui vẻ chỉ dẫn. Dù trên mạng nhiều YouTube đã trình bày, nhưng quý vị cũng có thể thử theo cách này:

1/ Bánh bèo 1 gói bột gạo, 2 muống bột năng (pha chút muối) 4 chén nước lạnh (chờ 3 tiếng đồng hồ hoặc hơn) đổ 4 chén nước sôi thêm 2 muống dầu * Đổ bánh vào khuôn sẽ có từ 120 tới 150 cái bánh tùy dày mỏng * Tôm tươi 1 hộp luộc xay ra pha ít tôm khô khi chấy tôm tươi sẽ bung ra không bị ứot, nước luộc tôm để nguội vắt múi chanh rồi để trong tủ lạnh sẽ làm trong nước, sau đó hoà nước mắm.

2/ Bánh Nậm: 1 gói bột gạo 2 muống bột năng (nửa muống muối) 3 chén nước lạnh hoà đều để lâu * Cắt lá trái sắn * Nấu 4 chén nước sôi, 4 muống canh dầu * Nước đang sôi đổ bột đã khuấy vào và tắt lửa liền. Nhân (tôm xay trộn thịt xay) làm được 50 cái bánh

3/ Bánh bột lọc: Trái lá ra trước 1 gói bột năng 2 chén nước lạnh, múc 2 muống canh trong 1 chén ra chén khác, số còn lại đổ vào bột dùng gang tay trộn đều. Chén nước và 2 muống canh nước còn lại đổ thêm 1 muống canh dầu nấu sôi tiếp tục cho vào bột trộn đều * Múc đều một lần bột chia ra trên lá rồi đặt nhân lên và gói lại, được khoảng 45 tới 50 cái bánh.

Cách gói bánh bột lọc và bánh nậm cũng là một nghệ thuật, không biết gói thì nhân bánh bột lọc lòi ra ngoài, bánh nậm không mỏng vừa đủ, cái dày, cái mỏng, cái dài, cái ngắn, nhân không trải đều. Nhân bánh bèo dù có thịt, nhưng vẫn làm sao màu đỏ của nhân vẫn nổi bật lên, để khi mở cái bánh nậm, chúng ta thấy được màu đỏ nổi trên nền bánh trắng... trông rất... dễ thương... "Toan cắn, nhưng sợ đau má hồng em" Làm bánh bèo, ngoài vật dụng thích hợp.

Công đoạn mức bột vừa đủ ra chén để hấp bánh bèo cũng phải quen tay, để cái bánh vừa độ dày mỏng và đẹp cũng là một nghệ thuật khác. Làm được như trên mới đúng như thời xưa, các Mẹ Huế... trau chuốt thức ăn như thế nào để kết hợp ba chữ Đẹp-Thơm-Ngon. Thấy là muốn ăn, nhưng vẫn tiếc nuối... làm hỏng một tác phẩm quý phái, kiêu kỳ... Tôi suy nghĩ, cảm thấy cũng tiện, khi đi ăn giỗ hay có party kiểu potluck, nếu đặt món tận San Jose phải chạy hơn tiếng đồng hồ vì kẹt xe, thôi thì cố gắng bỏ công siêng một tí cũng hay, mà học được tính nhẫn nại, chịu khó trong việc nấu nướng trong thời gian hưởng thụ có ý nghĩa sau khi về hưu. Buổi họp mặt ăn uống vui nhộn, nói chuyện râm ran, hát karaoke đến chiều thì anh Tân mời tổng cộng 16 người ăn tối tại nhà hàng Seafood World nằm trên đường Brookhurst, dù mọi người vẫn còn no nhưng Diễm Tân vẫn order theo kiểu tiệc cưới nhiều món. Mọi người đùa giỡn mừng lễ hấp hôn của Tân Diễm.

Anh được Cô Tiểu Bích và chị em gọi là rể quý, kể cả anh Phước.

Thật vậy NTN có họp mặt hay quyền góp chuyện gì, anh đều đứng sau lưng làm mạnh thường quân tài trợ lớn, ai đến ai đi anh cũng hết lòng giúp đỡ tận tình, dẫu đã sống với vợ đến sắp rằng long đầu bạc nhưng vẫn ...khúm núm làm rể chiều lòng chị em bên vợ tới đa. Riêng Dạ Diễm thì đúng là mẫu gái Huế “một chiếc lá rơi cũng làm em hoảng sợ” luôn đóng vai vợ hiền.

Nữ Thành Nội còn có Thao Thao, người luôn hướng dẫn chương trình rành mạch những danh lam thắng cảnh đẹp của nước Mỹ, đã thuê mấy phòng tại Lagonita Lodge, có bếp sẵn.

Chúng tôi đi xe khoảng 2 tiếng đồng hồ qua núi non quanh co, chông chênh những tảng đá lớn 2 bên đường, trời mây bao la trong sáng, nắng hồng rực rỡ chiếu xuyên cành lá, hoa cỏ tươi thắm thật đẹp mắt. Đến nơi chúng tôi chọn bờ hồ Big Bear dọn các thức ăn trưa. Phước đảm nhận món gỏi gà, nồi cháo và bánh ít ram. Thao

Thao bới nồi xôi và chả lụa, vừa ăn vừa ngắm cảnh sông nước thoáng đạt.

Các rẽ ngồi hầu bài Tứ Sắc với cô như cảnh xưa mấy ôn mệ Huế thường chơi giải trí. Phe phụ nữ đi tắm hồ nước ấm thư giãn. Chiều nướng thịt bò, sườn, thịt heo do Dạ Điểm ướp sẵn thấm tháp mặn mà.

Phe đàn ông ngồi ngoài bacon sương sương với chai rượu đồ cụng ly tràn tâm sự đến khuya.

Chúng tôi đi dạo phố đêm vào Big Bear Village, thành phố thật yên ắng dễ chịu. Đi dọc hè phố, gió mát hiu hiu tạo cảm giác thoải mái trước khi về ngủ.

Thứ Ba, thức giấc nhìn qua song cửa sổ trời còn tranh sáng tranh tối, cò cây đang ngái ngủ dưới lớp sương, tôi đã thấy ánh đèn từ bếp hắt ra, chị Thí thức dậy từ hồi nào lục đục sau bếp nấu nồi bánh canh cho mọi người ăn sáng. Tiếng gọi nhau dậy đi bộ từ các phòng bạn chạy qua. Loay hoay vệ sinh thì bên ngoài cũng sáng dần và mặt trời hồng đã chiếu xuyên qua cây lá. Cả đoàn đi bộ quanh bờ hồ và trên đường có hàng cây thông cao vút, đường lên dốc xuống dốc, đi thật nhanh cho máu huyết lưu thông cũng như mong tiêu các thức ăn đã hấp thụ gấp đôi, gấp ba lúc này so lúc ở nhà. Mồ hôi nhễ nhại vừa đi vừa chớp hình. Ông rẽ Lâm say sưa chạy khoảng cách quay lại nhắm chụp hàng loạt tấm hình ưng ý. Những khuôn mặt vui tươi hăng hái. Quên hết...quên bệnh, quên những chuyện buồn chung quanh.

Trở về thay áo dài như đã dự định để ươm màu nắng hạ dưới ánh bình minh thêm vào khung hình kỷ niệm, tà áo dài tha thướt đủ màu sắc làm nhiều khách ngoại quốc dừng lại đưa máy hình ghi nhận, còn gì sung sướng hơn được mặc y phục truyền thống VN trên xứ người khi có dịp.

Áo Dài Việt Nam.

Y phục Việt Nam đẹp rõ ràng

*Bông màu đủ kiểu hợp hoà sang
Đi trình lễ hội người tao nhã
Đến dự hoa khôi nét dịu dàng
Áo mỏng thân hình tăng quý phái
Tà mềm dáng dấp tạo đài trang
Tô vời phụ nữ thêm đầm thắm
Bức họa thêu tranh đỏ tím vàng
MTTN*

Cả nhóm trở về ăn điểm tâm, mùi vị chả lụa, bánh mì nóng giòn, bánh canh cua tôm, cà phê pha lên, tất cả quện chung bay tỏa mùi thơm mang hương vị quê nhà yêu dấu.

Trước khi lên đường trở về, chúng tôi lại chuẩn bị thức ăn khác để dùng xe ăn trưa trong khu rừng thoáng mát ven bờ hồ thơ mộng.

Đến nhà nghỉ ngơi đôi chút chúng tôi lại hẹn chiều ra quán Mii trên đường Bolsa thuộc thành phố Westminster do nhóm Sacramento (Thơ, Vinh, Xuân) chiêu đãi.

Nhà hàng này có món bánh xèo tuyệt hảo, vì lượng sức mình nên chia chung 2 người một phần, được nếm cả món mì Quảng cũng như bánh xèo. Cô Tiểu Bích xin bill để trả nhưng không dành lại với rể Lâm và Huy. Nhìn Cô và cô Đạm Tuyết vui cười đùa giỡn, học trò cảm thấy hài lòng với chuyến tổ chức đi chơi đã dâng niềm vui thật xứng đáng.

Điều này làm tôi nhớ đến chị Phương Thảo trong tháng 7 về Bắc Cali dự “Gia Đình Hải Quân THĐ/ OCS hội ngộ hè 2022”. (THĐ: Trần Hưng Đạo, OCS: officer candidate school).

Anh chị thuê xe đến rủ tôi về thăm cô Tiểu Bích, chị biết cô thích mít đã mua một trái lớn về ngồi bóc múi bỏ 2 bịch Ziploc lớn, mua mấy vỉ sầu riêng lột sẵn, bịch vải. Chị khen vải ngọt và đưa tôi một trái bảo thử, tôi thắc mắc “chị lấy đâu ra thử trong khi bịch vải vẫn còn nguyên, chị trả lời “xin họ thêm 2 trái thử cho biết chứ mắc quá chỉ vài trái mà tới \$15, không dám ăn, để dành cho Cô...”

Thật ra miếng ăn chẳng ai muốn kể vì quá nhỏ nhặt, nhưng nghĩa cử như vậy cho thấy cái tình quý mến, tôn sư trọng đạo của lối giáo dục trước 75. Lòng tôi dậy lên niềm hãnh diện chung về tình thầy trò năm xưa, trò biết lễ nghĩa dù hơn 47 năm qua, trò luôn áp dụng “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”.

Chuyến đi chơi giữa nhóm nhỏ NTN và hai Cô Giáo rất vui đem đến những cảm giác đầy thanh thản và thật sáng khoái.

Về nhà Dạ Điểm ngủ 3 đêm, tôi mới có thì giờ nói chuyện nhiều cùng Dạ Điểm, chị em dạo sau vườn, ngồi gốc khế nhắc chuyện quê hương thời đói khổ.

Dạ Điểm đã kể tôi nghe mối tình ngày ấy...

Sau 75 gia đình Dạ Điểm từ SG trở về Huế mất hết tài sản, tình trạng kiệt quệ “bụng đói đầu gối phải bò”, Điểm phải nghỉ học nấu chè bột lọc bọc dừa, chè đậu xanh, đậu huyệt...bắt chước hàng xóm gánh chè ra bãi trống bên cầu Trường Tiền ngồi bán. Trước 75 đã quen anh Tân, nay dù hết “Em tan trường về anh theo Ngọ về” nhưng anh cảm thấy thương hơn trong hoàn cảnh cùng cực, nên kiếm có mua vài đem ra cho chị cả của Điểm buôn bán, lấy có đó để gặp mặt Điểm. Mỗi đêm anh theo sau Điểm, ngồi chờ bán hết gánh chè và đưa nàng về lặng lẽ trong tình yêu chia sẻ ngọt bùi gian khổ. Thế rồi chàng ngỏ lời xin cưới, ba nàng không ưng thuận vì nghĩ sẽ mất con khi lấy chồng xa, nhưng rồi mẹ thương khuyến khích học đạo theo chồng, đám cưới được tổ chức tốt đẹp.

Điểm theo chồng về Kinh 5 dưới tận miền Tây làm ruộng. Bước đầu làm chỉ cấy được 4 cây mạ so với mọi người cấy cả 10 cây, nhưng 4 cây của Điểm lại nổi phềnh lên vì không biết ém gốc lúa. Khi bước trên bờ ruộng thì té lên té xuống như vồ ếch. Cô nữ sinh ngày nào vẫn can trường mạnh mẽ chịu gian khổ vượt qua tất cả để tựa vào tình yêu mãnh liệt mà ông trời đã sắp đặt.

Rồi cuộc đời cũng đưa đẩy được bạn giúp đỡ đến bến bờ tự do, được nước Mỹ cứu mang.

Chồng cày, vợ cày ...cả cùm từng đồng nuôi con. Giờ đây con cái thành tài, vợ chồng sung túc hạnh phúc, đem tấm lòng nhân hậu đối xử với trẻ mồ côi, người cùi và người gặp khốn khó như lời Chúa dạy.

Họ đã sống bằng niềm tin, bằng ánh sáng của Chúa soi đường, sống mẫu mực ngoan đạo.

Sáng nay tôi ngồi trên xe đò Hoàng về lại San Jose, hình ảnh những ngày qua triền miên hồi tưởng, những ngày vui chơi ấm áp tình nghĩa thầy trò xưa dưới mái trường Nữ Thành Nội giờ này đã bị đổi tên, nhưng không xoá nhoà trong tâm trí các cựu nữ sinh.

Gian nan vất vả đã qua, thăng trầm theo làn mây bay trôi khuất. Nơi đây đất lành chim đậu, góp công gầy dựng trên nước Mỹ, tuổi hạc giờ này đón nhận nhiều ân phước của chính phủ và dân Mỹ, phải vui từng ngày như vừa có cuộc vui trong mấy ngày qua...

Minh Thuý Thành Nội

"Chiều hè – chiều hè; với tôi, đó luôn là hai từ đẹp nhất trong ngôn ngữ Anh."

"Summer afternoon – summer afternoon; to me those have always been the two most beautiful words in the English language."

– **Henry James** - là một nhà văn nổi tiếng người Mỹ, được coi là một trong những tác giả vĩ đại của văn học thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Ông nổi bật với những tác phẩm tâm lý học sâu sắc và những phân tích tinh tế về các mối quan hệ xã hội, đặc biệt là giữa các cá nhân và xã hội.



VUI BUỒN NGHE KHÚC NHẠC HÈ...

LS. NGÔ TĂNG GIAO

Nói tới những khúc nhạc mùa Hè chắc ai cũng không quên bài “Hè về” của nhạc sĩ HÙNG LÂN. Ông sinh năm 1922, mất năm 1986. Ông là một nhạc sĩ danh tiếng, tác giả những ca khúc “Hè về”, “Khỏe vì nước”, “Việt Nam mình châu trời đông”. Ông cũng là một giáo sư giảng dạy âm nhạc uy tín và là người khởi xướng dùng tiếng Việt để hát thánh ca. Ông cũng là tác giả đặt lời Việt cho bài “Silent Night” nổi tiếng với tựa đề “Đêm thánh vô cùng”.

Bài “Hè về” có nội dung thật vui tươi với cảnh thiên nhiên được tả thật đẹp, nghe thấy yêu đời. Nguyên văn như sau: “Trời hồng hồng, sáng trong trong, ngàn phương rung nắng ngoài song. Cành mềm mềm, gió ru êm, lọc màu mây bích ngọc qua màu duyên. Đàn nhịp nhàng, hát vang vang, nhạc hòa thơ đón hè sang. Hè về trong khóm trúc mềm đầu bờ. Hè về trong tiếng sáo diều dật dờ. Hè về gieo ánh tơ. Bâng khuâng nghe nắng đùa mây trắng đàn chim cánh đo trời. Phấn vân đôi má chèo lữ thứ thuyền ai biếng trôi. Xa xa lớp lúa đôn cao sóng, vàng leo dốc chân đồi. Thanh thanh hương sen nồng ướp gió trắng khi chiều rơi. Hè về, hè về, nắng tung nguồn sống khắp nơi. Hè về, hè về, tiếng ca nhịp phách lên khơi. Đầu ghềnh suối mát reo vui dạt dào. Ngập trời gió mát ven mây phiêu bạt. Hồn say ý chơi vui, ngày xanh thắm nét cười, lòng tha thiết yêu đời. Đây suối trắng rừng thơ, đây gió nhung huyền mơ. Đây phím ngọc đường tơ, đây tứ nhạc ngàn xưa. Hè về, non nước yêu yêu, Hè về nắng thông reo.”

Bài nhạc thứ hai là bài “Khúc ca mùa hè” của nhạc sĩ CANH THÂN. Ông là một trong những nhạc sĩ tiên phong của tân nhạc Việt Nam nhưng có rất ít tài liệu nói về ông. Ông sinh khoảng năm 1920, không rõ năm mất. Xuất thân từ nghệ sĩ cải lương, thời kỳ đầu ông là một ca sĩ của tân nhạc, ông có tham gia hội ái Tino và lấy biệt danh là Tino Thân, ngoài ra ông cũng là một nhạc công đa tài. Về lĩnh vực tình ca, ông nổi tiếng với bài “Cô hàng cà phê”, “Khúc ca mùa hè” và “Anh còn cây đàn” v.v...

Bài “Khúc ca mùa hè” cũng đầy yêu thương và vui tươi như nơi... thiên đường. Nguyên văn như sau: *“Về đây ta lắng nghe muôn cung đàn. Đường tơ tha thiết vương hương nồng nàn. Về đây nghe bao câu hát du dương mơ màng. Và về đây tắm ánh sáng trắng huy hoàng. Khúc ca mùa hè. Lắng trong chiều về. Vang trong đêm êm đêm thánh thót. Ngân nga tiếng ai ca. Khúc ca mùa hè. Gió xa đồn về. Lướt qua bên hè. Nghe như ru như gọi tình thơ. Nghe như thấy lâng lâng. Bừng một trời mơ. Những cánh bướm khoe màu thắm. Bay lao xao trong ngàn hoa. Lữ khách đứng thẩn thờ ngắm. Cuộc đời vui tươi như nơi thiên đường. Nhịp đàn hòa theo khúc ca mùa hè. Ta lắng lắng nghe. Nhạc đón yêu thương về. Một mùa đây hoa ngát hương.”*

Nhưng tiếc thay mùa Hè đôi khi cũng mang lại những cảm giác buồn bã, sầu bi như trong bài “Nỗi buồn hoa phượng” của nhạc sĩ THANH SON. Ông sinh năm 1938 và qua đời vào năm 2012. Ông được biết đến từ thập niên 1960 với những ca khúc trữ tình nói về tình cảm của tuổi học trò trong đó nổi tiếng hơn hết là những bài về mùa hè. Bài “Nỗi buồn hoa phượng” được ông tâm đắc nhất. Khoảng thời gian sau, ông nổi tiếng với các ca khúc về miền Tây Nam Bộ mang âm hưởng dân ca Nam bộ và với dòng nhạc boléro.

Bài “Nỗi buồn hoa phượng” có những đoạn buồn bã vì chia ly: *“Mỗi năm đến hè lòng man mác buồn. Chín mươi ngày qua chứa chan tình thương. Ngày mai xa cách, hai đứa hai nơi. Phút gần gũi nhau mất*

rời. Tạ từ là hết người ơi!... ... Nếu ai đã từng nhật hoa thấy buồn. Cảm thông được nỗi vắng xa người thương. Mâu hoa phượng thắm như máu con tim. Mỗi lần hè thêm kỷ niệm. Người xưa biết đâu mà tìm?"

Rồi đến bài "Tóc em chưa úa nắng hè" của nhạc sĩ PHẠM MẠNH CUÔNG cũng gợi buồn man mác. Ông sinh năm 1933. Ông còn được biết tới với vai trò sản xuất những băng nhạc mang tên Phạm Mạnh Cường rất phổ biến ở Sài Gòn trước 1975. Phải đến bản tango "Thu ca" viết năm 1953 ở Hà Nội thì tên tuổi ông mới thực sự được công chúng biết tới. Năm 1956, ông viết Thương hoài ngàn năm, ca khúc đầu tiên ông viết ở miền Nam. Phía sau mỗi nhạc phẩm đều ghi dấu một kỷ niệm đã tạo nên nguồn cảm hứng, từ đó ông liên tiếp tung ra những ca khúc: "Thung lũng hồng", "Mất lệ cho người tình", "Tóc em chưa úa nắng hè."

Bài "Tóc em chưa úa nắng hè" cũng buồn bã, ngậm ngùi đầy nhung nhớ và nước mắt: *"Rồi nắng hạ tàn phai. Con mê tình ái. Rã rời lạc lối. Theo dấu chân em về. Chập chùng lớp sóng. Trắng xóa mênh mông. Bờ cát mịn từ đây. Không em hờn dỗi. Tháng ngày mù tối... ... Rồi cánh phượng hồng rơi. Chơi vui ngàn lối. Mỗi đường tình ái. Con sóng khuya xô về. Ngậm ngùi sỏi đá. Nuôi tiếc trôi qua. Còn dấu buồn hờn hoang. Nghiêng nghiêng vệt nhớ. Mưa chiều lạnh giá. Em tóc em hong vàng. Hạ buồn chiều úa. Em khóc chiều xưa."*

Trong bài "Hạ trắng", TRỊNH CÔNG SƠN cũng vẽ ra cái nắng mùa hè buồn bã không kém: *"Gọi nắng! Trên vai em gầy, đường xa áo bay. Nắng qua mắt buồn, lòng hoa bướm say. Lối em đi về, trời không có mây. Đường đi suốt mùa, nắng lên thấp đây. Gọi nắng! Cho con mê chiều nhiều hoa trắng bay. Cho tay em dài, gầy thêm nắng mai. Bước chân em về nào anh có hay. Gọi tên cho nắng chết trên sông dài..."*

Trong nhạc phẩm "Ngày tạm biệt" của nhạc sĩ LAM PHƯƠNG cũng gợi buồn vì cảnh chia ly đôi ngả. Bài "Ngày tạm biệt" đã làm xao xuyến bao con tim học trò mộng mộng, mơ mơ, vào những dịp liên hoan bãi trường. Có ai nghĩ rằng mấy chục năm sau Lam

Phương sẽ hát bài nhạc đó cho chính bản thân mình trong buổi phụ thê chia tay? Tương lai đã thấy trước, hay định mệnh được an bài?

Bài “Ngày tạm biệt” vẽ ra cảnh hoa phượng âu sầu tôi tả: “... Nhớ hàng phượng thắm ven đường, mỗi lúc chiều buông. Tan tác rơi cài lên mái tóc xanh. Với bóng dáng ai chiều ấy nâng niu tà áo. Biết nói gì khi chia ly. Anh nghe chẳng ngoài kia hoa vẫn rơi. Bên xác hoa âu sầu vì tả tôi. Ngàn ve buông tiếng nỉ non như thương cho người đi. Thôi chia tay cận ly vui chúc đi: Ta chúc nhau những gì đẹp lòng nhau. Dù thời gian có trôi pha, ta không bao giờ quên.”

Rồi đến các bài nhạc của TRẦN TỬ THIÊN. Ông sinh năm 1937, mất năm 2000. Ông là một nhạc sĩ của dòng nhạc vàng và tình ca giai đoạn 1954 – 1975 tại miền Nam Việt Nam. Ông sáng tác nhiều bài về mùa Hè như “Đưa em vào hạ”, “Người tình mùa hạ”, “Mây hạ” và cùng với TRÚC HỒ trong bản “Con mưa hạ”. Bài nào cũng thoáng hiện nỗi buồn!

Bài “Đưa em vào hạ” cũng gợi cảnh chia ly nhưng lại phảng phất mùi giã giã, chiến tranh: “Mùa hè năm nay anh sẽ đưa em rời phố chợ đôi ngày. Qua miền xa mà nghe rừng thiêng gọi lá. Tiếng nỉ tiếng non khi chiến trường nằm im thở khói. Đứa bé nhìn cha đang chờ giã dưới giao thông hào... .. Quê hương đau, nắng hạ cũng buồn. Nước sông ngăn đôi sơn hà. Còn gì em, còn gì đâu? Mùa hạ qua mau, đi nữa đi anh. Chỉ con đường quê hương mịt mù. Thương những chiều nắng rọi bờ sông...”

Bài “Người tình mùa hạ”: “...Rồi hạ lại về. Mà em sao không thấy đâu. Cho biển vắng! Lặng nhìn tôi về. Nằm nghe tương tư qua từng đêm. Hỡi em ơi! Em giờ đâu...?!”

Bài “Mây hạ” (sáng tác năm 1967): “Em đi chiều nay, đường nắng đuổi thân dài. Chân chưa vội lay, lại đau từng bước mơn. Em ca bài ca, chiều nay buồn hơn khóc. Nghe từng ngày mai, thần thờ một mình đây!...”

... Em mãi còn đi, sâu giếng dài đêm tôi. Thương từ ngoài hiên, dấu hài chìm vào mưa."

Bản "Con mưa hạ" sáng tác cùng TRÚC HỒ: ... "Nhạc gọi mưa hay mưa trút xuống đời. Thành dòng lệ, thành đêm bão tố về. Rồi từ đó cũng nghe trong anh. Lòng đổ mưa, cơn mưa hạ về giữa đêm. Tình yêu đó rét mướt như muôn tiếng tơ. Tình yêu hồi, mãi mãi mong gì đón chờ. Dù những đêm buồn đơn vắng. Nhớ khôn nguôi chuyện đêm nay. Con mưa hạ về bắp bênh"...

Thi sĩ NHẤT TUẤN, tên thật là Phạm Hậu, sinh năm 1935. Năm 1954, ông cùng gia đình di cư vào miền Nam, định cư tại Đà Lạt. Ông gia nhập trường Võ bị Quốc gia Đà Lạt năm 1955 rồi ra trường phục vụ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cho đến 30/4/1975. Ông nổi tiếng với những bài thơ trong tập "Truyện chúng mình". Một trong những bài thơ này được nhạc sĩ ANH BẰNG phổ nhạc.

Nhạc sĩ ANH BẰNG, sinh năm 1926, nổi tiếng với số lượng sáng tác khoảng 650 tình khúc để lại cho đời. Ông là một trong những nhạc sĩ tiêu biểu của dòng nhạc vàng và nhạc hải ngoại, là người đã sáng lập Trung Tâm Asia vào năm 1981. Ngoài những tác phẩm của chính mình, ông còn là một trong nhóm ba người hợp tác soạn nhạc với bút hiệu Lê Minh Bằng.

ANH BẰNG phổ thơ NHẤT TUẤN, bài "Hoa học trò". Hình ảnh tuổi thơ thật dễ thương: "Bây giờ còn nhớ hay không? Ngày xưa hè đến, phượng hồng nở hoa. Ngây thơ anh rủ em ra. Bảo nhặt hoa phượng về nhà chơi chung... .. Bây giờ còn nhớ hay không? Anh đem cánh phượng tô hồng má em. Để cho em đẹp như tiên. Nhưng em không chịu, sợ phải lên trên trời... .. Lên trời hai đứa hai nơi. Thôi em chỉ muốn làm người trần gian. Hôm nay phượng nở huy hoàng. Nhưng từ hai đứa lỡ làng duyên nhau. Rưng rưng phượng đỏ trên đầu. Tìm em, anh biết tìm đâu bây giờ? Bây giờ tìm kiếm em đâu. Bây giờ chỉ thấy thương đau."

Tuy còn nhiều nhạc sĩ khác sáng tác với đề tài liên quan tới mùa Hè nhưng tạm xin ngưng nơi đây với nhạc sĩ LÊ HỮU HÀ. Ông

sinh năm 1946, mất năm 2003 vì tai biến mạch máu não tại Sài Gòn. Ông nổi tiếng với các ca khúc “Vào hạ”, “Hãy yêu như chưa yêu lần nào”, “Yêu em”, “Hãy vui lên bạn ơi”, v.v... Ông được đánh giá là một trong những người Việt hóa nhạc trẻ Âu-Mỹ đầu tiên ở Việt Nam. Cũng trong một chủ đề, nhạc sĩ LÊ HỮU HÀ lại có cái nhìn khác về mùa Hè. Ông thả hồn trong khung cảnh trời nhẹ lên cao, với bóng chim lò lững, bên dòng sông im lìm. Lòng thanh thản yêu thương cuộc đời trước mặt vì cảm nhận được cái phù du vô thường của kiếp sống.

Bản nhạc “Vào hạ” nhịp điệu nhẹ nhàng, dễ thương: ...*“Ta rong chơi phiêu lãng cuối trời. Đời bọt bèo phù du kiếp người. Dù qua bao nhiêu đắng cay vẫn cười. Và đời còn mùa hạ tươi vui. Và lòng còn nhiều điều muốn nói. Hãy thấp sáng tâm hồn. Cháy lên trong tim mỗi người. Những yêu thương cho cuộc đời. Mùa hạ ơi! Tình phơi phới! Bạn ơi! Xin hãy viết hết nỗi buồn. Xóa tan đi bao đêm trường. Bước ung dung...”*

Trong một năm, có bốn mùa luân chuyển. Hết Xuân, Hạ lại đến Thu, Đông. Mùa Hạ lúc nào cũng là mùa Hạ, nhưng vì lòng người sôi động nên mới cảm thấy có lúc vui lúc buồn, mới cảm thấy nắng hè chuyển gam sắc độ theo nhịp tim của mình. Thi sĩ Nguyễn Du từng viết: “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ” và thi sĩ Lamartine rất chí lý khi nói: “Le spectacle est dans les yeux ” (Cảnh ngoài cũng chỉ do đôi mắt người). Thôi thì hãy cứ sống an lạc thân tâm trong giây phút hiện tiền! “Hè về, hè về, nắng tung nguồn sống khắp nơi... tiếng ca nhịp phách lên khơi... Hồn say ý chơi vơi, ngày xanh thắm nét cười, lòng tha thiết yêu đời.”

LS. Ngô Tăng Giao



TÙY BÚT

LÊ MAI LĨNH

Nha trang, ngày trở lại sau 25 năm.

--oOo--

Bài viết thứ nhất, khi nhập vào nhà tù lớn, sau khi ra khỏi nhà tù nhỏ 11/1983.

²Hai mươi lăm năm qua, tôi đã để lại thành phố này một đứa con, không biết trai hay gái, tên của nó là:

NỖI BUỒN NHƯỢC TIỂU.³

Hai mươi lăm năm qua, tôi đã lưu lạc giang hồ.

Tôi chọn cho mình giang hồ và đòi bắt tôi phải lưu lạc.

Hai mươi lăm năm qua, tôi đã sống tưởng chừng như tôi đã chết.

Hai mươi lăm năm qua, tôi đã đi nhiều nơi, và tôi đã làm nhiều việc.

Những nơi tôi đến, là cùng hang cùng ngõ, từ Bắc chí Nam.

Nơi có núi, có sông, có thác, có ghềnh, có đỉnh cao, vực sâu.

Có lạnh như dao cắt và nóng như lửa đốt.

Có bom đạn ác liệt và tình yêu nên thơ.

Có đau đớn thể xác và ngây ngất dục tình.

Có máu chảy và nước mắt rơi.

Có máu tươi ngọt, u uất, và nước mắt đón đau, hạnh phúc.

Có thủy chung và có phản bội.

Có nước mắt trẻ thơ và nụ cười tuổi già.

Có sự sống và có cả cái chết.

² *Viết tại nhà bếp chùa tỉnh hội, Hải Đức.*

³ *Tên tập thơ đầu tiên, xuất bản năm 1963, lớp đệ Tam, trường Võ Tánh.*

Có tiếng gió vi vu của thông và tiếng rì rào của sóng.
Có tiếng gầm thét của đại bác và tiếng thở hân hoan của khoái lạc.
Có Đà Lạt hoa và Hoàng Liên Sơn tai mèo, núi.
Có tất cả.
Có tuốt luốt.
Những việc tôi đã làm là tùm lum tà la.
Nhớ không hết.
Nghĩ mệt óc.
Viết tốn giấy.
Duy có một điều tôi làm, không thể nào quên. ĐÓ LÀ LÀM THƠ.
Làm thơ trong lúc cày ruộng, nghĩ trong đầu thuộc, tối về chép lại.
Làm thơ bên bếp lửa, giữa giờ giải lao, trên bao thuốc lá Sông Cầu,
giữa cơn lạnh mùa đông Yên Bái. Làm thơ lúc đang tắm cho heo,
tay chà, đầu nhớ.
Làm thơ trong lúc bụng đói cồn cào, phải uống nước lạnh để đánh
lừa bao tử, ở Lào Kai.
Làm thơ lúc hân hoan, vì trước mặt có thịt, cá, bánh chưng ba ngày
Tết, ở Vĩnh Phú.
Làm thơ lúc phá rừng trồng sắn, lúc leo núi đẵn tre, lúc lội sông
gánh nước.
Làm thơ lúc gánh phân tưới rau, sau đó biết mình thành công, vì
thơ làm ra không thúi.
Chẳng hạn như, những câu thơ dưới đây, có thúi đâu:
*- Trời trong xanh buổi sáng hôm nay,
Soi xuống hố phân, thấy mặt mình vẫn còn tươi sáng,
Còn nét thơ ngây, còn dáng hình người,
Chưa có gì ra vẻ đười ươi.
Hồi những cục phân còn xác bắp cọng rau,
Trôi lênh bênh giữa bầy dòi bọ,
Trông các em, thân quá làm sao,
Giữa đời ta, chuỗi ngày lem lọ.*

Đại khái, đại để, đại loại là như thế.

Hoặc nữa, làm thơ vào buổi sáng, giữa núi rừng, lúc mặt trời mọc, trong gió mát, trời thanh, bình minh dậy.

Làm thơ vào giữa trưa, dưới cánh đồng, lúc nắng chang chang, mồ hôi nhễ nhại, mệt lả.

Làm thơ vào buổi chiều, công việc trong ngày đã xong (trả nợ quý thần) đôi vai nhẹ tênh, thơ thới.

Làm thơ vào ban đêm, rệp cắn, muỗi đốt, người nằm, chật như cá hộp.

Đại khái, đại để, đại loại là như thế.

Hoặc nữa.

Nhưng thôi.

Và, đã có lần, tôi xém chết vì thơ. Nhưng đã có rất nhiều lần, tôi sống được, nhờ thơ.

Làm thơ và ngay cả những bài thơ làm ra, quả tình, có một điều gì thật kỳ lạ.

Và, cũng là một điều thật kỳ lạ, là khi anh làm thơ, anh phải thiết tha, đam mê, yêu một cái gì đó.

Một cái gì đó, có thể là quê hương anh dấu yêu, lý tưởng anh tôn thờ, hay là một nhan sắc người tình, một dáng đàn bà trẻ con, nổi cô đơn góa phụ, một thoáng qua tuyệt vời yêu dấu, mà anh yêu, tưởng chừng như có thể chết đi được...

Phải thế không, họa sĩ Thanh Hồ?

Thanh Hồ, tôi gọi tên anh, ngày trở lại, sau hai mươi lăm năm, là vì hai mươi lăm năm qua, anh đã cất giữ giữ tôi một đứa con, mồ côi mồ cút.

Nếu không có anh thì nó đã không còn.

Và, không nhờ có anh, tôi là cha nó, đã không còn cơ hội nhìn lại mặt nó, con của tôi, NỖI BUỒN NHƯỚC TIẾU.

Tôi cảm ơn anh.

Tôi phải cảm ơn anh, vì một lý do khác nữa, là ngày đó, đã hai mươi lăm năm rồi, tôi rách nát làm sao. Tôi đâu có làm thơ được, tôi đâu có in thơ được, nếu thiếu đi những ly cà phê, những gói thuốc lá, thì đời buồn lạ.

Nhưng anh đã tiếp tế cho tôi, thường xuyên, đều đặn để tăng nguồn cảm hứng lúc sáng tác, dẫu còn con, nhưng cần thiết biết bao, cho một gã làm thơ, cho một đời thi sĩ.

Ngày đó, đã hai mươi lăm năm rồi, khi trở lại, trên mỗi bước chân đi, dẫm lên đá cuội, trong công viên, dẫm lên cát mịn, dọc bờ biển biếc, trắng xóa bọt sóng, gió từ khơi xa phả hơi mặn lên mặt người, tôi nhớ lại, như vừa mới đây, như vừa mới hôm qua, chúng ta.

Thế mà, đã lâu lắm rồi.

Ngày xưa.

Đã hai mươi lăm năm.

Đã một phần tư thế kỷ.

Khiếp thật.

Phải thế không Thanh Hồ?

Phải thế không Thanh Hồ, đã hai mươi lăm năm qua.

Đã hai mươi lăm năm qua.

Nhìn lại.

Mất.

Còn.

Được.

Có.

Không.

Những gì.

Nó-đã-là-như-thế thì nó-phải-là-như-thế.

Nhưng mà, liệu chúng ta, có lẽ nào, để cho nó mãi mãi là như thế được.

Trong chúng ta, ngày đó, giờ còn lại, mấy ai.

Bạn bè đã xa.

Có đứa đã chết.
Có đứa đã điên.
Người còn vật vờ.
Giờ là lúc, không khiếp sợ, không trách móc, không chạy trốn.
Ai hay ai dở, đã biết.
Ai còn ai mất, đã rõ.
Ai đúng ai sai, đã tường.
Giờ không còn là lúc mọi người nguyên rửa nhau.
Phải thấy được cái đúng cái sai của chính mình, để mà lo liệu, để mà nghĩ tới quê hương.
Tất cả chúng ta đều là những kẻ chiến bại, trước sự nghèo đói của nhân dân.
Trước quê hương khổ đau, chúng ta đều có tội, dẫu khoác cho nhau màu áo nào.
Thanh Hồ ơi, tôi đã muốn khóc.
Thì ra, tôi còn mềm lòng quá nhỉ.
Và, tôi đang khóc đây.
Trong tôi, từ cha sinh mẹ đẻ, chưa bao giờ, không bao giờ có lòng thù hận.
Ngày xưa đã một thời tôi cảm sùng, vì tôi không thể không cảm sùng. Ngày xưa, anh em bạn bè tôi đều làm như thế; tại sao tôi lại không.
Tách mình ra khỏi số phận chung, là điều tôi không muốn.
Và lại, bấy giờ chiến tranh với tôi như một trò chơi, nói theo ý thơ của một người bạn tôi, nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn:
“Chiến tranh này như một trò chơi,
Suy nghĩ làm gì, cho lao tâm tổn khí”
Do đó, nếu lên được thiên đường một mình, tôi cũng không lên.
Buồn lắm, nhớ bạn bè quá, lấy ai để “quàng vai ấm áp cuộc rong chơi.” (thơ Nguyễn Bắc Sơn).
Và bây giờ chúng ta còn sống.

Vậy thì, xin thưa với những người đã chết, rằng thì là, lỡ đã chết, đâu vì lý do nào, thì xin cứ hạnh phúc ngủ yên.

Tôi nói hạnh phúc ngủ yên, vì rằng, chết được cũng là điều hạnh phúc. Vậy thì, xin đừng về quây chúng tôi nữa.

Và những người còn sống, đâu vì lý do nào mà chưa chết được, xin đừng quên, cái giá phải trả, trước tương lai dân tộc và lịch sử giống nòi.

Vì rằng, CON NGƯỜI, DÂN TỘC và LỊCH SỬ là một quan tòa nghiêm minh lắm, sẽ không tha thứ cho những ai đã sống, mà không sống ra hồn người.

Nước mắt và trái tim tôi đây, ngày trở lại, sau hai mươi lăm năm, xin trao tặng quê hương, bạn bè.

Lê Mai Linh

Nha trang 11/ 1983.

"Mùa hè là mùa đẹp nhất của chúng tôi: đó là những đêm ngủ trên chiếc võng ngoài hiên, hay cố gắng ngủ trong căn nhà trên cây; mùa hè là tất cả những món ăn ngon; mùa hè là một ngàn màu sắc trong khung cảnh khô cằn; nhưng quan trọng nhất, mùa hè là Dill (tên một nhân vật trong cuốn tiểu thuyết "To Kill A Mockingbird")."

"Summer was our best season: it was sleeping on the back screened porch in cots, or trying to sleep in the tree house; summer was everything good to eat; it was a thousand colors in a parched landscape; but most of all, summer was Dill."

— **Harper Lee** (1926–2016) là một nhà văn người Mỹ nổi tiếng, được biết đến nhiều nhất với tác phẩm "To Kill a Mockingbird" (Giết Con Chim Nhại), một trong những cuốn tiểu thuyết vĩ đại của văn học Mỹ.



HỒ LUNG LINH

PHONG CHÂU

Ông Bá có thể nói là người lớn tuổi nhất trong số những người có tuổi trong khu nhà có tên là Làng Nam nằm cách downtown Houston về hướng nam chừng ba mươi dặm. Làng Nam tọa lạc trong một khu rừng thông quanh năm xanh lá. Ban đầu làng chỉ là một ngôi chùa nhỏ do một vị sư thành lập để làm nơi tu tập cho một số tăng sinh, cũng là nơi quy tập Phật tử của các thành phố lân cận về tu học và dự các ngày lễ lớn.

Chùa được làm bằng những vật liệu nhẹ nhưng về sau, do nhu cầu Phật tử ghé lại càng ngày càng đông và đóng góp tài chánh nên làm thêm được một chánh điện khang trang, một số tầng phòng, một trai phòng, một phòng hội có sức chứa vài trăm người, một nhà bếp và một số cơ sở khác tiện nghi đầy đủ. Cũng phát xuất từ nhu cầu của một số Phật tử lớn tuổi nên sau một thời gian cân nhắc với sự đồng tình góp công góp của của Phật tử, ngôi làng ở ngoại vi nhà chùa được thành lập với các căn nhà di động nhỏ nằm rải rác trong khu rừng dưới những tàn cây xanh quy tụ gần năm mươi Phật tử, trong đó có ông Hồ Hữu Bá.

Cách đây năm năm lúc ông 80 tuổi, vợ qua đời, ông làm giấy tờ để chuyển nhượng căn nhà ông đang ở cho đứa con gái duy nhất để xin vào làng Nam ở. Mới đầu khi ông vào làng, chỉ có chừng hai mươi người, năm năm sau con số cư dân làng Nam tăng lên gần gấp ba. Người trong làng hầu hết ở độ tuổi từ sáu lăm, bảy mươi trở lên và tất cả đều sống và sinh hoạt như một cộng đồng nhỏ với những quy định rõ ràng bằng tinh thần tự nguyện sống hài hòa, thương yêu, giúp đỡ với tâm bác ái của nhà Phật. Đặc biệt dựa trên tinh thần của những người tỵ nạn – điều mà ông Bá trong những

hội họp hay sinh hoạt với dân làng – thường hay nhắc nhở “*bà con chớ quên mình là những người tị nạn...*”

Trong làng, ngoài ông Bá còn có gần chục người trước kia là những sĩ quan và binh sĩ các cấp trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Ngoài những sinh hoạt chung với dân làng, số người này thường có những sinh hoạt riêng với nhau nhân những ngày lễ của Việt Nam Cộng Hòa. Mỗi lần có sinh hoạt như vậy ông Bá chủ động lập chương trình và điều hợp buổi sinh hoạt. Đôi lúc họ cũng mời một số anh em cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa bên ngoài vào tham dự.

Năm nay nhân lần thứ 50 ngày quốc hận 30 tháng tư, ông Bá và các bạn tổ chức một buổi sinh hoạt chung cho cả dân làng. Chương trình sinh hoạt diễn ra vào hai buổi sáng chiều, mỗi buổi hai tiếng đồng hồ để mọi người có cơ hội kể chuyện về mình kể từ ngày Miền Nam bị cưỡng chiếm. Có nhiều cụ chưa bao giờ có dịp kể chuyện cá nhân mình liên quan đến dấu mốc lịch sử 30 tháng tư nên dịp này có nhiều người ghi danh tham gia. Buổi sáng hầu hết các lão bà kể về nỗi khốn khổ sau ngày “giải phóng”, về đời sống bị kềm kẹp, về cảnh sống khốn cùng, bệnh tật ở các vùng “kinh tế mới”, về sự chịu đựng gian lao cơ cực với cảnh đi thăm nuôi chồng con trong các trại tù cộng sản từ Bắc chí Nam, về cuộc tử sinh trong những lần vượt biên tìm Tự Do... Có nhiều cụ vừa kể vừa khóc. Nhiều cụ như được quấy động tâm tư nên tỏ ra rất cảm phần “bên thắng cuộc”. Cả hội trường mọi người đều chú tâm lắng nghe từng mẩu chuyện li kì, oái oăm lẫn khoảnh khắc bi tráng của một giai đoạn trong những trang lịch sử dân tộc Việt. Câu chuyện của mỗi người cũng là câu chuyện chung của tất cả mọi người. Số phận của một người cũng là số phận chung của cả một dân tộc đã bị đẩy vào con binh lửa chiến tranh bởi các thế lực ngoại bang, đặc biệt là dưới chiêu bài “giải phóng dân tộc” được sự trợ giúp của khối cộng sản quốc tế.

Buổi chiều dành cho các cụ thuộc phái nam, đặc biệt là cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa kể về mình trong “Tháng Tư Đen”. Họ là những quân nhân hầu hết đều ở trong các quân binh chủng, từ những người lính bộ binh đến các chiến sĩ trong lực lượng đặc biệt, thủy quân lục chiến, nhảy dù, không quân, biệt động quân, hải

quân, chiến tranh chính trị...Chính họ – mỗi cá nhân là một nhân tố tạo nên những chiến công lừng lẫy trên khắp bốn vùng chiến thuật khiến cho kẻ thù phải khiếp vía. Cuộc bùng súng từ “Tháng Tư Đen” là một vết thương còn rỉ máu trong tâm can của từng chiến sĩ một thời đã hy sinh cho đại cuộc. Thời gian kể chuyện đã chấm dứt nhưng vẫn còn vài người chưa có dịp trình bày chuyện của mình. Trong đó có ông Hồ Hữu Bá...

Sau buổi kể chuyện “30 Tháng Tư” của cư dân trong làng, ông Bá trở về căn nhà nhỏ ẩn dưới rừng thông với tâm trạng phẫn chấn vì ông đã nhận được sự đồng tình của bà con trong làng. Những tưởng sau thời gian 50 năm bà con đã quên bằng ngày đau buồn 30 tháng tư nhưng không ngờ mọi người vẫn không quên vết thương đó sau những tháng năm dài tuy vất vả nhưng thành công với cuộc sống mới đất khách quê người. Sau buổi cơm chiều, ông Bá trở về căn nhà di động ngồi trước mái hiên thấp nhìn ra rừng thông bát ngát một màu xanh trước mắt. Ông hơi thảng thốt khi chợt nhận ra rằng chung quanh ông, phía trước, phía sau, bên phải, bên trái đều là những hàng thông cao vút và tiếng gió thổi qua rừng thông nghe chừng như những âm thanh vi vu ngày nào khi ông đang là một sinh viên sĩ quan của Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Trở vào bên trong, ông cầm chai Tennessy Whiskey còn một nửa và chiếc ly thủy tinh rồi trở ra ngồi trước hiên nhà. Trời đã sập tối và thật cao trên bầu trời đã xuất hiện những vì sao như những chấm phá thủy tinh lấp lánh giữa mênh mông trời đất. Ông cũng vừa cảm nhận được sự nhỏ nhoi của thân phận làm người của mình giữa khung cảnh thiên nhiên mà bấy lâu nay ông được tận hưởng.

Mặc dù nhận thức được bài học “buông bỏ” của nhà Phật để sống an nhiên tự tại nhưng ông Bá không thể nào “buông bỏ” được những kỷ niệm của một thời trai trẻ còn đi học, lúc vào quân ngũ với những ngày cầm súng chiến đấu cam go để góp phần bảo vệ Miền Nam cho đến ngày bị đày ải tù tội ở núi rừng Việt Bắc...

Con gió chiều cuối đông đang lên qua đám thông già tạo nên tiếng rì rào khiến ông nhớ lại lúc còn là sinh viên sĩ quan, được ra phép ngày chủ nhật mỗi tuần, ông thường lang thang trong những rừng thông trên Đồi Tùng Nguyên cạnh hồ Than Thở hay khu rừng Ái Ân âm u kỳ bí, lại có khi rào bước trên các đỉnh của Đồi Cù để

ngắm hồ nước trong xanh phản chiếu những cụm mây trắng như bông đang trôi nổi trên bầu trời lẫn dưới đáy hồ là hình ảnh của một thuở thanh bình mà ông được thụ hưởng. Ông trở vào nhà mặc thêm chiếc áo lạnh mỏng rồi trở ra rót nửa ly rượu. Ông uống một ngụm nhỏ. Hương vị quen thuộc của Tennessy Whiskey khiến ông chợt nhớ đến bài hát có tựa đề của loại rượu ông thường hay uống – bài Tennessy Whiskey với vài câu ông còn nhớ được:

*I used to spend my nights out in a barroom
Liquor was the only love I've known
But you rescued me from reachin' for the bottom
And brought me back from being too far gone...
You're as smooth as Tennessy whiskey
You're sweet as strawberry wine
You're as warm as a glass of brandy
And honey, I stay stoned on your love all the time...*

Ông thả hồn vào khoảng không gian xa vắng và nhớ về một thời chùng đã xa lắm...

Sau bốn năm thụ huấn tại trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt là một học viện quân sự được huấn luyện theo tiêu chuẩn của học viện quân sự West Point, ông Bá là một trong những sĩ quan trẻ của một đơn vị tác chiến mũ xanh Thủy Quân Lục Chiến. Trận đánh đầu tiên ông tham gia là trận đánh mà cộng quân sử dụng cả sư đoàn chánh quy theo chiến thuật biển người để tấn công đúng như bài bản của quân đội Mao Trạch Đông áp dụng trong cuộc chiến tranh Quốc – Cộng với quân của Tưởng Giới Thạch vào cuối thập niên 40 của thế kỷ trước. Sau bốn ngày đánh trả, cộng quân đã rút lui bỏ lại nhiều nhân mạng và vũ khí. Đồng thời với trận tấn công tại làng Bình Giã ở miền đông, cộng quân cũng mở các trận đánh lớn ở cao nguyên như trận Pleime và trận Đố Xá ở miền trung.

Sau chiến thắng ở mặt trận Bình Giã, tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến của ông Bá trở về hậu cứ. Thời gian này ông Bá và đồng đội luân phiên được nghỉ phép. Nhân đó ông Bá đã nghĩ đến chuyện trở về Đà Lạt để thăm học viện xưa và đặc biệt là thăm những nơi chốn ông đã từng đặt chân đến khi còn là một sinh viên sĩ quan.

Trên chuyến bay của hãng hàng không Việt Nam từ phi trường Tân Sơn Nhất đến phi trường Liên Khương, chàng thanh niên có số

ghế ngồi cạnh một thiếu nữ tuổi chừng đôi mươi, xinh đẹp với mái tóc dài phủ vai, đôi mắt bồ câu tròn và đôi môi hình như lúc nào cũng sẵn sàng nở nụ cười thân thiện. Thoạt nhìn, chàng thanh niên cảm thấy mình như bị hấp hồn và chỉ kịp làm động tác khẽ gật đầu chào trong khi người thiếu nữ nhìn chàng rồi cũng khẽ gật đầu chào lại, xong quay mặt nhìn thẳng ra phía trước. Chàng thanh niên bỗng nhận ra có một điều gì khác lạ đang làm xáo động con tim mình. Chàng ngồi bất động, nén hơi thở để cho cảm giác dường như là một thứ hạnh phúc nào đó đang thật sự len lỏi tràn ngập trong cơ thể của chàng. Máy bay rời phi đạo, chàng thanh niên mơ mơ màng màng rồi lịm dần vào giấc ngủ vì thân xác vẫn còn mệt mỏi sau những ngày vùng vẫy ngoài mặt trận.

Hơn một tiếng đồng hồ sau người thiếu nữ đưa tay khẽ vỗ nhẹ vào vai chàng thanh niên nói:

Tới Đà Lạt rồi... Thức dậy đi... Ngủ hoài vậy...

Chàng thanh niên giật mình tỉnh dậy, vội quay sang người thiếu nữ đáp lời:

Cám ơn cô.

Người thiếu nữ mỉm cười mà không nhìn chàng. Sau giấc ngủ chàng tỏ ra tỉnh táo hơn lúc mới ngồi vào ghế máy bay. Như có một điều gì thôi thúc, chàng buột miệng hỏi:

Chắc là cô lên Đà Lạt để nghỉ hè phải không?

Và mẫu đối thoại kế tiếp giữa hai người trước khi họ rời máy bay:

Hết hè rồi anh ơi... Tôi lên Đà Lạt để trở lại trường học...

Vậy cô là người Đà Lạt mới đi nghỉ hè về?

Không phải đâu. Tôi ở Sài Gòn lên học

Cô học...?

Tôi học ở viện đại học Đà Lạt.

Như vậy tôi đoán là cô học ở trường chính trị kinh doanh?

Anh đoán sai rồi... Tôi học văn khoa...

Hai người vừa nói chuyện vừa bước ra khỏi nơi hành khách đang ứa ra cửa. Điều cả hai gặp đầu tiên là cơn gió lạnh phả vào người. Chiếc áo dài bay bay trong gió. Mái tóc dài cũng bay bay trong gió. Không hiểu chủ ý hay vô tình mà hai người đi sát bên nhau. Có lẽ cái lạnh từ dãy núi xanh phía sau xa phi trường cùng

đám sương mù còn sót lại của buổi sáng khiến người thiếu nữ hơi dúi người bước nhanh bên chàng trai vừa quen. Chàng trai bỗng nhiên trở thành người che chắn gió cho người thiếu nữ bên cạnh và một thoáng hương thơm dịu dịu từ mái tóc của nàng khiến lòng chàng lâng lâng như vừa bắt gặp một một thứ hạnh phúc vô hình đang đến với chàng. Bỗng chàng trai lên tiếng:

Tôi đề nghị chúng ta đi chung taxi lên Đà Lạt...

Người thiếu nữ đáp ngay:

Tôi cũng vừa có ý như thế...

Trên đoạn đường đèo dốc quanh co dài hai mươi cây số, cả hai trao đổi chuyện trò và cuối cùng nàng được biết chàng trai là một sĩ quan vừa được thăng cấp trung úy sau trận đánh đầu tiên và chàng biết nàng là sinh viên năm thứ ba văn khoa thuộc viện đại học Đà Lạt. Câu chuyện dài hai mươi cây số hình như là một khởi đầu cho cả hai - chàng và nàng hình như đang sở hữu một món quà đang nắm trong tay được linh cảm như là tình yêu.

Sau khi taxi đưa nàng về tận nhà người thân trên đường Hoàng Diệu, taxi chở chàng về khách sạn Thủy Tiên trên đường Duy Tân. Sau giấc ngủ ngắn ban chiều chập chờn hình bóng của thiếu nữ mang tên Quỳnh Hà, chàng sửa soạn ra phố để gặp nàng tại cà phê Thủy Tạ bên bờ hồ Xuân Hương. Trong chiếc áo dài màu thiên thanh, Quỳnh Hà được chàng trai tên Bá đón ở bậc cấp nhà Thủy Tạ và hai người chọn một chỗ ngồi bên ngoài để chuyện trò. Chiều dần xuống, bên kia là Đồi Cù nhấp nhô những thảm cỏ màu xanh đã chuyển dần sang màu tím thẫm cùng với mặt trời dần lặn khuất sau hai đỉnh núi Langbian ở hướng bắc. Gió từ bốn hướng cũng dồn về thành phố đem cái lạnh cố hữu về thành phố sương mù. Bá lấy chiếc áo laine màu trắng từ tay Quỳnh Hà và choàng cho nàng trước khi gọi một tách cà phê cho mình và một ly nước cam cho Quỳnh Hà. Không người nào nói lời “anh yêu em” hoặc “em yêu anh” nhưng cả hai đều nhận ra rằng họ đã yêu nhau ngay từ cái gật đầu chào nhau đầu tiên trên máy bay. Câu chuyện tưởng chừng như những đối thoại băng quơ nhưng đó là những sợi keo đã gắn chặt tình cảm của hai người khiến họ hiểu nhau hơn sau khi nhận ra có những điều mà hai người cùng chung quan điểm về đời sống và xã hội. Cô sinh viên sắp bước vào năm cuối của học trình với

cách lý giải về đời sống, về những hệ lụy của cuộc chiến tranh đang diễn ra khắp nơi. Phần chàng – đã khẳng định được vai trò của một thanh niên thời chinh chiến khiến nàng tỏ lòng quý trọng và yêu mến.

Không khí về đêm càng lúc càng trở nên lạnh và những mảng sương mù xám đục dày đặc phủ trên mặt nước hồ Xuân Hương làm che khuất cả Đồi Cù bên kia hồ. Khi Quỳnh Hà liếc nhìn vào đồng hồ trên tay, Bá biết nàng muốn trở về nhà. Hai người rời Thủy Tạ để thả bộ trên những con dốc lên dốc xuống đưa về nhà nàng và trước khi chàng quay gót, Quỳnh Hà nắm lấy tay chàng trong khoảnh khắc, xong đẩy cổng bước vào sân.

Với bảy ngày phép Bá đã mất đi ba hôm dành cho gia đình và bạn bè ở Sài Gòn. Những ngày còn lại ở Đà Lạt, Bá đề nghị với Quỳnh Hà là chàng sẽ đưa nàng đi thăm một số nơi chàng muốn trở lại thăm. Hà cũng đồng tình với chàng vì mãi còn hơn một tuần nữa nàng mới nhập học, vào ngày đầu mùa thu. Tuy đã trọ học ở Đà Lạt ba năm nhưng Quỳnh Hà ít khi cùng theo bạn bè trong những lần picnic đến những địa danh nổi tiếng của Đà Lạt và đây là dịp Quỳnh Hà thực hiện ước muốn của mình mà không đắn đo ngần ngại vì nàng hoàn toàn tin tưởng vào tình yêu của Bá đã anh cho nàng và nàng cũng cảm được rằng trái tim mình đã hoàn toàn giao cho Bá.

Hôm Bá trở lại Sài Gòn, Quỳnh Hà tiễn đưa chàng tại trạm hàng không Đà Lạt và không quên dặn dò chàng hãy bảo trọng và cũng nhắc lại lời hứa sẽ làm đám cưới với chàng khi nàng học xong.

Năm học cuối kéo dài lê thê đối với Quỳnh Hà trong khi Bá tiếp tục theo các cuộc hành quân tại vùng I và vùng II chiến thuật, là địa bàn đánh phá của cộng quân với những “trận địa chiến” quy mô cấp sư đoàn từ miền Bắc đưa vào. Bá đã hai lần bị thương nhưng không hề hấn đến tính mạng và chàng vẫn luôn lạc quan viết thư về cho Quỳnh Hà mô tả những trận đánh chàng tham dự.

Vào dịp nghỉ tết Quỳnh Hà về Sài Gòn đúng lúc gia đình Bá đến gặp gia đình Quỳnh Hà xin làm đám cưới cho Bá vào mùa hè khi Quỳnh Hà tốt nghiệp ra trường. Lễ ra trường Quỳnh Hà có mời Bá lên dự nhưng thời gian đó cũng là cao điểm của chiến trận tại vùng II vì tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến của Bá đang được điều

động lên cao nguyên để tham gia trận đánh cho mãi đến cuối mùa thu năm đó gia đình hai bên Bá và Quỳnh Hà mới tổ chức đám cưới và những ngày đầu mùa đông, Bá và Quỳnh Hà mới có một tuần trăng mật tại thành phố sương mù Đà Lạt.

Buổi chiều đầu tiên có mặt tại Đà Lạt, đôi vợ chồng trẻ tìm đến chỗ – nơi mà mùa thu năm trước hai người có cuộc hẹn hò khi mới quen nhau – Cà Phê Thủy Tạ. Quỳnh Hà đã trải qua bốn mùa đông sống ở Đà Lạt nên nàng chỉ mặc một chiếc áo laine mỏng, bên ngoài choàng thêm một chiếc manteau phụ nữ và Bá cũng đã có bốn mùa đông trong quân trường nơi đây và đã từng trải qua bao nhiêu thử thách với cái lạnh khắc nghiệt của vùng núi rừng cao nguyên, lần leo lên tận đỉnh núi Langbian sau bốn tuần huấn luyện thử thách hoặc những đêm đứng gác dưới đỉnh Lappé Nord – Lappé Sud trong những cơn mưa đêm tầm tã nên cái lạnh của Đà Lạt càng khiến cho chàng thích thú. Cũng một tách cà phê và một ly nước cam như lần đầu tiên ngồi ở đây, đôi vợ chồng tính chuyện tương lai dù đang trong cơn khói lửa chiến tranh Bá phải xa nhà và Quỳnh Hà với công việc dạy học. Khi nhắc đến đứa con đầu lòng trong tương lai Bá âu yếm nắm lấy tay Quỳnh Hà hỏi:

Em muốn con trai hay con gái?

Quỳnh Hà không chần chừ trả lời ngay:

Em muốn có đứa con đầu lòng của chúng ta là con gái và đặt tên cho nó là Linh...

Bá hơi bất ngờ về việc Quỳnh Hà chưa gì mà đã muốn đặt tên cho con.

Bá hỏi:

Sao lại là Linh?

Quỳnh Hà mơ màng nhìn xuống mặt nước hồ Xuân Hương đang lung linh gợn sóng trả lời:

Bộ anh không thấy trên trời là ánh trăng vàng vạc đang soi xuống hồ nước sóng gợn lung linh đó sao?

Bá âu yếm nhìn vợ và cười:

Cô giáo dạy văn chương có khác...nhưng chữ lung linh nghe hơi kỳ kỳ...

Quỳnh Hà ngắt lời:

Lung linh thì cũng như Mỹ Linh, Ngọc Linh, Thùy Linh và bao nhiêu cái tên khác...Cái tên là cái tên...Lung Linh đi nhá anh...

Bá gật đầu:

Ừ thì Lung Linh...nhưng...

Quỳnh Hà lấy tay bịt miệng chồng:

Không nhưng không nhụy gì hết...lung linh là lung linh...

Bá gật nhưng trong đầu cứ nghĩ Quỳnh Hà nói cho vui vậy thôi...Con trăng sau ngày rằm càng lúc càng sáng giữa bầu trời trong vắt không một gợn mây khiến dưới mặt hồ cũng có một vầng trăng đang lung linh trên mặt nước. Mỗi nói chuyện cho đến khi người khách cuối cùng ra về, Bá và Quỳnh Hà mới dúi nhau trở về khách sạn.

Những ngày hạnh phúc của tuần trăng mật rồi cũng qua nhanh. Bá và Quỳnh Hà trở lại Sài Gòn, hai hôm sau Bá trở về đơn vị. Quỳnh Hà ở nhà một mình mỗi ngày mỗi ngóng trông thư của Bá từ một nơi nào đó gửi về để kể cho nàng nghe những ngày chiến đấu gian khổ. Thời gian sau Bá cũng có đôi lần nghỉ phép về thăm gia đình, đặt biệt là lúc Quỳnh Hà sanh đứa con gái đầu lòng như điều mong muốn và Quỳnh Hà dặn chồng ra phòng hộ tịch quận làm giấy khai sinh cho con và đừng quên lấy tên cho nó là Hồ Lung Linh. Bá làm theo lời nàng mà không cần thắc mắc gì thêm. *Cái tên là cái tên...Lung Linh đi nhá anh ...* chàng nhớ lời Quỳnh Hà nói như thế lúc ngồi Cà Phê Thủy Tạ.

Những ngày đầu tháng tư - 1975 Bá theo tiểu đoàn có mặt tại mặt trận Cửa Việt, Quảng Trị thì được lệnh rút quân di tản. Tàu hải quân đưa các đơn vị quân đội về Vũng Tàu. Tình hình chiến sự ngày càng gia tăng với áp lực quân sự nặng nề của cộng quân trên các vùng lãnh thổ Miền Nam và kết thúc bằng ngày 30 tháng tư - 1975. Bá cũng như bao nhiêu đồng đội được lệnh của ủy ban quân quản trình diện để rồi bị đưa tất cả vào các trại tù từ Nam chí Bắc. Bảy năm làm tù khổ sai hết trại này sang trại khác tại các vùng sơn lam chướng khí Việt Bắc với những cơn đói và bệnh thường trực. Khi Bá ra tù thì con gái của chàng đã được mười bốn tuổi đang được nhồi sọ dưới mái trường xã hội chủ nghĩa.

Trong lúc Bá đang lần lượt đến hết trại tù này đến trại tù khác thì số phận của hai mẹ con Quỳnh Hà cũng đồng chung số phận

của hơn hai mươi triệu dân Miền Nam. Nơi Quỳnh Hà dạy học là một trường trung học lớn nổi tiếng của Sài Gòn. Cuộc đời của hai mẹ con quay 180 độ. Mẹ già từ những chiếc áo dài hàng ngày mặc đi dạy. Con từ bỏ những chiếc áo đầm để thay vào vào những áo quần cũ mua ở khu Dân Sinh. Ngoài những giờ dạy với nội dung hoàn toàn xa lạ khô khan sắc mùi tuyên truyền chính trị, Quỳnh Hà mỗi cuối tuần phải đạp xe đạp ra tận Bình Chánh ở đào đất đắp bờ gọi là làm thủy lợi. Đồ đạc trong nhà từ từ mang ra bán mới đủ tiền cho hai mẹ con và thức ăn, thuốc men cho những lần lặn lội thăm chồng tận ngoài Bắc. Một lần thăm nuôi như thế ít nhất phải mất hai tuần vừa đi vừa về vì phải đến những chỗ quá xa lạ, đường sá khó khăn, lúc đi xe lúc đi bộ cả vài chục cây số. Quỳnh Hà, một cố giáo tiểu tư sản chỉ sau vài năm được hưởng trọn vẹn thành quả của những ngày giải phóng, nay đã biến thành một người đàn bà khô khốc đen đúa với những chạy vạy sớm trưa để sinh tồn, chưa kể đến những lần bị mang ra phê bình kiểm điểm tại nơi dạy học. Quỳnh Hà lẩm lức tự nghĩ rằng mình đang được “huấn nhục” trong một quân trường lớn như thời gian chồng nàng được “huấn nhục” trong quân trường. Có điều chồng nàng được huấn nhục để được làm người, còn nàng được “huấn nhục” để trở thành con thú trong bầy đàn. Nàng phải nén đau thương, uất ức và cố nhấn chìm mọi điều đau khổ để chờ ngày chồng ra tù và con khôn lớn...

Đứa con yêu quý của vợ chồng nàng cũng không khá hơn mẹ. Ngay những ngày đầu khi mới bước chân vào lớp hai, đã bị một bà giáo già quần đen áo bà ba kêu lên vắn vẹo về cái tên Hồ Lung Linh. Con bé chẳng biết trả lời cho ra lẽ và cuối cùng nghe bà giáo với giọng mỉa mai phán cho cả lớp cùng nghe:

“Học trò Hồ Lung Linh là con của nguy thuộc gia đình tiểu tư sản được đặt tên rất là phản cách mạng, yêu cầu các học sinh khác phải cảnh giác...”

Buổi học đầu tiên dưới mái trường xã hội chủ nghĩa Lung Linh đã bị đám học trò xia xói với nhiều lời xúc phạm. Con bé tên Linh - Lung Linh oán trách cha mẹ sao lại đặt cho cô ta cái tên lạ lùng như vậy... Từ đó về sau mỗi lúc đến trường vào lớp, Linh đều phải nghe những âm thanh như đang dầy xéo hai lỗ tai:

Lung là lung tung...Linh là linh tinh...lung tung...linh tinh..." và những tiếng cười sắc mùi khả ố...

-oOo-

Đang miên man nhớ về những ngày tháng cũ, về chuyện đùa con gái bị dèm pha, chê bai, chọc ghẹo trong lúc còn đi học lúc còn ở quê nhà, ông Bá thấy thương con vô cùng. Chuyện Quỳnh Hà và ông đồng tình đặt tên cho con là Hồ Lung Linh không ngờ lại bị những kẻ “*đứng trên lập trường vô sản*” lên án dữ dội như vậy! Ông lại nhớ rằng ông và vợ ông hình như chưa bao giờ kể cho con gái nghe về nguyên nhân tại sao lại đặt tên cho con là Hồ Lung Linh, một chuyện đơn giản như thế mà ông sau những ngày tù tội và lúc sang tỵ nạn ở Mỹ lại quên bẵng đi mà đáng ra ông và vợ phải kể cho con biết từ lâu.

Đồng hồ trong nhà điểm mười tiếng. Mười giờ đêm. Ông Bá chợt tỉnh, trở vào nhà mặc thêm áo ấm rồi lấy chìa khóa xe ra sân mở máy. Ông nghĩ trong đầu: “Phải kể cho con nghe về cái tên Hồ Lung Linh mới được”.

Phong Châu

Tháng Tư - 2025



NHỮNG CÂY BÚT NỮ của VĂN BÚT MIỀN ĐÔNG

Xuất Bản: VBMD

Ấn hành năm 2025

ISBN 978-1-300-57452-1

36 tác giả; 550 trang

thể loại: thơ, văn, biên khảo, âm nhạc

liên lạc: vbnvn.vdbhk@gmail.com



TRONG TIẾNG VE SẦU LUÂN TÂM



Hè về trong tiếng ve sầu mộng
Trong áo mây bay tóc tiên dài
Phượng hồng vương gót chân tâm động
Nâng bướm hứng hoa đồng liêu trai

Hè về dưới gối rom ôm tối
Ni non hò hẹn để mền ơi
Cho thương cho nhớ cho bất hối
Cho ấm cho êm cho hết lời

Hè về trên bến đò thi cử
Chữ nghĩa nhân duyên trắng biết sao
Vần thương vần nhớ câu tình sử
Học trò khao khát học yêu đào

Hè về bến vắng thuyền duyên bóng
Dòng sông kỷ niệm ngọt hôn em
Mắt mưa môi nắng vòng say sóng
Tay trắng câu thơ tình anh thềm...

Luân Tâm - MD. 06/27/16



MƯA THÁNG TƯ

Ý NHI



Mưa rơi tầm tã lê thê
Đầu xuân gió lạnh về như đông
Lá hoa ủ rũ bên sông
Giọt mưa tê tái gọi lòng miên man
Mưa tuôn giọt lệ chứa chan
Năm mươi năm bước lòng còn lao xao
Trời như cũng cảm tâm hao
Tha hương vọng quốc biết bao ghen lời
Lao chao trong gió tả tôi
Biển sâu sóng mạnh đâu nơi bến bờ
Ra đi lòng vẫn mong chờ
Một ngày gặp lại dưới cò thân thương
Tháng Tư mặt đất ủ sương
Giàn thiên lý thoảng mùi hương xa vời
Núi non xa tắp ngàn khơi
Năm mươi năm ấy đất trời còn không

Ý Nhi



SUMMER POEM

HEATHER HOLDEN

I will bring you flowers
Every morning for your breakfast
And you will kiss me
With flowers in your mouth

And you will bring me flowers
Every morning when you wake
And look at me
With flower in your eyes

Heather Holden

THƠ MÙA HẠ

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO

(chuyển ngữ)

Em sẽ trao anh những đóa hoa
Để điểm tâm dùng mỗi sáng ra
Và anh hôn đáp em vài nụ
Bờ môi hoa nở ngát tình ta

Rồi anh cũng sẽ tặng em hoa
Mỗi sáng khi anh tỉnh giấc ra
Nhìn em ánh mắt tràn say đắm
Muôn đóa hoa tình nở thiết tha

Tâm Minh Ngô Tăng Giao



PHƯỢNG VỸ SÂN TRƯỜNG

DƯƠNG VIỆT CHÍNH

Chừ Tháng Năm về O oi còn nhớ
Phượng vĩ sân trường hoa nở rộ hơn
Tiếng ve kêu râm ran ôi thuở nó
Cùng những lời già biệt nắng hè sang
Lưu bút xinh O nắn nét trang hoàng
Màu mực tím man mác buồn nét chữ
O gửi bạn bè và cho người ấy
Thăm đọc hồi âm lòng thấy bằng khuâng
Vấn vương chi hay tiếc nuối ngày xanh
Rãng mơ mộng chưa muốn làm người lớn
O hẹn gì với tương lai chàng ấy
Tuổi trẻ vào đời muôn lối mệnh mông
Khi trùng dương lúc gió lộng không trung
Hay lợi suối băng rừng vì đất nước
Có bạn tiến xa có O dừng bước,
Làm hậu phương chờ tiền tuyến xa xôi
Nhớ hôm chia tay hai đứa bụi ngùi
Không gặp lại lạc mất nhau từ đó
Bao mùa đi qua hoa tàn rồi nở
Đời bể dâu đâu ai biết mà ngờ
Sống tha hương thiếu rộn rã tiếng ve,
Bên ghế đá thướt tha tà áo trắng
Gió tháng năm mang nỗi niềm hoang vắng,
Nắng hạ vàng của ngày tháng chia xa
O nơi mô còn giữ kỷ niệm xưa
Ngôi trường cũ mỗi đầu mùa phượng đỏ

Dương Việt-Chính 2025



LẠC BƯỚC SONG ĐÔI...

Thơ & Hình Ảnh: KIM OANH



Sóng biển ạt ào cuồng xoáy trong tôi
Lòng ngổn ngang tim từng nhịp bồi hồi.
Dấu chân để lại còn hằn trên cát
Cho người lạc lối tìm bước song đôi

Cánh chim vẫn ngóng chờ đợi mãi
Thì tình mình không thể dễ phai
Chút nắng vui cuối trời chưa tắt vội
Biển nhớ nhưng ai, ai sầu nhớ u hoài...

Kim Oanh - Mùa Hè Geelong 2024



ĐÓN HẠ VỀ

HỒNG VÂN

Đưa tiễn mùa xuân đi trong gió thoảng
Đón hạ về mây trắng giữa trời xanh
Đường thênh thang nghe lòng trống mông lung
Giữa trưa đón, ánh mặt trời đỏ lửa

Ta lắng nghe tiếng muôn chim réo gọi
Ca ngợi mùa hè nắng ấm trên cây
Gió hắt hiu nhẹ thổi qua đường phố
Ru ngủ cỏ cây trên đất khô cằn

Rồi trông đợi ai trong hồn tưởng vọng
Của ngày hè năm cũ vẫn còn vang
Giờ một mình bước trên đường vắng lặng
Đốt con tim với ánh sáng uom nồng

Oi mùa hè, mặt trời hồng thao thức
Rực sáng theo từng nhịp bước chân đi
Làm mong đợi những ngày vui sẽ tới
Và con tim réo gọi những ân tình

Hồng Vân

"Tôi tự hỏi sẽ thế nào nếu sống trong một thế giới nơi mãi mãi là tháng Sáu."

"I wonder what it would be like to live in a world where it was always June."

— **Lucy Maud Montgomery** (1874–1942) - là một nhà văn người Canada, nổi tiếng nhất với tác phẩm "**Anne of Green Gables**" (Chuyện cô bé Anne tại Green Gables). Cuốn sách này được xuất bản lần đầu vào năm 1908 và đã trở thành một trong những tác phẩm văn học thiếu nhi kinh điển nhất của thế kỷ 20.



GẶP GỠ VÀ TRÒ CHUYỆN VỚI NHÀ VĂN LÊ TỔNG MỘNG HOA PHƯỢNG HỒ thực hiện



Trong văn học, giáo dục, và hoạt động cộng đồng, Nhà Văn Lê Tổng Mộng Hoa đã dành cả cuộc đời để lan tỏa tri thức và tình yêu thương. Từ những ngày giảng dạy tại Việt Nam trước năm 1975, đến những năm tháng góp sức xây dựng cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ, bà không chỉ là một nhà giáo ưu tú mà còn là một người dẫn đường trong việc bảo tồn văn hóa và ngôn ngữ Việt. Hôm nay, chúng ta có cơ hội được lắng nghe bà chia sẻ về hành trình đầy ý nghĩa ấy, cũng như những giá trị mà bà đã gửi gắm qua hai tác phẩm *Chìa Khóa Mở Cửa Hạnh Phúc Gia Đình* và *Nhớ Mẹ Âm Thầm*.”

---oOo---

Phượng Hồ:

Thưa Nhà văn Lê Tổng Mộng Hoa, rất hân hạnh được đại diện Tạp chí Văn Bút Miền Đông trò chuyện cùng Bà hôm nay. Trước hết, xin Bà vui lòng chia sẻ đôi nét về bản thân cũng như một số tác phẩm đã xuất bản.

Lê Tổng Mộng Hoa (bút danh: Lê Mộng Hoàng):

Tôi tốt nghiệp thủ khoa Cử nhân Giáo khoa Văn chương tại Đại học Văn khoa Đà Lạt năm 1966, và từng dạy học tại các trường

trung học công lập Trần Quý Cáp (Quảng Nam) và Trung Thu (Sài Gòn).

Sau năm 1975, tôi định cư tại Hoa Kỳ, tiếp tục công tác giáo dục tại trường tiểu học Glenn Carlyn (Arlington, VA), đồng thời tình nguyện dạy tiếng Việt cho con em người Việt tại vùng Hoa Thịnh Đốn từ năm 1976 đến nay. Tôi cũng từng giữ chức hiệu trưởng trường Việt Ngữ Hoa Thịnh Đốn, và giảng dạy tại các trường Việt ngữ St. Michael và Thăng Long.

Ngoài lĩnh vực giáo dục, tôi làm việc tại Sở Thuế Vụ Liên bang Hoa Kỳ (IRS) với vai trò chuyên viên phân tích chương trình cho đến khi nghỉ hưu năm 2007.

Dưới bút hiệu Lê Mộng Hoàng, tôi đã xuất bản hai tác phẩm:

Chìa Khóa Mở Cửa Hạnh Phúc Gia Đình (1996)

Nhớ Mẹ Âm Thầm (2017)

Tôi cũng cộng tác với các báo Việt ngữ tại hải ngoại như Sài Gòn Times, Kỷ Nguyên Mới, và Mạch Sống.

Về sinh hoạt cộng đồng, tôi từng là:

Phó Trưởng Ban Ủy Ban Yểm Trợ Phòng Đọc Sách Tiếng Việt – Thư viện Thomas Jefferson (VA)

Thành viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại – Miền Đông Bắc Hoa Kỳ

Chủ tịch sáng lập Hội Thân Hữu Quảng Đà Miền Đông Bắc Hoa Kỳ (1999–2003), hiện là thành viên Ban Quản Trị

Cố vấn Hội Phật Giáo Mỹ Châu

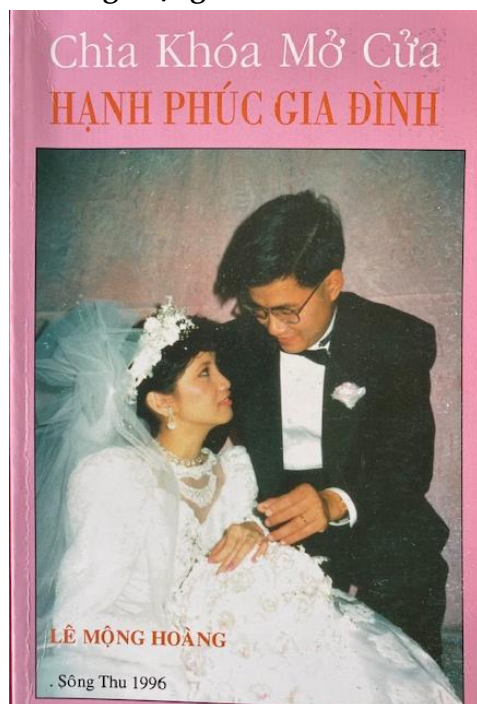
Tôi cũng sáng lập và điều hành tổ chức thiện nguyện Charity Group of Virginia – Affection Inc. từ năm 2005 đến nay, chuyên giúp đỡ người già, thương phế binh, học sinh nghèo và các nạn nhân thiên tai tại Việt Nam và nhiều quốc gia khác.

Phượng Hồ:

Hai cuốn sách Chìa Khóa Mở Cửa Hạnh Phúc Gia Đình và Nhớ Mẹ Âm Thầm của bà chứa đựng những thông điệp sâu sắc về tình cảm gia

đình và giá trị cuộc sống. Điều gì đã thôi thúc bà cầm bút viết nên hai tác phẩm này?

Lê Tổng Mộng Hoa:



Cuốn sách đầu tiên của tôi, *Chìa Khóa Mở Cửa Hạnh Phúc Gia Đình*, được xuất bản năm 1996, xuất phát từ nhu cầu rất thực tế của chị em phụ nữ Việt Nam – đặc biệt là sau cuộc chuyển mình lớn khi định cư tại Hoa Kỳ.

Cuộc sống tại Mỹ khác biệt hoàn toàn so với môi trường Á Đông quen thuộc: từ sinh hoạt gia đình, trường học, nơi làm việc cho đến các mối quan hệ xã hội – tất cả đều đòi hỏi sự thích

nghi nhanh chóng. Người phụ nữ Việt Nam, vốn quen với vai trò nội trợ trong một gia đình truyền thống, nay phải bước ra xã hội, lựa chọn ngành nghề, gánh vác trách nhiệm kinh tế và vẫn giữ được vai trò làm mẹ, làm vợ. Không ít chị em cảm thấy hụt hẫng, lạc lõng trong hành trình cân bằng mới ấy. Chính vì thế, tôi muốn viết một cuốn sách như một chiếc “chìa khóa” mở ra những góc nhìn tích cực và thiết thực, giúp họ xây dựng đời sống hôn nhân – gia đình ổn định trong hoàn cảnh hoàn toàn khác xưa.

Ngược lại, sự thay đổi môi trường sống cũng là cơ hội giúp người phụ nữ Việt nâng cao vai trò của mình, vươn lên mạnh mẽ hơn. Họ không còn bị bó hẹp trong căn bếp hay góc sân nhỏ nữa,

mà có thể chủ động xây dựng hạnh phúc, góp mặt vào các hoạt động xã hội và khẳng định chính mình.

Còn cuốn *Nhớ Mẹ Âm Thầm*, xuất bản năm 2017, là cuốn sách tôi viết với cả tấm lòng kính yêu dành cho mẹ tôi – và cũng dành cho tất cả những người mẹ Việt Nam tần tảo, âm thầm hy sinh mà không cần ghi công. Tôi xem đó như một “album ký ức” – nơi tôi góp nhặt những mẫu chuyện ngắn, những bài tùy bút, tâm tình, tạp ghi... để lưu giữ lại trước khi mọi thứ bị lãng quên.

Cuốn sách còn ghi lại hành trình của một cô giáo tỵ nạn – như tôi – sống giữa hai nền văn hóa, nơi tôi chứng kiến và trân quý những cuộc hôn nhân đầy yêu thương, vượt qua ranh giới quốc tịch, màu da hay định kiến. Đó là những điều rất thật, rất đẹp và rất gần với cuộc sống của chúng ta – mà tôi muốn chia sẻ với thế hệ sau.

Phượng Hồ:

Bà có thể chia sẻ những thách thức khi viết hai cuốn sách này không? Quá trình nghiên cứu và thu thập tư liệu của bà diễn ra như thế nào?

Lê Tống Mộng Hoa:

Nói về những thách thức khi viết hai cuốn sách *Chìa Khóa Mở Cửa Hạnh Phúc Gia Đình* và *Nhớ Mẹ Âm Thầm*, thì cuốn đầu tiên thật sự là một hành trình gian nan và đòi hỏi rất nhiều nỗ lực trong việc tìm hiểu, nghiên cứu.

Để hoàn thành *Chìa Khóa Mở Cửa Hạnh Phúc Gia Đình*, tôi đã dành nhiều thời gian đọc và tham khảo tài liệu từ các chuyên gia tâm lý, bác sĩ tâm thần, và các tác giả uy tín trong lĩnh vực hôn nhân – gia đình tại Hoa Kỳ. Tôi đặc biệt chú trọng đến những vấn đề mà phụ nữ Việt Nam gặp phải khi bước vào đời sống mới tại Mỹ: từ sự khác biệt văn hóa, vai trò trong gia đình, đến việc thích nghi với môi trường học tập, công sở, hay khởi nghiệp kinh doanh trong xã hội phương Tây.

Những trải nghiệm đó đã thôi thúc tôi viết hàng tháng chuyên mục “Câu Chuyện Bạn Gái” đăng trên các báo như Phụ Nữ Diễn Đàn, Saigon Times, và Bút Việt trong giai đoạn 1989–1995. Các bài viết là những chia sẻ gần gũi, thiết thực, giúp chị em phụ nữ tự tin hơn khi hội nhập, giữ gìn giá trị gia đình mà vẫn phát triển bản thân.

Tập sách Chìa Khóa Mở Cửa Hạnh Phúc Gia Đình chính là sự chất lọc và tổng hợp từ loạt bài viết ấy – như một hành trang tinh thần gửi đến những người phụ nữ Việt đang đi tìm cân bằng giữa truyền thống và hiện đại.

Phượng Hồ:

Nhà văn Lê Tổng Mộng Hoa không chỉ là một tác giả mà còn là nhà giáo và người hoạt động cộng đồng. Việc bà đảm nhận vai trò Chủ tịch Hội Thân Hữu Quảng Đà và giảng dạy tiếng Việt tại vùng Hoa Thịnh Đốn cho thấy sự cống hiến lớn lao của bà đối với cộng đồng người Việt. Xin hỏi, bà có ứng dụng những giá trị từ văn học vào việc giảng dạy không?

Lê Tổng Mộng Hoa:

Là một người "đội nhiều chiếc mũ" cùng lúc – nhà giáo, nhà văn, và Chủ tịch Hội Thân Hữu Quảng Đà Miền Đông Bắc Hoa Kỳ – tôi từng phải xoay sở để cân bằng giữa ba vai trò này. Trong đó, công việc giảng dạy và viết văn có mối liên hệ gần gũi với nhau, vì đều dựa trên nền tảng của ngôn ngữ và cảm xúc. Tuy nhiên, vai trò điều hành hội Quảng Đà lại mang tính cộng đồng nhiều hơn, đòi hỏi nhiều thời gian để tiếp xúc, kết nối với đồng hương mới gia nhập hội – điều không phải lúc nào tôi cũng làm được vì còn đi làm toàn thời gian, chăm sóc mẹ già, và dạy tiếng Việt vào cuối tuần.

Sau 4 năm đảm nhiệm chức Chủ tịch, tôi đã chủ động đề nghị tổ chức bầu cử lại để rút lui về vị trí cố vấn, nhẹ nhàng hơn, và dành thời gian cho việc dạy học và viết lách.

Những ngày đầu dạy tiếng Việt cho trẻ em gốc Việt trong Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam tại vùng Hoa Thịnh Đốn, mục tiêu rất đơn giản: giúp các em biết cách chào hỏi bằng tiếng Việt trong gia đình, để giữ gìn sợi dây liên kết giữa ông bà, cha mẹ và con cháu. Chúng tôi không đặt nặng kiến thức văn học mà chỉ mong sau 5–6 năm học, một học sinh lớp 6 có thể trò chuyện với ông bà mà không cần phải pha tiếng Anh – như vậy đã là thành công rồi. Việc ứng dụng văn học, nếu có, là qua những câu chuyện nhỏ, bài học đạo đức, hoặc hình ảnh giản dị trong đời sống Việt Nam, nhằm nuôi dưỡng tình cảm gia đình và lòng tự hào về cội nguồn nơi các em.

Phượng Hồ:

Thưa Nhà văn Lê Tống Mộng Hoa, bà đã có một hành trình sự nghiệp đa dạng: nhà giáo, nhà văn, nhà hoạt động cộng đồng. Với nền tảng học vấn xuất sắc và lòng tận tụy hiếm có, xin bà chia sẻ một vài trải nghiệm đáng nhớ khi còn giảng dạy tại các trường Trần Quý Cáp và Trung Thu trước năm 1975.

Lê Tống Mộng Hoa:

Tôi đến với nghề dạy học không chỉ vì kế mưu sinh, mà vì tình yêu sâu đậm với nghề. Gia đình tôi đã có truyền thống bốn đời làm nhà giáo – từ ông nội, cha, chị em tôi và đến con dâu tôi. Chính nền tảng ấy đã nuôi dưỡng tình yêu nghề trong tôi, và cả khi sang Mỹ, tôi vẫn tiếp tục con đường này với tất cả đam mê.

Phượng Hồ:

Điều gì khiến bà quyết định tiếp tục dạy tiếng Việt cho trẻ em Mỹ gốc Việt? Những thách thức và niềm vui nào bà đã gặp trong hành trình đó?

Lê Tống Mộng Hoa:

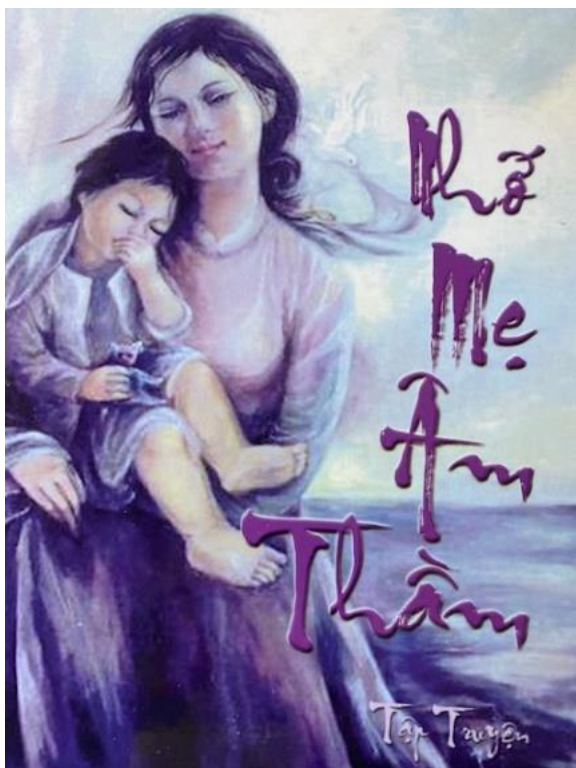
Tôi luôn tin rằng ngôn ngữ là nhịp cầu nối giữa các thế hệ. Các em sinh ra ở Mỹ rất thông minh, nhanh nhẹn, nhưng nếu không nói được tiếng Việt, thì mối liên hệ với ông bà, cha mẹ sẽ ngày càng xa cách. Đó là điều khiến tôi quyết tâm dạy tiếng Việt cho trẻ em Mỹ gốc Việt.

Thách thức lớn nhất là ở người lớn – thầy cô và phụ huynh đều phải hy sinh thời gian quý báu sau giờ làm việc để đến trường dạy và đưa đón con. Nhiều giáo viên đến dạy với bụng đói sau một ngày dài, nhưng lúc nào cũng giữ nụ cười tươi trên môi. Còn niềm vui? Là khi một em nhỏ sau vài năm học đã có thể về nhà hỏi thăm ông bà bằng tiếng mẹ đẻ – giản dị mà thiêng liêng lắm!

Phượng Hồ:

Bà từng giữ vai trò Chủ tịch Hội Thân Hữu Quảng Đà và sáng lập tổ chức thiện nguyện Charity Group of Virginia – Affection Inc. Động lực nào đã đưa bà đến với hai tổ chức này, và bà có thể chia sẻ một vài kỷ niệm đáng nhớ không?

Lê Tống Mộng Hoa:



Với Hội Thân Hữu Quảng Đà, động lực đầu tiên là vì... mẹ tôi! Khi bà mới sang Mỹ, rất cô đơn nơi xứ lạ. Tôi muốn tạo một nơi để mẹ được gặp gỡ đồng hương, nói chuyện, ăn mì Quảng, hát hò – và dường như thấy bà trẻ lại mỗi lần sinh hoạt hội.

Còn Charity Group of Virginia – Affection Inc. ra đời từ tình thương Mẹ

tôi dành cho những học trò cũ còn ở Việt Nam, gặp cảnh khó khăn:

chồng nghiện rượu, vợ bệnh sau sinh... Mẹ âm thầm giúp đỡ họ như một người mẹ thứ hai. Chúng tôi tiếp nối điều đó, mở rộng thành chương trình học bổng “Tình Thương” từ 2005 đến nay. Kết quả? Đã có 37 bác sĩ, nhiều y tá và cả giáo viên mầm non tốt nghiệp từ chương trình này. Đó là niềm tự hào lớn nhất trong hành trình thiện nguyện của tôi.

Phượng Hồ:

Theo bà, văn học và giáo dục có vai trò thế nào trong việc bảo tồn văn hóa và ngôn ngữ Việt Nam tại hải ngoại?

Lê Tống Mộng Hoa:

Văn học và giáo dục là hai trụ cột giữ hồn dân tộc. Nếu trong mỗi gia đình, ông bà kể chuyện cổ tích, cha mẹ nói chuyện với con bằng tiếng Việt, thì ngôn ngữ sẽ sống mãi. Tôi thấy rõ điều này trong lớp học của mình: những em gần gũi với ông bà thường học tiếng Việt nhanh hơn những em chỉ nghe tiếng Anh mỗi ngày.

Phượng Hồ:

Cuối cùng, bà có lời nhắn gửi nào đến thế hệ trẻ muốn theo đuổi nghề viết hoặc dẫn thân vào các hoạt động cộng đồng?

Lê Tống Mộng Hoa:

Tôi muốn nhắn với các em rằng: “Tương lai ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam nằm trong tay các em.” Nếu các em yêu tiếng mẹ đẻ như yêu chính nơi mình sinh ra, hãy dùng tiếng Việt trong đời sống hằng ngày. Dạy con cái mình nói tiếng Việt, dù có phải lặp lại, kiên nhẫn. Tôi cũng đã từng làm vậy với con mình, và kết quả xứng đáng lắm.

Với một cô giáo già "gần đất xa trời", tôi chỉ mong tiếng Việt còn mãi, như người Hoa đã làm được với tiếng của họ – đi đến đâu, cũng gìn giữ được gốc rễ văn hóa của mình.



LÀM SAO MÀ QUÊN ĐƯỢC NỖI ĐAU DAI DẲNG? LÊ MỘNG HOÀNG

Chúng ta đang bước vào mùa hoa anh đào đầu tháng 4 ở thủ đô Washington D.C., năm này hoa đào không khoe sắc thắm rực rỡ, tươi tắn như năm trước, vì các cây hoa nở sớm đã bị trận tuyết cuối tháng 3 vùi dập, roi rụng trông thật thảm thương! Đầu tháng



4 là mùa hoa đào hồng nhưng cuối tháng 4 lại là "NỖI ĐAU DAI DẲNG" không thể nào quên được của ngày 30 tháng 4 năm 1975! Thế là đã trải qua 42 năm rồi mà sao cứ vào tuần cuối tháng 4 đến là con buồn, nỗi nhớ đến các người thân đã tử nạn, đến các vị "anh hùng vị quốc vong thân" tại Sài Gòn, nơi tôi đã phải hồi hải xa lìa vào ngày 28 tháng 4 cứ âm thầm xâm chiếm trong tim, trong não tôi! Tôi không biết phải làm sao, làm sao mà quên được?

Ngày 28 tháng 4 năm 1975 tôi lo thu dọn tất cả đồ đạc từ nhà riêng của hai mẹ con trên đường Nguyễn Thiện Thuật đem về nhà ba má tôi ở đường Tô Hiến Thành, Sài Gòn vì theo lời má tôi nói:

"Người ta đồn khi Việt Cộng ngoài Bắc vô Nam, họ sẽ buộc các góa phụ trẻ có chút nhan sắc như con VK phải lấy những thương phế binh có công lớn với nhà nước" vì nỗi lo sợ ấy nên cả nhà đều hồi thúc tôi phải tìm cách trốn đi.

Tuy đã khá lâu rồi, 42 năm qua mà những gì xảy ra vào các ngày cuối tháng 4 năm 1975 vẫn còn âm thầm chất chồng trong sâu thẳm của lòng tôi. Trưa hôm ấy, sau khi đem đồ đạc từ nhà riêng qua để tạm ở sân trước nhà ba má tôi, vì trời quá nóng bức tôi định đi tắm cho tỉnh táo thì có tiếng chuông ở cửa trước, chạy ra mở cửa, tôi gặp người anh rể - chồng của chị XL, chị ruột của D, chồng tôi đã đột ngột từ trần vì tai nạn xe Vespa cách đây hơn 4 năm--Anh này đem tin cho hay: "Gia đình anh chị Bùi & XY đã tụ họp tại villa số 13 đường Hồ Xuân Hương sửa soạn lên phi trường đi qua Mỹ, mẹ và bé Lina nên đến nơi này ngay" Lúc này lòng tôi vừa mừng vừa lo, mừng vì đây là cơ hội để hai mẹ con có thể cùng đi chung với gia đình anh chị Bùi, lo là phải rời bỏ gia đình, ba má các em để ra đi xứ lạ xa xôi, chỉ có mẹ góa con cô, bé Lina mới 4 tuổi rưỡi thôi, biết phải làm gì khi bỏ xứ mà đi? Tôi chào từ biệt ba má, ôm thật chặt ba tôi hôn lên má ông mà không ngờ đó là nụ hôn cuối cùng vì sau ngày 28 tháng 4 ấy tôi không có cơ hội trở lại Sài Gòn và ba tôi đã qua đời vì con đau tim vào năm 1979 dù ông chỉ mới 65 tuổi.

Trở lại chuyến viễn hành bất ngờ và vội vã của hai mẹ con tôi, khi em trai tôi chở bé Lina và tôi đến villa 13 Hồ Xuân Hương thì cổng sắt của biệt thự này đóng kín, tôi đang băn khoăn nghĩ "Chắc không thể nào vào bên trong được" có 1 người lính cầm súng đứng gác trước cổng, bỗng có chiếc xe jeep nhà binh chạy tới, người lính gác cổng mở rộng cửa cho xe vào, tôi chậm chậm dắt Lina tiến vào bên trong. Lúc ấy lòng tôi đang bối rối lo lắng không biết có gặp được gia đình anh chị Bùi không thì có tiếng gọi từ chiếc xe van trắng đậu trên sân: "Mẹ Tám tôi ở đây" Chị XY, bà chị chồng tốt bụng đã thương yêu chăm sóc cho mẹ con tôi từ ngày ba của Lina

đột ngột lia trần lúc cháu mới được 4 tháng tuổi--đã do tay vấy cho tôi thấy. Trước tiên tôi gặp một người đàn ông Việt Nam đứng gần chỗ xe van đậu, tôi chào ông ta và hỏi thăm: "Thưa ông, tôi là góa phụ ở chung với gia đình bà chị chồng đang ngồi trong xe kia, làm thế nào cho tôi được đi cùng với anh chị tôi?" Ông ấy nói: "Tôi không có quyền hạn gì cả, Cô có biết tiếng Anh không thì tôi nói với ông Mỹ đứng đằng kia kia". Tôi trả lời "Dạ có" rồi vội vàng đến gặp ông Mỹ. Ông này mau mắn chấp nhận lời yêu cầu của tôi rồi nói với ông Việt Nam lúc này ra bảo xe van hãy khoan đi, chờ ghi thêm tên hai mẹ con tôi vào danh sách ra phi trường. Mọi sự xảy ra như một con lốc, và tôi như có sự dẫn dắt của hương linh anh D, người chồng đã thì thầm với tôi: "Nếu lấy được em mà có chết anh cũng vui..." khi anh biết được là bố của anh đã chọn "ngày rước dâu" là ngày xấu, không hợp với tuổi anh? hoặc là có đức Quán Thế Âm Bồ Tát luôn theo dõi độ trì cho mẹ con tôi? Lúc xe van rời villa 13 Hồ Xuân Hương chạy lên phi trường Tân Sơn Nhất, mọi người đều hoảng sợ khi nghe tiếng nổ chát chúa. Sau này mới biết đó là quả bom nổ ở bệnh viện Từ Dũ trưa ngày 28 tháng 4, 1975. Vài giờ sau, chúng tôi gồm 10 người, gia đình anh chị BH và XY có 8 người, thêm 2 mẹ con tôi thành 10 xếp hàng lên phi cơ. Khi phi cơ cất cánh bay lên, không hẹn trước mà ai nấy cùng thoát ra tiếng khóc xót xa vĩnh biệt Sài Gòn rồi cùng im hơi lặng tiếng, chỉ nghe tiếng trẻ con khóc trong suốt chuyến bay lịch sử này, còn người lớn thì nước mắt vẫn chảy dài trên hai gò má họ. Nhưng theo suy nghĩ của tôi thì nỗi đau "mất nước, mất nhà, xa người thân yêu" quá lớn, quá bất ngờ khiến họ thần thờ như người mất trí, khủng hoảng tâm thần lặng câm chẳng thốt nên lời?

Đoàn người di tản được nghỉ qua đêm ở đảo Guam, sau đó đưa đến tạm trú tại các trại của khu quân sự Fort Chaffee, Arkansas. Chiều 30 tháng 4 năm 1975, trong lúc mọi người họp nhau ngồi trên sân cỏ để nghe Khánh Ly hát và ngóng trông tin tức từ Sài Gòn qua

một radio của một bác cao niên mang theo thì từ máy phóng thanh lệnh truyền "Bỏ Súng đầu hàng vô điều kiện" của tướng Dương Văn Minh đã khiến ai đó sùng sốt la lên: "Chết rồi, hết rồi, mất nước rồi!" và rồi không ai bảo ai họ khóc thảm thiết như có người thân vừa qua đời và lặng lẽ bỏ ra về, buổi họp mặt "văn nghệ lần đầu tiên tại Fort Chaffee" thất bại và cũng từ ngày ấy "Nỗi Đau Mất Nước" kéo dài triền miên lặng lẽ trong lòng các "người di tản buồn" thế hệ thứ nhất giống như tôi!

Năm sau 1976 khi liên lạc được với gia đình qua ngã Paris, rồi Canada, tôi mới biết được cùng ngày 30 tháng 4, 1975 ấy, ngoài các anh hùng tử sĩ tuần tiết vì không muốn mang nỗi nhục đầu hàng giặc Cộng như *Ngũ Hồ Tướng Công-- Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai, Nguyễn Khoa Nam, Phạm Văn Phú, Lê Nguyên Vỹ*, còn có đại tá *Hồ Ngọc Cảnh* bị xử bắn tháng 8 cùng năm 1975 và *Trung Tá Cảnh Sát Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Long* đã anh dũng tự sát trước tòa nhà Quốc Hội Việt Nam Cộng Hoà chiều ngày 30 tháng 4 ấy, và còn có rất nhiều vị quân nhân Việt Nam Cộng Hòa khác đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng trên khắp 4 vùng chiến thuật và nhiều không kể xiết những người vượt biển, vượt biên đi tìm Tự Do đã kết liễu đời mình để tránh nỗi nhục bị Việt Cộng tra khảo hành hạ hoặc bị hải tặc Thái Lan hãm hiếp tàn bạo.

Dù đã 42 năm qua rồi mà tôi vẫn không quên hình ảnh *cô Tống Nữ Bích Hà*, em gái út của ba tôi, đã uống độc dược quyền sinh chiều ngày 30 tháng 4 khi hay tin Việt Cộng từ miền Bắc đã vào tới Sài Gòn. Cô không muốn bị chồng cô (chú H) từ bên kia chiến tuyến quay về hạch hỏi vấn tội cô. Cô tôi đã đi theo Việt Cộng vào mật khu để gặp chồng cùng hoạt động với chú, nhưng sau đó vì quá kham khổ cô sinh đủ chứng bệnh đành trốn về Hội An, tiếp tục nghề dạy học, ở với bà Nội tôi và cuối cùng tự sát để bảo tồn danh dự của chính mình.

Vẫn còn đầy trong cõi riêng sâu kín của “con tim Việt Nam” của tôi hình ảnh hai người bạn gái đã lìa trần vào ngày Quốc hận 30 tháng 4, 1975:

Bạn *Nguyễn Thị Nga* đã học cùng trường nữ tiểu học Hội An và trường trung học Trần Quý Cáp với tôi, sau này Nga đi dạy tiểu học. Trong chuyến tàu vượt biên tìm đến bến bờ Tự Do, khi Nga bị hải tặc Thái Lan lên tàu của chị và bắt đàn bà con gái còn trẻ mang ra nhốt riêng để thỏa mãn nhục dục thì chị đã can cường nhảy xuống biển sâu tự vẫn.

Người sau cùng nhưng rất gần gũi, thân mật với tôi vì chúng tôi cùng ở một phòng tại Đại Học xá Viện Đại Học Đà Lạt trong 3 năm liền 1963-1966 và cũng đi về trò chuyện vui đùa với nhau, cùng ngồi học một lớp ban Văn Chương Việt Nam Đại Học Văn Khoa Đà Lạt, em *Lưu Thị Bích Đào*, hoa khôi xinh xắn dễ thương, hao hao giống tài tử Audrey Hepburn với đôi môi đỏ chúm chím, mái tóc ngắn ngắn và má lúm đồng tiền rất duyên dáng. Sau khi tốt nghiệp cử nhân văn chương viện Đại Học Đà Lạt, Bích Đào đám cưới với người em yêu Dược Sĩ Trần X Chiếu mà trước đây đã bị ông anh Cả ngăn cản, nên Bích Đào phải đợi lúc ông anh này vì bệnh hoạn lâu ngày không còn sức kiểm soát chuyện tình cảm của cô em út xinh đẹp- đã làm vô số trái tim nam sinh viên Đại Học xá Viện Đại Học Đà Lạt xao xuyến thổn thức - mới lấy chồng và về dạy học ở trường Trung Học Cần Thơ. Vào mấy ngày cuối tháng 4, gia đình Bích Đào- Chiếu và 3 con nhỏ tìm đường vượt biên theo mối lái của một chủ tàu đánh cá. Không ngờ người này lại lường gạt cả nhóm để lấy vàng, lấy tiền rồi sau đó ngấm báo tin cho Công An theo dõi chặn đường và bắt buộc đoàn người phải trở về nhà. Về tới nhà thì nhà của Bích Đào đã bị cán bộ phường chiếm giữ không cho vào và đòi tổng giam tất cả 5 người. Lựa chọn sau cùng của Chiếu và Bích Đào là đến tá túc tạm tại nhà một người quen rồi sáng sớm hôm sau Chiếu dùng ống tiêm chích độc dược cho 3 con nhỏ, cho vợ và cuối

cùng cho chính mình. Tội nghiệp, oan uổng cho Chiêu, thuốc không còn đủ để kết liễu đời anh nên anh vẫn còn sống. Khi gia đình Bích Đào hay tin, quá đau khổ vì cái chết của 4 mẹ con Bích Đào, họ đã gọi công an tổng giam Chiêu. Vào nhà tù, Chiêu trở nên mất trí, điên loạn và cuối cùng cũng tìm cách thoát ly cõi trần ai khốn nạn và nỗi hối hận dày vò vì quyết định chấm dứt cuộc sống của vợ con trước khi tự sát!

Từ năm 1975 đến nay, vào tuần lễ cuối tháng 4, tôi luôn tưởng niệm và đọc kinh cầu siêu cho các hương hồn quý liệt sĩ "Sinh Vi Tướng Tử Vi Thần" cùng tất cả quân nhân Việt Nam Cộng Hoà, các nạn nhân trong biến cố đổi đời kinh hoàng cùng 3 người thân thương đã lặng lẽ chấm dứt cuộc đời trong buồn đau, tủi hờn. Từ ngày chùa Hoa Nghiêm được xây dựng rộng rãi, khang trang, tôi đã đưa ra ý kiến xin thầy Trụ Trì cử hành lễ cầu siêu trọng thể cho tất cả oan hồn tử sĩ, nạn nhân tuần tiết trong ngày 30 tháng 4 dương lịch hàng năm. Thầy Trụ Trì và ban hộ trì tam bảo đã chấp thuận, thành thử Chủ Nhật 30 tháng 4 năm nay, chùa Hoa Nghiêm cũng sẽ cử hành Lễ Cầu Siêu cho toàn thể anh linh vị quốc vong thân cùng đồng hương tử nạn, *kính mời quý vị vẫn chưa quên được niềm Đau Dai Dằng ngày 30 tháng 4 đến Chùa Hoa Nghiêm; 911 Backlick Road Fort Belvoir, VA 22060 để cùng nhau chúng ta dâng nén tâm hương tỏ bày lòng Tri Ân cảm phục đến những ai đã nằm xuống đắp đường cho chúng ta tiến tới ánh sáng Tự Do.*

*"Tôi có mình tôi rất ngậm ngùi
Bốn mươi lần đếm tháng Tư rơi
Chén đắng sao ai mời uống mãi
Bên dòng bi sử dạt dờ trôi..." PXT*

Lê Mộng Hoàng - 4/30/2017



CÓ MỘT NGÀY HÈ NHƯ VẬY ĐÓ

DƯƠNG VŨ

Khi bạn còn trẻ và khỏe, ít khi nghĩ đến kết quả của việc mình làm thì đời sống thật sống động dù có lúc chỉ cần một chút là thân chết tóm được bạn. Nhưng khi bạn lớn lên, những thất bại lớn nhỏ theo nhau cho bạn học kinh nghiệm. Gần như bất cứ cái gì bạn cũng nghĩ đến hậu quả của nó trước khi làm. Sự thận trọng làm bạn chọn con đường ít sóng gió nhất dù phải từ bỏ những ước mơ của mình. Đời sống từ từ thành một chuỗi dài nhàm chán. Những ‘...Ngày Hè Như Vậy Đó’ chỉ còn lại kỷ niệm...rất xa vời.

Tụi tui có 7 thằng vừa qua kỳ thi năm đầu đại học Khoa học Sài Gòn, trong khi chờ đợi kết quả, tụi tui moi tiền ba má xài cái vèo là hết. Bữa đó 7 thằng đi 4 cái xe máy hợp nhau ở sân trường bàn chuyện đi chơi, nhưng không có tiền thì đi đâu? Thêm vào đó trường vừa nghỉ học chẳng có ma nào thì làm gì có em nào hiền như ma-sơ để chọc ghẹo. Ngồi nói dóc mãi cũng chán, nhưng khi thằng Quân vừa đưa ý kiến giải tán về nhà là nghe chửi té tát. Nó quê quá quay qua khen cái xe Bridgestone của thằng Vũ.

Không ngờ nó tạo nên một đề tài nóng hổi. Bốn cái xe máy của tụi tui đều là xe Nhật, nhưng khác hiệu, Honda, Suzuki, Bridgestone and Yamaha. Thế là cãi nhau sôi nổi, thằng nào cũng muốn chứng tỏ mình biết nhiều. Cuối cùng thách nhau đua để ăn định ăn thua. Theo mê tín của VN, số 7 tiếng Hán Việt là 'thất'. 'Thất' có nghĩa là 'mất', thí dụ như, 'thất nghiệp', 'thất đức',... Nó là điềm không hay khi làm những việc khò đại như đua xe chẳng hạn,

nhưng với 7 thằng sắp tới tuổi 20, trời đánh còn không chết thì tui tui sợ gì 'thất' hay 'mất'.

Hôm đó là một ngày mùa hè, các trường đã nghỉ, phượng đã nở, ve đã kêu và trời đã hâm nóng tuổi trẻ đến mức nếu không làm gì hết thì chúng tôi sẽ điên lên được.

Vương là thằng duy nhất không có xe, nhưng nó là thằng xạo sự, đình đám nhất trong đám bạn bè. Vũ thì ngược lại, cái Bridgestone của nó hết xẩy, lảng cồng; nó cụng cái xe còn hơn con bò. Vũ không có khiếu ăn nói thường bị bạn bè ăn hiếp, nhưng nó lại rất dễ thương. Thằng Vũ muốn khoe xe nên làm thêm một lần lỗi lớn trong đời, nó mở miệng khi nồng độ hóc-môn nam đang dâng cao:

“Ê Vương, mày muốn chạy thử xe tao không?”

Nó vừa nói vừa ngáp ngừng đưa chìa khóa ra; tới nửa chừng đổi ý muốn giật lại thì không kịp nữa, thằng Vương đã chớp mắt. Mặc kệ thằng Vũ nhỏ nhẹ phản đối, thằng Vương bảo nó còn bảo muốn chạy một mình mới thử được xe thằng Vũ tốt cỡ nào.

Dì Năm sắp sửa băng ngang đường Nguyễn Trãi đến tiệm tạp hóa mua mấy trái trứng cho Huê, con gái của dì. Đây là lần đầu tiên dì đi bộ một mình trên đường phố Sài Gòn, cũng là lần đầu tiên dì đi ra khỏi khu làng của mình, một cái làng nghèo nhứt miền nam. Dù chỉ là một người nghèo trong một làng khi ho, cò gáy, nhưng cái gì ở Sài Gòn dì cũng biết hết từ hồi còn là thiếu nữ bởi vì trong làng ai cũng kể về Sài Gòn dù ít ai có cơ hội lên đó. Nó vẫn chỉ là giấc mơ nếu Huê không lấy chồng Sài Gòn mấy tháng trước. Tuần vừa rồi vợ chồng Huê xuống rước dì lên Sài Gòn chơi cho biết.

Nghe tin đó cả làng tới cho dì Năm nhiều lời khuyên. Trong đó dĩ nhiên nhứt là lời ông Tư; lời khuyên đúng ngay cái lo trong bụng dì:

“Năm à, mày đừng lo, trên Sài Gòn, người đi bộ là dzua, xe nào cũng phải né mình hết. Nó mà đụng mình là ở tù một gông. Mày chắc chắn hông có sao đâu.”

Ông Đức lái taxi đã hơn 30 năm, càng lái ông càng cẩn thận, nhiều lúc cẩn thận quá mức. Hơn 60 rồi, chứng kiến biết bao tai nạn rồi, ông Đức rút ra một điều, phần lớn tai nạn là do người ta nóng nảy quá, không biết kiên nhẫn. Ông ưa khoe với khách:

“Đi xe tui là an toàn, mấy người khỏi lo gì hết, tui chạy mấy chục năm rồi mà hông bao giờ đụng ai, nhẫn nại một chút là được, mà tui là tổ sư nhẫn nại làm sao có tai nạn được.”

Hôm đó sau giấc ngủ trưa trên xe, ông Đức thả xe chạy tà tà tới ngã tư Lê Lợi và Nguyễn Trãi kiếm khách.

Vương dắt đầu, xe thẳng Vũ ngon thiệt; nó không nói xạo chút nào. Cái xe chạy nhẹ nhàng, ôm cua chắc, nhấn ga một chút là vọt ào ào. Thằng Vũ ngồi sau thằng Toàn la oi oi, năn nỉ Vương chạy chậm lại mà nó đâu chịu nghe. Lâu ngày mới được lái xe máy, mà cái xe quá ngon, thằng Vương, chạy lạng lách như biểu diễn mặc dù nó cảm thấy không còn vững lắm. Còn chừng 30 giây trước khi tới ngã tư Lê Lợi và Nguyễn Trãi, Vương thấy bên trái là chiếc xe taxi đang chạy chậm chậm tới. Tính toán sơ sơ trong đầu, thằng Vương thấy ngon lành, nó khỏi cần chạy chậm làm chi, chơi cỡ này sát đất cái taxi cho mọi người lác mắt.

Dì Năm sắp bước xuống lòng đường Nguyễn Trãi thì thấy xe taxi của ông Đức trở tới. Dù thấy nó chạy chậm nhưng dì vẫn sợ đứng sững lại trên lề đường lắm nhảm nhắc lại lời ông Tư:

“Xe nào cũng né mình hết, xe nào cũng né mình hết, xe nào cũng né mình hết..., người đi bộ là dzua...Nam mô a di đà Phật...Nam mô a di đà Phật.”

Niệm Phật xong dì Năm anh dũng bước xuống đường.

Chừng 20 giây trước khi Vương tới ngã tư, nó thấy có người đàn bà băng ngang đường bên tay phải, chẳng dính líu gì tới lộ

trình của nó. Nó để ý thì thấy cái taxi đã hoàn toàn ở trong ngã tư rồi. Tính lại thì mọi chuyện cũng y như cũ hổng có gì đáng ngại. Nó giữ nguyên tốc độ! Độ hóc-môn nam lên tới đỉnh điểm - qua mức báo động!

Ông Đức luôn luôn tự hào với nhận xét của mình. Hơn 60 tuổi chớ ít gì, lăn lộn trong đời quá lâu, gặp đủ mọi hạng người - còn gì là không biết nữa. Chỉ cần liếc mắt là ông biết cái người đàn bà nhà quê trước mặt chưa từng băng ngang đường bao giờ. Ông đoán bà này đi nửa chừng thấy xe ông tới là đứng sững lại một lát mới dám đi thiệt lẹ qua. Thiệt tình ông đoán như thần, mọi chuyện xảy ra y chang. Mọi lần ông cũng đoán sát sát, nhưng lần này y chang; ông Đức phục mình sát đất, thấy quá đã bèn đạp thắng ngừng xe lại để người đàn bà băng ngang đường thông thả.

Mặc dù còn trẻ và ngang ngược, nhưng Vương chưa bao giờ ghét người có lòng tốt giống như lòng tốt của ông Đức đã ngưng xe để dì Năm bớt sợ, băng ngang đường thoải mái. Nhưng tốt tới mức dừng xe đột ngột giữa ngã tư thì Vương không thể nào chấp nhận được! Bao nhiêu tính toán chơi nổi của Vương biến thành tai họa cho chính nó.

Bánh trước chiếc xe máy kẹt vào giữa cái cảng và đuôi xe taxi, hiệu Volkswagen, Beetle. Cái xe chết đứng một chỗ, cái mô măng đẩy tới, hất cái dít xe và thằng Vương lên cao trong lúc tay nó hãy còn cầm chặt tay lái.

Mọi chuyện xảy ra theo Vương thì thứ tự là như vậy:

1. Nó thấy cái đèn thắng đỏ của xe taxi bật sáng chói.
2. Thay vì ngồi trên nệm xe, nó đã ngồi dưới lòng đường Nguyễn Trãi, nhưng phía bên kia của cái ngã tư.
3. Cái dít nó đau dã man.
4. Nó thấy mắc cỡ, nhục nhã quá.

Dù mông, dít và giò hãy còn đau, Vương cố gắng đứng dậy tập tễnh lết vào lề với khuôn mặt thản nhiên như không có gì quan

trọng. Mắt nó thì liếc nhìn xem sự chế nhạo và khinh bỉ trên khuôn mặt của bạn bè và những người trên phố. Nhưng...nhưng nó không thể tin vào mắt của mình.

Người trên phố như đông cứng, đám bạn nó chạy như bay tới kể cả thằng Vũ, không ai thèm để ý tới cái xe máy đang quấn vào đít xe taxi...tất cả mọi người dường như coi nó rất...rất quan trọng. Thoạt đầu, thằng Vương nghĩ có sự xáo trộn rất lớn trên trái đất này, hay bây giờ đang có trào lưu thương yêu lẫn nhau? Cử chỉ của mọi người sắp làm con tim nó tan chảy, làm nó hối hận vì hành động ngu xuẩn của mình thì thành linh nó nhận ra, Dường như những người đứng trên đường phố nhìn nó với cặp mắt ngưỡng mộ! Còn những nụ cười tới mang tai của đám bạn như tỏ sự hãnh diện vô bờ. Vương ráng kiềm chế mọi xúc động tới khi hiểu rõ tất cả những gì đang xảy ra trước mắt mình.

“Trời ơi dzô nghệ cao cường quá dzậy ta!”, một người đàn ông bên kia đường la lớn:

“Thằng chả bay như chim!”, một bà la còn lớn hơn.

Trước khi đám bạn chạy tới, thằng Vương bắt đầu hiểu lò mò về cái tai nạn vừa qua. Thì ra nhờ nó nắm chặt tay lái, khi chiếc xe bị hất lên quá mạnh, người nó bị cuốn ngược lên, rồi khi lực kéo quá mạnh giật tay nó ra thì nó bay lên trời, lộn chùng hai ba vòng gì đó trước khi đo đất. Nghĩ tới đó thì bao nhiêu xấu hổ, hối lỗi, tội lỗi đang thành hình trong tim Vương tan biến hết; thay vào đó nó thấy quá đã, quá tự hào và cuối cùng trở nên phách lối:

“Mình giỏi hơn mình tưởng...nếu tệ hơn không chừng mình có thể đáp xuống bằng chân chứ không phải bằng cái mông là thiên hạ lác mắt hết.”

Ông Đức ráng mau chóng gỡ chiếc xe máy khỏi cái cằng xe rồi mau lẹ lái đi, ông không muốn đôi co với chực thằng du đãng. Dù không ở lại mục kích hết, nhưng theo kinh nghiệm sống, ông Đức quả quyết là thêm một thằng thời thế tạo anh hùng ra đời.

Còn dì Năm thì trở thành nổi tiếng với chuyện này, dì kể đi kể lại cho mấy đứa nhỏ trong làng tới mức tụi nó nghĩ Đức là ông già Noel, và Vương là Súp Bò Men.

Còn Vương thì biết quá rõ mình may mắn cỡ nào khi không lấy tay hay đầu tiếp đất bữa đó, nhưng khi kể lại thì nhiều khi cũng nhầm lẫn cho là mình học nghề chưa tinh chứ không thì.... Có một ông thầy bói nhìn tay Vương đoán:

“Hình như anh xài hết may mắn đời mình rồi, tôi thấy từ nay trở đi anh sẽ gặp toàn chuyện xui xẻo.”

Sau này có nhiều lúc đời Vương tối đen như mực, nó chơi số đề như điên, những khi nào dính tới số 7, hoặc nó đánh xả láng hoặc không dám đánh đồng nào, nhưng dù thế nào đi nữa Vương vẫn thua sạch.

Vâng, đã có Một Ngày Hè Như Vậy đã xảy tới cho Vương.

Dương Vũ





CẢM NGHĨ VỀ MÙA HÈ TẾ LUÂN



Mùa Hè Tại Silicon Valley, California

Thời điểm mùa hè là từ trung tuần tháng 6 kéo dài cho đến tháng 8, tháng 9 thời tiết mát dịu dần đến mùa thu

Mùa hè ở Silicon Valley mang một vẻ đẹp thanh bình pha lẫn nhịp sống sôi động của trung tâm công nghệ hàng đầu thế giới. Bầu trời cao trong xanh, nắng vàng nhẹ trải khắp các con đường rợp bóng cây, làm cho cả thung lũng như bừng sáng trong một bản hòa ca rực rỡ của thiên nhiên. Ngày dài đêm ngắn, mặt trời đi ngủ muộn, khoảng 9 giờ tối trời vẫn còn sáng, do đó mọi sinh hoạt vui chơi gần như kéo dài hơn.

Không khí mùa hè nơi đây không quá oi ả. Ban ngày trời nắng ấm, nhưng những cơn gió nhẹ từ vịnh San Francisco thổi về làm

địu đi cái nóng, mang lại cảm giác dễ chịu. Buổi tối trời mát mẻ, lý tưởng cho những buổi dạo chơi, cắm trại hay tụ tập bạn bè ngoài trời.

Những công viên như Shoreline ở Mountain View hay Vasona ở Los Gatos rộn ràng tiếng cười trẻ thơ và từng nhóm gia đình dã ngoại. Mùa hè cũng là thời điểm của các lễ hội địa phương, các buổi hòa nhạc ngoài trời, và những phiên chợ nông sản đầy ắp trái cây tươi ngon – từ dâu tây ngọt lịm đến đào vàng thơm lừng.

Dù là vùng đất của công nghệ và đổi mới, Silicon Valley vào mùa hè vẫn giữ được nét thân thiện, thư giãn và chan hòa thiên nhiên, nơi con người có thể cân bằng giữa công việc và tận hưởng cuộc sống vui tươi.

Thung Lũng Silicon Valley cũng bao gồm cả vùng vịnh San Francisco, là một thành phố du lịch nổi tiếng, rất đông du khách ghé thăm thành phố này vào mùa hè

Chúng ta cũng nên giới thiệu đôi nét về thành phố này.

Giới thiệu sơ qua về Thành Phố Du Lịch San Francisco.

Thành phố được đặt tên theo vùng vịnh San Francisco thuộc tiểu bang California, Nằm trên bờ tây biển Thái Bình Dương, biểu tượng đặc trưng của thành phố là Cầu Cổng Vàng (cầu treo Golden Gate). San Francisco là thành phố đông dân thứ 4 của tiểu bang California và thứ 14 nước Mỹ.

Thành phố San Francisco được xem như một “điểm sáng” du lịch tại Hoa Kỳ, Nơi hội tụ vô số điểm đến thú vị như: Công viên cầu Cổng Vàng (Golden Gate Park), đảo Alcatraz (Nhà tù nổi tiếng Alcatraz) mà gần đây có nguồn tin Tổng Thống Donald Trump đang muốn phục hồi lại nhà tù này. Dãy nhà Painted Ladies, tòa nhà Transamerica Pyramid. Palace of Fine Art. Đường Hoa Lombard “Con đường uốn lượn đẹp nhất” và rất nhiều điểm đến thật thú vị thu hút khách du lịch.

Xứ sở sương mù gây thương nhớ bởi những cảnh đẹp quyến rũ, cảnh quan thiên nhiên thơ mộng, huyền ảo.



Tòa nhà Transamerica Pyrami



Nhà tù hòn đảo Alcatraz



Con Đường Hoa Lomber



Công viên Palace of Fine Art



Dãy nhà Painted Ladies

Và còn nhiều danh lam thắng cảnh khác nằm rải rác quanh thành phố.

Vào thời điểm hiện tại khi nhắc đến Thành Phố San Francisco người ta không thể không nói đến tình trạng người vô gia cư.

Nhiều du khách, người nước ngoài rất ngạc nhiên về tình trạng homeless ở thành phố du lịch San Francisco. Sau đại dịch COVID, tình trạng homeless ở Mỹ, nhất là ở California, mà cụ thể

là hai thành phố lớn San Francisco và Los Angeles, trở nên đặc biệt nghiêm trọng.

Hiện tại (2025) thành phố San Francisco có 900.000 cư dân nhưng có tới hơn 7.500 người sống lang thang trên vỉa hè. Không ít trong những người trong số họ đã từng có nhà ở, có công ăn việc làm. Một trong những nguyên nhân chính là do sự phát triển và đời sống quá đắt đỏ của thành phố San Francisco. Vật giá tăng mạnh, giá nhà quá đắt, hiện tại đã tăng lên từ 1 triệu đến 1,5 triệu giá một căn nhà bình thường.

Giá thuê một căn hộ 2 phòng ngủ ở đây hiện vào khoảng 3.700 USD/tháng, mức cao nhất ở Mỹ. Một gia đình 4 người có thu nhập dưới 117.400 USD/ năm được xếp vào diện thu nhập thấp.

Thực tế này khiến một bộ phận không nhỏ cư dân thành phố San Francisco bị rơi vào tình trạng bần cùng hóa và trở thành người vô gia cư. Làm sấu đi hình ảnh đẹp của một thành phố du lịch.

Hiện tại chính quyền thành Phố và Tiểu Bang đang mở rộng quyền tiếp cận nơi cư trú và tăng cường thực thi luật pháp địa phương, tình trạng người vô gia cư đang được dẹp bỏ dần, trả lại sự an toàn và cảnh quang của thành phố Du Lịch.

California là tiểu bang dân cư đông nhất nước Mỹ đồng thời đứng thứ 3 nước Mỹ về diện tích rộng lớn. Nền kinh tế tại tiểu bang bờ Tây nước Mỹ “California” phát triển mạnh mẽ thế nào, nhất là vùng thung lũng Silicon Valley.

Không những sở hữu nền khoa học kỹ thuật hàng đầu thế giới, California còn được mẹ thiên nhiên ưu ái ban cho vô số cảnh quan hùng vĩ và tráng lệ, chắc chắn sẽ hút hồn bất cứ du khách nào đến tham quan và chiêm ngưỡng. Cùng MyBooking điểm qua tên top những thành phố đáng sống nhất tiểu bang này, nơi được mệnh danh là vùng đất trù phú nhất miền Tây nước Mỹ.

Khi những tia nắng đầu tiên của mùa hè bắt đầu trải dài trên những cung đường nước Mỹ, cũng là lúc tâm hồn lũ khách khê rung lên bởi những lời gọi mời không thể khước từ.

Du lịch vào mùa hè không chỉ là chuyến đi tìm về những kỳ quan thiên nhiên tráng lệ hay hòa mình vào không khí sôi động nơi đô thị phồn hoa, mà còn là hành trình đánh thức mọi giác quan, nơi

từng nhịp sống hay hương thơm cỏ dại cũng có thể lưu lại dấu ấn trong tim.

Mùa hạ đến sau mùa xuân do đó được thừa hưởng những sắc màu của mùa xuân. Mùa hạ là mùa của rực rỡ, cháy bỏng mùa của những cơn mưa rào chợt đến chợt đi, mang lại một cảm giác dịu nhẹ, đứng dưới mái hiên nghe tiếng mưa rơi, cảm nhận được những âm thanh vang vọng theo những ngôn từ của thi ca.

Mùa Hạ cũng là mùa của cháy bỏng từ tâm hồn, mùa của niềm vui háo hức đầy mộng tưởng, làm hồi sinh những nét thơ ngây trong trắng của tuổi học trò. Những tia nắng soi nghiêng xuyên qua khóm lá tàng cây, những vĩa hè qua những con đường phố đông người, nắng nóng làm ướt lưng áo những cô nữ xinh tung tăng cuối phố.

Mùa hạ là mùa đỏ rực của những cây phượng vĩ giữa sân trường, mỗi khi cơn gió lướt qua làm cánh hoa phượng rơi rụng trông như một cơn mưa hồng, hay nhìn những đóa hoa hướng dương quay về một phương mặt trời.

Mùa hạ hoa sen nở, khi tháng sáu trở về trên khắp các ao hồ, hoa sen bắt đầu nở, gói trọn trong hương sắc hoa sen là sự thanh khiết và dịu dàng, mùi vị trong hương sen là mùi vị của sự ngọt ngào và quyến rũ.

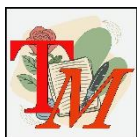
Mùa hạ cũng là mùa của sự quyến rũ trong tâm hồn thi nhân.

Tế Luân

"Mùa hè không chỉ là một mùa, mà là một trạng thái tinh thần"

"Summer is not just a season, but a state of mind"

—**F. Scott Fitzgerald** (1896–1940) là một trong những nhà văn nổi tiếng và quan trọng nhất trong văn học Mỹ, đặc biệt nổi bật với tác phẩm *"The Great Gatsby"*



CÂU CHUYỆN VƯỢT BIỂN CỦA TÔI

TẠ QUANG TUẤN

(Tàu April Flower L14.4

Hành Trình từ ngày 10 đến ngày 14 tháng 4 năm 1980)

Hoảng chốc mà đã 45 năm trôi qua kể từ ngày tôi rời xa quê



cha đất tổ. Thời gian như dòng sông âm thầm trôi chảy, mang theo bao biến động của đời người, nhưng mỗi năm khi ngày 10 tháng 4 lại về, trái tim tôi như được đánh thức bởi những ký ức xưa cũ – sống động, thiết tha như vừa mới hôm qua.

Dẫu đã bước qua gần nửa thế kỷ, dù cuộc sống đưa đẩy tôi đi xa ngàn trùng, quê hương vẫn chưa từng phai nhạt trong lòng. Ngày tôi ra đi, tuy tuổi đời còn trẻ, trái tim còn non nớt, nhưng tôi đã lặng lẽ mang theo cả một quê hương – với hương lúa chín, tiếng gà gáy sáng, tiếng ru ầu ơ bên vành nôi – cất giữ nơi sâu thẳm nhất của tâm hồn. Và từ đó đến nay, quê hương ấy vẫn sống mãi trong tôi, như ngọn lửa nhỏ nhưng không bao giờ tắt.

Đêm ấy – một đêm không thể nào quên, một đêm đã khắc sâu vào tim tôi bằng những giọt nước mắt nghẹn ngào và nỗi chia ly không lời. Chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi của một đêm, tôi buộc phải rời xa tất cả những gì thân thương nhất: gia đình, anh em, bè bạn – những con người gắn bó với tôi từ thuở nằm nôi cho đến ngày trưởng thành.

Trên vai tôi lúc đó chỉ là một chiếc ba lô nhỏ, nhẹ đến xót lòng vì không thể mang theo gì ngoài vài vật dụng thiết yếu và ký ức đầy ắp hình bóng quê nhà. Nhưng nặng nhất lại là nỗi hoang mang, lo sợ và quyết tâm cháy bỏng đang rối ren trong lồng ngực. Tôi đã giao phó mạng sống của mình cho biển cả – mệnh mông, lạnh lùng và không hứa hẹn điều gì. Chỉ với niềm tin mỏng manh vào tự do, tôi đặt chân lên con thuyền nhỏ bé mang tên *April Flower L14.4*, mong manh giữa sóng gió như một chiếc lá giữa đại dương vô tận.

Chuyến đi ấy không chỉ là hành trình vượt biển, mà là hành trình đi tìm lại chính mình – giữa mất mát và hy vọng, giữa sợ hãi và khát vọng sống một cuộc đời được làm người tự do.

Đoàn người chen chúc trong khoang tàu ấy là một tập hợp hỗn độn đủ mọi lứa tuổi, từ cụ già tóc bạc đến những đứa trẻ chưa tròn tuổi biết đi. Tất cả bị "nhét" vào một không gian chật hẹp đến ngộp thở, như những món hàng bị đóng gói vội vã trên một chuyến hàng định mệnh. Không ai biết người đang ngồi sát cạnh mình là ai – đàn ông hay đàn bà, già hay trẻ – và thật ra, trong hoàn cảnh ấy, chẳng ai còn tâm trí để quan tâm. Mỗi người đều giam mình trong nỗi sợ hãi run rẩy, trong tiếng thầm thì cầu nguyện phát ra từ đôi môi khô khốc, mỗi người một tôn giáo, nhưng cùng hướng về một điều: sự sống.

Đôi lúc, những đôi mắt lo âu hé mở, đảo quanh khoang tàu tối mịt để mong tìm thấy một khuôn mặt thân quen – như một chiếc phao tinh thần giữa biển người xa lạ. Khoang tàu không khác gì một cái vồng khổng lồ, lay lắt treo lơ lửng giữa trời nước, được thiết kế để chứa cá nhưng đêm nay, nó lại đang "gánh" đến 59 con người, với 59 hy vọng mong manh và cả 59 lời tiễn biệt chưa kịp nói.

Ánh sáng duy nhất trong cái hầm người ấy là một chiếc đèn măng-xông cũ kỹ, phát ra thứ ánh sáng vàng vọt, chập chờn như linh hồn người sắp lìa bỏ xác. Thứ ánh sáng ấy không đủ xua đi

bóng tối, cũng chẳng đủ an ủi ai. Nó chỉ làm hiện rõ hơn những gương mặt thần thờ, những đôi mắt ngấn nước và làn da tái nhợt.

Tôi – có lẽ nhờ vào một sự tình cờ nào đó, hoặc cũng có thể là do một khoảnh khắc đánh liều – đã lén được ra ngoài, thoát khỏi cái khoang ngột ngạt ấy. Tôi nằm co mình bên cạnh một chiếc thùng phuy lớn, nơi đựng nước ngọt cho cả chuyến đi. Gọi là “nước ngọt” cho phải phép, chứ thực ra nước trong thùng có màu vàng đục, vị nhàn nhạt lơ lợ – nhưng với tôi, đó lại là những giọt nước cuối cùng của Trà Vinh quê hương. Mỗi ngụm nước uống vào như một lời từ biệt, thấm đẫm hương vị đất mẹ, chất chứa nỗi thương nhớ mà tôi biết, suốt đời này mình sẽ không bao giờ quên.

Ban ngày, mặt trời như treo lơ lửng ngay trên đỉnh đầu, thiêu đốt mọi thứ bằng những tia nắng gay gắt đến mức tường chừng như da thịt có thể bốc cháy. Mỗi hơi thở hít vào đều mang theo sức nóng bỏng rát, khiến làn da sạm lại và môi nứt nẻ vì khô khát. Ấy vậy mà khi đêm xuống, biển Đông lại trở mặt lạnh lùng. Gió từ khơi xa lồng lộng thổi về, xuyên qua lớp áo mỏng, lạnh buốt đến tận xương sống. Sự khắc nghiệt của thiên nhiên như muốn thử thách ý chí của những kẻ đang đánh cược mạng sống mình cho hai chữ “tự do”.

Mùi mặn chát của biển hòa cùng gió trời ngập trong không khí, len lỏi vào từng lỗ tóc, từng đường gân thớ thịt. Muối mặn quện cùng nỗi mỏi mệt khiến cơ thể chúng tôi rã rời. Không ai nói với ai lời nào – ai cũng thiếp đi trong cơn lơ mơ, một phần vì kiệt sức, một phần nhờ vào vài viên thuốc say sóng – thứ cứu rỗi tạm thời cho những dạ dày đang oằn oại trong sóng gió.

Chuyến đi ấy, nếu kể ra, hẳn nhiều người sẽ không tin nổi: không có chủ tàu, không có tài công lão luyện, cũng chẳng có thợ máy nào trên con thuyền nhỏ chở gần sáu mươi phạm người. Chúng tôi ra khơi trong một hành trình đầy liều lĩnh, phó thác mọi sinh mệnh cho biển và cho một nhóm thanh niên Trà Vinh còn rất trẻ. Người cầm tay lái chính của thuyền – linh hồn của cả hành trình sinh tử này – chỉ mới mười lăm tuổi.

Một cậu bé tuổi còn cắp sách đến trường, vậy mà đêm ấy lại nắm trong tay bánh lái định mệnh, dẫn đường cho một đoàn người rời quê mẹ, dẫn thân vào một hành trình không có đường lui. Sự

can đảm non trẻ ấy chính là điều đặc biệt nhất của chuyến đi – một tia hy vọng mong manh nhưng sáng rực giữa bóng tối mệnh mông của biển cả.

Sau bốn ngày bốn đêm lênh đênh giữa đại dương mệnh mông, đói khát bủa vây, thân thể rã rời và tâm trí gần như kiệt quệ, cuối cùng chúng tôi cũng nhìn thấy đất liền – một hòn đảo nhỏ mang tên *Pulau Laut*. Khoảnh khắc đặt chân lên bờ, cảm giác như bước ra từ cõi chết trở về. Sóng biển phía sau vẫn rì rào, nhưng phía trước là hy vọng – là mảnh đất đầu tiên chúng tôi đặt chân đến kể từ khi rời xa quê mẹ.

Khi rời thuyền, không ai còn đủ sức để bước đi vững vàng. Những đôi chân tê cứng vì ngồi bó gối nhiều ngày liền, cộng với cơn đói và say sóng khiến ai nấy lão đảo như những kẻ vừa tỉnh cơn mê. Người đi sau phải vịn vào vai người đi trước, từng bước dò dẫm như trẻ tập đi. Nhưng kỳ lạ thay, trong sự mệt mỏi ấy lại ánh lên một cảm giác nhẹ nhõm – như thể vừa thoát khỏi móng vuốt của tử thần.

Người dân bản xứ ra đón chúng tôi với tấm lòng rộng mở và sự tử tế hiếm có. Họ trao cho chúng tôi những ánh mắt hiền hòa, những nụ cười không cần ngôn ngữ và – đáng nhớ nhất – là những con cá ngừ tươi rói vừa được đánh bắt. Mùi cá luộc bốc lên thơm ngào ngạt trong chiều gió biển, đơn sơ mà ân cần như một phép màu. Ngày trước, tôi vốn không biết ăn cá, nhất là cá biển. Vậy mà giờ đây, từng miếng cá ngừ ấy – dù chỉ được luộc đơn giản – lại trở thành món ngon nhất đời tôi. Có lẽ vì sau bốn ngày đói khát, vị mặn ngọt của cá không chỉ thấm vào lưỡi, mà còn thấm cả vào trái tim – như vị của lòng nhân ái, của sự sống được hồi sinh.

Chúng tôi lưu lại Pulau Laut chỉ hai đêm ngắn ngủi, rồi lại tiếp tục hành trình đến một hòn đảo khác mang tên *Sedanau* – một đảo lớn hơn, nơi có văn phòng hành chính địa phương và trạm liên lạc của Cao ủy Tị nạn Liên Hiệp Quốc. Những ngày ở Sedanau trôi qua trong mơ hồ, tôi không nhớ rõ bao nhiêu, chỉ nhớ rằng đó là khoảng thời gian quý báu để lấy lại hơi thở, để cảm nhận chút ổn định đầu tiên sau cơn bão lòng và biển cả.

Và rồi, như một tia sáng mở ra chân trời mới, tàu cứu nạn Na Uy – *Norway Rescue Ship* – cập bến. Tin đó lan nhanh như lửa gặp

gió. Chúng tôi được đưa lên tàu, rời Sedanau để tiến về trại tị nạn Galang – nơi sẽ ghi dấu một chặng đường khác trong hành trình làm người tị nạn, nhưng cũng là nơi mà từ đó, tôi biết mình đã thoát khỏi vòng luẩn quẩn của biển cả để bắt đầu viết lại cuộc đời.

Galang – cái tên ấy đối với hàng trăm ngàn người Việt tị nạn không chỉ là một hòn đảo nằm giữa quần đảo Riau của Indonesia, mà còn là cột mốc định mệnh, nơi mở ra chương mới cho những cuộc đời rách nát sau biến cố. Được thành lập vào năm 1979, Galang hiện ra như một vùng đất lạ nhưng đầy hy vọng – nơi những đôi chân kiệt sức sau hành trình vượt biển tìm thấy mặt đất để đứng, và những trái tim hoảng loạn tìm được nhịp đập bình yên trở lại.

Trại tị nạn Galang không phải là một chốn phồn hoa, nhưng trong mắt những người vừa bước ra từ cơn ác mộng của đại dương, nó là thiên đường thực sự. Từ ngày đầu mở cửa cho đến khi chính thức khép lại vào năm 1996, nơi đây đã cư mang và bảo vệ khoảng 250.000 người – một con số không chỉ là thống kê, mà là từng phận người, từng mảnh đời lưu lạc, từng giấc mơ đứt đoạn tìm về lối ra.

Galang được chia thành ba khu riêng biệt: **Galang I**, **Galang II**, và **Galang III**. **Galang I** là một thế giới thu nhỏ, với những hàng cây, dãy nhà gỗ, những con đường đất đỏ và các trung tâm sinh hoạt cộng đồng. Galang I thường là nơi đầu tiên tiếp nhận người mới đến – nơi những ánh mắt còn hoang mang, những cơ thể gầy guộc vì đói khát được chăm sóc và hồi sinh. **Galang II**, vào thời điểm chúng tôi có mặt, vẫn còn đang trong quá trình xây dựng dang dở. Những khung nhà chưa hoàn chỉnh, đất đá ngổn ngang, từng vạt rừng mới khai hoang còn hăng mùi cỏ cháy. Khu vực này được quy hoạch cho tương lai – để đón những đợt người tị nạn tiếp theo, những linh hồn lưu lạc vẫn đang vật lộn giữa biển trời với hy vọng mong manh về một chốn dung thân. Nhưng hiện tại, Galang II vẫn vắng lặng, chưa một ai cư ngụ – như một lời nhắc nhở rằng, cuộc hành trình này vẫn chưa dừng lại, và dòng người lưu vong sẽ còn tiếp diễn.

Galang III, trái ngược hoàn toàn, là nơi lặng thinh đến rợn ngợp – không còn tiếng gõ búa, tiếng người nói cười, hay cả tiếng vọng của niềm hy vọng. Đây là **nghĩa trang của trại tị nạn**, là nơi an nghỉ cuối cùng của những người không may đã trút hơi thở cuối cùng

ngay trên hòn đảo tạm bợ này, khi giấc mơ định cư còn dang dở. Có người ra đi vì bệnh tật, có người vì kiệt sức sau hành trình biển cả quá khắc nghiệt, có người đơn giản là... không đủ sức đợi thêm nữa.

Những năm mộ đơn sơ, đa phần là đất nện, cắm vội vài thanh gỗ làm bia, nằm rải rác dưới những tán cây thưa thớt. Trên mỗi ngôi mộ, đôi khi là một tấm ảnh nhỏ ố màu, đôi khi chỉ là một dòng tên nguyệt ngọc hay thậm chí... chẳng có gì ngoài một số hiệu. Nhưng chính nơi ấy – Galang III – lại là biểu tượng thầm lặng và đầy ám ảnh nhất của cuộc hành trình tị nạn. Nó nhắc nhở chúng tôi rằng, sự sống là món quà mong manh, và mỗi người còn đứng vững, còn thở được giữa Galang I hay II, đều đang sống thay cho cả những người đã nằm lại vĩnh viễn nơi này.

Galang – ba khu trại, ba mảnh ghép của một bi kịch lớn lao – đã ôm trọn trong lòng biết bao thân phận trôi giạt, giữa biển người không tên, không tuổi. Và dẫu chúng tôi rồi sẽ được đi tiếp, được đặt chân đến miền đất hứa nào đó, thì bóng dáng Galang III mãi mãi sẽ không phai nhòa trong ký ức: nơi không ai muốn đến, nhưng không ai có thể quên.

Trong suốt 17 năm tồn tại, Galang không chỉ là một trại tạm cư – mà đã trở thành biểu tượng của sự kiên cường, của tình người, và của khát vọng được sống tự do. Đối với tôi và hàng trăm ngàn người khác, Galang là nơi chôn giấu những giọt nước mắt, nhưng cũng là nơi gieo mầm hy vọng – hy vọng rằng, sau những năm tháng lưu đày giữa trần gian, vẫn còn có một ngày mai để hướng tới.

Galang những ngày đầu thật đơn sơ và hoang vắng, như một công trình đang được xây dựng giữa lưng chừng giấc mơ. Mọi thứ còn ngổn ngang, dang dở – những con đường đất đỏ chưa kịp rải đá, những dãy nhà gỗ chưa kín mái, và đâu đó vang vọng tiếng đục, tiếng đục của công nhân quốc tế lần dân bản địa đang tất bật hoàn thiện nơi trú ngụ cho những kẻ không nhà.

Chúng tôi, một trong những nhóm người Việt tị nạn đầu tiên đặt chân đến đảo, được sắp xếp vào dãy **barrack số 91** – một dãy nhà dài nằm ở cuối con đường dẫn ra biển, nơi mà từ đây, ánh hoàng hôn mỗi chiều thường rơi nghiêng trên những mái nhà lợp

tôn bạc màu, tạo nên một khung cảnh thật lặng lẽ mà nên thơ. Barrack 91 như rìa cuối của một thế giới tạm bợ, vừa là chốn dừng chân, vừa là ngưỡng cửa của vô vàn nỗi niềm chưa biết gọi tên.

Lúc ấy, toàn bộ người Việt tị nạn đều được sắp xếp trong khu **Galang I**, khu đầu tiên của trại. Tuy là trại tị nạn, nhưng nơi đây dần dần hình thành những mảng sinh hoạt cộng đồng ấm cúng như một ngôi làng nhỏ: có **chùa Quan Âm** uy nghi tọa lạc trên một ngọn đồi cao, nơi gió biển lồng lộng thổi suốt ngày đêm như lời tụng niệm vang vọng giữa hư vô; có **nhà thờ Tin lành** cho những tín hữu tìm về nương tựa tinh thần; có **chợ nhỏ** tấp nập tiếng trao đổi mỗi sáng sớm; có **bệnh xá** cho những thân xác đã rệu rã sau hành trình vượt biển đầy nghiệt ngã.

Tôi nhớ rõ, mỗi buổi sáng tinh sương, khi sương đêm còn chưa kịp tan, tôi thường một mình leo lên đồi đến chùa Quan Âm làm công quả – quét sân, châm đèn, hoặc chỉ đơn giản là ngồi lặng nghe tiếng chuông ngân và đọc kinh Phật. Không hiểu sao vào thời điểm đó, tôi lại thấy mình gắn bó với kinh kệ một cách lạ thường. Có lẽ, khi con người ta đã đi qua những tháng ngày tận cùng của sợ hãi, mất mát, và cô đơn – nhất là khi phải sống xa cha mẹ, anh em, xa mái nhà tuổi thơ – thì cánh cổng chùa trở thành một nơi nương náu tinh thần tự nhiên nhất. Giữa thế giới bất an ấy, tiếng tụng kinh vang lên nhẹ nhàng mà sâu lắng như lời ru vỗ về, như dòng suối ngầm xoa dịu tâm hồn đầy thương tổn.

Chùa Quan Âm không chỉ là nơi linh thiêng, mà còn là chốn yên bình hiếm hoi giữa trại tị nạn Galang – nơi người ta tìm lại được một chút bình yên trong cõi lòng, dù chỉ là tạm thời.

Sau bảy tháng sống giữa khung cảnh tạm bợ, lẫn lộn giữa hy vọng và âu lo nơi trại tị nạn Galang, **ngày 26 tháng 11** đánh dấu một bước ngoặt lớn trong cuộc đời tôi – ngày tôi khép lại chuỗi ngày trốn chạy và bắt đầu một hành trình mới: **định cư tại Montréal, Canada**.

Khi chiếc máy bay rời khỏi đường băng, lòng tôi dâng lên đủ mọi cung bậc cảm xúc. Tôi không biết mình sẽ đối diện với điều gì ở phía trước, chỉ biết rằng phía sau là một phần ký ức tôi chẳng bao giờ quên. Rồi khi máy bay bắt đầu hạ cánh, tôi nhìn qua khung cửa sổ và gần như nín thở: **cả một vùng đất trắng xóa hiện ra dưới**

chân, một bức tranh mùa đông huyền ảo – **tuyết đầu mùa**, tinh khôi và lạnh lẽ, phủ lên mọi mái nhà, con đường và ngọn cây. Tôi đã nghe nhiều về tuyết, đã tưởng tượng đến nó không biết bao lần, nhưng chưa bao giờ nghĩ rằng lần đầu tiên gặp lại khiến mình rung rung đến thế.

Dù mùa đông chưa vào độ khắc nghiệt nhất, cái lạnh của cuối tháng Mười Một ở **Quebec** vẫn đủ để khiến một người vừa rời khỏi miền nhiệt đới như tôi run lên vì rét. Nhưng trong tôi lúc đó, **niềm vui và sự háo hức** đã thắng tất cả. Khi còn đang tạm trú tại **trại tiếp nhận Longue-Pointe**, trong khi chờ người thân đến đón, tôi đã không chờ đợi thêm được nữa. Tôi lén bước ra ngoài trời – **không áo lạnh, không khăn choàng**, chỉ mang theo sự ngỡ ngàng và một trái tim rạo rực như trẻ thơ.

Tôi đưa tay ra đón những bông tuyết đầu đời, để chúng tan chảy trên da, để cảm nhận rõ ràng rằng **mình đang thật sự ở một nơi khác, một cuộc đời khác**. Tôi cúi xuống nhặt từng nắm tuyết, vo tròn lại nghịch ngợm như một đứa bé chưa từng biết đến khái niệm sợ lạnh. Mặt tôi đỏ au, tay tôi tê buốt, nhưng lòng tôi thì **ấm lạ thường**. Đó là lần đầu tiên tôi chạm vào tuyết – thứ tưởng như lạnh lẽo và vô hồn, lại trở thành biểu tượng cho một khởi đầu mới, một giấc mơ vừa hiện hình.

Từ Galang khô cằn, bám bụi thời gian và lặng tiếng chờ mong, tôi đã bước đến một Montreal tuyết trắng, tươi mới và tràn đầy ánh sáng. Tôi biết, **một cánh cửa mới đã mở ra** – cánh cửa của hy vọng, của tương lai, dù phía trước còn đầy những thử thách chưa tên gọi. Nhưng tôi đã bước qua, bằng tất cả lòng tin, bằng tất cả yêu thương tích góp từ những tháng ngày lưu lạc.

Sau mười năm gắn bó với xứ sở lá phong đỏ, một ngày kia, tôi lại một lần nữa **xếp gọn cuộc đời vào vali** để bắt đầu một hành trình mới – lần này là đến **nước Mỹ**, vùng **Virginia yên bình nằm ở ngoại ô thủ đô Washington D.C.**

Đó không phải là một quyết định bồng bột, mà là kết quả của nhiều đêm trăn trở, nhiều suy nghĩ âm thầm về tương lai. Tôi biết mình không chạy trốn điều gì, cũng không rời bỏ điều gì – tôi chỉ **đang đi tiếp con đường mà trái tim mách bảo**, đi về phía những cơ hội đang mở ra trước mắt.

Canada là nơi tôi đã đặt những bước chân đầu tiên trong cuộc sống mới, nơi tôi từng ngỡ ngàng đón tuyết đầu mùa và học cách đứng lên sau những ngày chông chênh. Đó là nơi đã chở che tôi, cho tôi thời gian để hồi phục, để học hỏi, để xây lại nền móng cuộc đời. Nhưng rồi, **trái tim tôi vẫn luôn thầm thì điều gì đó về nước Mỹ** – về một vùng đất hứa rộng lớn hơn, nơi mà những giấc mơ có thể lớn thêm chút nữa.

Dù Canada và Mỹ không quá khác biệt về văn hóa hay đời sống hiện đại, nhưng tôi vẫn cảm nhận được sự chuyển mình rõ rệt trong chính bản thân mình sau khi sang Mỹ. **Ở nơi này, tôi cảm thấy mình có thể vươn xa hơn, bước nhanh hơn, và dám mơ những điều mà trước kia tôi chỉ dám nghĩ thầm trong lòng.**

Virginia đã đón tôi bằng những hàng cây đổi lá mùa thu, bằng sự lặng lẽ dịu dàng của ngoại ô và nhịp sống không quá hối hả – vừa đủ để tôi thích nghi, vừa đủ để tôi bắt đầu lại. Và từ đó, từng bước, tôi đã gây dựng được một cuộc sống mà đến hôm nay, khi ngoảnh lại, tôi có thể mỉm cười: **"Mình đã chọn đúng."**

Bốn mươi lăm năm – một chặng đường dài đằng đặc, lắm lúc như giấc mơ xa, lắm khi như vừa mới hôm qua. Mỗi bước chân tôi in dấu trên hành trình ấy đều chất chứa một mảnh ký ức – **khi thì dịu dàng như nắng sớm, khi thì chông chênh như sóng vỗ bờ khuya.**

Có những đoạn đời mở ra nhẹ nhàng như lời ru của mẹ, đón tôi bằng những cơ hội, tình người và hy vọng. Nhưng cũng có những khúc quanh gập ghềnh, tưởng chừng tôi đã ngã quỵ – nơi mà nỗi đau, sự mất mát, và hoang mang chực chờ níu kéo. Vậy mà, dù đẹp đẽ hay đắng cay, **tất cả những đoạn đường đó đã hòa vào nhau, dệt nên một tấm thảm mang tên ký ức – mà mỗi sợi chỉ đều là máu, mồ hôi và lòng kiên cường.**

Tôi không gọi đó là những năm tháng "đã qua", vì chúng vẫn sống động trong tôi – như ngọn lửa nhỏ âm ỉ cháy trong tim, nhắc nhở tôi rằng: **tôi đã sống, đã đi, đã vượt qua.** Và chính những đoạn đường tưởng chừng chẳng thể bước tiếp ấy lại trở thành phần quý giá nhất trong hành trang đời mình – **những kỷ niệm không bao giờ phai, những bài học không sách vở nào dạy được.**

Tôi không thể khép lại hành trình đời mình mà không **nghiêng mình tri ân hai con người thầm lặng nhưng vĩ đại nhất trong cuộc đời tôi – Bố và Mẹ**. Chính Bố Mẹ là những người đã cho tôi sự sống, nuôi dưỡng tôi không chỉ bằng cơm áo mà còn bằng cả một nền tảng tinh thần vững chắc – thứ hành trang vô giá theo tôi suốt chặng đường dài, ngay cả khi rời xa quê nhà, bốn ba khắp bốn phương trời.

Từ thuở còn thơ, **Bố Mẹ đã dạy tôi biết cứng cáp mà không cứng đầu, biết mạnh mẽ mà không đánh mất sự dịu dàng của trái tim**. Trong những tháng ngày khó nhọc, chính ánh mắt kiên định của Bố, bàn tay chai sạn của Mẹ đã dạy tôi hiểu thế nào là sinh tồn – không phải chỉ là sống sót, mà là sống với phẩm giá, với lòng tự trọng và đạo lý làm người.

Bố Mẹ tôi không để lại cho tôi gia tài bạc triệu, cũng chẳng có cơ ngơi giàu sang để truyền lại, nhưng điều mà tôi nhận được lại quý giá hơn tất thảy: **năm chữ làm người – Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín**. Năm chữ ấy như những ngọn đuốc âm thầm soi lối tôi đi qua bao giông tố cuộc đời. Đó là lòng nhân ái để yêu thương con người; là lễ nghĩa để sống khiêm nhường; là đạo nghĩa để giữ chữ hiếu, chữ tình; là trí tuệ để phân định đúng sai; và là lòng tin để không phản bội chính mình.

Bố Mẹ đã không dạy tôi cách tìm con đường dễ đi, mà dạy tôi cách đi qua con đường khó mà vẫn giữ được mình. Và giờ đây, dù họ không còn kề bên mỗi bước chân, tôi vẫn thấy hình bóng họ trong từng lựa chọn của mình, trong cách tôi sống, tôi yêu thương và đối đãi với cuộc đời.

Mỗi khi ký ức về những ngày tháng sống trong trại tỵ nạn ủa về, như một phản xạ tự nhiên, giai điệu quen thuộc của nhạc sĩ NL lại vang lên trong đầu tôi – **nhẹ nhàng như một lời thì thầm, mà cũng nhức nhối như một vết cứa không lành trong tim**:

“Tự do ơi tự do! tôi trả bằng nước mắt
Tự do hồi tự do! anh trao bằng máu xương.
Tự do ôi tự do! Em đổi bằng thân xác.
Vì hai chữ tự do! Ta mang đời lưu vong...”

Bốn câu hát ấy không chỉ là lời ca – **chúng là tiếng vọng từ bao trái tim rướm máu**, là linh hồn của một thế hệ đã chấp nhận đánh

đổi tất cả: tuổi trẻ, gia đình, quê hương, và cả thân xác mòn mỏi
lênh đênh giữa biển khơi... chỉ để đi tìm một khái niệm tưởng
chừng đơn giản mà lại quá xa vời – *tự do*.

Có lẽ không ai trong chúng tôi – những người từng bước xuống
con thuyền mong manh giữa bóng tối của đại dương – mà không
mang trong lòng mình giai điệu ấy như một lời khẩn nguyện. Tự
do không đến như một món quà, nó được đánh đổi bằng những
đêm dài đói khát, bằng xác người trôi dạt vào bờ, bằng những giấc
mơ không bao giờ thành hình tròn vẹn.

**Vì hai chữ "tự do", chúng tôi đã thành những người lưu vong
– nhưng là những kẻ lưu vong có lý tưởng, có khát vọng, và có
niềm tin.** Và bài hát ấy – dù tháng năm có phủ bụi mờ – vẫn là tiếng
gọi nhắc tôi nhớ mình là ai, đã đi từ đâu, và đã phải vượt qua những
gì để có được ngày hôm nay.



Hết

Kỷ niệm 45 năm ngày rời xa quê hương
(1980-2025)



MÙA HẠ, THƠ TÌNH LÀM TRONG TÙ LÊ MAI LĨNH



Lời mở đầu:

Hai bài thơ, ngủ vùi trong quên lãng suốt 34 năm (1982- 2016), chợt một sáng mai thức dậy cùng nỗi nhớ về NGƯỜI VỢ CŨ đã nhiều lần tiếp tế lương thực như tiếp máu cho chồng từ NAM ra BẮC.

Nhớ lại hai bài thơ cùng người vợ cũ, cũng là lúc hai hàng lệ mặn ứa trào. Nay, NÀNG đã vào CHÙA, cắt đi mái tóc xưa, một thời tôi mê say, đắm đuối.

Câu mong EM, hôm sớm, lòng THANH THẦN bên cạnh PHẬT BÀ QUAN ÂM.

Tôi vẫn còn yêu mình, TRẦN THỊ KIM HẠNH, cô hoa khôi khóa 1, biên tập viên.

MỘT

Trời bây giờ, tháng 5, mùa hạ,
Anh đang những ngày, đợi em đến thăm,
Dẫu khó khăn nào, em cũng đến,

Chắt chiu tình nồng, đốt lòng nhau chút ấm.
Anh vừa ăn buổi chiều xong,
Một bát sắn lát, cũng vừa đủ no,
Một chút muối, cũng vừa đủ mặn,
Thêm nữa, điệu HOA MAI cáu cạnh, bạn cho,
Bên song sắt, anh thả hồn theo khói.
Cây phượng vĩ đầu hiên nhà đã trở bông,
Đã lâu, anh không chút bình yên để xem hoa nở,
Nhưng chiều này sao quá đổi phân vân,
Trong lòng anh, thắm một trời phượng đỏ.
Phượng là tấm gương soi sáng tỏ,
Nhìn lại mình, nhan sắc, thiếu thời qua,
Trang sử đời, những mất còn khép, mở,
Dấu tàn phai, ngày tháng nhạt nhoà.
Hơn nửa đời người, mấy phen lắm lỡ,
Nhìn lại mình, tay trắng bàn tay,
Cũng muốn khóc, đôi lần, mắt đã cạn,
Muốn cười lên, môi thảng thốt chua cay.
Như lòng đợi, em và con đã đến,
Chiều mưa bay, thứ bảy trời sương,
Trong tim yêu, lửa tình rực cháy,
Rạo rực lòng như thuở mới yêu đương.
Đan vào nhau 10 ngón tay thật chặt,
Nụ hôn nào e ấp gọi trao,
Mắt biếc, tình si, lòng ngây dại,
Ngan ngát hương yêu, tự thuở nào.
Cảm ơn đời, còn cho ta trái tim hy vọng,
Cảm ơn em, còn đứng lại, đợi chờ.
Ta còn em, còn con, còn một trời sức sống,
Thì còn ta, với trăm nỗi ước mơ.

HAI

TRONG TÙ SỜ RÂU

Nơi ta ở bây giờ, dưới chân núi CHÚA CHAN,
Trong một trại tù, rào, tường kiên cố,
Nhìn mũi súng, lưỡi lê, như ra điều thách đố,
Ta chỉ muốn sờ râu, cười khan.
Thật buồn cười cho chòm râu của anh,
Có lúc thật đẹp, có lúc xấu tệ,
Lúc đẹp, anh soi gương hoài và nhớ em vô kể,
Lúc xấu xí, anh cạo liền, không để.
Trong tù, sờ râu là một cái thú,
Như thú nhận thư nhà, thú xem ảnh vợ con,
Thú được thăm nuôi và nhận quà đều đặn,
Thú CHỦ NHẬT ở nhà, mộng lớn, mộng con.
Trong tù, sờ râu và anh thấy hết,
Thấy nước tang thương, thấy nhà tan tác
Thấy khổ ải, oan khiên, thấy trùng trùng uất hận,
Và thấy mình bất lực, găm nhấm nỗi buồn, đau man mác.
Trong tù, sờ râu và anh nghe biết,
Nghe nỗi oán than của trăm họ, tiếng rên xiết của muôn dân,
Và nghe mình buốt nhói, đòi đoạn từng hồi.
Trong tù, sờ râu là một cái thú,
Cảm ơn râu, cảm ơn râu, cảm ơn râu.
Râu đã giúp ta qua cơn thống khổ,
Cảm ơn râu, cảm ơn râu, cảm ơn râu,
Cảm ơn,
Râu.

Lê Mai Linh - trại tù Z30A/ 1982



TUỔI TRẺ HÔM QUA

TẠ QUANG TUẤN

Tuổi trẻ hôm qua mộng với trời
Bạn cùng sương gió chí muôn nơi
Vàng tay khói thuốc sao trời đếm
Trời đất ngả nghiêng say với đời.

Tuổi trẻ hôm qua vạm bước đường
Cuộc đời lãng tử chí ngàn phương
Mặc cho sương gió đời xem nhẹ
Tình đến tình đi là sự thường.

Tuổi trẻ hôm qua tôi với nàng
Đêm về trong mộng vẫn đi hoang
Ái ân chưa trọn theo năm tháng
Để mãi tình tôi là lỡ làng.

Tuổi trẻ hôm qua thấm bụi đời
Rượu nào chưa cạn mà tình vơi
Quên đi kỷ niệm vườn hoa cũ
Cao hứng làm thơ để lại đời.

Tạ Quang Tuấn
April 12, 2025



EM OI, HÈ ĐÃ VỀ RỒI!

TRẦN QUỐC BẢO



Em oi Hè đã về rồi!
Ánh hồng rực rỡ khung trời bao la
Chim đàn ríu rít vui ca
Bướm vàng khiêu vũ bên hoa muôn màu

Gió ve vuốt ngọn trúc đào
Hai con chim nhỏ hôn nhau trên cành
Đóa hồng mím nụ cười xinh
Nắng thơm biếc cỏ lung linh ven đồi

Em oi Hè đã tới rồi!
Về đây nghe biển hát lời yêu thương
Dạo trên bờ Đại tây dương
Tưởng như bãi cát Quê hương Vũng Tàu

Trườn lên con sóng bạc đầu
Để cho nước cuốn u sầu ra khơi
Nắng Hè tỏa ấm khắp nơi
Yêu thương tràn ngập tình người ly hương.

Trần Quốc Bảo



ƯỚC MƠ VÀO HẠ THANH SONG KIM PHÚ

Xướng

Hạ sáo đường quê trời ngọt ngào
Trên trời lơ lửng cánh diều cao
Trưa nồng đợi gió lửa hây hây
Nắng rát chờ mưa trút dạt dào
Gió gợn đồng xanh ngàn gié lúa
Trăng vòn sóng bạc vạn vì sao
Phù du huyền mộng lòng buông bỏ
Hạnh phúc bình an hơn hờ chào

ThanhSong ntkp

HẠ NHỚ

Xướng

Đường xưa tĩnh lặng giữa trưa hè
Chợt trời vang rền điệu nhạc ve
Dõi bước chân nga lòng thấp thỏm
Ngóng theo vóc ngọc dáng e dè
Tóc dài mấy độ đùa tia nắng
Áo trắng bao mùa cột lá me
Tự Đức về thăm giờ chẳng gặp
Bâng khuâng ai đó nhớ không nè!

ThanhSong ntkp



MÙA HÈ QUÊ TÔI

TRẦN ĐẠI BẢN



Lúa vàng chín rộm thoảng mùi hương
Em bé chăn trâu khắp ruộng vườn
Mái lá êm đềm hương khói tỏa
Bờ tre kẽo kẹt nhạc chiều vương
Diều bay cao vút vui trời rộng
Cuộc sống thăng hoa rộn nẻo đường
Mùa hạ quê tôi đầy luyến nhớ
Chân hòa nắng ấm gió muôn phương.

Trần Đại Bản, hè 2025

Năm Mươi Năm Thế Sự Thăng Trầm 1

Thanh Song Kim Phú

ISBN 978-1-300-51755-9

418 trang

Thể loại: thơ

Xuất bản: Love Publishing, 2025

liên lạc: thanhsonkimphu@gmail.com





HOA TƯƠNG TƯ HỒNG THỦY

Cứ mỗi lần hè đến, nghe tiếng ve kêu ở hàng cây cao trước cửa nhà là tôi lại nhớ đến những mùa HÈ thần tiên của thuở học trò. Hình ảnh những mùa HÈ đầy kỷ niệm luôn gắn liền với những bông hoa Phượng đỏ thắm, rực rỡ trên những cành lá xanh mượt như ngọc.

Trong tất cả các loài Hoa, tôi yêu nhất là HOA PHƯỢNG, một loài hoa được đặt nhiều tên nhất: Hoa HÈ, Hoa Học Trò, hoa Chia Ly. Hoa Chia Ly là do cô bạn tôi gọi hoa phượng khi nàng phải chia cách với người yêu đầu đời. Chuyện xảy ra đã hơn 65 năm, khi nàng còn là cô nữ sinh học thi Tú tài ở một ngôi trường nổi tiếng. Chuyện tình của họ xảy ra quá lâu, gần như từ thế kỷ trước nên tôi xin phép gọi là TRUYỆN CỔ TÍCH.

Ngày xưa có một cô học trò khá đẹp và một ông Giáo sư rất nổi tiếng. Ngày đầu tiên bước vào lớp học cả hai thầy trò hình như đã có duyên nợ từ kiếp trước. Cả hai cùng rất mực đứng đắn, giữ đúng khuôn phép của thầy trò nhưng hình như tình cảm không ngăn được, cứ dâng trào ra cả ánh mắt, cử chỉ khi tiếp xúc với nhau. Mỗi tình cảm lặng không một lời tỏ tình công khai, chỉ "bốn



mắt nhìn nhau, không nói một câu " nhưng trong lớp học hầu như ai cũng biết.

Rồi mùa HÈ âm thầm đến, các học sinh đua nhau đưa Lưu Bút cho Thầy và các bạn ghi đôi giòong kỷ niệm. Bạn tôi sung sướng khoe cuốn Lưu Bút chỉ có một giòong chữ nhưng chứa chan đầy ý nghĩ của thầy: "có những chữ không thể viết được bằng lời" Và một quyển thơ của Thầy mới xuất bản với lời đề tặng đầy ẩn ý : Thân tặng người yêu (rồi xuống dòng) thơ tình cảm. Với tâm hồn nhạy cảm bạn tôi hiểu được ngay. Với những người bình thường sẽ chỉ đọc với ý nghĩ liên tục "Thân tặng người yêu thơ tình cảm". Nhưng với cô học trò thì ý nghĩa lại khác. Chỉ vậy thôi mà cô bạn tôi đã dẹt bao nhiêu là mộng, và dĩ nhiên là nàng rất buồn, oán trách mùa HÈ đã "chia loan rẽ thúy" và bèn oán trách luôn bông hoa Phượng rực rỡ tượng trưng cho mùa HÈ đã góp phần mang mùa HÈ đến để thầy trò phải xa nhau. Và do đó cô gọi hoa Phượng là Hoa Chia ly.

Tôi thấy tội Hoa Phượng, bông hoa mà tôi rất yêu nên làm Luật sư bào chữa cho Hoa Phượng. Tôi an ủi bạn, mùa HÈ chỉ kéo dài có 3 tháng, xa nhau 3 tháng rồi gặp lại sao gọi là Chia ly được. Ba tháng xa nhau chỉ làm cho nhớ nhưng ngập trời, tình sẽ thấm thiết và quý giá thêm thôi. Tôi nói với bạn: "phải gọi Hoa Phượng là Hoa tương tư mới đúng, bởi vì Thi Sĩ nào đã có hai câu thơ bất hủ (tôi không nhớ tên) "Tương tư thuyền nhớ sông dài. Tương tư là có hai người nhớ nhau" Mi sẽ nhớ Thầy suốt 3 tháng và Thầy làm sao quên được cô học trò xinh đẹp mỗi lần nhìn thầy là ánh mắt bối rối, gò má ửng hồng."

Nhưng Trời không chiều người cho nên bạn tôi cũng không thoát được định mệnh gắn liền với hai câu thơ nổi tiếng "Bao nhiêu những mối tình đầu.

Thường hay kết liễu bằng câu phụ thề".

Hết HÈ, ngày tựu trường hồi hộp gặp lại Thầy, cô bạn tôi thấy thay vì vui mừng hội ngộ, đôi mắt Thầy như xa vắng và buồn thật là buồn. Cô quan sát thầy thật kỹ để tìm hiểu tại sao có sự thay đổi bất ngờ như vậy. Thôi rồi, bàn tay trái của thầy, trên ngón tay áp út đã có một sự ràng buộc mới mẻ. Chiếc nhẫn cưới của thầy như cái vòng oan nghiệt đã nghiền nát trái tim nhỏ bé của cô học trò. Thì ra trước khi gặp cô học trò ông thầy đã làm lễ đính hôn với một cô giáo con nhà môn đăng hộ đối do gia đình sắp đặt. Thiệp đính hôn đã được hai gia đình gửi đi cho bạn hữu khắp nơi. Đó là lý do đám cưới không thể trì hoãn hay thay đổi được. Ông Thầy đã đau khổ tâm sự với cô học trò trước khi cô quyết định rời ngôi trường có ông Thầy đang dạy học.

Trước khi chia tay cô bạn tôi nói với ông Thầy:

"Dù em mất thầy vào mùa Hoa Phượng nhưng em vẫn muốn gọi Hoa Phượng là Hoa Tương Tư chứ không muốn gọi là hoa chia ly."

Bốn mươi năm sau, tình cờ cô bạn tôi được tin ông thầy cũ bị ung thư nặng có thể không qua khỏi, và hiện vẫn sống ở VIỆT NAM. Cô cố thu xếp về thăm vì biết ông thầy không còn gì ràng buộc.

Gặp lại người xưa, ông thầy cũ nhìn cô ứa nước mắt, giọng ông nghẹn ngào: "Dù chúng ta sắp vĩnh biệt, nhưng mà em nhớ nhé, đừng bao giờ đổi tên hoa Tương tư của chúng ta. Bao nhiêu năm qua, trong hồn tôi, hoa phượng vĩ của mùa hè năm đó vẫn mãi mãi là Hoa Tương tư, em có biết không?"

Bạn tôi nắm bàn tay gầy guộc của ông thầy, nhẹ gật đầu, nước mắt ràn rụa...

Hồng Thủy



TỔ QUỐC NGUYỄN TÚ

Hai tiếng Tổ Quốc có còn không trong trái tim của mỗi người Việt Nam lưu vong!

Thoáng chốc mà đã 50 năm, như một giấc mộng dài với bao nhiêu biến đổi.

Sự thử thách, phấn đấu có vinh quang, có lao đao rong ruổi, có nước mắt tiếng cười, thất bại thành công.

Tất cả, rất nhiều trong 50 năm, không thể nói hết.

Nhận nơi đây là quê hương thứ hai, nhưng quê hương để lại bên kia bờ đại dương vẫn canh cánh trong lòng mỗi người đầy thương cảm

Biển cả mệnh mông có bao nhiêu người vùi thân nơi đó! Tổ quốc bên kia còn mất những ai. "Triệu người quen có mấy người thân"!

Khi ra đi tưởng là vĩnh biệt, lại có lúc còn được quay về. Dù là với tâm trạng nào xin vẫn gìn giữ hai chữ quê hương, còn tổ quốc Việt Nam trong lòng.

Tháng Năm là tháng có ngày cho Mẹ, có những buổi lễ tốt nghiệp ra trường. Được may mắn đào tạo ở một đất nước văn minh có tự do có đủ mọi điều kiện, giới trẻ được phát triển đúng khả năng để có một tương lai tốt đẹp.

Một sinh viên đại học xuất hiện trong buổi lễ ra trường với trang phục nghi lễ trang trọng, đặc biệt choàng thêm hai bên vai lá cờ Việt Nam Cộng Hòa tổ quốc biểu tượng, để hãnh diện là một người Việt Nam.

Thật xúc động cho cả gia đình đến tham dự chúc mừng vì cháu được sinh ra và lớn lên ở đây mà có được tư duy tự hào dân

tộc như vậy, trong khi chưa lần được về thăm quê hương, không được sự khuyến khích hướng dẫn của gia đình.

Một hiện tượng khác cũng rất đáng được tuyên dương khen thưởng cho các cháu được sự giáo dục của gia đình dù lớn lên ở nước ngoài vẫn nói được tiếng Việt lưu loát.

Không thể viện lý do quá bận rộn với mưu sinh, hay khó cảm thông trong sinh hoạt mà con trẻ không nói được tiếng mẹ đẻ.

Đau lòng biết bao nhiêu khi mang con trẻ về thăm tổ tiên vì bất đồng ngôn ngữ mà không thể sinh hoạt với ông bà, với những người Việt Nam cùng tổ quốc.

Thất vọng biết bao khi đến một ngân hàng, nhường chỗ cho người khác để chờ đến phiên, gặp một nhân viên có mang bảng tên Việt Nam mong được giúp đỡ tận tình hơn khi cùng một ngôn ngữ, cuối cùng được nghe câu trả lời "I don't speak Vietnamese"!

Trong khi bao nhiêu tổ chức của cộng đồng, tôn giáo mở những lớp Việt ngữ, thầy cô phục vụ không thù lao, nhưng quan trọng nhất vẫn là sự hợp tác của các bậc phụ huynh, của lớp người nhận thức được sự cần thiết của việc bảo tồn và gìn giữ văn hóa của "tiếng Việt còn, nước Việt còn".

Ngôn ngữ rất cần thiết trong tất cả mọi sinh hoạt, càng thông thạo nhiều ngôn ngữ càng có lợi và thành công trong nhiều lãnh vực. Nhất là người Việt Nam phải nói được tiếng Việt Nam.

Dù ở nơi đâu, làm gì, cả đến khi chúng ta đã nhận một quê hương thứ hai. Tổ quốc quê hương xa xôi ở bên kia bờ đại dương, quê mẹ có tiếng sáo diều tuổi thơ, có câu hò, tiếng ru hời, gốc cây đa bờ tre xanh, có bao nhiêu kỷ niệm êm đềm thân thương vẫn sâu thẳm trong lòng của mỗi chúng ta.

Tổ quốc, quê hương muôn đời chỉ một.

"Như là chỉ một Mẹ thôi..."

Nguyễn Tú, Tháng 5, 2025



SÀI GÒN VÀ PARIS

NGỌC CƯỜNG

[Bài 4, 11/2024]



SAIGON-PARIS

Năm ngoái, người anh rể của Đạt ở Pháp đột ngột qua đời, chàng không qua dự đám được. Mùa Thu này, được vợ "cấp" cho *giấy phép đặc biệt* đi từ Nam Cali qua Paris, trước là thăm viếng và an ủi người chị ruột, sau đó nhân thể cho Đạt tiếp tục khám phá Kinh Đô Của Ánh Sáng.

Vốn ưa thích Pháp từ lâu, lại thêm có chị ở Paris, Đạt cùng vợ con đã nhiều lần qua đó. Hồng, chị của Đạt, sống ở Paris gần cả một đời, đã trở thành một bà *parisienne* thứ thiệt, còn *đậm hơn cả*

các bà đầm. Sang đây, được bà chị *parisienne* dắt đi thăm thú thì còn gì tiện lợi và thú vị cho bằng. Chính xác ra, Hồng đang cư ngụ một căn hộ ở Issy-les-Moulineaux, một thị xã thuộc ngoại vi nhưng vẫn được coi như là Paris; như thể người ta đâu có phân biệt dân Sài-Gòn nếu họ ở Chợ-Lớn hay Gia-Định vậy.

Du lịch bên Pháp đã là một ước mơ hấp dẫn Đạt khi chàng còn là học sinh, thông qua ảnh hưởng sâu xa từ sách báo, phim ảnh thời đó. Nhưng phải nói rõ là, nhờ được Thịnh, một sĩ quan Không Quân đã từng thụ huấn ở Salon de Provence, kể cho nghe cuộc rong chơi của anh ấy khắp miền Nam nước Pháp, nơi dân tình mộc mạc, bờ biển xanh lơ, phong cảnh rực rỡ thơm ngát mùi hoa oải hương (lavender)... Những thứ ấy đã ăn sâu vào ký ức của cậu thiếu niên mới lớn, mà từ đó chuyện đi Tây trở thành ước muốn thực hiện của Đạt.

Sau một tuần lễ đi chơi lòng vòng tại Kinh Đô Ánh Sáng, ăn com Tây đã bắt đầu phát ngán; chiều hôm nay, Đạt đề nghị Hồng cho ăn com nhà và nghỉ ngơi lấy lại sức, rồi sau đó thì...vẫn chưa biết làm gì cho đầy mấy ngày còn lại ở Pháp...

Từ phòng ngủ bước ra, Đạt ngạc nhiên: Trên bàn đã bày sẵn mấy đĩa thức ăn..., từ trong bếp hương thơm của nồi com vừa chín tới lan tỏa ngọt ngào - đầm ấm. Đang lúc thèm nhó com Việt-Nam, Đạt mừng thầm rằng Hồng tinh tế vốn biết ý em, đã gia công nấu những món ăn thanh đạm cũ của thời thơ ấu... Thức ăn đang bốc khói, chứng tỏ mới nấu nhưng chưa thấy chị mình đâu, Đạt đoán có lẽ Hồng vừa vào lại buồng sau khi vội lo cho xong bữa com chiều.

Bước ra ban công nhỏ, Đạt đứng nhìn xuống đường. Lúc này trời bắt đầu tối, phố xá thưa thớt người xe qua lại; và đèn đường đã bật lên loang loáng một thứ ánh sáng trắng tạo ra cảm giác khá lạnh lùng....Thoảng con gió tạt vào mặt khiến chàng cảm thấy mát mẻ dễ chịu như một người vừa đi làm về thành thoi: Thời tiết

chớm Thu Paris luôn thất thường, có khi se lạnh mà cũng có ngày ấm áp lại, như tối nay...

Có tiếng dép nhẹ nhàng tiến lại. Đạt biết là chị mình đang đến gần... Và tiếng cười nhẹ của Hồng:

- Đói chưa? Chắc em đã chán *jambon-beurre* rồi chứ... Tối nay mình dùng một bữa cơm Việt thanh đạm vậy nhá!

Đạt lên tiếng đề nghị:

- Mình đem nồi cơm ra để trên bàn, ai ăn người nấy xới luôn cho tiện.

Hồng gạt đi:

-Không sao, bàn chật quá.. Hôn nữa, chị cũng cần vận động tay chân cho khỏe. Cậu cứ ngồi yên đó đi.

Dự tính sẵn sẽ nhào vô bếp phụ chị, Đạt nghĩ lại là cứ để ăn xong mình sẽ giành lấy việc dọn dẹp, rửa chén như ở Cali vẫn thường phụ vợ. Hôn nữa, chàng biết Hồng vốn khó tính, không muốn ai làm thay mình việc nhà, sẽ không thể theo đúng tiêu chuẩn vừa lòng nàng...Đồng thời thấy chị mình kỳ này thân hình có đầy đà hơn hai năm trước.. nhưng khuôn mặt vẫn trắng trẻo - thanh tú, thoáng qua trông chị mình có phần trẻ hơn cả Đạt: Đúng như nhiều người đã so sánh, mặc dù chị thật sự hơn mình những ba tuổi. Điều này chứng tỏ Hồng là phụ nữ luôn biết chăm lo giữ gìn sức khỏe.

Lúc trẻ, Hồng trông tươi tắn như bông hoa nở vào sớm mai, nước da trắng hồng như dân cư Đà-Lạt. Vốn là nữ sinh trường Dòng Saint Paul gần nhà, tiếp thu văn hóa Tây Phương, tính tình cởi mở nhẹ nhàng, hay cười hồn nhiên. Sau trung học, Hồng qua Pháp học ngành sinh vật ở Paris. Tại đây, nàng quen một sinh viên y khoa. Sau khi tốt nghiệp, họ kết hôn rồi chọn sống ở thành phố Issy-les-Moulineaux. Hai vợ chồng một đời trưởng giả tại căn villa rộng rãi có vườn xung quanh. Nhưng nay có tuổi - góa bụa, nhiều nét nhẵn đã hiện rõ nét trên gương mặt bầu bĩnh, nàng lại chỉ li

để ý nhiều đến sinh hoạt trong nhà. Trước hoàn cảnh hiện nay của chị, Đạt phân vân lưỡng lự không biết có nên còn nhắc về người anh rể nhiều nữa chẳng...Tuy nhiên, thực tế cho thấy một năm trôi qua, dần dần hiện rõ dấu hiệu là Hồng bắt đầu chấp nhận thực tại của sự ra đi vĩnh viễn của chồng, nàng cũng ổn định trong hoàn cảnh thiếu vắng người bạn đời đã chung sống 30 năm với nhau... Và Đạt luôn nghĩ là đàn bà tuy mang tiếng là tình cảm yếu đuối nhưng sức chịu đựng bao giờ cũng dẻo dai hơn bọn mày râu.

Đạt ngỏ lời khen:

- Trong khi em tắm mà chị đã hoàn tất tới ba bốn món thom phức...

Vào bếp, Hồng cầm hai ra bát cơm để lên bàn. Cả hai cùng ngồi xuống. Hồng mới tiếp:

- Có nấu gì đâu, chỉ luộc bó rau muống mua sáng nay ở chợ Tăng Frères. Các món khác là đồ nấu sẵn rồi bỏ ngăn đá bây giờ lấy ra hâm thôi...Còn nồi cơm điện thì cứ bấm nút là xong... Thanh đạm thế mà đắt tiền hơn cơm Tây đấy nhé: Rau muống cả 5 Euro một bó, cá nục của Tây Ban Nha nhập cảng cũng không rẻ gì đâu, cậu ạ.

Sống tại Cali bên Mỹ nên Đạt cho rằng sang đây du lịch, mình sẽ ăn cơm Tây mỗi ngày trong bất cứ một tiệm ăn nhỏ nào ở Paris, thỏa mộng ước từ nhỏ, y như sự mô tả của Thịnh: Theo *menu* hay *à la carte* gồm đủ bộ ba món ăn và chai *demi* kèm theo, mới bỏ công. Đúng như câu thường xưng tụng “*phải đến Paris rồi mới chết được*” (*Voir Paris et mourir*)... Nhưng thực tế thì có khác: Cơm Tây đây bơ, pho mai hay thịt mỡ, rất mau ngán. Không thể qua mặt cơm ta, đậm đà mà nhẹ bụng.

Trước kia, sang Pháp chính yếu là du lịch đây đó. Những lần đến Pháp ở mấy năm trước, vợ chồng Đạt thường được vợ chồng Hồng xách chiếc xe nhỏ đưa đi chơi khắp các tỉnh nước Pháp; có khi bốn người đã thay nhau lái xe sang tận thành phố Palamos

bên Tây Ban Nha, nơi họ thường đến nghỉ hè hàng năm... Nhưng lần này, anh rẽ qua đồi, Đạt thấy cần có nhiều thời gian gần gũi với chị mình: Sau khi trở thành góa bụa, Hồng bán nhà và chiếc xe hơi, dọn tới căn hộ này. Và, thêm nữa, cả hai chị em ruột trên dưới tuổi sát nhau, đã từng thân thiết chia sẻ ngọt bùi từ thuở ấu thơ, nay đều đã có tuổi mà còn sống sót từ một gia đình đông anh em...

Đang lúc đói, Đạt ăn nhanh, ngấu nghiến. Vì phải đứng lên xới cơm liên tay, khác với lối ăn đủng đỉnh của các bạn Tây Đầm ở Paris, Hồng xem ra khá ngạc nhiên: Nhìn em trai ăn nhanh, như chỉ nuốt chửng mà không nhai, nàng đoán có lẽ đây là hậu quả cuộc sống trong tù thiếu thốn quá lâu nên đã thành thói tật lúc nào cũng sợ đói. Trong lòng xót xa, Hồng buông tiếng đùa:

- Cậu ăn gì mà nhanh thế, cứ như đang ở tù Cộng Sản không bằng.

Lời nhận xét này khiến Đạt liên tưởng ngay đến ơn nghĩa chị mình đã trợ giúp cho vợ Đạt ở Sài-Gòn hồi sau Bảy Lăm để nuôi con, chờ chồng trong tù.. Nhưng đồng thời cũng khiến chàng áy náy vì nay mình đã ổn định cuộc sống ở Cali mà chưa có dịp đền đáp nào cho chị...

Trước đây, khi còn ở Sài-Gòn, hai chị em vẫn gần gũi thân nhau. Nhưng từ lúc Hồng sang Pháp du học, đỗ đạt và làm việc ngành nghiên cứu. Còn Đạt lại lười biếng và thất chí, đâm đầu vào trường Thủ Đức, để sau chiến tranh bị đi tù nhiều năm. Từ đó, họ rẽ sang hai cuộc sống khác biệt nhau. Rồi may mắn như hưởng phép lạ, bây giờ họ gặp nhau lại, đoàn tụ dưới bầu trời Paris... Đường như thành phố ánh sáng này là mẫu số chung gắn liền hai chị em lại với nhau. Phải chăng vốn Đạt cũng đã từng mơ được sang Paris, đến những nơi mà trước đây các thi sĩ và nhạc sĩ Việt từng ca tụng : *Nào ga Lyon đèn vàng... Nào hẹn em quán nhỏ... rượu rừng rưng ly đổ tràn đây?* Còn Hồng thì mừng là Đạt đồng ý

qua Tây chơi để hai chị em có dịp gặp nhau, vì chính Hồng e ngại việc sang thăm em: Riêng cái vụ bay qua Cali đã mất cả 12 tiếng đồng hồ ngồi chồn chân bó gối một chỗ trong khoang máy bay chật chội...

-oOo-

Đêm nay, không rõ nguyên do nào mà Đạt lại chợt nhớ đến Thịnh... Có thể hình ảnh của đường phố Paris trong mấy ngày qua khiến chàng liên tưởng đến Sài-Gòn, rồi từ khung cảnh Sài-Gòn xưa ấy, ký ức quay về để trong đó hiện ra người cùng xóm năm xưa kia... Và sau bao nhiêu năm xa vắng nhau, họ đã từng bắn khoăn rằng bây giờ người bạn hàng xóm xưa ấy giờ ra sao rồi... Mới đây, nghe Hồng có nhắc đến Thịnh, và cho biết anh ta cũng đang ở Pháp... Nhưng dường như có điều gì uẩn khúc sao đấy đã khiến nàng không mấy tha thiết đề cập nhiều đến người bạn cũ xưa cư ngụ gần nhà này.

Ngược dòng thời gian, vào năm 1953, thân phụ của Thịnh và của Đạt, vốn đồng nghiệp cùng sở Bưu Điện Hà-Nội, họ được thăng chức và cùng chuyển vào Nam. Tại Sài-Gòn, hai gia đình cùng ở hai căn hộ lại cũng sát vách trong cư xá Bưu Điện, dưới thời Pháp được gọi là Sở Giấy Thép, hay là PTT (PTT tên của sở Bưu Điện dưới thời Tây, viết tắt của ba chữ: Postes, Télégraphes et Téléphones).

Lúc đó, đang học ở Hà-Nội, Thịnh bị động viên: Mới đầu anh ấy ở Bộ Binh, sau lại được chuyển sang binh chủng Không Quân rồi được sang Pháp học về kỹ thuật ở Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân của Pháp tại Salon de Provence, miền Nam nước Pháp. Về nước, anh phục vụ trong căn cứ Tân Sơn Nhất, cùng lúc gia đình anh dọn vô Sài-Gòn. Độc thân - vui tính, anh hay tạt qua nhà Đạt nhưng thường gặp chuyện trò qua lại với Hồng. Và nếu không ai có nhà, Thịnh cũng thường đưa Đạt đi chơi loanh quanh Sài-Gòn trên chiếc xe mobylette màu xanh, và có lần đi ăn kem

với nhau ở Đa Kao. Anh ấy đến như cái phao hiểm có giải cứu thằng bé con Đạt khỏi nỗi buồn tẻ triền miên của hoàn cảnh cô cút tội nghiệp...

Nhưng rồi, giòng đời lạnh lẽ đã chia cách hai gia đình: ông cụ cha của Đạt về hưu, dọn về Tân Định. Trong khi đó, còn ở lại cư xá Bưu Điện, Thịnh lấy Liên, một hoa khôi Trung Vương, nhưng vì mồ côi cha từ nhỏ, di cư vào Nam, mẹ của Liên phải tần tảo bán rau ở chợ Thị Nghè. Nên mỗi nhân duyên này lại mắc mớ vào cái thói tục môn đăng hộ đối mà hai gia đình tỏ ra chẳng thuận thảo với nhau bao nhiêu.

Thế rồi vận nước đổi thay, thế cuộc xoay vần, như cơn gió lốc cuốn nổi lên đưa trận giông bão đến, chiến tranh tàn phá quê hương. Đạt bỏ ngang việc học, đăng lính..., và từ đó cho đến nay, đã trên 50 năm, chưa hề gặp lại Thịnh.

Tự trách mình, dù đã đi Pháp nhiều lần mà sao chưa lần nào có dịp tìm đến Thịnh... cho đến đêm nay, Đạt hỏi chị:

-Chị có còn liên lạc với anh Thịnh không... Bây giờ anh ấy ra sao rồi?

Ngừng mặt lên nhìn em, rồi như đang suy nghĩ gì đó..., giây lát sau Hồng trả lời:

- O... Thịnh đang ở Compiègne chứ đâu xa. Sau chiến tranh Thịnh không muốn đi Mỹ mà qua lại Pháp ở. Chị có gặp vài lần khi anh ấy mới qua, lêu bêu ở Paris. Sau đó nghe nói anh ấy sống với một bà đầm..., mối tình đầu khi anh ta còn sang học ngành Không Quân ở Provence...

Không thể ngờ rằng hôm nay, đang ở Pháp, cách nơi Thịnh cư ngụ chẳng bao xa. Đạt bắn khoăn, không biết anh ấy vẫn cao lớn, nước da ngăm đen, đôi mắt to sáng long lanh, và giọng nói trầm ấm áp như xưa không?... Mối tình của Thịnh với chị Liên lãng mạn và đẹp như trong tiểu thuyết, đầy đủ điều kiện hạnh phúc và lâu bền .. nhưng rồi lý do nào mà đôi trai tài gái sắc một thừa

của đất Sài Thành xưa lại tan vỡ.. Hiện tại anh ấy lại sống với một bà đầm, có được đầm ấm được không...

Yên lặng một lát, Hồng tiếp:

- Ổi là la, mấy ông Không Quân này bay bướm lắm. Thịnh có lần thổ lộ rằng sau khi ly dị, chị Liên lấy ông Mỹ, lúc ấy anh còn đang trong Quân Đội, và nghe nói ông Mỹ kia làm lớn trong Tòa Đại Sứ Mỹ đã tử tế đưa cả gia đình chị Liên qua Mỹ. Hình như họ sống ở Virginia. Ông Mỹ già ấy mới chết đây, để lại gia tài tùm lum thì phải... Vậy là bà Liên số sướng, chứ sống với ông Thịnh bên này thì có mà nghèo mạt rệp. Hơn nữa, anh ta mang đủ thứ tật. Nào hút thuốc lá, nghiện rượu lại thêm cò bạc nữa.

Đạt thắc mắc:

-Compiègne ở đâu hả chị? Chị có số điện thoại anh ấy, cho em nói chuyện, được không?

Chiều ý em, Hồng liền gọi điện thoại cho Thịnh để Đạt nói chuyện. Sau những lời thăm hỏi xã giao, Đạt ngạc nhiên là anh ta rất tự nhiên cởi mở, mà còn khẩn khoản mời chàng ghé nhà chơi nữa. Nghe qua điện thoại di động, giọng trầm vẫn ồ ồ như vịt được thừa nào, Thịnh nhắc đi nhắc lại nhiều lần: “Cuối tuần này anh chị rảnh, cậu rủ cô Hồng đến đây chơi đi? Ở đây chơi mấy ngày cũng được nhé... Đừng ngại, nhà rộng có phòng cho hai chị em cậu thoải mái... Thế ra em cũng đã biết Paris nhiều rồi, thỏa ước mộng năm xưa chứ. *Voir Paris et mourir* nhé. ..Nhưng Paris bây giờ ô nhiễm lắm. Cũng tại bọn du khách bên Mỹ của cậu, rồi cả khói xe cộ và bọn Tây đen cà răng cạo tai đến từ Công Gô... Ở thành phố Compiègne này, cậu sẽ tìm thấy Sài-Gòn năm xưa của bọn mình. Thôi: *Allez, à bientôt.*”

Đạt hơi ngạc nhiên nghe Hồng từ chối đi cùng em đến thăm Thịnh ở Compiègne, dù chị ấy đang chả có gì bận bịu cả, và đi xe lửa tới đó cũng chỉ mất một tiếng đồng hồ.

- Chị không đi đâu, ông Thịnh có thể dễ chịu, nhưng không biết bà Annie vợ anh ta có khó khăn gì không?... Thứ bảy này chị sẽ đưa cậu ra nhà ga Gare Du Nord lấy xe lửa đi Compiègne. Hồng bày tỏ.

Sau đó Đạt còn dùng điện thư liên lạc thêm với Thịnh, trao đổi tin tức và hình ảnh gia đình của nhau. Ở một bức ảnh Thịnh gửi lại, Đạt không ngờ sự thay đổi sau bao năm xa cách: Trông anh ta khác hẳn hình ảnh xưa mà Đạt đã ghi nhận trong ký ức: Mái tóc cắt ngắn, chải gọn sang một bên trước kia đã không còn nữa, mái đầu ấy nay đã hói chỉ còn lơ thơ vài sợi bạc trắng. Gương mặt nhiều nếp nhăn thêm tối vì anh ta đeo cặp kính đen to bản... Đạt thầm nghĩ là may mà được xem hình ảnh này, chứ sẽ không thể nào nhận ra nếu tình cờ gặp nhau ngoài đường!

-oOo-

Y hên, sáng nay, Hồng dẫn Đạt lấy xe điện ngầm đến nhà ga để đón chuyến xe lửa tốc hành đi Compiègne cho em trai mình gặp Thịnh...

Chuyến Métro chật ních đông nghẹt người. Hai chị em phải ngồi cách xa nhau ba hàng ghế. Khi sắp tới trạm Gare Du Nord, Hồng nghiêng đầu, đảo mắt về phía Đạt. Thấy em trai cũng đang ngoái nhìn lại, nàng gật đầu ra dấu hiệu là sắp phải xuống... Cả hai cùng đứng dậy, nối đuôi theo đám hành khách lục đục ra đứng chờ ở cửa. Con tàu thắng lại nghe kêu ken két, bắt đầu chạy chậm dần rồi dừng hẳn. Sau bốn hồi chuông báo hiệu, cửa mở ra hai bên, đám đông ủa ra khỏi toa xe như bầy ong vỡ tổ, vội vã tỏa ra tứ phía.

Ra khỏi trạm xe điện, hai người đi dọc theo hàng lang dưới hầm, lấm khức rộng như một shopping center bên Mỹ, san sát đầy những cửa hàng và quán ăn. Hồng quay lại bảo:

- Cố men theo chị, kéo lạc và trễ chuyến xe lửa.

Đạt cố đi nhanh cho kịp bước chị đang dẫn đường, hối hả lách qua đám đông, rồi còn len lỏi dọc theo các ngõ ngách... Sau gần 10 phút, hai chị em mới tới cầu thang lên tầng trên, nơi đó là bến xe lửa đi Compiègne.

Còn lên cao thêm hai tầng nữa mới tới mặt đất, cũng là tầng chính của ga, khung cảnh bung tỏa lớn rộng hẳn ra . Dưới vòm kính cao bỗng lên trông như một vận động trường, ánh nắng xé trưa rơi xuống nền ga rộng rãi, đông đảo và ồn ào như cảnh người ta đi dạo ở chợ trời: Chỗ bán vé nép vào một góc, bên trong cùng có vài quán cà-phê nhỏ, xem ra lúc nào cũng đông nghẹt khách; còn ở giữa khu chỗ khách chờ đợi xe lửa thì chỉ lèo tèo vài hàng ghế... Đó là khung cảnh phổ biến của bến các tuyến xe hỏa tỏa đi mọi tỉnh phía Bắc của Paris.

Ngước mặt đọc bảng lịch trình các chuyến, Hồng thở phào mừng cười với em:

- Tường trẻ, ai ngờ vẫn còn sớm, nửa tiếng nữa tàu mới *départ*. Họ chỉ báo bến xe nào trước 10 phút tàu chạy... Thôi mình lại đây ngồi chờ... Cậu có muốn vô quán uống cà-phê không?

Vốn hiếu tính cẩn trọng hay lo xa của chị, Đạt đùa:

-*Cà-phê Chez Hồng* sáng nay ngon hơn ở đây nhiều...Mà sao chị không đi thăm anh Thịnh với em luôn?

Trầm ngâm giây lát, không nhìn thẳng Đạt như để tránh câu hỏi, và đồng thời nhớ lại có một lần nàng đã đến Compiègne cách đây cả hai chục năm..., Hồng chậm rãi kể:

-Compiègne bé tí, chả có gì hấp dẫn cả. Nó cũng nhạt nhẽo như hầu hết các tỉnh lẻ của Pháp... Với lại chắc anh Thịnh chỉ muốn gặp có cậu ở nhà, đãi com Tây và uống rượu chát .. Đi chơi một ngày là hết chỗ nên thăm... Ngày xưa, hồi còn đi học, chị có đến đó thăm địa điểm Đức và Pháp đã ký kết đình chiến thời hai cuộc Đại Chiến , hai lần đều cùng đi trong một toa xe lửa, ở giữa khu rừng sồi của Compiègne... Nhưng kể cũng lạ, bà vợ dâm anh

ấy lại chịu mời Đạt ngủ, chứ bọn Tây Đầm rắc rối về chuyện riêng tư của họ lắm, ít khi mời ai ở lại nhà.

Tò mò muốn biết thêm về Thịnh, Đạt đưa đẩy hỏi: -Hồi nhỏ em nghe đồn bà Liên đẹp, một thời là hoa khôi trường Trưng Vương. Vậy mà sao sau này lại lòi ra chuyện anh Thịnh ở với bà đầm Pháp vậy hả chị ?

Nhìn em bằng cặp mắt như vừa chột sáng lên, Hồng tiếp:

-Ồ là la ! Ông Thịnh là một thứ công tử, mẹ anh ấy vốn con nhà giàu nứt đổ đổ vách ở Hà Nội. Di cư vào Sài-Gòn hình như ông cụ anh ấy phá tiêu tan tài sản mang theo...Cuối cùng anh ấy chỉ trần xì là một sĩ quan Không Quân nghèo. Có tiếng mà không có miếng...Nhưng còn cuộc sống của họ bên trong thực sự thế nào, ai mà biết chắc được?

Nghe chị thổ lộ, Đạt trầm ngâm ngẫm nghĩ thêm thấy sự đời quả là phức tạp, nhiều nỗi xoay vần, leo đòi xuống dốc, khó hiểu hết nội tình: Có người được thanh cao, thì cũng lắm kẻ phong trần... Có lẽ cuối cùng quan trọng vẫn là phần cuối đời.. Như chính cuộc đời mình đây: Lính tráng khổ cực, rồi lại tù đầy đoạn trường. Thế mà ngày nay được ổn định, hạnh phúc an lành với gia đình bên Mỹ. Cụ thể mà xét thì Đạt tự cho mình thật may mắn, có hậu vận tốt...

Hai chị em đến bên một băng ghế vừa có khách đứng lên rồi đi...

Trong thâm tâm, những điều Hồng nói về Thịnh chỉ khiến Đạt tò mò và băn khoăn hơn: Nếu anh có nhiều tật xấu, khiến một phụ nữ Việt-Nam chịu đựng không được thì làm sao bà đầm kia lại chịu chấp nhận? Phải chăng cuộc đời và tình cảm con người thực tế diễn ra rất phức tạp khó hiểu, đến độ vượt ra ngoài tầm giới hạn suy luận của Đạt...

Nhìn thấy giờ khắc khởi hành đã hiện lên tấm lịch trình, Hồng đứng dậy:

-Mình tới bến số 4 được rồi.

Tiến em đến tận chân toa xe, nàng dặn dò thêm lần nữa:

- Chuyển về chót tối nay là 11 giờ khuya. Nhớ nhắc anh Thịnh mua vé và đưa em ra nhà ga nhe. Chị sẽ ra lại đây đón cậu... Thôi, đi chơi vui vẻ nhá. Cho chị gửi lời hỏi thăm cả hai ông bà...

-oOo-

Lên xe lửa, ổn định được chỗ ngồi...Con tàu lăn bánh nhẹ nhàng như lướt trên đường ray, khởi hành tự lúc nào Đạt không kịp nhận biết. Bên ngoài cửa sổ, cảnh vật đã phóng giạt lùi nhanh dần... Khác hẳn kinh nghiệm ở ga Hàng-Cỏ, khi chàng hớn hờ lần nôn nóng lấy con tàu hỏa Thống Nhất từ Hà-Nội xuôi Nam về nhà ở Gia-Định, sau 5 năm tù trong núi rừng Việt Bắc. Khi ấy, tàu có tiếng còi hú, tiếng gầm lên của đầu máy rồi âm thanh xịch xịch rồi rít ré lên của kim loại cọ sát vào nhau dưới gầm toa...

Hơn 30 năm rồi, ký ức về chuyến đi đó tưởng như đã lẫn vào lãng quên, ngờ đâu bỗng dung nay tự nhiên len lén hiện ra trong tâm tư người lính cũ...Tuy nhiên hiện tại xem ra Đạt đã là một ông già. Và sáng nay, nhân chuyến đi Compiègne, con tàu hỏa đã khác hẳn xưa, chạy bằng điện nó khởi hành nhẹ nhàng không một tiếng động! Nhưng quả thật cũng vì thế mà đã khiến chàng liên tưởng lại chẳng.

Con tàu còn chạy chậm... Có lẽ vì chưa ra khỏi Paris nên chỉ nghe tiếng động nhẹ thưa dần từ đường sắt vọng lên. Cảnh tượng nhà cửa hai bên đường trông khá thưa thớt của vùng dân cư ngoại ô, bờ tường loang lỗ chữ viết xiên sẹo và tranh vẽ tục tĩu bằng sơn nhiều màu, xen lẫn với những cụm nhà nhỏ ngang dọc san sát nhau.., lác đác đây đó mấy cụm nhà máy đã hoang phế ngừng hoạt động.. Hình ảnh nước Pháp bị tàn phá sau Đệ Nhị Thế Chiến đã từng được xem thấy trên các phim ảnh xưa nay như lại đang hiện về trước mắt Đạt...

Đã từng bị ám ảnh tưởng tượng về vẻ đẹp một Paris lãng mạn từ khi còn nhỏ, nhưng sau đó do hoàn cảnh suốt thời trai trẻ, Đạt đã học hành dở dang rồi đi lính nên vô thức cái mộng ước đi Tây đã bị xếp xó vào đáy lãng quên. Tới khi ra tù, nhờ tiền của Hồng bên Pháp gửi về, Đạt và gia đình may mắn vượt biển thành công qua Mỹ. Những năm đầu định cư nơi xứ lạ, hai vợ chồng người lính cũ dồn hết nỗ lực cho cuộc sinh tồn. Đây vốn là tình trạng của hầu hết dân tỵ nạn Việt-Nam, như những bầy chim mới sổ lồng, cố tung cánh bay cao để bù đắp lại thời gian bị giam hãm cả thập niên trong hiểm nguy chực chờ: Trước hết Đạt đã cùng vợ đi học khóa điện tử, trong khi vẫn đi làm, luôn tình nguyện 'cày' thêm giờ phụ trội overtime để vực dậy sự ổn định đời sống càng sớm càng tốt...

Lăn bánh vẫn nhẹ nhàng nhưng tiếng kêu xình xịch dưới gầm toa đã bắt đầu nghe ra đang tăng nhịp nhanh hơn, con tàu gia tăng vận tốc. Cảnh vật bên ngoài vùn vụt lùi nhanh ra sau... Bấy giờ Đạt mới thật cảm thấy nhẹ nhàng, thoải mái như vừa làm xong một việc gì to tát...

Rồi tự nhiên ký ức lẫn lộn hình ảnh với suy tư cứ lần lượt kéo đến xâm nhập tâm hồn Đạt, khiến trong cõi mê mông của dĩ vãng, có đôi khi vô cớ bỗng nổi lên trong tâm tư chàng hình ảnh về một chốn nào đó đã sống qua, hay một nơi lãng đãng chỉ ngưng nghỉ lại chốc lát mà tưởng chừng nó đã được khóa kín trong ngăn tủ của ký ức, thế nhưng kỷ niệm cũ cùng hình ảnh của nhiều người thân thiết cứ thể hiện ra như là nhãn hiệu của mỗi chỗ mỗi người đã gắn liền với hương vị ngọt ngào của món ăn ngon: Chẳng hạn bạn bè với ngôi trường cũ của thửa thơ ấu. Hay cô gái láng giềng với thôn xóm, nơi chôn nhau cắt rốn của quê nhà xưa. ..Tự nhiên trong lòng chàng nổi lên nỗi niềm luyến tiếc quá khứ kèm theo nhớ nhung và nỗi thắc mắc “không biết giờ đây họ đang

ở đâu, còn sống hay đã chết... Người *muôn năm cũ*, hồn ở đâu bây giờ?"⁴.

Trong lãnh đẵng mơ màng, kỷ niệm xa xưa bỗng dưng dần dần hiện ra về thửa niên thiếu ở Sài-Gòn... Tuổi thơ thường được gọi nhớ đến như là một thời tươi vui giữa khung cảnh ấm cúng và thơ mộng của gia đình...Thế nhưng, đối với Đạt thì khác: mồ côi mẹ từ lúc lọt lòng, rồi sau đó cứ phải sống dưới sự đối xử tẻ lạnh của người mẹ kế và một người cha hà khắc, chàng chỉ còn có mấy người anh - chị đùm bọc che chở cho. Bởi vậy, khi Thịnh xuất hiện đến chơi và chú ý đến thằng bé Đạt, tự nhiên đã khiến chàng coi Thịnh như một người anh gương mẫu đáng mến, vô cùng thu hút đối với một đứa trẻ đang thiếu tình mẫu tử.

Thêm nữa, là lãnh giềng cư ngụ sát vách nhau, chẳng hiểu vô tình hay cố ý (?) thường qua nhà Đạt mà không báo trước, Thịnh chỉ gõ nhẹ cho có lệ rồi chẳng chờ ai ra mở, cứ tự tung cửa bước vào, tươi cười, oang oang nhưng trầm ấm giọng nói chào hỏi:

"Salut. Cả nhà vui vẻ chứ". Đột ngột xuất hiện như cơn gió Hè sôi nổi, anh ta phát ngôn pha tiếng Tây theo lối xã giao của giới thượng lưu trí thức thời đó. Nhưng khi chỉ trông thấy Đạt, anh ta liền mở miệng tự nhiên như hỏi về một người bạn: *"Chị Hồng có nhà không em?"*. Với thân hình cao lớn - rắn chắc, trông Thịnh luôn lạnh lợi năng động. Và khi nói, anh ta thường vung tay lên cao, giọng trầm bổng mạnh như đang húng khởi lớn tiếng với ai đấy. Tâm hồn non nớt và giản dị của một đứa trẻ, Đạt đã nhiều lần mong thầm Thịnh sẽ trở thành anh rể mình để được có người chú ý đến và đưa mình đi chơi...Hơn nữa, anh ta vốn sẵn đủ điều kiện *môn đăng hộ đối* với chị Hồng mà!...Thế mà đã hơn nửa Thế Kỷ trôi qua, biết bao nước đã chảy qua cầu, từ con người đến cảnh vật cũng đã quá nhiều đổi thay.. Còn Thịnh thì nay ra sao?

-oOo-

⁴ Trích bài Ông Đồ, thơ Vũ Đình Liên, 1936.

Tới Compiègne, nối đuôi theo đám đông hành khách bước xuống bến ga, Đạt đang đứng và chưa kịp định hướng phải đi phía nào thì bỗng vọng sang, giọng ai nói tiếng Việt gần đó: -*Salut* Đạt! Moa đây. Khỏe không em?

Khựng lại bất ngờ, đang đứng sừng sững trước mặt Đạt, một người mặc bộ complet xám đã cũ, trên đầu đội mũ nỉ đen, đeo cặp kính mát to vành, Thịnh trông như một ông Tây già hơn là người Việt. Mặc dầu mới được xem mấy tấm ảnh qua email, Đạt vẫn thấy Thịnh như một người lạ...

Chưa kịp trả lời, anh ấy đã sốt sắng đưa tay ra bắt, Đạt cảm thấy bàn tay to và ấm của Thịnh xiết tay mình thật chặt rồi buông ra ngay. Anh ấy sôi nổi nói tiếp:

- Hồng không đi được? Tiếc quá. Bà Annie cũng muốn gặp lại cô ấy. Đường như cũng phải cả trên chục năm rồi, từ khi anh mới qua đây phải...

Nói xong, anh ta vung tay lên cao làm như than Trời : -Cô Hồng này lúc nào cũng rắc rối...*mais c'est la vie*. (nhưng đời là thế!)

Không hiểu rõ hàm ý của Thịnh qua lời nói và cử chỉ này, Đạt ngờ ngợ nghĩ rằng có lẽ anh ta vốn đã để ý đến chị của mình từ khi còn là hàng xóm.. Nhưng hôm nay, dường như mọi sự đã an bài, họ cả hai đều già và cùng yên phận, không có gì để có thể thay đổi được nữa...Ý nghĩ vừa thoáng qua trong Đạt, chàng tự kết luận, chắc chẳng có tình cảm gì khác hơn: từ xưa lẫn bây giờ Thịnh coi Hồng như một cô em gái xinh xắn và dễ mến?

Nhờ đã từng đưa đón nhiều bạn bè cùng gia đình từ xa đến chơi, Thịnh xem ra đã quen với trường hợp người ở Mỹ vẫn thường than phiền về điều kiện sống chật chội thiếu tiện nghi bên Pháp. Tuy có khó chịu về lời chê bai này nhưng Thịnh cũng chẳng bao giờ biện hộ, mà coi họ như những con ếch ngồi đáy giếng, chưa đủ cỏi mở. Hơn nữa, trong bụng anh vốn hãnh diện về văn

hóa của Tây hơn hẳn Mỹ...Cũng như sống ở cái thành phố Compiègne nhỏ bé này, cá nhân anh vẫn hài lòng là nó thân mật và ấm cúng.

Chiếc xe hiệu Renault Clio của Thịnh đậu ngay trước mặt ga vắng vẻ. Sau khu parking là hàng cây cao vút cả trên chục thước, cành thẳng chia lên trời với những cụm lá to như lá bàng màu xanh nâu như sắp đổi màu hiện đang rung rinh dưới cơn gió nhẹ..Có lẽ rằng cây này đã được trồng từ lâu đời dọc theo con sông nước chảy lững lờ, đục ngầu...

Khi cả hai yên vị trong xe, Thịnh cho nổ máy, và quay sang nói với Đạt:

-Em có đói không? Nghe Hồng nói em thích những món com Tây truyền thống, nên chị Annie hôm nay nấu món *pot-au-feu*.. Chắc cô Hồng cũng đã nấu cho em ăn rồi?

Vốn từng được thưởng thức món này do bà chị nấu, đại khái là súp thịt bò với nhiều rau củ có mùi thơm béo của tủy và xương ống chân bò được hầm nhừ...Cũng như phần nhiều thức ăn của Tây thường chứa mấy thứ nồng cốt: Gồm khoai Tây - cà rốt - củ hành poireaux và tất nhiên món nào cũng phải đậm đà vị lá xạ hương! Đạt trả lời:

-Ồ. Chưa đói đâu, anh. Sáng nay chị Hồng đã cho ăn no rồi mới lên đường.

Thịnh cười vui vẻ:

- Vậy mình đi một vòng phố xá cho em thăm thú Compiègne nhe. *Bon, allez on y va.* (1)

Vừa nói anh ta vừa nhấn ga cho chiếc xe phóng đi...

Bên hông nhà ga, khu nhà cao ba bốn tầng gồm có mấy tiệm ăn lẫn khách sạn, điển hình của những cơ sở kinh doanh xung quanh các ga xe lửa xứ này.

Vừa lái, Thịnh vừa kể lan man về thành phố Compiègne của anh, thành thạo như một hướng dẫn viên du lịch. Có lẽ đã quen

đón bạn bè từ xa đến thăm..Và xem ra anh rõ rệt hãnh diện về thị xã này.. Cũng có thể Thịnh muốn biện minh cho quyết định cư ngụ ở một nơi khá buồn và hẻo lánh như đây, so với Paris phồn hoa quá nhộn nhịp: Thịnh thoảng anh ngưng giảng giải về Compiègne, chuyển qua vài câu ân cần thăm hỏi về cá nhân Đạt và gia đình..Nhưng cứ mỗi câu hỏi là anh lại đều nhắc đến Hồng, làm như anh ta và chị ấy có nhiều điểm tương đồng tiêu biểu cho nhóm Việt kiều sinh sống tại Pháp vậy.

Ngồi cạnh, Đạt muốn chuyển câu chuyện sang hoàn cảnh gia đình Thịnh.. nhưng suy ra anh ấy chỉ thích sôi nổi say sưa nói về lịch sử Compiègne... Yên lặng cố theo dõi, Đạt cũng chỉ cảm nhận rằng người hàng xóm năm xưa mà chàng vốn coi như anh mình này trông già hẳn đi, dù vẫn còn giữ nguyên nét trí thức - phong lưu của một người có địa vị trong xã hội Việt Nam hồi trước 75.

Ra khỏi khu nhà ga, xe rẽ sang trái chạy trên một chiếc cầu rêu xám được xây bằng gạch cổ; bên dưới là con sông Oise, dòng nước lững lờ chảy khiến nắng trưa phản chiếu lấp lánh như pháo bông đang phóng tỏa rải rộng lên không trung.

Băng qua cầu, phố xá thu hẹp lại thành khu vực thương mại chính của thị xã: Những cửa tiệm mọc kín mặt tiền, dân chúng lững thững đi bộ trên vỉa hè trước những hàng quán...Trung tâm Compiègne có nét hao hao như khu vực đường Tự Do với khúc Lê Lợi - Nguyễn Huệ của Sài-Gòn năm xưa... Leo lên con dốc thoải thoải là tới trước tòa thị chính, công viên vườn hoa nằm ở trước mặt, xe lại rẽ sang bên hông là con đường san sát những hàng quán - tiệm ăn.

Thoảng thấy có chỗ đậu bên lề đường, Thịnh liền tắt xe vào rồi quay qua nói với Đạt:

- Minh vào quán cà-phê ngon nay ngồi ngắm thiên hạ 'ông đi qua bà đi lại'...Anh vẫn thường ngồi đây một mình...

Xuống xe, bước đến chỗ cột lấy thẻ cho phép đậu và gắn lên cửa kính trước xe, Thịnh móc túi lấy điện thoại di động bấm gọi về cho vợ loan báo là sẽ về trễ.

Quán cà phê ở một góc phố, chỉ cách tòa thị chính vài chục thước. Nhìn sang bên kia đường là san sát mấy nhà hàng ăn Tây, có xen lẫn một tiệm Tàu loại buffet...Riêng *Brasserie Parisienne* là một nhà hàng ăn gồm cả cà-phê lẫn quầy rượu: Bên ngoài, ngay trên vỉa hè và dưới những tán dù tròn xoe rộng có bày một dãy bàn được bao quanh bằng những chậu hoa quây thành hàng rào. Giờ này đã xế trưa nên thưa khách.

Dừng lại trước cửa tiệm, Thịnh quay qua hỏi Đạt:

- Em muốn ngồi ngoài hay vào trong? Ở ngoài này tụi Tây hút thuốc, hơi khói lắm...

Chợt vài con gió se lạnh thổi nhẹ nhàng tạt vào mặt. Vốn sợ bị cảm, Đạt đề nghị vào bàn trong tiệm..Hơn nữa, bàn ở trong cũng dễ dàng trông ra ngoài kính cửa sổ ngắm cảnh. Thoải mái yên tĩnh..

Ngồi bàn bên trong tiệm ấm áp mà thoang thoang hương thơm nồng cà phê từ máy pha bốc ra. Thịnh giờ mũ để trên bàn, lộ vầng trán hói, trông anh thấy già hơn. Và khi nhìn kỹ, anh đã có nhiều vết nhăn trên gương mặt chữ điền đầy nam tính... Thịnh lên tiếng tâm sự:

- Cậu có thấy tiệm này giống quán Pagode ở Catinat (đường Tự Do - khu trung tâm Sài Gòn) không? Cũng cùng nhìn ra góc đường. Bên kia cũng là một công viên nhỏ. Anh rất thích ra đây ngồi đọc báo, chờ Annie đi chợ. Quanh đây mỗi thứ bày đều có chợ trời... Anh thấy Compiègne chẳng khác gì Sài-Gòn ngày xưa. Thịnh có cùng suy nghĩ như mình, Đạt nghĩ thầm. Cả hai cũng luôn tìm thấy hình ảnh của Sài-Gòn qua những con đường nhỏ ở Paris. Có lẽ khi người Pháp thiết kế Sài-Gòn, họ đã dựa theo khuôn mẫu của Paris? Từ những con đường tráng nhựa, hai bên

có vỉa hè và cây cao rợp bóng mát... cho đến việc xây hai công thự Tòa Đô Chánh của hai thành phố này cũng có hình dáng tương tự như hai chị em ... Đến cả bảng tên chỉ đường, khắp ngã tư, cũng đều có nền màu xanh da trời đậm đà với nền chữ trắng bóng loáng...

Giờ này ít khách, thế mà ngồi chờ một chập sau mới có người bồi bàn đến. Thịnh gọi hai ly cà-phê *crème* , tương tự như loại cà-phê sữa... Rồi như vừa nhớ ra điều gì, anh hỏi Đạt:

- Ăn kem va-ni không? Quán này họ tự làm kem lấy chứ không mua ngoài chợ đâu... Anh nhớ hồi nhỏ cậu rất thích cà rem? Ngạc nhiên là người anh hàng xóm cũ này vẫn còn nhớ kỹ về một chi tiết kỷ niệm nhỏ nhoi đã trải qua trên nửa thế kỷ rồi. Cảm động, Đạt đồng ý:

- Vâng. Ăn thử xem có còn ngon như xưa không...

Nhưng chợt không thấy anh bồi bàn đâu, Đạt lại đổi ý, gạt đi:

- Vậy thôi anh. Còn để bụng về nhà ăn *pot-au-feu* chứ nhì. Đồng thời Đạt hồi tưởng lại khi còn là một đứa bé con, mình đã từng được anh ấy dẫn đi ăn kem ở quán nhỏ trên đường Albert 1er (Đình Tiên Hoàng sau này). Sự kiện được ăn kem là một biến cố hiếm hoi và kỳ thú cho cậu bé hồi ấy.. Hương vị cà rem đã theo Đạt suốt cả đời, như mới xảy ra ngày hôm qua : Xúc một thìa kem vàng thơm như ruột sầu riêng cho vào miệng, hơi lạnh lan tỏa ra rồi vị ngọt đậm đà, vừa béo ngậy vừa ngát thơm tan dần xuống cổ họng...

Trong quán, bàn ghế bằng gỗ nâu đậm cổ kính được bày biện chật ních sát nhau như tận dụng chỗ trống để di chuyển. Thế mà lại ấm cúng, không khác gì mấy cái bàn ở La Pagode của Sài-Gòn... Nhìn qua kính cửa sổ, thấy bên công viên trước tòa thị chính có một bà đầm già đang dắt chó đi dạo...Cảnh tượng thật êm đềm, thời gian như đang ngừng lại... Vừa lúc cà-phê được đem ra, đựng trong một tách nhỏ màu trắng bằng sành, bên cạnh mấy viên

đường ép vuông vắn mà lâu lắm Đạt mới được thấy lại. Mùi cà-phê mới pha lan tỏa, đậm đà...

Cứ thế, hai người bạn hàng xóm cũ đang ngồi cùng yên lặng thưởng thức cà-phê, mắt nhìn mông ra ngoài đường... Chợt nhớ đến ý kiến của Hồng đã chê Compiègne là chả có gì đáng thăm thú, còn đối với Thịnh thì đây là quê hương, Đạt trong khoảnh khắc hiện diện này, chàng như được thả hồn về kỷ niệm cũ ở cư xá Bưu Điện - con đường Nguyễn Bình Khiêm Sài Gòn xưa với hai hàng cây cao, như đang vớt vát tìm lại một chút hương xưa, một phần đời đã vĩnh viễn không trở lại...

Trước niềm đau mất Sài-Gòn thân yêu của một thời quá vãng, mỗi người đều tự có cách riêng xoa dịu, tự an ủi. Như nhạc sĩ Nam Lộc đã sáng tác và hát lên bài ca *Vĩnh Biệt Sài-Gòn*, có lẽ anh vì quá đón đau mà đã phải tự lừa dối, mong tìm lại được chút dư âm khi thốt lên câu *Sài-Gòn ơi, tôi xin hứa rằng tôi trở về* (đã vĩnh biệt làm sao còn trở về?) Cũng vĩnh viễn mất Sài-Gòn xưa nhưng Thịnh, và cả Đạt nữa, họ cố tìm lại hình bóng Sài-Gòn cũ qua các góc phố Compiègne hay Paris. Có lẽ vì vậy mà họ đã thân thiết gắn bó - yêu mến hai nơi đó?

Trong cuộc hội ngộ của hai bạn cũ này, họ say sưa hàn huyên về kỷ niệm một thời quê nhà, từ vui buồn quân ngũ qua biến động thời cuộc... Câu chuyện giữa họ miên man tưởng chừng như không dứt... Bỗng chuông điện thoại di động của Thịnh reo vang lên. Nghe lóm đoạn đối đáp bằng tiếng Tây qua phon, Đạt hiểu lò mò, vợ anh Thịnh bảo rằng lúc nào muốn trở về nhà thì báo cho biết trước.

-oOo-

Xe chạy men theo những con đường làng ngoằn ngoèo: Hai bên đường ban đầu là những nông trại - cánh đồng san sát, lác đác vài con bò trắng đốm đen to béo đang đứng yên lặng nhai cỏ....Rồi những mảnh đất trống chưa được xới lên trông trơ trụi,

có lẽ đang chờ sang mùa tới...Chập sau, xe tiến vào khu nhà thưa thớt nhưng toàn là nhà gạch xinh xắn và sạch sẽ, rõ rệt là được chủ nhân chúng luôn chăm sóc tận tình... Kiến trúc nhà cửa hẳn là nền tảng phong hóa của dân cư địa phương. Cảnh trí, phố xá nơi đây khác hẳn nếp sinh hoạt ồn ào - phồn vinh của Paris... Vào làng, xe đã chạy chậm lại... băng qua một ngôi nhà thờ nhỏ, cũ kỹ - ảm đạm như hoang phế, bờ tường loang lỗ đượm màu xám như lâu rồi chưa được sơn phết lại.. Chợt Đạt trông thấy tấm bảng đề *Village de Jaux*... Đến một con giốc, giữa đồi cao, hiện ra nhà thờ làng với ngọn tháp nhọn chọc lên trời, được xây bằng đá xám xỉn rêu phủ, bãi đậu xe trống trơn. Thịnh tay chỉ về hướng nhà thờ miệng giải thích:

- Hồi anh mới tới đây, nhà thờ Saint-Pierre này vào ngày chủ nhật thường cả mấy chục giáo dân đi lễ, bây giờ chỉ thấy lèo tèo ông Tây bà đầm già xuất hiện. Cha xứ không còn, chỉ một vị cha trẻ từ Côte D'Ivoire qua. Ông ấy mỗi lần phải đi liên tục hai ba nhà thờ làm lễ. Thiếu linh mục, thanh niên Tây càng lúc càng không muốn đi tu nữa. Trái lại, bên các nước thuộc địa thì dân chúng họ lại theo đạo nhiều hơn trước. Đây là hiện tượng phổ biến mà anh cũng chưa tìm hiểu kỹ được là tại sao.

Đường làng vắng vẻ, quá ít xe qua lại... Sau vài cây số, đường đi bỗng lên dốc thoải thoải, hai bên có những rặng thông già mọc xiêu vẹo theo chiều gió, gọi cho hai anh em bạn liên tưởng như đang đi vào bưng bình Chi Lăng của Đà-Lạt năm xưa... Đến một con đồi nữa, hai bên đường là những ngôi villa nhỏ có hàng rào bao bọc, tường gạch đỏ hoặc xám, mái toàn ngói... Đặc biệt nhà nào cũng có mảnh vườn nhỏ đằng trước, trồng đầy hoa trông tươi sáng và an bình... tuy nhiên là Đạt không thấy bóng người và con nít.

Rẽ vào sân có lát sỏi nên nghe lạo xạo dưới sán, xe đậu trước căn villa của Thịnh: Từ ga-ra bước vào, biệt thự có tất cả 4 tầng,

tường kín những dây hoa leo, thâm nghiêm như một lâu đài. Nó cao trội hơn hẳn trong khu vực.

Thắng lại và đậu ngay ở giữa sân, Thịnh bấm còi xe: “*Tin tin*” báo vợ biết là đã đưa khách về đến nơi. Nhưng anh ấy lại bước vào nhà theo lối ga-ra, lên cầu thang hình xoáy ốc lát bằng đá cẩm thạch trắng toát - bóng loáng. Lên đến tầng trên, Đạt mới trông thấy phòng khách rộng, một mặt nhìn ra vườn sau nhà. Phòng được trang hoàng toàn đồ cổ Việt-Nam xưa, ở giữa là bộ tràng kỷ bằng gỗ lim đen bóng, trên tường treo tấm trướng vẽ hình một vị quan già, râu thưa dài, lễ phục triều đình, đầu đội mũ cánh chuồn, oai nghiêm nhưng lại xem ra đượm nét ngô nghê đến khôi hài - lạc lõng vì rõ rệt ngó thấy lạc hậu đối với thời đại bây giờ ... Nhìn trông ra tường ngoài, dây leo trên cao rủ xuống che khuất một bên cửa sổ, Đạt thầm đoán rằng vào mùa này có lẽ hoa đã tàn, chỉ còn rậm rạp lá khô...

Phòng khách nối vào bên trong là bếp. Chắc nghe tiếng động, Annie bước ra với nụ cười trên khuôn mặt vuông, mái tóc thưa đã bạc trắng, vóc dáng mảnh khảnh mà thấp so với tầm trung bình của dân Tây. Bằng một giọng nhỏ nhẹ chào mừng Đạt, bà nói tiếng Pháp chậm nên cũng khá dễ hiểu.

Sau khi cho biết món ăn đã sẵn sàng, Annie trở vào bếp. Thịnh chỉ chỗ cho Đạt ngồi cạnh anh, hướng ghế nhìn ra vườn. Đạt ướm lời:

- Nhà anh có nhiều đồ cổ quý quá... Tấm ảnh vị quan này là ai đấy anh?

- Ông cố nội anh thời cụ làm Tổng Đốc Nam Định... Chẳng qua là cũng nhờ bà Liên có ông chồng làm tòa Đại Sứ Mỹ nên mới mang được đồ đặc trong nhà qua Mỹ rất sớm, trước khi mất nước cả tháng. Anh vừa mới xin lại gia đình gửi từ Mỹ qua Pháp đây... À mà phải nói cho rõ, anh mua lại thì đúng hơn.

Gio hai tay lên như để than thở, Thịnh nói tiếp:

-Mụ Liên này kinh tài lắm, cái gì cũng tiền...Kể cả tình cũng là tiền!

Rồi trên môi nở một nụ cười ruồi, Thịnh lắc đầu:

-Thôi thôi rồi, mình ăn cơm đã... Thong thả anh sẽ kể em nghe về mối tình của Romeo Thịnh với Juliette Liên.

Đúng lúc ấy Annie mang ra một đĩa lớn thịt bò và rau củ, rồi mỗi người thêm một chén súp nóng bốc khói thơm phức. Đặt làm ra bộ thong thả chờ xem Thịnh bắt đầu như thế nào để bắt chước làm theo: Lấy cái nĩa, Thịnh xắn một miếng thịt bò rồi dùng dao quẹt tí mù tạc lên và xúc kèm với ít khoai tây tán nhuyễn đưa lên miệng nhai, ngon lành...

Trong lúc ăn, Annie hỏi chuyện Đạt, nhưng đôi lúc Thịnh cũng xen vô mỗi lần Đạt nhìn sang là anh liền biết rằng cần dịch vì Đạt chỉ hiểu lăm bồm. Tuy như vịt nghe sấm với nhau cả, nhưng câu chuyện xem ra khá trôi chảy, mọi người đều hài lòng. Nhưng cũng nhờ vậy mà Đạt nghiệm ra dường như dân Tây - Đầm hài lòng khi thấy người ngoại quốc nói được chút tiếng Pháp. Bầu không khí bữa ăn nhẹ nhàng và thân mật, trái với niềm khắc khoải lo âu của Đạt khi hiện diện thêm một bà đầm, vì Hồng đã cảnh cáo trước về sự khó tính của họ.

Khung cảnh quen thuộc ở nhà và có bên cạnh bà vợ thoải mái tự nhiên, Thịnh nói chuyện liên miên, giọng anh trở nên nhẹ nhàng và chậm rãi. Lâu lâu, hai vợ chồng nhìn nhau; và qua ánh mắt, họ tỏ ra khá hài lòng. Bầu không khí thân mật, câu chuyện chuyên qua vấn đề thời cuộc của nạn giao thông bế tắc và ô nhiễm của Paris. Hai vợ chồng thẳng thắn sôi nổi những ý kiến trái nghịch nhau, nhưng chịu khó họ mổ xẻ vấn đề và chú ý lắng nghe các giải pháp của nhau; trong khi Đạt thì ngồi cứ đó mặt ra vì chàng vốn không chú ý lắm đến những vấn đề này. Ở Cali, mỗi lần tụ họp ăn nhậu, bạn bè của Đạt thường uống cho say và quen trao đổi về các chương trình truyền hình ca nhạc...

Sau bữa, vừa lúc Annie đứng dậy dọn dẹp, Thịnh tỏ vẻ thỏa mãn thân mật hỏi:

- Ăn được chứ, Đạt?

Và anh tiếp lời:

- Mình qua salon ngồi uống trà.

Đứng dậy Đạt lắp bắp mấy câu tiếng Tây cảm ơn gia chủ và thuận miệng khen đồ ăn ngon. Annie nhìn Đạt gật gù, cười mỉm chi xong biến vào trong bếp.

Bữa cơm diễn ra trôi chảy nhẹ nhàng làm như Đạt đã là khách quen từ lâu. Nhìn bà đầm già mảnh khảnh có tuổi nhưng quán xuyến việc nhà gọn gàng trôi chảy, Đạt ngạc nhiên, không ngờ vậy.

Ra ở salon phòng khách, trà đã được pha sẵn trong bình thủy. Trong khi Thịnh đang rót vào tách, Đạt bắt chuyện:

- Em nghe chị Hồng nói, sau 75 từ Mỹ anh xin qua lại Pháp để gặp chị Annie?

Như đang cố nhớ lại câu chuyện đã xảy ra quá lâu, Thịnh lưỡng lự giây lát rồi trả lời:

- Đúng thế. Trước đây, khi đi học Không Quân ở Provence anh đã quen chị Annie. Rồi sau này, khi biết anh và Liên ly dị, Annie biên thơ qua mong anh trở lại Pháp. Nhưng hồi ấy còn đang trong lính làm sao bỏ đi được. Phải nhờ sau biến cố 30 Tháng 4 tụi này mới tái hợp...

Nghĩ đến Liên và ba người con của Thịnh còn đang bên Mỹ, Đạt hỏi tiếp:

- Anh có hay qua Mỹ thăm mấy cháu không? Khi nào sang đó, cho em biết để mình có dịp gặp nhau nữa.

Thoáng hiện vẻ buồn bã trên khuôn mặt già nua, Thịnh trầm giọng tâm sự:

- Em biết không, đời này đầy nghịch lý: Khi anh mới qua Pháp, thường phôn về gọi ý muốn thăm tụi nhỏ. Liên không

chịu...Rồi gần đây, tội nhỏ lại muốn qua Tây gặp anh, nhưng anh thấy mình sống chẳng còn bao lâu nữa, không muốn rắc rối thêm làm chi. Chị Annie và đứa con gái đã hy sinh hết cả cho anh, chẳng nên làm phiền lòng họ... Đứa con gái anh chị, nay nó đang ở Noyon, tâm tính còn ngoan hơn đa số bọn trẻ Việt-Nam sinh sống bên này. Cứ vài ngày là nó ghé thăm, dọn dẹp nhà cửa, đi chợ nấu ăn cho anh chị. Bởi vậy anh yên phận, không muốn thay đổi bất bệnh gì nữa. Hạnh phúc bây giờ với anh là may mắn giữ được những gì đang có, không nên thả mồi bắt bóng.

Đưa tách lên miệng uống một ngụm trà, rồi như thấy cần giải thích thêm, có thể cũng vì tâm sự chất chứa lâu ngày chưa tỏ cùng ai được, Thịnh thổ lộ tiếp:

- Ở tuổi này, anh không còn tin vào tình yêu lãng mạn. Đàn ông chúng mình không cần tồn tại lâu trên cõi đời này, sau khi thực hiện nhiệm vụ làm chồng-làm cha- làm ông... Đến như loài bộ ngựa, con cái làm thịt con đực sau khi ân ái là hợp lý nhất! Giống đực nếu không nuôi con thì biến đi cho phải đạo! Sống thêm dây dưa chỉ chật đất... Thật ra anh nghĩ đàn bà họ thực tế hơn đàn ông mình. Đối với họ, lo cho con cháu vốn là bản năng ưu tiên hàng đầu... Cậu có biết là nếu Romeo có lấy được Juliette, và không đủ sức nuôi vợ như anh, thì rồi họ cũng sẽ bỏ nhau như tất cả mối tình lãng mạn khác..Cũng như Liên đã bỏ anh, giản dị như vậy.

Dạo ấy, với lương lính anh không mua nổi được căn nhà mà phải ở nhà thuê, ngoài ra, còn những đòi hỏi tài chánh phụ khác nữa cho một gia đình một vợ với ba con nhỏ. Thế là cô ấy đi lấy ông Mỹ già. Cũng đúng thôi... Nhưng anh chỉ không đồng ý là bà ta lại đi rêu rao là anh bỏ bê vợ con, nào hút sách rồi cò bạc nữa. Anh thương con theo kiểu ông cụ của anh truyền xuống thôi, tức là nuôi đủ ăn, lo cho con đi học...

Cặp mắt như ngời sáng lên vẻ khó chịu, Thịnh quay qua hỏi:

- Vợ em con nhà giàu hay nhà nghèo?

Thấy khó trả lời, nhưng vẫn cần phải thành thật với Thịnh, Đạt đáp:

- Vợ em con nhà xoàng xoàng, ông nhạc làm công chức, còn bà cụ làm cho USAID, có thể coi như trung lưu trong xã hội cũ.

Thịnh nói như đang muốn tự giải thích:

- Tất nhiên anh không vợ đưa cả năm--nhưng con gái nhà nghèo, sau khi lấy chồng, nếu có tí địa vị, hách xì sảng, và nếu sống thiếu thốn thì dễ bị ám ảnh bởi sự túng thiếu - nghèo khổ, nệm dễ có thể gạt bỏ tất cả để kiếm tiền. Anh nói theo kinh nghiệm cụ thể từ bà Liên... Và anh nghe nói, những người đi tù về như em cũng bị ám ảnh bởi cái đói một thời gian lâu. Có đúng không em?

Đạt chợt nhớ đến một đoạn trong cuốn phim “Cuốn Theo Chiều Gió” mô tả cảnh Scarlett bị cái đói dày vò, đang vừa bới mấy củ khoai dưới đất vừa đau đớn than thở, rồi dơ hai tay lên trời thề sẽ không bao giờ để cái đói nó xảy ra cho mình nữa... Cảnh ngộ ấy đã khiến thay đổi hẳn tâm tính một cô gái con điền chủ Miền Nam Hoa Kỳ. Sau đó, vẫn theo diễn tiến trong phim, Scarlett đã chẳng nề hà những hành động tàn nhẫn để sinh tồn, để cuối cùng nàng mất cả tình yêu lẫn tình bạn. Chẳng lẽ Liên cũng giống Scarlett? Tàn nhẫn với Thịnh, không như Hồng nghĩ là anh đã bê bối bỏ bê gia đình? Đây là sự thật?... Và thế nào đi nữa, hiện tại Thịnh có tổ ấm với một bà đầm đã từng chịu đựng hoàn cảnh xa cách, chờ đợi bao năm vắng nhau. Sự thật này chứng tỏ bà ta đã yêu anh vô điều kiện... Tình yêu quả là kỳ diệu, và đồng thời khó hiểu, nó không theo một định luật hay khuôn mẫu nào. Nói theo người đời thường nghĩ thì đó là duyên số?...

Miên man bị cuốn hút vào mối liên hệ giữa chuyện của Thịnh với cuộc đời của mình, Đạt nghiệm thấy rằng dù trẻ đã gian nan,

nhưng có lẽ nhờ may mắn, hay nhờ vợ, mà chàng hiện đang có được hậu vận suông sẻ cùng con cháu êm ấm...

Thịnh như vẫn muốn than thở thêm:

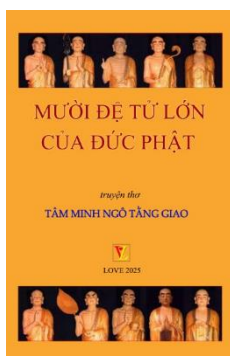
- Con gái Việt-Nam của thời anh dường như bị ám ảnh bởi cái nguyên tắc môn đăng hộ đối.. Chị Hồng của em đấy, cứ phải lấy cho được ông chồng bác sĩ. Còn cô Liên của anh phải có nhà cao cửa rộng mới thỏa mãn... Đối với anh và chị Annie, tình yêu phục sẵn trong sinh hoạt nhỏ nhặt và bình thường của mỗi ngày: Hai bữa cơm ngon miệng, có được mảnh vườn để ngắm cỏ hoa, dư thời giờ tham dự mấy việc thiện nguyện giúp cộng đồng nơi mình cư ngụ...Cứ thế, đã đủ sống cho trọn một đời.

Nhìn ra vườn sau nhà thấy một cây cao có nhiều cành đâm ngang ra thành cái tàn rộng che nắng, bên dưới kê bộ bàn ghế nhựa, Đạt chọt liền tưởng đến mảnh vườn sau nhà mình ở bên Cali mà trong lòng xao xuyến nhớ đến vợ mình giờ này có lẽ cũng lại đang lu bu với đám cháu ngoại...

- Thôi để anh chở em ra nhà ga, cho kịp chuyển chiều 6 giờ về lại Gare du Nord...

Giọng Thịnh vang lên, đưa Đạt về với hiện tại. Uể oải, hai người cùng đứng dậy.../.

Ngọc Cường



MƯỜI ĐỆ TỬ LỚN CỦA ĐỨC PHẬT

Tâm Minh Ngô Tằng Giao

ISBN 978-1-300-20205-9

Sách 176 trang

Thể loại: truyện thơ

Xuất bản: Love Publishing, 2025

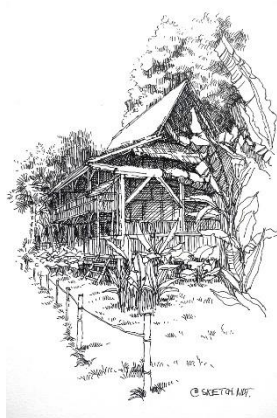
Giá: \$11.94

liên lạc: giaongo@msn.com



QUÊ HƯƠNG ĐÔI BỜ!

NGUYỄN TÚ



Thoáng một chốc đã mấy mươi năm
Một đời người có bao nhiêu dòng ruổi
Quê hương cũ rời xa theo vận nước
Ở nơi này có phải cũng quê hương?

Ở đôi bờ bầu trời cùng mưa nắng
Khác nhau chẳng, thật khác khó đo lường
Có đôi khi hơn nửa đời còn lại
Dài lâu hơn nơi danh gọi thứ hai

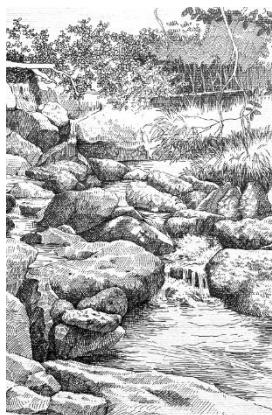
Quê hương ơi đôi bờ cùng là một
Hai đầu nỗi nhớ quê hương đôi bờ
Xin nguyện cầu khắp chốn đặng bình an
Quê hương một nửa đầy vui thâm tình!

Nguyễn Tú, 5/25/25



MƯA NGÂU GỌI NHỚ

DƯƠNG VŨ



Giữa hạ ở đâu một giọt sầu
Rơi chạm vào tôi lúc mưa Ngâu
Buồn theo từng đám mây bay thấp
Rả rích tiếng mưa kể niềm đau

Tình xa theo những cơn mưa nhỏ
Trở về vào giữa tháng mưa Ngâu
Buồn len vào tận con hẻm hẹp
Tràn lên đôi mắt lạc bến sầu

Tựa cửa đứng nhìn bong bóng vỡ
Trôi theo dòng nước nhỏ về đâu
Thì thầm qua tiếng mưa nức nở
Cuộc tình như những hạt mưa ngâu.

Dương Vũ



GÓC PHỐ MÙA HẠ TẾ LUÂN



Thân quen góc phố trời mùa hạ
Cây phượng hồng che mát bóng em
Sợi nắng soi, xanh màu mắt biếc
Ngẩn ngơ nhìn phượng đỏ môi thềm.

Cảm ơn em lựa hồng soi nắng
Một nửa che mờ, nửa hiện sinh
Em đến bên trời đang nắng hạ
Đóa hoa khô là lướt xuân tình.

Trời hôm ấy cõi lòng thương nhớ
Em đến đây hoa đỏ gót hài
Đốt cháy chiều êm trời tắt nắng
Chợt buồn thương tiếc nỗi u hoài.

Tế Luân



TRONG HIỆN TẠI

CAO MỸ NHÂN

Con mèo nằm phơi nắng
Trên đầu cầu thang cao
Em nhìn con đường vắng
Lá gọi nhau thì thào

Sao thương người dưới mộ
Sao giận khách biên đình
Sao không cùng thổ lộ
Anh che dấu cuộc tình

Dĩ vãng thì không mất
Tương lai lại chẳng còn
Có chi trong hiện tại
Khi đời đã hoàng hôn

Lơ mơ như mèo ngủ
Trong nắng bạc xanh cây
Thả dài hình bóng đó
Cuốn tròn một làn mây...

Cao Mỹ Nhân 2 -5- 2025



ĐẠ KHÚC THÁNG TƯ

TRẦN PHÚ ĐA

Con sóng trùng khơi
Mang em về với biển
Muối mặn đời người
Xa biệt cố hương oi
Trời tháng tư quê nghèo bông cải trắng
Ngắm con tàu xa thẳm một lần đi
Đêm chia tay buồn gì mà không nói
Cát ngậm sầu lặng lẽ thức thâu đêm
Trời đầy sao ngập ngừng chân bước vội
Núi mờ sương đêm tối giữa vô cùng
Mấy chục năm rồi
Anh ngồi chờ bến đợi
Đếm thời gian trôi
Thương nhớ nghẹn lòng
Đêm tháng tư mờ xa mẹ ngóng
Con chưa về vườn cũ trông mong
Quê hương oi nước vẫn xanh dòng
Đường phố lạ hoa đóm màu hạnh phúc
Câu hò khoan khúc giao mùa chùng xuống
Bên thềm xưa điệu lý gọi em về
Bao nhiêu năm tưởng chừng một giấc mê
Lời hò hẹn câu thề vương lối mộng
Thời gian trôi bẽnh bồng thân viễn xứ
Tháng tư buồn con sóng gọi trùng xa

Trần Phú Đa



MỘT MÌNH
(TRONG VIỆN DƯỠNG LÃO)
NGUYỄN TƯỜNG GIANG

(tặng một người bạn vong niên)

hai năm mùa đại dịch
người chết không kịp chôn
trẻ thơ khóc đòi mẹ
lão ông hơi thở tàn

nằm trong viện dưỡng lão
vợ chết con tỉnh xa
trệu trạo com xứ lạ
ngủ không tròn giấc mơ

thân già như củi mục
thèm trộn đất quê xưa
cách đại dương xa thẳm
biết đâu là quê nhà

hồn bơ vơ vất vưởng
bao giờ quy cố hương...

01/28/2022 (27 tháng chạp)
Nguyễn Tường Giang



MAI EM ĐI

MẶC KHÁCH

(Chiến tranh Ngục tù)

Mai Em đi hồn anh chết lịm
Mưa trong rừng buồn lắm em ơi!

Ánh trăng hiu quạnh trên cao
Phố phường xa vắng lệ màu nhớ thương
Hỏi ai nhớ cảnh đoạn trường
Chia tay đôi ngả đất trời xốn xang

Em đi tím cả không gian
Bỏ anh ở lại hồn tan rã rời
Hòa bình xa cách đôi nơi
Hồn anh se thắt dòng đời lãng quên

Nửa đêm thức giấc gọi tên
Em còn đâu nữa nhớ quên lạnh lùng
Em là điểm tựa nhớ nhung
Em đi để lại núi rừng ngẩn ngơ

Còn đâu hy vọng đợi chờ
Hững hờ sương phủ bơ vơ linh hồn
Đêm về ôm lấy tim đơn
Rừng thiêng nước độc tủi buồn hồn anh.
Mặc Khách - (Rừng U Minh 1981)



HÃY ĐẾN BÊN NHAU

CUNG THỊ LAN

Mưa hãy đến bên trời
Như chưa một lần đến
Giăng giọt sầu trong mây
Roi roi lên đất đại

Nắng hãy đến bên cây
Như chưa từng gặp mặt
Hát hò trên cành lá
Reo vui cùng lung lay

Gió hãy đến với sông
Làm quen cùng sương lạnh
Tung tăng trên làn nước
Rồi tan vào mệnh mông

Em hãy đến bên ta
Quên đi bao tháng ngày
Đắng, cay, bùi, chua, ngọt
Cuộc đời là hư không

Mưa, nắng, gió và em
Hãy cùng ta nếm mật
Hãy cùng ta chia cay
Men đời trong chất ngất

Cung Thị Lan



TA LẠI NHỚ

THANH SONG KIM PHÚ

Ta lại nhớ... em nghiêng mái tóc
Đường lá me chiều lắt phất roi
Đôi tà áo quần quýt không rời
Khiến kẻ si tình thương bất kể

Ta lại nhớ... mà ngân ngân lệ
Băng đá ta ngồi mực gốc si
Người vô hồn, kẻ rất kiêu kỳ
Chẳng đáp lại lời tình bóng lửa

Ta lại nhớ... ai khi đóng cửa
Còn nguýt dài đuôi mắt gọi nhau
Trái tim run hạnh phúc tươi màu
Khuya ta chuốt tứ thơ nồng thắm...

Ta lại nhớ... chiều hiu quạnh lắm
Mưa ướt đầm nên khúc khắc ho
Áo không che bối điệp bày trò
Làm nhòe mực chữ yêu heo hút...

Ta lại nhớ... trống trường giây phút
Phiến thơ tình định gọi còn đây
Đời như con nước cứ voi đây
Chinh chiến đã ngăn đường rẽ lối

Ta lại nhớ... ngày qua rất vội
Súng rời tay, tù tội cùm gông
Bị tù đầy phận nước xuôi dòng
Ta thờ thần xót... Cờ Thiêng rũ

Ta lại nhớ... hàng me chốn cũ
Tự Đức về...lú lẫn ngu ngơ...
Gốc cây xưa... đáng kẻ chơ vơ
Mắt đăm đăm ngóng người thuở nọ!

Ta lại nhớ... con đường vẫn đó
Có cổng tường phủ lớp rêu xanh
Bằng đá gãy ta ngồi ngóng nhỏ
Giờ biệt tăm chẳng có bóng em...

Ta lại nhớ... mong gặp người quen
Cư xá cũ giờ chen khách mới
Họ nhìn ta từ đầu đến cuối...
Vừa hoài nghi, tra hỏi... tìm ai?

Ta lại nhớ... mắt chột cay cay
Quay mặt bước, bóng ngả nghiêng dài
Đoạn đường ngắn... tương lai thăm thẳm!
Em đâu rồi... đáng xưa đằm thắm?

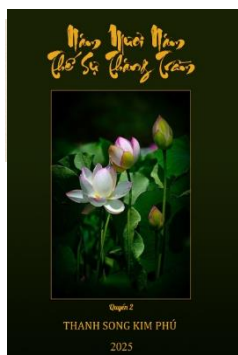
Ta lại nhớ... gốc me xưa lắm
Ba tháng hè... tắm mộng trăm năm
Vừa ra tù... vội vã ghé thăm
Lòng khắc khoải... bóng chim tắm cá...!

Ta lại nhớ... súng chưa thay ná
Chùm trái me lả tả rụng rơi
Cô em gái nhỏ đáng xinh ơi
Em theo chồng... ta đòi ngoắc ngoải

Ta lại nhớ... lại thương em mãi
Trăm năm khờ ngây dại ngàn năm
Đơn phương yêu... người dẫu xa xăm
Đường Tự Đức... chân mòn cổ mối...!

Tình học trò... nên tình muôn thuở...!

ThanhSong ntkp



Năm Mươi Năm Thế Sự Thăng Trầm 2

Thanh Song Kim Phú

ISBN 978-1-300-44907-2

421 trang

Thể loại: thơ

Xuất bản: Love Publishing, 2025

liên lạc: thansongkimphu@gmail.com



DALAT VÀ NGÔI TRƯỜNG CỦA TÔI THÁI NỮ LAN



*Trường Tiểu học Petit Lycée
Thầy Hiệu trưởng Susini (giữa) và các thầy cô -*



photo des maîtres (ses) du Petit Lycée Directeur general (au milieu) : Mr SUSINI
a droite de la Photo : Mme Monique DESOEUVRE , Mr Bernard DESOEUVRE , Mr DIDIER (classe 7ieme SPC) ,
Mme CHANOUX (9eme) , Mr ROMAIN (8 ieme) ... (?) Mr Berthier...autres
a gauche de la photo : Mme SUSINI , Mme BAUDIERE , Mr Jean Claude MOULHERAT , Mme Christiane GUERIN ,
Mme OPPENHEIM , Mlle LISEROU ... (?) autres

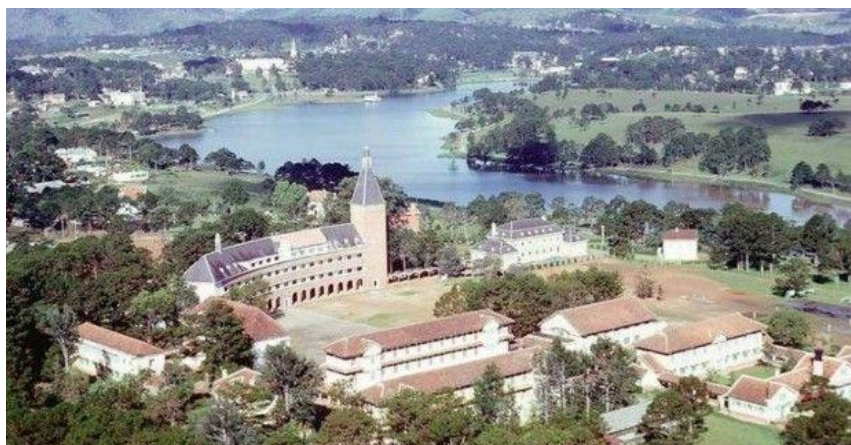
*Thầy Didier bên phải cùng là người thầy nghệ sĩ với cây đàn vĩ
cầm đã dạy cho học trò nhỏ lớp 5-những bài hát dễ thương*

Ngày ấy thác hoang sơ rất đẹp, BaMe tôi kể như thế. Ngoại tôi có một khu nông trại ở đó, và Me tôi là con út trong gia đình ba người con, với hai anh trai nên bà rất được cưng chiều. Me đi học trường của Pháp, và mỗi khi lớp có cuộc đi tham khảo trong rừng, Ngoại đều cử người đi theo lớp để nếu đi xa quá, Me mệt thì cô ấy công Me, nhưng đời nào Me chịu, sợ mắc cỡ với bạn bè... Đến khi Me lớn, có lẽ Ba tôi học cùng lớp với một cậu của tôi, nên có lần đã theo cậu về nhà, và quen Me. (Sau này chúng tôi chọn Ba: Lúc đó *“Phút đâu gặp em, tình tú quay cuồng”*⁵, phải không Ba?).

Nhà Ba ở tận đường Phan Đình Phùng, mà động cơ gì thúc đẩy Ba đi bộ xa như thế để đến gặp “cô nàng” mỗi cuối tuần..! Bà nội tôi mất lúc Ba mới 3 tuổi, Bác và Cô tôi lớn hơn Ba 8, 9 tuổi, nên sau này phụ ông nội đi làm và trông coi Ba, để Ba đi học đến nơi đến chốn... — Tình yêu của họ thật thơ mộng, bên thác nước xinh, những dãy núi trùng trùng điệp điệp của xứ Ngàn Thông...

Anh chị em chúng tôi lần lượt ra đời, và đều học trường Tiểu học Petit Lycée, rồi Yersin (Trung học- Grand Lycée). Ngôi trường bé nhỏ trong ký ức của tôi thật hiền hoà với thầy cô dễ thương vô cùng, dạy cho chúng tôi từng con chữ, đánh vần,.. những bài hát ngô nghê, cho đến nay tôi vẫn còn nhớ, năm sau cùng là lớp Năm, ông thầy Didier chơi đàn vĩ cầm và dạy chúng tôi hát bài về Giáng Sinh, Cây Thông bé nhỏ, Ngôi nhà gỗ trên núi... Bạn bè các lớp đều thật dễ mến.. tôi vẫn còn giữ hình của các lớp, vì trường nhỏ, nên hình chụp trước văn phòng ông Hiệu trưởng. Phía sau trường là một khoảng đất rộng tha hồ chạy nhảy, nhưng học trò ít khi được ra đó vì dễ bị lạc, chỉ khi nào có trận đấu bóng đá giữa các lớp lớn nhất thì mới được ra. Sân chơi của chúng tôi ở trên thung lũng, ở mé phải của trường, nhìn xuống là con đường dẫn ra thác Cam Ly...

⁵ Biết Đến Thuở Nào –Tùng Giang



Trường lớn Yersin thật là rộng đẹp, nhìn từ khắp thành phố Hoa Anh Đào ta đều có thể thấy ngọn tháp chuông trên mái ngói đen, ngói được chở từ bên xứ Gà Lôi sang (Gaulois, trước đây Gaule bao gồm: Pháp, Bỉ và vùng Bắc nước Ý)). Suốt sáu năm học tôi nhớ rất nhiều thầy cô, vì tôi yêu tất cả các môn học- chỉ có môn Luận văn là điểm kém hơn các môn khác, vì tôi mơ làm nghề cứu người nên thiên về các môn khoa học. Các thầy cô đa số đều dạy theo hợp đồng, và từ Pháp qua. Có thầy cô của Đất Mẹ phụ trách những môn Văn, Sử Địa, và cả những môn tiếng Pháp. Tôi yêu thầy cô có lẽ vì là học trò ngoan, các chị em tôi đều cố gắng học để bù công lao cha mẹ không thuộc giới tư bản, phải hy sinh thật nhiều để cho các con có được cái chữ làm vốn vào đời. Tôi nhớ nhất những lần được khen thưởng, bước vào căn phòng có lót thảm plastic đỏ, mỗi bước đi đều kêu kít kít, và hồi hộp làm sao khi thầy Hiệu trưởng phát bằng khen, đến chiều khi cha mẹ đón về thì hành diện biết bao khi dẫn cha mẹ đến bảng Danh Dự của trường có tên mình “chóit lợi” trên bảng.

Lên lớp lớn nên mỗi môn học đều có thầy cô phụ trách từng môn, có khi thầy cô đến lớp, có khi cả bọn phải di chuyển đến phòng thí nghiệm Lý Hoá Sinh, hoặc lên tuốt trên phòng cao nhất của trường, nằm bên dưới mái ngói, có nhiều lần gặp cả mấy con

dơi đen đui, làm bọn con gái chúng tôi chết khiếp! Vì đó là phòng rộng nhất, có thể chứa được rất nhiều tấm bản đồ của các nước trên thế giới, để học môn Sử Địa...

Có thật nhiều kỷ niệm với mỗi Thầy Cô các môn, nhưng tôi nhớ nhất hôm học môn Hóa với Thầy Leblanc, năm học lớp Đệ Nhị (Lớp 11 bây giờ): Sau khi làm một thí nghiệm về các chất hữu cơ, vô cơ...Thầy hỏi chúng tôi: -Các em có thấy gì không?- Tôi là đứa nghịch nhất từ bao giờ, đang đứng gần thầy và trả lời: – Dạ thưa Thầy, em chỉ thấy hàm răng của thầy thôi ạ (Thầy là người da màu, tính tình thầy rất ôn hòa, nhưng cũng như bao nhiêu thầy cô khác, không chịu nổi đứa học trò luôn thuộc bài nhưng nghịch nhất đám này)- Tất nhiên sau đó tôi xin lỗi Thầy và nói rằng- Dạ có, thí nghiệm hay quá, cảm ơn Thầy ạ-

Thật nhiều môn học, môn nào cũng thật thú vị và bổ ích biết bao...

Tôi cũng rất yêu giờ tập thể dục vì thật là hào hứng. Lúc mới vào phòng tập, đứa nào cũng vội vàng thay áo để ra dành leo dây, chỉ có 6 sợi dây thôi, mắc trên tận mái nhà.. khi thầy đến thì mới tập động tác và thay phiên nhau leo nhanh và đúng như thầy dạy. Những hôm trời đẹp, chúng tôi được ra khoảng sân rộng phía sau các văn phòng để nhảy sào chạy đua.. cùng bao nhiêu môn thể thao sôi động khác..

Đôi khi có giờ nghỉ giữa buổi vì giáo viên bệnh hay có việc bất thường và không có người dạy thế, thì học sinh phải vào giảng đường có bậc cấp hẳn hoi như sau này học Đại học. Nếu giờ nghỉ là đầu buổi hoặc cuối ngày, chúng tôi phải đi sớm để Ba Mẹ về đi làm, hoặc đón chúng tôi sau khi người đã tan sở, chúng tôi cùng bạn bè đứng ôn lại bài ở mấy cái cột trước Nha Địa Dư, là ngôi nhà cũng to lớn bề thế của Pháp thời đó, cách trường khoảng 100 m. Nhưng có lúc bọn tôi cũng rủ nhau thả theo con dốc nhỏ phía ngoài trường để xuống bờ Hồ Xuân Hương- mà ở những lớp đã

bắt đầu biết thôn thức, các cô cậu học trò đã hẹn hò nhau ở gốc cây.., có biết bao kỷ niệm ở những ngọn đồi quanh hồ...

Từ ngoài đường vào trường phải qua một thanh ngang do bác gác dan Clavera điều khiển. Bác chỉ cho thanh nâng cao lên khi có xe thầy cô qua, hoặc đến giờ vào lớp thì mới cho đám học sinh đứng chờ rải rác bên ngoài, hoặc ngoài khu nhà của thầy Hiệu trưởng ở bên trái của trường ủa vào như ong vỡ tổ... Văn phòng của bác gác dan ở bên phải cổng trường, tầng trên, còn tầng dưới là nhà của bác. Và bác đã dọn một phòng để làm phòng học, bác dạy kèm những học sinh chưa có cha mẹ đón về sau giờ tan học, – các bạn cũng đông lắm, được chia ra nhiều giờ, nhiều lớp. Những lúc không phải học, vài bạn cùng tôi đi qua bên đám cây đối diện nhà bác để tìm hái trái ngũ sắc, khi chín có màu đen, tuy nhỏ xíu nhưng rất ngọt, hoặc trái mát mát (chanh dây) thời ấy mọc đầy đầy trong rừng... hoặc chúng tôi chơi trốn tìm trong đám cây ấy... chơi nhảy dây, ô làng.. những trò chơi dân gian đơn giản và thật thích thú ở lứa tuổi chúng tôi... bác có cái ao nuôi vịt, và vài ngày thì tháo nước ao ra để nhặt bao nhiêu là trứng bên dưới đáy

-oOo-

Những năm gần đây, có lúc bạn bè gọi hình chụp từ lúc mới vào trường cho đến khi đậu Tú II, trong mỗi hình tôi đều nhớ đến khuôn mặt bao dung nhân từ hoặc nghiêm trang của các thầy cô hiện diện trong hình hoặc vắng mặt, cũng như từng khuôn mặt bạn, có bạn không còn nhớ tên vì chỉ học vài tháng, một năm, rồi theo cha mẹ đã chuyển nơi làm việc,.. Thân thương làm sao! Và hình lúc nào cũng được chụp ở cái sân thật rộng, phía sau là dãy phòng học dài với ba tầng lầu và cái tháp chuông – Bên dưới dãy phòng học là sân chơi vào những ngày mưa cũng gọi lên báo cảm xúc băng khuâng trong tôi, vì đám con trai đứng quanh đó, khi đám con gái chúng tôi đi ngang thì chân muốn sụm vì sợ- có người làm tim mình đập loạn xạ đứng trong bọn họ không...?

Nhưng không biết họ có hiểu điều đó không, hay mắt họ lại dõi theo bóng khác? Ôi con gái! Trăm vòn nỗi khổ!

Còn bao nhiêu kỷ niệm của dấu yêu của thời vàng son, hồi ngôi trường trong tim của tôi, bây giờ đã không còn dấu vết, có chăng chỉ là ngọn tháp trên các bưu ảnh cho du khách viếng xứ của Hồ Than Thở, của Đồi Thông Hai Mộ, của thác ghềnh hùng vĩ, của những con đường thơ mộng yên vắng, những ngôi biệt thự uy nghi của một thời huy hoàng... và nhất là của Ngôi Trường đã đào tạo ra bao anh hùng của QLVNCH, mà mỗi cuối tuần các bác các anh với bộ áo chỉnh tề oai nghiêm đi bát phố khu Hoà Bình với bao nhiêu là bóng hồng từ khắp các trường Đại học hoặc Trung học: Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Càng lớn lên, tôi biết thêm nhiều về tinh thần “Tự thắng để chi huy”, về lễ lối tổ chức, chương trình học tập của trường qua những người thân, qua sách báo đọc được sau này. Đặc biệt, SVSQ VBQGVN được đào tạo không thua gì Trường Westpoint của Mỹ, tinh thần chiến đấu ngoan cường của những Sĩ quan từ trường ra đi phục vụ Tổ Quốc là những điều khiến lòng kính ngưỡng của mình tăng lên rất nhiều. Xin gửi đến tất cả những vị đã hy sinh hay vẫn còn ở đâu đó khắp nơi lòng biết ơn chân thành của thế hệ chúng tôi cũng như hậu thế.

Thời ấy, từ bé tôi cứ ước mơ mình sẽ được sống mãi trong chăn ấm nệm êm của cha mẹ anh chị...

Lớn thêm, tôi lại mong sao mình làm được điều gì để giúp đời là một Hướng Đạo sinh, với phương châm “Giúp Ích”, tôi ước mơ sẽ được là một thầy thuốc để cứu giúp những người không được như mọi người...

Ước mơ ấy có đơn giản, hay phức tạp? Lúc đi học, mình tưởng là đơn giản, chỉ cần học một mạch, cố gắng hết sức thì sẽ được như bao nhiêu vị đã xả thân cho xã hội... dễ mà!! Sau rồi mới biết “đường lắm chông gai”...

Khi xong Trung học, tôi đã không thực hiện được ước mơ “tầm thường” ấy- tiếp tục nghiên cứu & học tập về ngành “không khó khăn” ấy ở một xứ sở xa xôi nào đó, – mà lại về Huế, và cuộc đời đã bước sang một ngã rẽ khác- tôi cũng giúp đời, giúp các em có được kiến thức, nhưng việc đó không đáp ứng hẳn nguyện vọng của tôi. Số phận đưa đẩy...

Và rồi tháng ngày đau buồn của Đất Mẹ...

Ôi Quê Hương yêu dấu!.. Ước mơ của bao thế hệ ngày xưa, một ngày đất nước Hoà Bình theo đúng nghĩa “Vòng Tay Lớn”... đã đi về đâu...?

-oOo-

Dalat do bác sĩ Yersin khám phá, và ngôi trường yêu dấu của tôi cũng mang tên ông.

Bao thế hệ được đào tạo thành nhân từ đây, và đã/ đang giúp ích cho xã hội.

Xin cảm ơn vị bác sĩ hiền hoà đầy tâm huyết đã chọn nơi đây làm quê hương thứ hai của ông, và ở lại mãi mãi nơi miền thủy dương của đất nước xa xôi này.

Cảm ơn thành phố mộng mơ mang bao kỷ niệm của tuổi thơ, tuổi mới lớn, tuổi trưởng thành của nhiều bậc cha anh và của chúng tôi. Giá như tuổi xế chiều của bạn bè và tôi cũng vẫn được êm đềm trôi qua nơi bình yên ấy...

Giá như, ước gì...!!!

Tôi đã đi, tôi vẫn đi mãi biết bao giờ trở lại

-oOo-

Ôi những con đường ngày nào còn nghe lá rơi

Tôi vẫn mơ thành phố cũ lối xưa đi về

Dù hồn nghe tái tê, tìm đâu thấy những con mộng mê⁶

⁶ Biết Bao Giờ Trở Lại- Ngô Thụy Miên



- *Lớp Đệ Ngũ (Lớp 8 bây giờ), với Thầy Tổng Giám Thị , Mr Sandjivoy bên phải – trường Lycée Yersin -bây giờ là Đại Học Yersin.*
- *Hoài Hương: xướng ngôn viên đài VOA-*



Lớp 3, với Cô Chanoux và Thầy Hiệu Phó- trường Tiểu Học Petit Lycée (sau đổi là Trung Tâm Giáo Dục Hùng Vương, bây giờ là Cao Đẳng Sư Phạm)



Tạm dịch

Thầy đưa tay dắt ta đi

Mở mang trí tuệ nhưng khi tôi mò

Cảm kích tâm huyết trẻ thơ

Con đường rộng mở bến bờ tương lai

(bạn Ngọc Hương dệt thơ phụ Lan)

Quà của BaMe học trò gửi tặng (gia đình Tristan Bourrée- Tuần Lễ nghĩ về thầy cô- tháng 3, 2009 Dallas International school-) Kính tặng quý Cô Thầy của con--

XIN KÍNH ƠN TẤT CẢ CÁC THẦY CÔ TỪ KHI CON ĐỌC VẦN Ê A CHO ĐẾN KHI CON CÓ ĐƯỢC NGÀY HÔM NAY

KÍNH LỜI TRI ÂN ĐẾN BAO CÔNG LAO KHÓ NHọc MÀ CÁC VỊ ĐÃ HẾT TÂM HẾT LÒNG DỐC SỨC ĐỂ TRUYỀN CHO CHÚNG CON-

Đã từng đứng trên bục giảng nên con nể/hiếu được những nhọc nhằn mà nghề bán cháo phở đã ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe của các Cô Thầy kính quý- Con xin các Thầy Cô nhận nơi đây lòng Tri Ân muộn màng của con- Kính chúc Thầy Cô luôn An Vui



Cô Kim Loan dạy Văn học Việt Nam - bạn Cùng lớp - tháilán-



*Thầy Michel Michaut dạy Sử Địa (bên trên có hình Thầy lúc trẻ-
dạy lớp Đệ Tứ (Lớp 9 bây giờ)- vợ chồng người bạn - cô Kim Loan*

*Tháng 5/ 2025 vừa rồi L đi với vợ chồng người bạn ở Paris đến thăm
Cô thầy lần 2 - lần đầu cách đây 3 năm- giờ đây lưng Cô Thầy khòm
hơn, đi chậm hơn... (> 80t rồi) - Thương sao!*

tháinũlan

*Dallas, xứ Cao Bồi, – tên thành phố na ná giống thành phố thương
quý của tôi... mùa nhập học, Thu 2021–*



THÁNG NĂM VÀ NHỮNG ĐƯỜNG HOA PHƯỢNG TÍM

TUÔNG DUNG

Tháng năm, Cali vẫn còn lành lạnh vào những buổi sáng khi tôi thức giấc chuẩn bị đưa các con đi học. Dọc đường từ nhà đến trường, hai hàng cây “jacaranda” (mà tôi vẫn gọi là hoa phượng tím) đã bắt đầu nở rộ những chùm hoa tím xanh ngan ngát, màu tím xanh nhẹ nhàng, thanh thoát làm dịu cả đoạn đường dài. Và như thế, tôi biết rằng mùa hè đang đến. Ở Việt Nam, mùa hè bắt đầu với những cành phượng đỏ nở rục cả góc trời, với tiếng ve kêu ra rả buồn xót xa, thì ở đây chỉ có hoa “jacaranda” và nắng ấm. Không biết từ bao giờ tôi đã yêu thích màu hoa “jacaranda”, thích ngang qua những con đường có trồng hoa rợp bóng, nhìn những cánh tím nhỏ li ti trải đầy trên đất, theo từng mảng trên không, tôi cảm thấy dường như mình đang đi trong một giấc mơ.

Giấc mơ đưa tôi đến với những ngày xưa cũ, những kỷ niệm không thể nào quên, có con đường dẫn đến trường trung học Long Thành, nơi tôi bắt đầu nghiệp “gõ đầu trẻ”, con đường cũng có hai hàng cây trái dài hàng mấy cây số, thành cả rừng cây, mà khi nhớ lại vẫn thấy chập chùng trong ký ức, những thâm tình với bạn bè, đồng nghiệp, với học trò mà đôi lúc hồi tưởng vẫn nghe bồi hồi, ấm áp trong tim.

Trước tháng 10 năm 1974, tôi vẫn chưa biết Long Thành nằm ở đâu? xa xôi hẻo lánh tới chừng nào? nên khi cầm tờ sự vụ lệnh để đi trình diện nhận nhiệm sở đầu tiên cho nghiệp nhà giáo trên tay, thấy địa chỉ là trường trung học Long Thành, tôi đã “ngậm ngùi” cho thân phận mình vì nghĩ rằng chắc phải là một nơi “đèo

heo hút gió” nào đó. Nhưng đến lúc được bác Tư Sanh, bạn thân của ba tôi, đang làm việc ở Ty Giáo Dục tỉnh, chở đến trường để xem... dân cho biết sự tình trước khi thực sự bước xuống... cuộc đời, tôi mới ngạc nhiên, thích thú và cảm thấy mình thật may mắn. Mặc dù đã đi Vũng Tàu nhiều lần, nhưng chưa bao giờ tôi để ý đến cái tên Long Thành, một thị trấn nhỏ nằm giữa đường đi Biên Hòa - Vũng Tàu và đặc biệt hơn hết là dọc đường, lúc gần đến nhiệm sở mới, có nhiều rừng cao su đẹp ngút ngàn! Từ Biên Hòa đi Long Thành, qua khỏi dốc 47, cầu Nước Trong, Tam An, An Lợi, vừa đến Phước Nguyên là đã thấy dọc hai bên đường những hàng cây cao su trùng trùng, thẳng tắp chạy dài như vô tận.

Hôm đó, ngồi phía sau trên chiếc Honda của Bác Tư, tôi đã say sưa ngắm nhìn cảnh trí hai bên đường như lần đầu được chiêm ngưỡng một bức tranh tạo hóa thật công phu. Những tán lá xanh trên cao như giao đầu khấn khít, đổ tràn bóng mát xuống mặt đường, khiến tôi cảm thấy lòng nhẹ nhàng, êm ái như đang lạc vào một hang động được kết bằng lá cây và bóng mát. Tôi thầm nghĩ, mai mốt nhất định mình sẽ tìm dịp đi dưới những hàng cây này, vào sâu trong rừng kia, chắc là thú vị lắm!

Chắc cũng cùng cảm xúc như tôi hôm ấy, anh Viện, dạy Toán, trong những ngày cả trường cùng vào trong khu “nhà Tây” (còn gọi là đồn điền sở Shíp) - là một khu nhà lớn sang trọng nằm sâu phía trong rừng cao su, nghe nói trước kia là nhà ở của gia đình một người Pháp, chủ nhân sở cao su này - để học tập chính trị sau 30 tháng Tư, đã sáng tác hai câu thơ thật lãng mạn khi cả bọn cùng đi bộ lang thang về nhà sau buổi học. Không biết có phải là để tặng cho chị Huyền, dạy Sử Địa như một số bạn bè đã nói với nhau chăng?

“Rừng cây rồi lại rừng cây.

Sao ta chỉ thấy áo bay một người!”

Trước khi đến trường phải ngang qua khu Chợ Chiều, Văn Hải, rồi đến khu Phước Lộc. Trường nằm ngay trên trục lộ chính giao thông giữa Sài Gòn – Vũng Tàu. Cổng trường là hai cái trụ cao lớn với tấm bảng ghi bốn chữ Trung Học Long Thành chỉ cách mặt đường quốc lộ 15, lúc nào cũng nườm nượp xe cộ, khoảng 3 mét, đối diện với khu chợ Long Thành. Nếu không nhờ cái cổng lớn nằm nhô ra gần mặt đường này, thì người ta sẽ khó mà tìm ra, vì trường nằm ẩn sâu vào phía trong.

Khi Bác Tư quẹo xe rẽ vào cổng, tôi thoáng thất vọng vì cái khung cảnh khá đặc biệt trước mắt. Bên trái cổng là một cái giếng, lao xao tiếng nói cười của các bà, các chị đang chờ lấy nước với thùng, gánh ngổn ngang. Bên phải là một quán chè nhỏ, rất đơn sơ nhưng đầy khách. Thấy xe lạ vào trường họ tò mò ngoái đầu nhìn chăm chú. Khoảng đường từ cổng vào trường tuy ngắn mà đất đá gập ghềnh. Chiếc xe dần lên xóc xuống, khiến tôi phải bám chặt yên, cứ sợ lo đến một tí sẽ bị rơi ngay xuống đất. Hôm đó là ngày nghỉ, sân trường vắng lặng, im ắng. Ba dãy lớp nằm giao lại như hình chữ U, nối với văn phòng Hiệu Trưởng bên phải và văn phòng Giáo Sư bên trái tạo thành một khối hình vuông. Tường gạch, mái ngói, trông cũng sạch sẽ, khang trang. Tôi thờ phào nhẹ nhõm, may quá cứ tưởng phải về một chỗ “nhà quê” nào đó, tường rom, vách lá thì chi... có chết! Văn phòng đóng cửa, nên Bác Tư dẫn tôi đến nhà của thầy tổng giám thị Phạm Hữu Ân, nằm ngay phía sau trường học để hỏi thăm và giới thiệu “lính mới”. Lúc tôi vào, Thầy Ân đang xếp thời khóa biểu cho các lớp, sau khi nói chuyện và nhận dạy môn Quốc văn, tôi được thầy Ân báo rằng sẽ có một đợt giáo sư mới về trường cùng lúc với tôi. Tôi nghe lòng vui mừng vì biết rằng dù gì mình cũng sẽ có “đồng minh” trong cái buổi ban đầu... lưu luyến ấy, chứ không đến nỗi sẽ lạc lõng, cô đơn một mình giữa... chợ đời. Tôi lên xe trở về Biên Hòa với một tâm hồn phơi phới, đầy thiện cảm và hứng thú, ít

nhất cũng bởi cái hình ảnh bên ngoài khá khang trang của ngôi trường và sự cởi mở của thầy tổng giám thị dù chưa biết đồng nghiệp và xếp mình rồi sẽ thế nào đây?

Tôi trở lại trường một tuần sau đó để trình diện với ông Hiệu trưởng Vũ Đỗ Chung và nhận thời khóa biểu, mọi việc diễn tiến thật dễ dàng và thuận lợi. Ông Hiệu trưởng hòa nhã, thoải mái, các nhân viên làm việc trong văn phòng sau này mới biết tên là Xùng, Hoa và Ngọc Hải rất vui vẻ, thân thiện. Về trường cùng với tôi đợt này có chị Kiên Anh, Chinh và Thu Ba. Vì vừa đi dạy, vừa đi học tiếp chương trình đại học còn 2 năm cuối, nên tôi được xếp cho dạy 2 ngày thứ sáu và thứ bảy, mỗi ngày 8 tiếng. Sáng sớm từ Biên Hòa đón xe xuống trường, ghé văn phòng một chút, có khi đi thẳng luôn tới lớp. Buổi trưa thì đến nhà chị Hai ăn cơm, nghỉ ngơi một chút để chờ giờ lên lớp buổi chiều, (nhà chị Hai nằm phía bên kia đường ngay ngã ba đối diện với đường đi vào bến xe và khu chợ, nơi các thầy cô giáo thường đến ăn cơm trưa và nghỉ ngơi.). Buổi chiều, tan học xong là đi thẳng ra con lộ trước cổng trường, đón xe về lại Biên Hòa. Thế nên, thời gian này, tôi chưa quen biết nhiều với các anh chị đồng nghiệp ở trường, phần không có thời giờ, phần vì nhút nhát, lại biết mình là nhân vật nhỏ tuổi nhất trường, nên cũng hơi ngán ngại. Có một lần, trong giờ chơi, đang đứng lớ ngớ trước cửa văn phòng, chị Thảo dạy Hóa, lớn hơn tôi vài tuổi, được kể là hoa khôi trong các cô giáo trẻ, về trường trước tôi vài tháng, đi ngang qua, dừng lại ngó tôi rồi nói: “Nè, đi dạy đừng có mặc áo dài trắng, nhìn giống học trò lắm. Gặp mấy đứa con trai học trò lớp lớn, tụi nó làm bộ không biết mình là cô giáo, tụi nó chọc ghẹo cho là quê một cục đó à nha!”. Tôi cười cười nhìn chị chống chế: “Tại em thích mặc áo dài trắng.”. Chị Thảo trừng mắt nhìn tôi: “Ừ, thì nói cho biết vậy thôi. Tui bị rồi đó.”. Nghe lời chị, tôi về nhà xin má tôi may thêm vài chiếc áo

dài màu khác để trông có vẻ người lớn và để cho học trò dễ phân biệt hơn, như lời chị Thảo đã cảnh cáo.

Sau 30 tháng Tư, chúng tôi không còn được đi đi, về về mỗi ngày như trước nữa, chương trình giáo dục mới, bắt buộc chúng tôi phải ở lại trường nhiều hơn, vừa giảng dạy, vừa học tập lại vừa lao động, chế độ ăn ở tập thể được khuyến khích mọi nơi, nên chúng tôi phải tìm chỗ trọ cho cả tuần làm việc. Điều này không ngờ lại tạo điều kiện cho các giáo viên gần gũi, thân thiết với nhau hơn, sống tập thể cho chúng tôi tình cảm thân thiết không chỉ ở chỗ bạn bè mà còn xem nhau như anh chị em ruột thịt vậy. May mắn cho chúng tôi, ở trường có chị Ngô Thanh Hương, dạy Sử Địa, là dân địa phương, chị có một ngôi nhà khá to, nằm gần chợ, ngay phía sau trường tiểu học Long Thành, dù đã bị hư hại khá nhiều sau những ngày cuối của cuộc chiến, nhưng cũng còn đủ tiện nghi để cho chúng tôi gồm 11 người trú ngụ, miễn phí. Ngoài các bậc “tiền bối” như “Đại ca” Trị, “Nhị ca” Vinh, các chị Hương, Kiều Phương, Hoa, Đậu, Xuyên, thì Chinh, Thảo, Thu Ba và tôi được xem như là nhóm cô giáo trẻ của trường mà các ông Tú, Tiến, Thuận, Phong không nhớ ông nào đã đặt tên cho là “quatre J” (Chinh “J...” (xin lỗi, tôi không nhớ được tên đặt cho Chinh), Thảo “Jolie”, Thu Ba “Joyeux”, Ngọc Dung “Jeune”) và gọi ngôi nhà chúng tôi ở là “Ngô Gia Trang”. Vì là nhỏ tuổi nhất trường nên tôi rất được nuông chiều. Các anh chị bạn đồng nghiệp coi tôi như là một đứa em nhỏ nên đối xử rất thân tình, thường hay quan tâm, nhắc nhở. Nhớ khoảng cuối năm 76, phòng giáo dục đến trường có ý chuyển tôi về trường Phước Thái, đang cần giáo viên dạy môn Văn, với lý do trong tổ Văn, tôi là người độc thân, trẻ tuổi, không có gì vướng bận. Thế nên tôi đi là hợp lý, hợp tình nhất. Tôi vừa tức vừa sợ vì nghe nói Phước Thái, một xã nhỏ của huyện Long Thành, là khu... trại cùi, mà lại ở vùng kinh tế mới, nên đã bật khóc ngon lành trước mặt hai tên cán bộ phòng

giáo dục và các bạn đồng nghiệp cùng Tổ, sau khi “tuyên bố” là sẽ xin nghỉ dạy vì gia đình đã có một đứa em gái đi dạy ở tận Bình Tuy, và một em trai đang đi học ở mãi tận Bảo Lộc. Trưa hôm đó, tôi về nhà trọ lòng vẫn còn đang “tức tưởi”, vì chắc rằng mình sẽ phải từ giã ngôi trường Trung Học Long Thành này rồi, thì lại gặp Cao quốc Tiến dạy Anh Văn, một nhân vật hay “xuất khẩu thành thơ” của nhóm thầy giáo trẻ trong trường, người mà mỗi khi đến thăm bốn đứa “quatre J” chúng tôi, chưa tới cửa đã nghe phán trước một câu “sấm truyền” bất hủ của anh: *“Một ngày mà tớ không trông thấy các cô là ngày ấy tớ thẹn thùng với gương!”*, mặc dù bao năm cùng dạy chung dưới một mái trường, chưa bao giờ thấy anh “có tình ý” với cô nào cả. Ông Tiến chạy xồng xộc vào nhà... mắng ngay một hơi: *“Cái cô này làm gì phải khóc, có gì thì cứ thủng thẳng mà nói, mà tính. Lớn rồi chứ bộ còn con nít 17, 18 tuổi sao mà động tí là khóc, nhất là không thềm khóc trước mặt... cán bộ, nhớ chưa?”* Không biết anh nói thật hay nói đùa, mà gương mặt anh cứ “đăng đăng sát khí”, cứ đi tới đi lui, vòng vòng trong căn phòng chật hẹp vừa là phòng ăn vừa là chỗ ngủ của anh Trị, anh Vinh. Tôi cảm động mà lại tức cười nên nói: *“Tính làm sao được mà tính, nói hết sự tình, hoàn cảnh ra rồi đó, họ không chịu thì tức quá phải khóc chớ sao!”*. Vậy mà anh chàng vẫn đi tới đi lui căn nhàn tôi suốt buổi hôm đó vì cái tội “tại sao phải khóc vớ vẩn như thế”. Không ngờ, hôm sau vào trường, Thầy giám thị Kham báo cho tôi biết là phòng giáo dục đã quyết định không chuyển tôi về Phước Thái nữa. Tôi mừng đến suýt... khóc thêm lần nữa và nghĩ thầm: biết đâu là tại nhờ mình khóc, họ thấy “cảm động” quá nên mới đổi ý. Bạn bè đến thăm hỏi, chia vui với tôi, thật là sung sướng!

Trong khoảng thời gian này, mặc dù có nhiều biến đổi, khó khăn hơn trong cuộc sống, nhưng sau những giờ dạy ở trường về đến nhà trọ buổi tối, nhóm chúng tôi vẫn vui vẻ, thoải mái bày ra các trò chơi giải trí thật thú vị, thường là do anh Vinh khởi xướng.

Tôi vẫn nhớ và thích nhất những buổi “Nhạc thính phòng” được “tổ chức” khi nhà có khách như anh Bình, chị Sâm, ông Thuận, Tiến... sang chơi. Lúc thì làm ở phòng ăn, dưới chân cầu thang, lúc thì ở trên chỗ phòng khách dùng làm phòng ngủ của các chị. Chúng tôi ngồi quây quần thành vòng tròn, đèn chỉ để một bóng... mờ mờ, ảo ảo. Một người tình nguyện hoặc được chỉ định sẽ bắt đầu chương trình bằng những lời dẫn hay một bài hát với giọng thì thầm, nhỏ nhỏ và người bên cạnh cứ thế mà tiếp tục phiên mình. Ai không biết hát thì kể chuyện, chia sẻ kỷ niệm. Cây đàn guitar do anh Vinh và anh Bình thay nhau sử dụng đã lần lượt đưa những tiếng hát bay bổng, nhẹ nhàng... quanh căn phòng nhỏ. Một bầu không khí dịu dàng, ấm áp trải rộng, lan tỏa và rồi đọng lại trong lòng mỗi người. Thật tuyệt! Có một lần, để cho không khí... lãng mạn hơn, anh Vinh đã dùng cái khăn lông nhỏ, bọc bóng đèn tròn quá sáng trong phòng dưới chân cầu thang. Cả bọn mãi mê ngồi hát, đến lúc nghe mùi khen khét, nhìn lên thì thấy cái khăn đã ngã sang màu nâu đậm, bắt đầu có vài sợi khói bay bay, một ông vôi chạy bay đến tháo ngay cái khăn xuống và chương trình “nhạc thính phòng” đành phải tạm chấm dứt. Để thay đổi không khí, anh Bình quay sang kể chuyện ma, câu chuyện “The Chair” (Ma Ghế) là câu chuyện ma mà chúng tôi rất thích, cứ đòi anh kể lại mặc dù vừa nghe vừa nín thở. Hôm nào vui vẻ, hào hứng thì anh Vinh lại “truyền nghề” khiêu vũ cho “bọn trẻ” bốn đứa chúng tôi. Cả bọn đều thích điệu “bebop” vừa vui chân lại vừa khỏe sức. Trong bọn chỉ có Chinh là “học trò” giỏi nhất, vì cô nàng quay “valse” rất nhuyễn.

Những ngày tháng vui vẻ của chúng tôi kéo dài không được bao lâu thì phải chấm dứt sau một biến cố lớn xảy ra cho hai người bạn đồng nghiệp trong trường, anh Đính và anh Cường vì nội dung của tờ bích báo (còn gọi là báo tường), nhân ngày 20 tháng 11, lễ Hiến chương các nhà giáo của lớp 11, do anh Đính làm chủ

nhệm mang một số hình thức và nội dung “phản động”, chống phá cách mạng và chế độ mới theo lời kết án của tên trưởng phòng giáo dục với kết cuộc bi thảm là 2 anh bị bắt đi biệt tích sau một phiên xử theo hình thức “tòa án nhân dân” thật bất ngờ trong một buổi tối ngay trên sân trường do phòng giáo dục và công an địa phương dàn dựng. Chúng tôi bắt đầu hoảng sợ và đề phòng hơn trong các cử chỉ, lời nói với mọi người chung quanh, các anh chị đồng nghiệp lớn tuổi cho đó là một bài học, hình thức “dần mặt” chúng tôi, “bọn tiểu tư sản, tàn dư của chế độ cũ”! và cho thấy sự khác biệt rõ ràng về ý thức hệ, quan niệm sống của hai chế độ qua phân tích, luận tội của các “công tố viên” bên phòng giáo dục và tự bào chữa của hai “bị cáo”. Trước 1975, các sáng tác văn học, nghệ thuật thường dựa trên cảm xúc, quan điểm “nghệ thuật vị nghệ thuật”, còn chế độ mới luôn phải đứng trên quan điểm “nghệ thuật vị nhân sinh” hay nói chính xác hơn là văn học phải phục vụ cho chính trị. Vì vậy, hình ảnh con chim bồ câu màu đen nằm bên cạnh cái tựa “Dấn Thân” cũng là chủ đề của tờ bích báo cùng với bài “Lời Ngỏ” của ông thầy chủ nhiệm và bài “Hoa lục bình” của ông Thầy dạy Sinh Vật nhằm chia sẻ cảm xúc và kiến thức cho học sinh trong ngày lễ Nhà Giáo bỗng dưng trở thành... vật tế thần đầu tiên của trường chúng tôi trong giai đoạn đầu của chế độ mới. Hình ảnh đôi mắt thất thần của hai anh Đính và Cường khi tên trưởng phòng Giáo dục dong dạc nói: “Xin mời các đồng chí công an làm việc” cùng lúc với tiếng khua rắc rắc của cò súng lên nòng trước khi hai anh bị trói tay vào còng dẫn đi trước mặt gần 100 giáo viên của huyện đang ngồi chết lặng vì sững sờ vẫn còn theo ám ảnh chúng tôi đến giờ mỗi khi nhớ lại.

Đến những năm sau 1979, nhóm “Ngô gia trang” dần dần tan rã, một số các anh chị đổi về Sài Gòn hoặc dọn ra nơi khác. Riêng nhóm “quatre J” chúng tôi vẫn gắn bó với nhau sau khi dời nhà

lên ở khu Chợ Chiều, cho đến khi Chinh đổi về dạy ở Tam An, Tôi về Biên Hòa, Thảo và Thu Ba về Saigon.

Những tình cảm của tôi với trường Long Thành không chỉ được đơm hoa, bùng nổ ở giữa những bạn bè, đồng nghiệp mà còn là những kỷ niệm đậm đà, thân thiết với các em học trò mà tôi đã quen biết và của những lớp mà tôi đã dạy qua.

Năm học 75-76 bắt đầu với những lớp học “bồi dưỡng chính trị” và sinh hoạt văn nghệ quần chúng được phổ biến rộng rãi trong nhà trường, cho cả Thầy cô lẫn học sinh. Có lẽ lúc đó thấy tôi còn trẻ mà lại thích ca hát nên mọi người cho tôi vào ban văn nghệ của trường. Vốn liếng “nhạc đồ” của tôi lúc ấy thật ra chỉ là mấy bài hát mà tôi nghe đi nghe lại hàng ngày trên các loa phường, thành phố hoặc cùng bạn bè đồng nghiệp tập hát cộng đồng trong các buổi học tập chính trị, còn quá mới mẻ, chưa đủ nhập tâm để tôi có thể truyền đạt hoặc hướng dẫn lại cho các em học sinh. Vì vậy, tôi phải cố tìm những bài hát cũ không nằm trong đám “nhạc vàng” còn phù hợp với cuộc sống mới và hát mà không phải sợ bị... kiểm điểm cho yên tâm. Tôi nhớ trong giờ sinh hoạt lớp, bài hát đầu tiên mà tôi dạy cho các em là bài “Dậy mà đi” (*Dậy mà đi, dậy mà đi, ai chiến thắng không hề chiến bại, ai nên khôn không khôn một lần...*), một bài hát trước 75 rất phổ biến trong giới sinh viên và các em rất thích, cứ hát đi hát lại mãi. Sau đó, không biết ai đã đề nghị, tôi lại được phong chức “vũ sư” dạy múa cho các em. Bài múa đầu tiên, động tác như những cánh chim, mà lời nhạc chính là bài “Tự nguyện” (*Nếu là chim tôi sẽ là loài bồ câu trắng, nếu là hoa tôi sẽ là một đóa hướng dương...*) cho ngày lễ “Quốc Tế Hiến Chương Các Nhà Giáo”. Tôi đã chọn được chín em lớp 11 và 12 lúc ấy như: Kim Loan, Bích Ảnh, Lâm Hoa, Diệp Láng, Ren, Ánh Thủy, Ngọc Đáng, Bạch Tuyết, Niệm Hương. Và không ngờ màn múa này các em đã biểu diễn rất thành công được cả trường khen thưởng, khiến tôi lại phải tiếp tục

hướng dẫn cho nhóm các em thêm một màn múa “Hoa Đăng” nữa. Sau này, chúng tôi đã được mời đi trình diễn nhiều lần trong các buổi sinh hoạt trong và ngoài huyện Long Thành. Kim Loan hiện luôn sát cánh với các Thầy Cô, bạn bè tổ chức văn nghệ cho các buổi hội ngộ Long Thành, chính là Kim Loan trong đội múa mà tôi đã nhắc ở trên. Bây giờ nhớ lại không biết các em có còn giữ được chút nào cái cảm giác bồi hồi, cảm động khi nghe những tràng pháo tay nồng nhiệt của khán giả, sau màn vũ của mình chăng?

Trong sự nghiệp dạy “ca múa”, tôi còn dạy thêm hai bài vũ “Năm Ngón Tay Ngoan” và “Con Kênh Xanh Xanh” cho học sinh của hai lớp 8 do tôi làm chủ nhiệm nữa. Sau này, nhớ lại, tôi cũng ngạc nhiên vì không ngờ mình cũng biết dạy múa, dù chưa được đi học hoặc tham gia múa vũ trước đó bao giờ.

Nhưng kỷ niệm thân thiết, khó quên nhất trong quãng đời đi dạy chính là những tình cảm của các em học sinh đã dành cho tôi. Nhớ những buổi lao động thủy lợi, cùng các em ngâm mình dưới sinh lầy để làm đập ngăn nước dẫn vào ruộng, hoặc ra rẫy cuốc đất trồng đậu phộng để gây quỹ cho trường, có em vừa thấy Cô nhúng tay chân xuống đầm sinh hoặc giơ cuốc lên còn ngượng ngập đã vội chạy đến “Cô ơi, cô ngồi nghỉ đi, để đó cho em, em quen rồi, làm lạ lắm.” Cảm động không phải vì có học trò làm thay cho mà vì cái tình trong lời nói thật thà, đơn sơ mà đậm đà tình nghĩa đó. Hoặc những buổi “trực trường” trong mấy tháng hè, được các em rủ “Cô ơi, chút nữa hết giờ, Cô lại nhà em, vườn em chơi nha.”. Lớp 8A1, do tôi chủ nhiệm năm học 77-78 các em học rất đều, rất giỏi, trong đó có Kim Sinh. Em rất mến tôi và hay mời tôi đến nhà chơi. Một lần, em kéo tôi ra sau vườn nhà em, thì thâm tâm sự, tôi biết em mất mẹ sớm nên hay buồn tủi, “em xem cô giống như mẹ em vậy.” Tôi cảm động nói với em: “Từ giờ trò đi em có gì buồn hoặc cần giúp đỡ cứ cho cô biết nha.” Trong suốt

năm học, Kim Sinh rất thân thiết với tôi và mỗi khi gặp tôi dù ở đâu em luôn nở nụ cười thật tươi và chạy tới chào hỏi. Đến năm sau, do đạt được “danh hiệu” là giáo viên dạy giỏi cấp huyện, tôi phải đảm nhận thêm một số nhiệm vụ mới bận rộn hơn, nên không còn được chủ nhiệm mà chỉ dạy lớp thôi. Tôi phụ trách môn Văn ở lớp 9A3 và lại được thêm một học trò “ruột” nữa là Thu Hương. Tôi hay đến nhà em chơi và ngủ lại đêm ở đó. Hai cô trò nấu cơm, ăn uống, tối nằm ngủ chung trên bộ ván gỗ, cửa nhà không đóng, nên có thể thấy cả ánh trăng từ ngoài sân rọi vào, nằm nghe Hương thì thầm tâm sự về một người bạn rất thân... cho đến khi dần rơi vào giấc ngủ. Ở trường Long Thành các lớp học thường là chung cả nam lẫn nữ. Lớp 9A3 này các học sinh chắc là cũng... ngán cô ND, nên giờ học nào các em cũng ngồi yên ngoan ngoãn, chăm chú lắng nghe, cả đến những anh con trai vẫn hay phá phách, nên các em học tới đâu lâu thông tới đó.

Có một kỷ niệm đặc biệt của lớp này đã khiến tôi mỗi khi nhớ lại, vẫn cảm thấy bồi hồi và xúc động. Hôm đó, trong lúc dạy môn ngữ pháp (văn phạm), tôi hướng dẫn các em về thể thơ lục bát, cách gieo vần cho đúng luật, và cho các em thử tập làm thơ ngay tại lớp. Lớp học thích thú, sôi nổi với những câu thơ lục bát “ứng khẩu” thật đúng vần điệu và không kém phần ý tứ. Tôi sung sướng với ý tưởng: lớp này không khéo lại nảy sinh một vài “nhà thơ lớn” đây. Cuối giờ, tôi cho các em bài tập ở nhà, một bài thơ ngắn với thể lục bát, để kiểm tra vào tuần tới.

Độ ba, bốn hôm sau, khi mới bước vào văn phòng để sửa soạn xuống lớp, thầy giám thị Kham đưa cho tôi một lá thư vừa cười vừa bảo: “Cô ND, có thư của ai gửi cho cô về địa chỉ trường đây này”. Tôi ngạc nhiên vì chưa bao giờ cho ai địa chỉ trường cả. Nhìn trên góc trái của bì thư thì cũng chẳng thấy ghi tên người gửi. Tôi cầm thư bước xuống khu nhà tập thể chỗ tôi đang ở với vài chị bạn cùng trường, mở bì thư ra là một trang vở học trò xếp làm

đôi, được cắt xén rất cẩn thận, và trình bày đẹp mắt với những cánh hoa nằm ở hai góc phía trên đầu thư. Ở giữa được đóng khung gọn gàng là một bài thơ lục bát viết tay bằng những nét nắn nót như sau:

Mến tặng Cô ND

CÔ EM

Từ nhà Cô bước đến trường

Tay ôm cặp sách trên đường bước đi

Cô ơi, Cô có nghĩ gì?

Con đường dài lắm Cô đi một mình.

Cô em bốn mắt đẹp xinh

Đôi tay mềm dẻo thật tình là thương

Hiền từ giọng nói khiêm nhường

Giảng bài kỹ lưỡng, yêu thương học trò.

Cô là bến vắng đưa đò

Khách về khách ấm tình Cô sớm chiều.

Học trò của Cô

Lớp 9A3

Tôi nghe mặt mình nóng bừng lên vì bất ngờ và cảm xúc. Một món quà thật đơn sơ mà giá trị tinh thần thật vô cùng quý báu. Tôi im lặng không nói gì hết, vì muốn chờ xem tác giả là ai?

Quả nhiên hai hôm sau, một em trai của lớp 9A3 chắc không còn kiên nhẫn, đến tìm tôi và hỏi: “Cô ơi, mấy hôm nay Cô có nhận được gì không?” Tôi nhớ, em tên là Luyến, một học sinh rất khá của lớp. Tôi giả vờ hỏi: “Nhận gì? Cô có nhận gì đâu?”. “Có mà, thật không Cô?” Tôi chờ một lúc. Khi thấy gương mặt của em bắt đầu áo nã đến tội nghiệp, nên vội nói: “Có, Cô nhận được rồi. Bài thơ em tự làm đó hả? hay lắm, mà âm vận lại cũng rất hoàn chỉnh”. Luyến cười, mặt đỏ hồng lên: “Không phải mình em

làm đâu cô ơi, mấy đứa con trai 2 bàn cuối cùng hợp nhau làm để tặng cho Cô đó. Cô cho bao nhiêu điểm vậy Cô?”. Tôi nói: “Đây là công của cả nhóm, Cô phải cho 10 điểm (điểm cao nhất lúc bấy giờ) cho mỗi em, không cần phải chia nhau, được không?”. Rồi tôi vỗ vai Luyến và nói: “Cô cảm ơn các em, bài thơ này rất ý nghĩa và vô cùng quý báu đối với Cô. Cô sẽ giữ nó mãi mãi trong tận đáy lòng. Cảm ơn các em nhiều lắm!”.

Quả thật, tôi đã cất giữ bằng cách thuộc lòng bài thơ này cho đến bây giờ, như một món quà kỷ niệm vô cùng trân quý trong mớ hành trang cũ kỹ của những ngày ly hương, xa xứ.

Cảm ơn các anh chị, những người bạn đồng nghiệp, những người thân thiết nhất của một thời dĩ vãng, đã cùng nhau chia sẻ ngọt bùi, góp chung kỷ niệm, để cho tôi có thêm niềm lạc quan, yêu đời, yêu người.

Cảm ơn các em, những học trò với lòng tin yêu, cậy mến, đã không ngần ngại khi đến với tôi để bày tỏ, gửi gắm những tình cảm chân thành, đầm thắm để tôi có được niềm hạnh diện là người đi gieo những hạt giống tốt cho cuộc đời.

Tháng Năm rồi sẽ qua, những chùm hoa “jacaranda” tím tím đã bắt đầu tàn phai trên đường phố tôi đang ở. Nhưng tôi biết hình ảnh của tháng Năm và những đường hoa phượng tím năm nay sẽ còn ở lại rực rỡ, thắm tươi hơn bao giờ hết trong trái tim của những người con xa xứ, luôn hướng lòng quay về chốn cũ “như đàn hạc hoài hương, ngày đêm hối hả tìm về tổ ấm trên đỉnh núi cao...” trong ngày họp mặt trường xưa ở miền Nam Ca đây nắng ấm, tình nồng.

Tường Dung



CHIỀU VĂN DUY TÙNG

Lẽ ra ngày mai thứ Bảy 23 tháng 3 năm 2024, tôi được mời đến dự tiệc Mừng Xuân Giáp Thìn. Đồng tổ chức là hai nhà văn Lê Thị Nhị - Tổng thư ký Văn Bút Việt Nam Hải



Ngoại và nhà văn Hồng Thủy – Chủ Tịch Văn Bút Miền Đông Bắc Hoa Kỳ - Phối hợp với Nhà Việt Nam Vùng Hoa Thịnh Đốn.

Tôi lấy làm tiếc là không đến tham dự được vì đang cảm nặng và vẫn còn ho hen, tôi gọi cho nhà văn Lê Thị Nhị để báo điều này. Thay vì đi dự tiệc, tôi ngồi vào máy để viết bài này bày tỏ lòng cảm ơn, đồng thời giới thiệu một vài nét về nhà văn, nhà thơ Lê Thị Nhị.

Tôi và nhà văn Lê Thị Nhị là hội viên trong Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại và Văn Bút Miền Đông Bắc Hoa Kỳ. Chúng tôi thường sinh hoạt cùng với nhau trong vấn đề liên quan đến văn học. Dù hơn tôi một thế hệ, nhưng tâm hồn của Chị rất gần gũi, quý mến và thân thiện không những với tôi mà còn với mọi người, nhất là tấm lòng của Chị luôn đau đáu về quê hương Việt Nam thân yêu mà bao năm đã xa nơi ấy.

Có lẽ vì nặng lòng với quê hương, nên Chị luôn thực hiện những chương trình nhớ về quê hương như văn nghệ nhớ về

nguồn, hội chợ Tết, thăm người già yếu, người neo đơn, tổ chức những cuộc thi tiếng Việt cho giới trẻ, tết trung thu, duy trì văn hóa và truyền thống Việt Nam qua những sinh hoạt của Nhà Việt Nam tại vùng Hoa Thịnh Đốn. v,v...

Phát xuất từ tấm lòng yêu quê hương dân tộc, nên tâm của Chị luôn bị ràng buộc và mãi đến bây giờ vẫn còn lận đận theo vận nước trải dài gần 50 năm tại Hoa Kỳ. Chị không dừng lại bằng những công việc tổ chức nêu trên, mà còn thao thức, trăn trở để viết lên 6 cuốn sách. Những cuốn sách của Chị luôn xoay quanh những thao thức về quê hương và dân tộc, về tình yêu và nhân sinh quan cũng như cuộc sống của người Việt Nam tỵ nạn. Tiêu biểu và rõ nét nhất là những cuốn sách đã được phát hành như:

1/ Ngày Về,

2/ Mùa Đông Hồ Hẹn

3/ Sóng Thời Gian

4/ Quê Hương Và Kỷ Niệm

5/ Đôi Mắt Hoàng Hôn

6/ Nhớ Ngày Tháng Cũ

Quả thật, hoàn tất viết xong 6 cuốn sách và đã phát hành, cũng là một "công trình của trí tuệ và tài năng văn học" được đánh giá rất cao về văn tài của một tác giả!

Văn học thế giới từ xưa tới nay có nhiều nhà văn như John Creasey (Người Anh) đã từng xuất bản 500 cuốn tiểu thuyết. Tiêu biểu nhất là nhà văn Anthony Trollope viết với một tốc độ ổn định dù ban ngày làm việc ở Bru Chính. Ông đều đặn viết 2 tiếng rưỡi mỗi sáng trước khi rời nhà đi làm việc. Ngược lại, cũng có những nhà văn chỉ viết một tác phẩm duy nhất trong cuộc đời cầm bút của họ. Dù chỉ là một tác phẩm nhưng sau 50 năm, 80 năm hay một thế kỷ, những tác phẩm ấy vẫn còn nóng hổi như vừa lấy ra từ xưởng in tối hôm qua vì tần suất của sự tái bản. Những tác phẩm ấy với người VN, có lẽ chúng ta không xa lạ gì

vì ai có lẽ cũng đã đều đọc qua như những cuốn *Đồi Gió Hú* của Emily Bronte, hay *Cuốn Theo Chiều Gió* Margaret Mitchell (1936) Hoặc cuốn *Chân Dung* của Dorian Gray - *The Picture of Dorian Gray* của Oscar Wilde (1890).

Sự hấp dẫn của những cuốn tiểu thuyết này có lẽ nằm ở chỗ tương phản giữa trắng và đen, hận thù và tình yêu, giàu và nghèo, công tước và thợ mỏ, chiến tranh và hòa bình, Tương phản giữa những nền văn minh và lạc hậu, về nhân sinh quan và nghệ thuật, những thỏa hiệp về đạo đức như liệu cái đẹp có đi liền với đạo đức hay không? v,v...

Trong khi văn học Việt Nam thì có những tác phẩm cũng đã có ảnh hưởng rất lớn đối với thế hệ của chúng tôi trước 1975, và những thế hệ trước đó nữa. Tiêu biểu nhất đó là Nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Chúng ta không thể phủ nhận Nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã tạo nên một trường phái, một phong trào canh tân văn học và văn hóa, cải cách xã hội Việt Nam hiện đại. Những nhà văn của nhóm nay đều đặn xuất bản những cuốn tiểu thuyết như luồng gió mới thổi vào căn phòng mà bao ngày bị tù túng như những cuốn *Anh Phái Sống*, *Gánh Hàng Hoa*... viết chung với hai nhà văn Nhất Linh và Khái Hưng. Hoặc những cuốn *Bản Khoăn*, *Hồn Bướm Mơ Tiên*, *Nửa Chừng Xuân*, *Trống Mái (Thằng Vội)* của Khái Hưng, hay *Bùn Lầy Nước Động*, *Con Đường Sáng*, *Trước Vành Móng Ngựa* của Hoàng Đạo. *Bướm Trắng*, *Đoạn Tuyệt*, *Xóm Cầu Mới* của Nhất Linh, *Đòn Hẹn* của Thế Lữ, *Gửi Hương Cho Gió* của Xuân Diệu, *Gió Đầu Mùa* của Thạch Lam, và còn nhiều lắm không thể nhớ hết được.

Một điều tôi tin tưởng Chị viết sách không mục đích để kiếm tiền như mới đây TT. Joe Biden đã nhờ một nhà văn viết giùm cho cuốn hồi ký của mình và đã kiếm về 8 triệu USD dễ dàng. Ai bảo nghề viết văn ở nước ngoài không làm giàu?

Những cuốn sách của Chị gửi tặng, tôi trân trọng đọc hết. Tôi đọc hết vì không những chỉ là sự lôi cuốn qua văn phong diễn đạt, mà Chị còn viết bằng những sự chân thật từ đáy lòng mình.

Có những câu chuyện đầy ẩn dụ cho ta những lý lẽ sống của đời thường, cũng có những câu chuyện đầy tương phản giữa nước mắt và nụ cười, chung thủy và phản bội, được và mất, ở lại và ra đi... Có những trang thấm đẫm máu và nước mắt của Chị, nhất là quãng đời tay không chân đất bước đi trên vùng đất xa lạ của một phụ nữ chân yếu tay mềm với đàn con thơ dại, để rồi hằng ngày Chị ngược mắt bước đi tìm hướng! Và cuối cùng và duy nhất chỉ có một hướng: đó là hướng ngược mắt lên trời rồi âm thầm nuốt từng giọt nước mắt vào lòng để dò dẫm, chấp nhận làm người khách bất đắc dĩ trên đất Mỹ.

Tôi trân trọng những tác phẩm viết từ tấm lòng nhớ và yêu quê hương của Chị. Có lẽ việc viết sách cũng chưa thỏa mãn nỗi niềm nhớ về quê hương, đất nước và dân tộc của mình, Chị còn xông xáo với những việc làm cho cộng đồng Việt Nam tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn hơn 4 thập kỷ qua mà tôi đã nêu trên.

Vì vận nước, nên Chị và chúng ta phải xa quê hương. Gần 50 năm rồi phải không?

Ôi, một nửa thế kỷ rồi còn gì? Thời gian vẫn vô tình lặng lẽ trôi qua trên thân thể mòn mỏi của mỗi chúng ta.

Ai đó đã nói "Thời gian là liều thuốc chữa lành tốt nhất". Nhưng 50 năm qua rồi mà sao vết thương đó vẫn chưa lành và vẫn còn mưng mủ và đau nhói?

Mới đây Chị có chia sẻ cho tôi bài thơ mà chị vừa mới cảm tác viết lên cũng vì bởi tuổi đời càng ngày càng chông chênh trên thân thể cũng như những cơn bệnh thầm lặng đang dần lấy đi hơi thở. Tựa đề của bài thơ duy nhất chỉ có mỗi một chữ CHIỀU thôi.

Vâng, chỉ một chữ Chiều mà sao làm lòng tôi xao xuyến, bồn khoăn khôn vơi sau khi đọc.

Tôi chân thành mời bạn cùng nhau thảo luận về ý nghĩa chữ Chiều này.

Chữ "Chiều" là danh từ chỉ khoảng thời gian nhất định trong một ngày sau trưa và trước khi tối. Thí dụ: trời đã về chiều, chiều hôm qua, xế chiều, chiều hôm...

Trong truyện Kiều, Cụ Nguyễn Du đã dùng chữ Chiều để viết lên một câu thơ rất hay nhưng đượm buồn sau đây: " Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa".

Chữ "Chiều" cũng là một động từ áp dụng để làm theo ý của một ai đó như: chiều chuộng, vợ chiều chồng, mẹ chiều con, chiều theo ước nguyện/nguyện vọng...

Trong khi chữ "Chiều" cũng lại là một danh từ thường dùng trong toán học như cân đo đong đếm: chiều cao, chiều rộng, chiều sâu. 5 mét chiều dài, 4 mét chiều ngang.... Cũng đồng nghĩa, chữ Chiều thường dùng đại loại trong những câu nói hoặc viết ra như: bài nói chuyện có chiều sâu, ra chiều đồng ý, đi về một chiều, đường một chiều, tuổi xế chiều... hoặc như: gió chiều nào theo chiều ấy, đau khổ trăm chiều, chiều hướng nào cũng khó qua...

Thế mới biết tiếng Việt của chúng ta phong phú đến dường nào! Phong phú mà không phức tạp trong mọi tình huống, cho chúng ta dùng từ ngữ của tiếng Việt rất chính xác để diễn đạt hay bày tỏ. Thế nên theo tôi, người Việt Nam có đầu óc rất nhạy cảm để ứng xử có thể một phần phát xuất bởi tiếng Việt quá phong phú như tôi đã đề cập.

Tôi chỉ muốn đề cập đến ý nghĩa của danh từ chữ Chiều chỉ về thời gian mà nhà thơ muốn miêu tả.

Cảm xúc và trạng thái cũng như nỗi buồn man mát của con người thường hay dâng cao khi thời gian về chiều - lúc mà bóng hoàng hôn đổ xuống - không gian tĩnh lặng... Có lẽ đây là thời

gian lắng đọng nhất trong ngày, cũng là thời điểm của sự trở về, gặp gỡ và đoàn tụ: Chim bay về tổ, ánh sáng về lại mặt trời, thủy triều về với biển cả và, con người về với mái ấm.

Bài thơ có tựa đề CHIỀU của Chị theo tôi nó mang hai ý nghĩa không những chỉ về thời gian mà còn con người nữa.

- Thời gian: Xa quê hương (Gần 50 năm)

- Con người: Tuổi đã về chiều (Mòn mỏi đợi chờ đến già)

Hãy nghe tác giả suy tư:

"Mình ai ngồi trên đồi, lắng nghe tiếng chiều rơi

Rặng thông già vi vút, khóc thương cho kiếp người"

Cũng thế, câu thơ của nhân gian sau đây có lẽ sẽ dẫn suy nghĩ và cho chúng ta cảm thấu ý nghĩa trọn vẹn hơn với chữ "Chiều này:

"Chiều chiều ra đứng ngõ sau, trông về quê mẹ ruột đau chín chiều"

Thật là phong phú tiếng Việt phải không? Vì một câu thơ có hai chữ Chiều, nhưng mang hai ý nghĩa!

Quả thật câu thơ này cho ta cảm xúc khôn vơi, vì đã 50 năm rồi, ai trong chúng ta mà không một lần ngóng về quê hương nơi ta được sinh ra và lớn lên.

Hãy nghe thêm nỗi niềm của Chị:

"Từng đàn chim rủ nhau, tung cánh bay về tổ

Thương người bao la sâu, chiều rồi biết về đâu?"

Vâng, sống ở đất lạ đã ngót 50 năm rồi, thế mà ta chưa biết về đâu dù tuổi đời đã... chiều?

Cuối cùng, Chị biết rõ thân phận của quê hương dân tộc, biết rõ nội tại của chính mình và như lời than thở cuối cùng:

"Mình ai ngồi trên đồi, chờ vơ như tượng đá

Hồn thất lạc đâu rồi, cuộc đời trôi vẫn trôi"

Bài thơ cho tôi cảm xúc vì đây không những là tâm trạng của Chị, mà còn là của những người xa quê hương, tâm trạng chung

của những người Việt Nam đang sống tại Hoa Kỳ cũng như những quốc gia khác sau năm 1975.

Có lẽ những người mất quê hương mà khi tuổi càng cao, cũng chính là lúc họ tưởng nhớ về quê hương càng mãnh liệt hơn bao giờ hết.

Bài thơ CHIỀU của Chị là nguồn cảm hứng để tôi phổ thành ca khúc. Vì tôi biết một lúc nào đó, tôi và chúng ta cũng sẽ như thế!

Thân mời bạn nghe bài hát CHIỀU dưới đây với giọng ca của ca sĩ Anh Dũng. Nghe để cảm nhận được nỗi lòng con người khi đã xa hay đã mất quê hương, và những hình ảnh mà nghệ sĩ Trúc Tiên từ Paris đã thao thức, tìm kiếm và chọn lọc lồng trong bài hát; cho ta những cảm xúc dạt dào về quê hương, con người, bóng chiều và cảnh vật sau đây:

CHIỀU: <https://www.youtube.com/watch?v=rDntBP1Dcj8>

Và đây là bản Karaoke:

https://www.youtube.com/watch?v=ufm_VqLIV_s

Văn Duy Tùng

=====oOo=====

TRONG SÂN GIÁO ĐƯỜNG

Văn Duy Tùng

Thể loại: truyện

Nhà Xuất Bản Văn – Tháng 6, 2025

ISBN: 978-1-300-11382-9

liên lạc: Văn Duy Tùng

vanduytung1@gmail.com

10123 Leakane Ct

Oakton, VA 22124. USA



Chiều

Tempo: 75
Intro

Thơ: Lê Thị Nhị
Nhạc: Văn Duyệt Tùng

(Cello Solo...) (Violin Solo...)

Mình ai ngồi trên đồi Lặng nghe tiếng chiều
rơi Rặng thông già vì vút Khóc thương cho kiếp người. (Khóc
thương cho kiếp người) Từng đàn chim rủ nhau Tung
cánh bay về tổ Thương người bao la sầu Chiều rồi biết về
đâu? (Chiều rồi biết về đâu?) Lơ lững áng mây
trôi Thương ai ngồi cô quạnh Một mình trên lưng đồi Ngậm

Chiều - 2

41 A D Gm Gm⁷ Em⁷⁽⁵⁾ C
 ngồi hạt lệ rơi. Mình ai ngồi trên đôi Chơ

46 Cm/E^b Gm/D Cm E^b Gm A D D⁷ To Coda
 vợ như tượng đá Hồn thất lạc lâu rồi Cuộc đời trời vẫn

51 G C¹¹ F⁷ B^bma⁷
 trời. (Nhạc dạo...) *mp*

56 E^bma⁷ Am⁷⁽⁵⁾ D⁷ Gm Gm⁷/F E^bma⁷ Gm/D *f*

61 C^{#07} D⁷ Gm D⁷ Gm

66 D.S. al Coda Coda Gm Gm Gm⁷ Em⁷⁽⁵⁾ C
 Mình trời. Mình ai ngồi trên đôi Chơ

71 Cm/E^b Gm/D Cm E^b Gm A D D⁷ *rit.*
 vợ như tượng đá Hồn thất lạc lâu rồi Cuộc đời trời

76 Gm E^b Cm D Gm Fine
 vẫn *a tempo* trời. (Nhạc kết...)



TRẠI HÈ VỀ NGUỒN VÙNG HOA THỊNH ĐỐN 1990-1999 LÊ THỊ NHỊ

Thấm thoát đã ba mươi hai năm qua, kể từ ngày anh Lê Văn Hùng (Nay là Thầy Pháp Khâm), người sáng lập Hội Văn Hóa Vùng Hoa Thịnh Đốn, và tôi, đến thăm rồi quyết định muốn Camp Round Meadow thuộc thành phố Frederick, tiểu bang Maryland, để tổ chức trại hè Về Nguồn vào khoảng tháng Sáu mỗi năm.

Ba mươi hai năm, một thời gian dài đủ để một ngàn hai trăm trại sinh trại hè Về Nguồn trưởng thành và tung đi muôn phương, ngàn hướng (Mỗi năm trại thu nhận 120 trại sinh và tổ chức được 10 năm). Một thời gian dài đủ để những người bạn trẻ của tôi bị cuốn hút vào bánh xe quay nhanh của xã hội này.

Tôi tự hỏi, có giây phút nào các bạn còn nghĩ về nơi chốn xưa cùng những người bạn cũ? Có khoảnh khắc nào các bạn còn nhớ tới những lúc cùng nhau hát hò bên ánh lửa trại bập bùng trong đêm khuya?

Thôi thì, hôm nay tôi xin mời các bạn cùng tôi tìm về với khung trời kỷ niệm, bạn nhé!

Hàng năm, cứ vào đầu mùa Hè, chúng ta lại nao nức đến với trại hè Về Nguồn để sống những ngày cuối tuần ngắn ngủi nhưng vô cùng thú vị cùng với các bạn Việt Nam trong khuôn viên rộng

mênh mông, bao bọc bởi rừng cây xanh um, tách biệt hẳn với thế giới bên ngoài.

Khi nào xe chạy trên con đường hẹp và lượn vòng, lọt vào giữa hai hàng cây cao, cành lá đan nhau, khiến bạn tưởng như đang đi trong một đường hầm, là lúc bạn chuẩn bị rẽ trái để đến với thế giới của chúng ta rồi đấy.

Kìa! Bạn có thấy tấm biển đề chữ Camp Round Meadow không? Lại có cả miếng bìa lớn đề: Trại Hè Về Nguồn, dán trên thân cây nữa.

Vừa rẽ vào trại, bạn đã thấy mấy anh chị ngồi sau hai cái bàn dài bên một gốc cây, phía trên có chăng một tấm biển ngữ thật lớn: Registration.

Bên tay phải các bạn là khu đất trống để đậu xe. Tôi chắc chắn rằng khi các bạn tới nơi thì đã có năm bảy cái xe nằm ngoan ngoãn ở đó rồi vì anh Trưởng trại và các anh chị Counselor: Lê Văn Hùng, Lê Trí Hùng, Xuân Thường, Ngọc Hùng, Tiến Đạt, Tiến Thịnh, Thái, Quảng, Trí, Thu An, Anh Thư, Minh Đức, Tổ Tâm, Bích Thu, Bích Thuận... thường tới rất sớm để chuẩn bị những việc cần thiết.

Sau khi ghi danh, các bạn được phát một áo thun có đề hàng chữ “ Trại Hè Về Nguồn 199...” , một huy hiệu tròn tròn như cái nút áo thật lớn với bốn màu khác nhau để phân biệt bốn “đom” và một tập bìa bên trong có đựng các bài hát và nội quy, thời khóa biểu của trại.

Huy hiệu của trại do chị Ngô Chi Mai vẽ. Đẹp và đầy ý nghĩa, phải không các bạn? Một nhánh cây đơn sơ, một đàn chim nhỏ xiu đang bay về cái tổ be bé xinh xinh.

Các bạn đã làm xong thủ tục nhập trại rồi ư? Xin các bạn theo Counselor của các bạn, mang “ba lô” và gối chăn về “đom” của mình.

Bốn cái “đom” dài nằm rải rác, ẩn mình dưới những tàn cây rậm lá thật là thơ mộng phải không các bạn? Các bạn ngạc nhiên khi vào “đom” thấy mười mấy chiếc giường nệm nhỏ kê thành hai hàng phải không? Chỗ ngủ của các bạn đó. Các bạn không có phòng riêng đâu. Đi trại mà ở như thế này đã là sang và tiện nghi quá rồi đấy! Còn ba căn phòng giữa “đom” thì một phòng là phòng tắm, hai phòng kia dành cho bốn anh chị Counselor và cũng là bức tường ngăn cách hai nhóm trại sinh nam, nữ đấy bạn ạ. Các cụ ta ngày xưa có câu “ Nam nữ thụ thụ bất thân” nên xin các bạn cẩn thận, đừng đi lạc nhé. Tám con mắt của bốn anh chị Counselor luôn luôn theo dõi gót ngọc của bạn đấy!

À, “đom” của bạn tên là gì nhỉ? Hà Nội, Huế, Saigon, Đà Lạt hay Hải Phòng, Nha trang, Bến Hải, Cà Mau ?

Bạn có thể dừng dung khi nhắc đến các tên ấy vì bạn nào có dính dáng gì đến những nơi chốn xa lắc xa lơ đó ! Nhưng những cái tên ấy đã khiến hồn tôi rung rung cảm xúc. Vì đó là những thành phố trong hồi tưởng của tôi. Những thành phố mà tôi đã sống, đã đi qua, thường vẫn ngủ vùi trong tiềm thức tôi. Nhưng chỉ cần một sự đánh động thật khẽ, chúng cũng vùng dậy trong tôi với biết bao yêu thương và tưởng tiếc.

Ồ, tôi thật lẩn thẩn quá đi thôi ! Tại sao bỗng dung tôi lại nói đến những thành phố trong hồi tưởng của riêng tôi với các bạn ? Tôi xin trở lại với trại hè Về Nguồn của chúng mình, bạn nhé. Cát đồ đặc xong, xin mời các bạn đi thăm một vòng trong trại để ngắm cảnh, ngắm người.

Trên sân banh có hàng rào cao vây bốn chung quanh, một số các bạn đang chơi bóng rổ. Trước các “đom”, một số các bạn tụ năm, tùm ba, nói cười vui vẻ, một số bạn lại đi dạo trên những lối đi hẹp và rợp bóng mát, tâm sự vụn.

Phía sau “đom” Saigon và gần sân banh, một số bạn ngồi trên thảm cỏ xanh xanh hát vang vang bản nhạc Hè Về của nhạc sĩ Hùng Lâm :

“Trời hồng hồng, sáng trong trong
Ngàn phượng rung nắng ngoài song
Cành mềm mềm, gió ru êm
Lộc màu mây bích ngọc qua màu duyên...”

Ở một góc, phía bên trái, có những băng ghế gỗ dài kê xung quanh một khoảng đất trống, một anh đang lui cui xếp củi để chuẩn bị cho buổi lửa trại đêm nay. Dáng dấp anh quen thuộc, anh làm nhanh và gọn, chứng tỏ anh làm công việc này trong nhiều năm mà vẫn chưa có người thay thế. Đó là anh Bùi Vũ Đức, anh vui tính và hát rất hay. Anh cũng là một MC sáng giá trong những buổi văn nghệ của Hội Văn Hóa Việt Nam Vùng Hoa Thịnh Đốn.

Phòng ăn, nhà bếp nằm ở phía bên trái của “đom” Saigon.

Những năm đầu trại hè, tôi và bà Đặng Văn Sung, một vài phụ huynh cùng các anh chị: Nguyễn Tiến, Nguyễn Minh Trí, Lê Doãn Thu An, Hồng Anh... lo phần ẩm thực cho các trại sinh.

Khi đi chợ, tôi thường nhờ anh Nguyễn Tiến đi cùng vì tôi biết, tấm thân nhỏ bé yếu đuối của tôi, khó mà khuôn vác tất cả các thực phẩm cần mua, mang ra xe. Nhưng thật không ngờ, anh Tiến còn đảm đang hơn tôi nhiều! Anh giúp tôi tính toán đầu ra đây, mua vừa đủ thức ăn, không dư thừa hay thiếu hụt. anh nhẩm tính, cộng trừ nhân chia một hồi rồi cho tôi biết phải mua bao nhiêu trái dưa hấu, bao nhiêu trái Cantaloupe, bao nhiêu ký thịt... Bấy giờ tôi mới biết, người nào giỏi thì cái gì cũng giỏi cả! Anh Tiến học ở một trường đại học nổi tiếng của nước Mỹ MIT, tôi không biết anh có bao nhiêu bằng cấp, nhưng tôi biết anh của anh Tiến, anh Nguyễn Tuệ có tới 4, 5 cái bằng Tiến Sĩ ở MIT, vì hồi đó báo chí có đăng tin.

Những năm sau này, phòng ăn, nhà bếp là nơi tung hoành của anh Lê Văn Quảng với các phụ tá đảm đang: Đỗ Như, Diễm Kiều, Tú Anh, Kim Dung... nên tôi chỉ còn được làm thợ vịn!

Phòng Gym rộng mênh mông trước cửa “đom” Saigon, chỉ sử dụng khi không thể đốt lửa trại nếu trời mưa nên bạn chẳng cần vào đó làm gì.

Sáu giờ, mời các bạn ra sân cỏ phía sau nhà bếp, nắm tay những người bạn mới, quay thành một vòng tròn mà cái tâm là anh Trưởng trại Lê Văn Hùng, Nguyễn Xuân Thương, Lê Trí Hùng, Phan Nguyễn Ngọc Hùng, Nguyễn Tiến Thịnh, Nguyễn Tiến Đạt với cái loa vang vang những lời nhẩn nhủ dặn dò. Rồi các bạn cùng nhau cất cao tiếng hát:

“Anh em ta về

Cùng nhau ta sum họp này

Một hai ba bốn năm

Anh em ta về

Cùng nhau ta quây quần này

Năm bốn ba hai một...”

Bây giờ, xin các bạn xếp hàng vào lấy phần cơm trong nhà bếp, rồi ra phòng ăn, ngồi cùng khu với các bạn của “đom” mình.

Bạn đừng quên, trong nhà bếp luôn luôn còn thức ăn, bạn có thể trở vào và xin cứ tự nhiên như ở nhà. Nếu bạn để bạn đói, thì đó không phải là lỗi của ban tổ chức đâu, bạn nhé.

Sau bữa ăn tối là một giờ sinh hoạt tự do.

Giờ này, bạn có thể về “đom”, mở bông sen tắm ào ào. Bạn cũng có thể lạng sang các “đom” khác để nối vòng tay lớn, tìm bạn bốn phương. Nhưng bạn hãy kín đáo một chút nhé, chỉ nên xin số phone hoặc điện thư của nhau thôi. Chuyện gì thì tính sau vì tôi đã nghe một em bé 15 tuổi theo chị đi trại hè, về nhà, mách với mẹ: “Các anh chị tán nhau không à!”

Cũng vì thời khóa biểu của trại có những khoảng trống như vậy nên đã có lần nhiếp ảnh gia Phạm Bá Vinh nói với tôi là anh đi chụp hình một vài đám cưới và được cô dâu, chú rể cho biết họ đã gặp nhau ở trại hè Về Nguồn . Và chính tôi, tôi cũng tìm được rế hiền trong trại hè đầu tiên năm 1990.

Năm ấy, tôi bắt hai cô con gái Bích Thu, Bích Thuận và cậu con trai Hồng Thái đi tham dự trại hè. Bích Thu vừa khoác ba lô lên vai, vừa càu nhàu :

- Mẹ bắt con đi thì con đi, nhưng mẹ đừng mong con gặp ai ở trại hè !

Hôm ấy, buổi chiều tôi mới đến trại vì phải cần mua thêm bún và mấy thứ lặt vặt. Trước khi ra xe, Bích Thu gọi điện thoại cho tôi :

- Mẹ ơi, vui lắm mẹ !

Thì ra Bích Thu đã gặp “Ai” ở trại hè và mối tình điện thoại viễn liên Washington DC- New York kéo dài bảy năm đến mùa hè năm 1997 thì Thu, Phú dắt tay nhau lên xe hoa, cùng nhau xây tổ uyên ương.

Nhắc đến chuyện này, tôi không hề có ý quảng cáo trại hè Về Nguồn là văn phòng se duyên đâu bạn nhé. Vì tôi ngại, sẽ có rất nhiều bạn tìm đến tôi và phàn nàn : “Con đi trại hè nhiều năm mà vẫn chẳng gặp “Ai” cả !

Đã gần mười giờ tối rồi đấy bạn ạ. Anh Trưởng trại đang cầm cái loa đi vòng vòng yêu cầu các bạn ra sân đốt lửa trại.

Các bạn hãy chuẩn bị đèn pin rồi ra ngồi trên các băng ghế theo từng “đom” và sẵn sàng các tiết mục đặc biệt như hát, hò, kể chuyện vui, các trò chơi...

Bên ánh lửa hồng, anh Quản trò Bùi Vũ Đức cầm loa “Điều binh khiển tướng” Thịnh thoảng anh lại dùng một cành cây dài, khoi đóng củi khô đang cháy khiến ánh lửa cháy bùng lên và kêu lách tách nghe thật vui tai.

Tinh thần ganh đua giữa các “đom” được thể hiện mạnh mẽ bằng những tiếng la, tiếng hét.

Anh Quân trò và các trại sinh của bốn “đom” đã thành công, đã làm cho các bạn cười nghiêng ngả trong đêm khuya.

Khi ánh lửa gần tàn thì các bạn cũng đã thấm mệt. Xin mời các bạn ghé vào phòng ăn, vì ở đó có những ly chè sương sa hạt lựu, đậu đỏ bánh lọt hoặc bắp luộc, đang chờ các bạn.

Ăn chè xong, các bạn về “đom”. Và chỉ nửa giờ sau, tất cả các bạn sẽ nằm ngủ ngon lành dưới những tấm chăn đủ màu sắc với nhiều mộng đẹp.

Anh Trưởng trại và các anh chị Counselor thì có thể ngủ trễ hơn một chút. Các anh thường soi đèn pin đi vòng vòng quanh trại, xem xét sự tỉnh và ngắm ngàn sao lấp lánh trên trời, mảnh trăng treo trên ngọn cây trong cảnh đêm khuya tịch mịch.

Hình như anh Trưởng trại Nguyễn Xuân Thường còn cái thú khám phá những con đường nhỏ, bên ngoài phạm vi của trại để đi thiền hành vào lúc sáng tinh mơ, để được độc quyền nghe chim hót và ngắm cảnh vật còn chìm trong màn sương mờ ảo.

Thứ Bảy là một ngày thật bận rộn phải không các bạn ? Mới bảy giờ sáng, anh Trưởng trại đã đi vòng quanh các “đom”, lắc chuông kêu leng keng để đánh thức các bạn.

Sau bữa ăn sáng với bánh giò, bánh bao, xôi bắp, xôi nếp xường... Các bạn ngồi nghe Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, Đào Thị Hợi, Kim Oanh, anh Vĩnh Lạc..nói về văn hóa Việt Nam.

Tôi nhớ, hình như trong buổi nói chuyện của anh Vĩnh Lạc, có chiếu hình phong cảnh và các loại trái cây Việt Nam như cóc, ổi, măng cụt, mít, xoài, na... không có bạn nào ngủ gật thì phải. Còn các giờ khác, thì thế nào tôi cũng bắt gặp một vài cô cậu ngáp ngắn, ngáp dài.

Giờ họp nhóm, bữa ăn trưa với cơm thịt nướng, bò kho...qua nhanh. Các bạn lại ngồi rất nghiêm trang nghe bác Phạm Quốc

Tuấn, anh Lê Văn Hùng, Giáo sư Cao Thế Dung...nói về lịch sử Việt Nam hoặc chơi đồ vui để học.

Bác Phạm Quốc Tuấn đội mũ lưỡi trai nói “Liên khúc lịch sử Việt Nam” rất vui khiến các bạn lắng nghe một cách thích thú.

Giáo sư Đào Thị Hợi nói về phụ nữ Việt Nam, đã tạo được một bầu không khí sôi nổi vì các em gái, nhất là Bích Thu, hằng say phát biểu ý kiến,

Bữa cơm tối, các bạn ăn vội vã rồi trang trí phòng ăn cho phần trình diễn văn nghệ và dạ vũ.

Chương trình văn nghệ những năm đầu phong phú như một buổi trình diễn trên sân khấu với đủ các tiết mục : Hát, hò, ngâm thơ, múa, đàn tranh, kịch...

Nhưng những năm sau, phần văn nghệ Việt Nam giảm dần, thêm vào đó là những bài hát tiếng Anh và những điệu vũ mới rất ngoạn mục.

Buổi văn nghệ trại hè năm cuối cùng 1999, cũng vẫn còn nhiều tiết mục Việt Nam và đặc biệt khi chị Kim Dung hát Quan họ thì căn phòng im phăng phắc. Lại có thêm em Nguyễn Trần Hồng Ngọc ở “đom” Đà Lạt, đã làm bài thơ “Đà Lạt Của Tôi” và nhờ chị kim Dung ngâm, khiến tôi vô cùng ngạc nhiên và thích thú.

Chương trình văn nghệ chấm dứt, tôi thấy các bạn chạy vội về “đom” để “lên khung” cho phần dạ vũ.

Ánh đèn mờ ảo khiến các cô đã đẹp lại càng đẹp thêm làm cho các cậu ngẩn ngơ không biết phải mời cô nào ?

Điệu nhạc mới thế mà tiện phải không các bạn ? Cứ việc kéo nhau ra đứng chật cả căn phòng, nhún nhảy cho tới khi mệt thì bản nhạc cũng vừa chấm dứt. Cô Kim Oanh, bác Phạm Quốc Tuấn luôn luôn trẻ trung sát cánh cùng các bạn trong buổi dạ vũ. Cô Kim Oanh biểu diễn Valse với anh Lê Trí thật là bay bướm. Cô cũng sẵn sàng kéo bạn vào phía trong, chỉ cho bạn vài “chiêu” để bạn góp mặt với bạn bè cho vui nếu bạn chưa biết nhảy.

Đèn bật sáng, các bạn chạy ủa vào bếp lấy chè ăn cho ngọt giọng và cùng nhau chuyện trò vui vẻ. Anh Trưởng trại cũng cảm thông, muốn cho các bạn vui thêm một chút nữa nhưng anh chàng cảnh sát của trại đã đậu xe bên hông nhà bếp rồi vào phòng nhắc nhở.

Thế là các bạn phải lục tục soi đèn pin, trở về “đom” trần trọc hoặc trốn vào những giấc mơ êm.

Sáng Chủ Nhật, các bạn dọn “đom” sạch sẽ, ăn điểm tâm rồi ra sân cỏ phía sau nhà bếp chụp ảnh lưu niệm, mặc áo thun đồng phục, chìa lưng cho nhau viết và ký để làm kỷ niệm.

Trước khi lên xe về lại với cuộc sống bận rộn, nhiều căng thẳng, các bạn đã lưu luyến nắm tay nhau hát vang vang :

“Gặp nhau đây rồi chia t

Ngày vàng như đã vụt qua trong phút giây...”

Ba mươi hai năm đã vụt qua! Cô Nhị năm xưa của trại hè Về Nguồn đã già lắm rồi! Mà người già thường sống với kỷ niệm. Hôm nay cô Nhị xin chia sẻ với các anh chị trong Hội Văn Hóa cùng các trại sinh những điều cô còn nhớ mà các em đã quên...

Lê Thị Nhị





THĂM CHARLESTON, SOUTH CAROLINA NGỌC HẠNH



Gia đình
Vân ở Myrtle
Beach được 4
hôm. Trưa hôm
sau con Vân trả
phòng lên
đường đi
Charleston,
South Carolina,

cách Myrtle Beach khoảng hơn 2 tiếng lái xe. Buổi sáng các con rủ nhau đi tắm biển. Cũng may biển lặng không có sóng. Nếu sóng to họ cắm cây cò đỏ và không ai dám xuống biển. Trước khi ra biển các cháu ghé phòng ăn lấy túi đựng thức ăn điểm tâm với hàng chữ “chúc một ngày vui vẻ” trong có sữa, trái cây, sandwich, bánh ngọt... dành cho những người muốn dùng điểm tâm ngoài bãi biển hoặc đi du ngoạn sớm. Ai muốn lấy thêm món ăn gì trong quầy tùy ý: bánh croissant, muffin, táo, cam, quýt, chuối, trứng, thịt nguội, sữa chua...

Từ Myrtle Beach đi Charleston tòa nhà lớn nhỏ hay hàng quán dọc 2 bên đường. Cũng có ruộng trồng toàn hoa hướng dương mênh mông và cây xanh xanh nhưng không phải đậu hay thuốc lá. Không thấy cây bông vải. Các con Vân cho biết bông trồng nhiều ở Georgia. Dọc đường và trước nhà hoặc nơi sân thương xá, siêu thị có nhiều cây lạ, Vân mới thấy lần đầu tên gọi *Spanish Moss*,

bám vào các nhánh cây sồi to thông xuống đất giống như rễ cây si, màu trắng ngà, nhiều lắm, dài khoảng 1/2 mét đến 1 mét hay hơn. Tuy tên gọi *Spanish Moss* nhưng không phải xuất xứ từ nước Tây Ban Nha. Các cháu cho biết South America và Texas cũng có loại cây này. Chim lấy Spanish Moss làm tổ. Người ta còn gọi là "tree hair" hay cây "long beards"...

Đại Cương:



Charleston South Carolina có khoảng 139.000 dân (2020) cửa vào Đại tây dương, có cảng Charleston, sông Cooper, Ashley và Wando. Thành lập năm 1670,

Charleston là thành phố lớn của Nam Carolina. Mùa Hè Charleston nhiều mưa, mùa Đông ít khi có tuyết. Vào thế kỷ thứ 18 Charleston là thành phố quan trọng về nông nghiệp và mua bán nô lệ. Hầu hết nô lệ châu Phi đưa qua Mỹ ghé cảng Charleston, cảng lớn thứ tư Hoa kỳ, sau Boston, New York, Philadelphia và từ đó đưa đi các tiểu bang khác. Trong số người da đen đưa vào Hoa kỳ có cả phụ nữ và trẻ em.

Hàng trăm ngàn người Phi Châu được đưa qua Mỹ làm công nhân, người hầu, phu đồn điền, khuân vác...

Thời kỳ ấy người Phi Châu thường làm những việc nặng nhọc. Charleston có nhiều đồn điền. Các chủ đồn điền miền Nam Hoa Kỳ thường là chủ nô, có nô lệ nhiều ít tùy theo nhu cầu công việc như trồng và hái thuốc lá, bông vải, trồng mía, nuôi gia súc, các việc nặng khác... Năm 1750 Charleston có chợ bán đấu giá nô lệ công khai. Sau nội chiến Nam Bắc (Civil War 1861-1865) chế độ

nô lệ bị hủy bỏ, người da đen được đi bầu, được vào nhà hàng, được học trường học như người da trắng... Các đồn điền thiệt hại nặng vì thiếu nhân công giá rẻ. Các tiểu bang miền Nam Hoa kỳ lúc ấy chưa dùng các dụng cụ hiện đại trong nông nghiệp như máy cày, máy ủi đất, máy gieo hạt, thu hoạch hoa màu bằng máy. Năm 2018, thành phố chính thức xin lỗi việc buôn bán nô lệ thời xa xưa.

Du Ngoạn:

Các con Vân đưa cả nhà thăm vài nơi trong thành phố sau khi nhận phòng khách sạn và nghỉ ngơi chốc lát.



Theo tài liệu khách sạn, Charleston có nhiều di tích lịch sử và thắng cảnh. Khoảng xế chiều con rẽ cho xe chạy một vòng thành phố, những nơi gần gần khách sạn, qua nhiều kiến trúc khang trang ở French Quarter, Church St, Charmers St..., thấy khu “Rainbow Row”, những phố lầu cao 3, 4 tầng, sơn nhiều màu khác nhau, hồng, vàng, cam, xanh, tím, đỏ... vui mắt

nằm phía đối diện bờ sông. Nơi vỉa hè trước khu phố có hàng cây palmetto thân suông đuột, cao, thẳng đứng, lá xanh to đang có trái. Có những đường nằm ngang đường bờ sông, nhỏ, xe chạy chỉ được hai chiều xuôi ngược. Các nhà ở những đường này kiến trúc xưa nhưng đẹp, hoa cỏ cắt tỉa cẩn thận. Nếu là nhà lầu các cửa sổ có trồng hoa xinh xắn như phần lớn khu gia cư Âu Châu.

Đường bờ sông xe qua lại nhiều và du khách đi trên vỉa hè cũng đông, chẳng thấy ai mang khẩu trang. Xe tìm chỗ đậu và cả nhà đi bộ đến bồn phun nước ở giữa có hình trái thom (*pineapple fountain*) xinh xắn gần cầu tàu Charleston. Cầu rộng, dài, có lan can từ đường xe chạy ra tận ngoài sông khá xa, có nóc che và nhiều băng màu đen cho khách ngồi nghỉ chân, giải khát, nhìn chim biển, nước xanh, thưởng thức gió mát.

Sở quan thuế (United States Custom House) bên kia đường gần cầu tàu, đẹp, hơn 100 tuổi nhưng còn tốt, chắc chắn (xây 1879) nhưng khi về khách sạn xem tài liệu trên mạng lưới mới biết kiến trúc này được tu bổ năm 1968, tốn 212.000 mỹ kim.



Bồn nước Pineapple như công viên hình tròn, chung quanh có cỏ hoa xinh đẹp, lối đi lát gạch sạch sẽ. Nước phun ra liên tục từ trái dừa giữa bồn nước. Thiên hạ chụp ảnh kỷ niệm nơi đây, trẻ con người lớn khá đông, có lẽ du khách ở xa đều đến đây xem cho biết. Từ đó cả nhà vào “Công Viên Bờ Sông” (Waterfront Park) nằm dọc theo bờ sông Cooper, dài khoảng 1,5 dặm, chiều ngang cũng rộng hơn 2 mẫu tây.

Bờ sông nơi công viên có hàng cây palmetto cao ngệu, thẳng đứng, đường đi sạch sẽ, đèn đường mỹ thuật và nhiều băng son đen dọc theo con đường. Gió sông nhẹ thổi lên mát mẻ, dễ chịu. Bên trong công viên nhiều cây to trồng theo kiểu cách chuyên môn có hàng lối ngay ngắn. Các đường đi trong công viên rộng rãi, lát gạch, có bồn nước phun nước trắng xóa trong vườn cây.

Rất nhiều băng son đen đặt rải rác dọc theo lối đi trong công viên. Xe chạy ngang qua chợ bán nô lệ ngày xưa, viện bảo tàng “Old Slave Mart Museum”, City Market...

Harbourview Inn nằm gần Công Viên Bờ Sông. Cả nhà đi bộ về chỗ đậu xe. Vân không nhớ đậu xe miễn phí hay phải trả tiền nhưng vào công viên tự do. Cả nhà dùng com chiều ngoài phố trước khi trở về khách sạn.

Tòa nhà chẳng biết xây cất năm nào nhưng trang trí theo lối cổ xưa, đẹp, bàn ghế nơi phòng ăn và phòng ngủ, màn cửa, bàn viết như kiểu cách đây cả thế kỷ.

White Point Gardens

Hôm sau các con đưa Vân đến viếng *White Point Gardens* ở Đại lộ Murray và King St. nơi các con Vân khuyến khích đi xem cho



biết. Công viên rộng hơn 2 mẫu, có một mặt quay ra bờ sông, mở cửa công chúng viếng thăm từ đầu thế kỷ 19.

Đến nơi tuy còn sớm nhưng đã đông du khách, nơi đậu xe gần

hết chỗ. Chẳng thấy du khách mang khẩu trang. Trong vườn toàn là cổ thụ hơn 100 tuổi, cành lá xum xuê, gốc cây to lắm do những người chuyên nghiệp trồng, thẳng hàng theo khoảng cách nhất định rất đẹp mắt. Trong vườn sạch sẽ, nhiều bóng mát, chẳng thấy lá vàng, lá khô hay cành cây nhỏ rơi trên thảm cỏ xanh. Có lẽ công nhân quét lá từ sáng sớm. Vân nói như thế vì sân cỏ nhà Vân sáng nào cũng có lá rơi từ cây cổ thụ hàng xóm bay sang dù trời không gió không mưa. Hai kiến trúc nhỏ hình bát giác (Gazebo) sơn trắng xinh xắn với những bụi hoa mùa hè đang ra hoa rực rỡ chung quanh, tăng thêm vẻ đẹp trong công viên nhiều cây xanh bóng mát. Nơi đây thường có các buổi trình diễn âm nhạc, đám cưới, cô dâu chú rể và gia đình thân hữu hoặc du khách đến chụp hình kỷ niệm.

Trước công viên phía bờ sông thật lý tưởng cho người đi dạo lúc bình minh hay chiều tà. Vía hè hai bên con đường này rộng rãi, phía bờ sông có lan can. Đường xe chạy cũng rộng. Xe đậu dọc con theo đường gần công viên. Rất nhiều tượng danh nhân hay chiến sĩ, to bằng hay hơn người thật, đặt trên các bục đá cao khỏi đầu người trước công viên sát vỉa hè. Có tượng mặc quân phục, có tượng mặc thường phục. Có nơi trên bục đá chỉ một tượng, có bục đá hai tượng đứng chung và còn có một tượng bán thân. Dĩ nhiên nơi bục đá có tên tuổi, tiểu sử bức tượng nhưng Vân không nhớ để ghi lại. Ngoài ra còn nhiều cỗ đại bác đặt trên cỗ xe hay giá súng thật to, miệng súng đen ngòm hướng về con sông rộng. Một số đạn đại bác to như quả dưa hấu nhỏ xếp thành hình tháp gần những súng đại bác. Được biết đó là những canon dùng trong chiến tranh Nam-Bắc (Civil War) vào năm 1861-1865. Tượng tượng khi những quả đại bác đó chạm vào tường thành hay chiến hạm sức công phá sẽ vô cùng mãnh liệt. Vân bùi ngùi nghĩ đến các chiến tranh từ ngày xưa và nay.

Ngày xưa cách đây hơn 200 năm nội chiến Hoa Kỳ, chiến tranh Nam- Bắc làm thiệt mạng khoảng 750.000 chiến binh hai bên. Quê hương Vân chiến tranh Việt Nam cũng làm cả triệu quân nhân chết trong các trận chiến không kể thường dân vô tội. Tội nghiệp hơn là có 58.000 người đồng minh Hoa kỳ chết và mất tích ở Việt Nam, một quốc gia xa xôi, không người thân, họ hàng cha mẹ vợ con bên cạnh. Chiến tranh để lại các cô nhi quả phụ, vợ trẻ khóc chồng, con thiếu cha, tang tóc nhớ thương, đau buồn khôn nguôi cho gia đình, cha già mẹ yếu. Ngoài ra còn những người bị thương tật vì súng đạn và các thiệt hại khác về tài sản, kinh tế, thương mại, giáo dục... Trẻ em không dám đến trường trong vùng khói lửa. Các công trình kiến trúc xinh đẹp, nhà cửa dân chúng bị hư hại, ruộng vườn, đồn điền hoang phế, buôn bán đình trệ, kinh tế suy thoái... Vì chiến tranh đồng bào Việt Nam và gia đình Vân rời bỏ quê hương cách xa nửa vòng trái đất đến cư ngụ xứ Cờ Hoa, may mà được an toàn và đón nhận, cho học chữ học nghề. Vân nói may vì có người làm môi cho cá biển hay chết vì hải tặc trên đường tìm tự do.

Xin lỗi quý độc giả, Vân đã lạc đề nhưng các khẩu đại bác làm Vân xót xa nghĩ đến các việc không vui, những chết chóc tang thương do chiến tranh gây ra và hết muốn đi xem các thắng cảnh tiếp theo dù gió mát trời trong, cây xanh nước biếc, chim hót trên cành, có hoa có bướm, cảnh trí êm đềm thơ mộng trừ... mấy khẩu ca-nông. Vân biết Charleston còn nhiều di tích lịch sử, cảnh đẹp khác như: đồn điền và vườn Magnolia, viện Bảo tàng Charleston, Angel Oak, hồ nuôi cá Charleston...

Vân cầu mong Việt Nam và các quốc gia trên thế giới được hòa bình, không chiến tranh, hết dịch cúm Covid, kinh tế phục hồi, mọi người an cư lạc nghiệp, trẻ em đến trường, dân chúng sống bình an, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau...

Ngọc Hạnh



TA NHỚ EM

PHAN KHÂM

Ta nhớ triền miên ánh mắt em
Cầu vồng bảy sắc vắt lên trên
Em long lanh sáng dịu ta dậy
Cứ ngỡ còn ngàn lẻ một đêm

Ta nhớ mỗi mồn đôi mắt em
Vào khuya trong vắt giọt sương đêm
Nâng niu ta đợi hồn cây cỏ
Thanh thoát cho mình được gọi tên

Ta nhớ cuồng say nháy mắt đen
Như chùm nho chín đã lên men
Ta dâng rượu đỏ mời em uống
Mùi ngòn thiên thần nở đóa sen

Ta nhớ đại khò khé mắt nai
Suối mây cuộn cuộn phủ bờ vai
Ta về lũng thưng trong rừng vắng
Gào thét muôn chiều chả gặp ai

Da diết nhớ em mắt phượng dài
Đôi đời ta áo mũ cân đai
Em nhìn rực lửa như mùa hạ
Xô đẩy ta về chốn khổ sai.

Phan Khâm



KÝ ỨC THU

KIM OANH



Sáng xa tiếng gió khẽ khàng
Ru hồn khúc nhạc lá vàng nhẹ ngân
Một thời áo trắng băng khuâng
Mùa xưa yên ả trong ngần dòng trôi
Chiều xa nhạt lá êm rơi
Cất vào ký ức đẹp ngời ước mơ
Xếp thành thuyền lá đợi chờ
Xuôi về bến mộng tình thơ học trò.

Kim Oanh - Thu 2025



TÌM EM GIỮA PHỐ HẠ HỒNG

TUÔNG DUNG

(Tặng chị Nguyễn Nhung và Miên Thụy)

Hạ hồng hay đang chiều Đông?
một mình quanh trên phố lạ
ngẩn ngơ chiều oi, về đâu
gió xoáy đầy lòng, buốt giá!

Chờ em, ngày qua thật lâu
tìm em, sâu dằng mắt đỏ
Amsterdam trời mây mù giăng
Hạ oi, nắng ngủ sao đành!

Phố dài, người đi thật đông
không em chỉ là quạnh vắng
ngồi nghe thời gian dần trôi
nhớ em lòng đau rã rời!

Tàu ơi, sao không dừng chân
đưa người đến bến đợi mong
buồn ta như sóng mịt mù
vỗ hoài những âm vô vọng!

Đành thôi, vì duyên là không
chờ nhau tìm trong giấc mộng.
về thôi, chiều mưa còn rơi
lòng ai lệ dầm toi bời!

Amsterdam, tình dâng đầy vui
Hẹn em ngày nắng bên đời!



LÀNG XƯA BÂY GIỜ

TRẦN PHÚ ĐA

Sinh ra từ gốc rạ rom
Lời ru của mẹ miếng com của bà
Mồ hôi thấm vạt áo cha
Ngã ba phiên chợ mặn mà củi than
Yêu em với bông cải vàng
Hoa cà tím nụ rước nàng làm dâu
Lên phố làng xưa về đâu
Cỏ ven đường úa nát nhàu tuổi thơ
Giờ về đây lòng ngẩn ngơ
Tìm hòn sỏi cũ mấp mò dấu chân
Điện đêm trải rộng trắng ngần
Đèn dầu năm ấy gọi thân chốn nào
Lung còng mẹ vá chiêm bao
Bàn chân chai sạn còn cào tình cha
Bao năm rồi lạc phương xa
Con sông hẹp lại đồ qua cấm sào
Hoa sim khó kiếm để trao
Lời yêu son nữ nôn nao khó tìm
Làng thành phố mắt lim dim
Lạ xa tôi bước dò tìm bóng ai
Hương cau buông xỏa lạnh vai
Tóc mùi bồ kết sớm mai có còn?

Trần Phú Đa



GIẤC MƠ CHIỀU THÁNG BẢY

PHƯƠNG HOA

Ráng chiều loang loáng vầy
Những cánh tay nuốt nà
Sắc màu đường run rẩy
Xuyên xao trong hồn ta

Chiều xưa hàng Phượng vĩ
Nơi công viên Tao Đàn
Bên nhau mình thủ thi
Bao ước mơ ngập tràn

Tay lồng tay ấm áp
Đầu tựa đầu yêu thương
Dòng thơ trào bát ngát
Lời ngâm hòa trong sương

Ngày chia tay vội vã
Thế sự đầy oái oăm
Chừ quê người tháng Bảy
Chiều giấc mơ gọi thầm...

Phương Hoa



MỘT MÌNH III

NGUYỄN TƯỜNG GIANG

tôi thường ngồi một mình
nhìn ra ngoài cửa sổ
buổi sáng nắng lên buổi chiều nắng đỏ
một ngày đã trôi qua
một ngày đã trôi qua
âm thầm và lặng lẽ
tôi vẫn ngồi một mình
nhìn ra ngoài cửa sổ
mùa xuân nhìn hoa nở
mùa hè nhìn chim bay
mùa thu nhìn lá rụng
mùa đông phủ tuyết đầy
tôi vẫn ngồi một mình
nhìn ra ngoài cửa sổ
và đợi chờ ai đây...

một ngày mưa

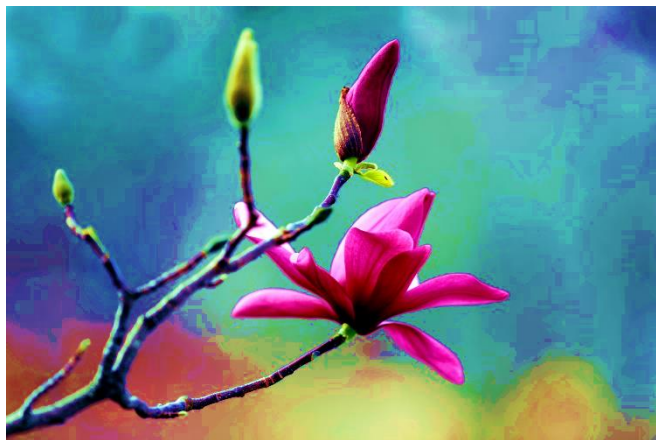
01/09/2024

Nguyễn Tường Giang



HƯƠNG NGỌC LAN

ĐỖ DUNG



- **A** bà, thưa bà con mới đến!

Tôi còn đang nằm nướng trên giường, con bé nhảy tót lên ôm bà, dụi đầu vào ngực bà nũng nịu:

-Michelle muốn ngủ bà, Michelle muốn ôm bà...

Tôi ôm con bé hít một hơi thật dài:

-Cục cưng của bà thơm ... thơm ... thơm ... !

Hai bà cháu ghìền nhau một lúc thì con bé nhồm lên, giường đôi mắt tròn xoe

-Bà ơi, nại nại!

Tôi vươn vai ngồi dậy nói vọng ra:

-Ông! Nại nại.

Chỉ đợi có thế ông đã xuất hiện ngay ở cửa phòng với bình sữa trên tay.

Chúng tôi có ba người con, năm đứa cháu. Ba thằng cháu ngoại, Kobe lên chín, Carter lên bảy, Logi hai mươi tháng. Hai cháu nội, Michelle gần ba và Kenneth hơn một tuổi. Cô con dâu

của chúng tôi người Việt gốc Hoa, buổi tối con bé ở nhà với bà ngoại, bà ngoại gọi con chị là Chế Chế còn thằng em là A Chảy. Chúng tôi ở nhà cô con gái, ban ngày con bé sang nhà bác chơi với các anh để ông bà trông nom một thể. Hai thằng lớn đã đi học nên nói chuyện với nhau bằng tiếng Mỹ, còn ông bà nói giọng đặc sệt Bắc kỳ. Con bé đang ở tuổi học nói, không biết trong cái đầu bé tí hon của nó có bị lộn xộn ba thứ tiếng không. Con bé Sang dậy mấy thằng anh « phán xẻ », « phan cao », « xức phàn »... muốn uống sữa thì đòi « nại nại ». Có những lúc thật buồn cười, khi ngồi vào bàn ăn, nó bảo Logi « xức phàn à », chỉ vào bát com nói bà « ăn com », quay qua hai thằng anh hô « eat! ». Buổi chiều khi mẹ nó đến đón, gọi con: « Chế chế phán xẻ! », nó quay lại khoanh tay: «Thưa ông bà con đi về».

Kenneth, thằng đích tôn ra đời sau cùng trong bảy cháu, ông bà đã «overload» nên phải nhờ bà ngoại cháu sang trông nom. Thằng bé khá khinh, bụ bẫm, hiền lành... không lém lỉnh, ranh mãnh như con chị. Con chị làm thủ lãnh còn thằng em chỉ lúp xúp theo sau. Khi thằng bé sắp ra đời, bố mẹ nó cuống quýt tìm tên. Các cháu dù được gọi tên Mỹ nhưng trong khai sinh vẫn giữ nguyên tên Việt. Bố mẹ cháu tên Khôi và Linh, muốn bộ tên L.U.C.K., Michelle đã có tên Minh Uyên, ông con xin ông bố chọn tên vần C, ông bố tùm tùm tìm trêu: Vân C thì có Cục ... ! Cuối cùng cháu cũng được ông nội đặt tên là Khiêm Cung và cả nhà đồng ý nếu các cháu có theo gương chị thêm đứa thứ ba thì đứa bé sẽ có tên Thiên Ý nếu là trai và Minh Yến nếu là gái để hoàn thành bộ L.U.C.K.Y.

Nói về con đầu cháu sớm phải kể chuyện Kobe – Minh Kha. Tôi vào phòng sanh với mẹ nó và tôi là người đầu tiên ôm thằng bé vào lòng, cảm nhận sự thiêng liêng, màu nhiệm và kỳ diệu của Hóa Công. Thằng bé to con, nặng hơn chín pounds. Mẹ nó nhỏ nhắn nên khi sanh xong bị hơi đuối sức, anh chồng phải ở cạnh

săn sóc vợ. Tôi bám theo thằng bé để khỏi lo bị tráo con. Nhìn thằng bé lòng tôi lâng lâng, nao nao khó tả, như có một sợi dây vô hình ràng buộc hai bà cháu. Tôi yêu thằng bé vô cùng, xa thì nhớ quá, nhớ quay... Khi cháu mới bập bẹ, vỗ tay vào miệng oa oa qua điện thoại với bà, tôi thu lại và giữ mãi mẫu băng đó, nghe hoài mà không biết chán.

Carter - Bảo Đăng kém thằng anh hai tuổi, gầy, cao, bảnh trai, láu lỉnh, thông minh và là « pet » của ông. Hai ông cháu rất tương đắc, ông nói gì cháu hiểu liền, cháu lại biết chiều ý bà, biết nịnh nọt ông. Ngặt một điều cháu rất biếng ăn, nếu không thúc thì bữa ăn kéo dài, dây dưa cả tiếng. Ra đường cháu nhanh nhẹn, luôn miệng hỏi và giải thích hết chuyện này tới chuyện kia, luôn bày đặt tài khôn với thằng anh to xác nhưng bộc tuệch như con gà tô. Tiếng Việt cháu rất giỏi khi còn ở nhà với ông bà, nay học đến lớp hai thì cũng gửi gió cho mây ngàn bay gần hết.

Út ít Logi - Minh Khang hóm hỉnh, cười khê cũng rõ hai cái lúm đồng tiền. Bố mẹ cháu đã có hai thằng con trai, cố sanh thêm để kiếm một mụn con gái nhưng lại vẫn ra cái thằng cu! Mới bập bẹ nói mà ông hay bà hỏi : « Con có yêu ông bà không? » thì cu cậu toét miệng ra : “ Dạ tót! ”. Hai thằng anh thì cao, thằng em nhỏ bé nên ông gọi là con vẹt đẹt. Ông bà ráng vỗ, mua Pediasure, ngày nào cũng xay xay, giã giã ... làm đồ ăn cho cháu, giả làm hề, làm tàu bay, tàu bò... để dụ nó ăn mà nó cũng chẳng lớn nhanh cho. Kenneth thì ăn như hùm, như hổ, chả phải dỗ dành và cứ lớn nhanh như thổi. Cô con gái trêu mẹ, phân bì : « Bà ngoại mình ơi, sao bà ngoại Kenneth nuôi nó bự quá, bà ngoại mình nuôi thằng Còm, bà ngoại mình dóm rồi, bà ngoại mình ơi! »

Hè vừa qua bà ngoại Michelle về Việt Nam hơn một tháng, hai vợ chồng tôi quay cuồng với đám cháu từ sáng sớm đến tối khuya. Cả buổi sáng chỉ lo thay tã lót cho ba đứa nhỏ rồi lo ăn uống cho cả bầy, ăn xong ông cho hai thằng lớn ra sân dợt banh,

bà bày trò chơi cho ba đứa nhỏ. Đồ chơi đầy một nhà mà đôi lúc oái oăm thay cả ba cùng thích một thứ, eo sèo tị nạnh. Tôi nhớ hoạt cảnh gia đình tôi ngày xưa và nhớ bà nội tôi luôn luôn nói «xem tí, xem tí, chị phải nhường em» để bắt đứa lớn chịu thua. Ngày ấy tôi là lớn nên luôn phải chịu phần lép. Nay lịch sử tái diễn, tôi ở vị trí của bà và Michelle lại như tôi.

Những đi một chút là ba đứa kéo nhau vào bếp, ôi thôi nồi niêu, xoong chảo đem ra khua inh ỏi, chúng rủ nhau mở ngăn kéo lôi hành tỏi vút đầy ra sàn nhà, ông vào hét lên như còi tàu hỏa. Bà quýnh quáng thu góp, lôi ba đứa cho vào « family room » mở phim nhảy múa con nít. Thế là như một ban nhạc trẻ tài danh, ba đứa cùng múa may, nhảy nhót. Logi là vua phá, tất cả những gì có nút bấm là nó bấm loạn xạ, những “remode control” vào tay nó là kẻ như tiêu tưng.

Nhà tôi không bao giờ biết thay một cái tã hay pha một bình sữa cho con, bây giờ làm ông lại hóa giỏi. Chẳng qua tại ông thương vợ, không nỡ để tôi một mình vất vả nên phụ đỡ một tay, ông tiếp thu phần pha sữa cho mấy đứa bé, từ từ cho cháu ăn, cho cháu bú, khéo hời nào chẳng biết. Mẹ chồng tôi nếu còn sống chắc Cụ không thể tưởng tượng ra cảnh này!

Đến bữa ăn trưa hay chiều mới rắc rối, năm đứa năm kiểu, thằng lớn nhất mới chín tuổi đã cao gần bằng bà, số cân cũng chẳng kém, bố mẹ nó nhắc ông bà bắt nó « diet ». Khổ nỗi thằng bé cứ thấy đồ ăn là thèm. Thằng thứ nhì hơi gầy, lại biếng ăn ông phải hò, phải hét. Hai thằng bé con cũng vậy, chưa dứt cho thằng còm xong thì thằng ù đã há mồm sẵn đợi. Có Michelle là ngoan, cho phần ăn ngồi xúc lấy, chỉ đôi khi gặp món không thích là nhất định chẳng chịu ăn.

Ngày cuối tuần mới là ngày của bà ... Có những buổi chiều êm ả, tôi ngả mình trên chiếc ghế xích đu trong bóng rợp ở vườn sau. Màu nắng của buổi chớm thu hanh vàng và bầu trời thì xanh

trong vói vài cụm mây trắng trôi lơ lững. Mùi Ngọc Lan thoang thoang theo gió mon man khứu giác... đưa ký ức tôi bênh bồng, bênh bồng trôi về dĩ vãng.

Tôi nhớ bà nội tôi, nhớ xót xa. Năm tôi bé như Michelle bây giờ mà đã có hai em, Minh Thuận và Vân Hạnh. Những món đồ chơi ngày ấy chỉ là những con búp bê nhựa hay mấy con thú nhồi bông. Các em muốn chơi bà bắt tôi nhường nhưng khi thấy cháu phụng phịu, hậm hực bà lại ra cửa mua cho cái bánh giò nóng ngồi xúc cho ăn.

Năm tôi lên ba, học võ lòng ở trường Hồng Bàng, sau chợ Hàng Da. Bà đưa cháu đi học, tôi đòi bà phải ngồi ở cửa lớp chờ. Bà dỗ từ từ, bà nói ra ngoài hàng quà ở cổng trường ngồi đợi rồi bà lên về để đến giờ mới đi đón. Một hôm bà bận việc gì đó, sai cô Nga, em út của bố tôi đón cháu. Tôi im lặng không nói gì, về nhà gặp bà thì òa lên khóc bắt đền, khóc đến nỗi bà phải bắt cô đưa đến cổng trường để rồi bà lại đi đón. Không hiểu sao cả bà và mẹ tôi hồi ấy lại chiều tôi một cách vô lý như thế. Bà và mẹ tôi kể mãi chuyện này và nói là tôi đáo để.

Mẹ tôi cứ đều đều sản xuất, cách năm lại cho ra đời một đứa bé, mẹ nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ. Cứ hễ có em là đứa bé vừa mới thôi sữa được chuyển sang bà. Khi em Tuấn ra đời, hai đứa bé được chui vào màn rúc nách bà là Thuận với Hạnh, tôi phải nằm ngang phía dưới chân. Lâu lâu bà lại vói chân xuống nhẹ nhẹ lấy chân xoa lưng cháu. Những đêm hè bà phe phẩy chiếc quạt nan, thỉnh thoảng lại quạt xuống phía dưới an ủi cô cháu gái.

Tối tối bà bắt anh em chúng tôi rửa mặt mũi chân tay, thay quần áo sạch sẽ, sắp hàng ngồi sau lưng bà nghe bà tụng kinh. Sau khóa lễ được chui vào màn nghe bà kể chuyện đời xưa, chuyện Tấm Cám, chuyện Thạch Sanh Lý Thông, chuyện Bà Chúa Ba, chuyện Quan Âm Thị Kính... Khi tôi lên mười, đã có năm em,

đã là chị lớn, bà bắt đầu dạy đi chợ nấu ăn, dạy sao để chọn con gà cho ngon, con vịt cho béo, rau quả cho tươi.

Ở nhà bà mặc quần sa tanh đen, áo cánh lụa trắng, đầu vấn khăn nhung. Đi đâu bà khoác chiếc áo dài nâu thêu những bông cúc vàng nho nhỏ. Đặc biệt bà rất thích hoa Ngọc Lan, bà chẳng bao giờ phấn son, mỗi khi đi chùa hay đi ra khỏi nhà bà chỉ dắt bông hoa Ngọc Lan tươi trên vành khăn để làm dáng. Năm 1965, cha tôi đổi làm việc trên Thủ Đức, được cấp một căn nhà xinh, trước nhà có một cây Ngọc Lan lớn, chi chít hoa. Bà mừng lắm, ngày nào tắm xong bà cũng ngồi xoa tóc cho các cháu nhỏ tóc sâu rồi khi vấn lại khăn không quên dắt một bông Ngọc Lan. Ở lan can trước nhà chúng tôi có một giàn Dạ Lý Hương, buổi tối hương thơm ngào ngạt nhưng bà không thích bằng hoa Ngọc Lan và chê mùi hương hắc quá. Chúng tôi biết ý nhờ chú làm vườn treo lên cây cắt từng cành hoa cho bà lễ Phật. Nghĩ đến bà là tôi nhớ đến những chùm hoa trắng muốt cũng như khi nhìn thấy hay ngửi hương Ngọc Lan thoang thoảng tôi lại nhớ đến bà. Và... năm ấy bà tôi mất ... bà mất vào tháng tám, tiết thu, những bông Ngọc Lan trắng muốt vẫn còn chúm chím ở trên cây.

Bây giờ tôi đang ở một cây Ngọc Lan, cây ở đây trồng hơi khó. Mùa đông tôi phải quây buồng và mặc áo cho cây để tránh sương lạnh, giá buốt. Mỗi đợt cây cho được hơn chục nụ hoa, đủ hương thoang thoảng cho tôi tìm về quá khứ... Một ngày xa xôi nào đó trong tương lai, hoa nở đầy cành và hương thơm dịu ngọt tỏa xa, bày cháu yêu quý của tôi có nhớ đến bà của chúng như tôi đang nhớ xót xa về bà của tôi không!

Đỗ Dung



NGƯỜI XƯA
HẢI-VÂN



*T*ôi vẫn tin,

Và tôi tin chắc;
Sẽ có ngày,
Nhất-định sẽ có một ngày.
Tay trong tay,
Thơ-thần nhìn trăng sáng.
Nỗi buồn xưa thấp-thoảng như mơ.

“Lúc đâu sao anh dễ ghét.
Lâu dần lại thấy nhớ mong.
Mãi về sau mới biết.
Những hôm không gặp,
Thắc-mắc đợi-trông.
Anh ơi anh!
Anh có hiểu tại sao không?”

*Lâng-lâng như bay bổng.
Cây-cỏ chìm trong sương.
Anh đang sống với mộng.
Câu em hỏi anh nhớ mãi không quên.*

Niềm tin của hấn kéo dài bao nhiêu năm. Bao nhiêu năm chờ-đợi và hi-vọng. Ngày ngày vẫn theo người yêu đi học, ra phố. Hấn vẫn tin-trưởng và hi-vọng:

*Tôi vẫn tin,
Và tôi tin chắc;
Sẽ có ngày,
Nhất-định sẽ có một ngày...*

*Nhưng ngày đó chẳng bao giờ đến;
Thuyền xưa chẳng bao giờ cập bến.
Lênh-đênh song gió phương nào?*

Cuối cùng hấn ngã lòng. Tính từ ngày đầu tiên đã hơn mười năm. “Dù có lấy nhau, người ta cũng coi mình chẳng ra gì. Hôn-nhân không thể xây-dựng trên tình yêu một chiều.” Hấn lấy vợ. Người hấn yêu lấy chồng.

Vợ hấn hiền-lành dễ thương. Nàng là người độc-nhất giúp hấn quên nỗi cô-đơn. Nhưng sau ngày cưới một thời-gian, tính-tình thay-đổi, nàng không còn là người bạn của hấn nữa. Hay nhần-nhó, hay ghen-tức vớ-vẩn; chiều thế nào cũng không vừa ý. Hấn chẳng khác gì một tên nô-lệ. Trong đầu hấn lại thấp-thoáng bóng-dáng một người bạn hiền.

Nhớ ngày mới biết yêu, xem thơ Nguyễn-Công-Trứ:

*Tương-tư không biết cái làm sao.
Muốn vẽ mà chơi vẽ được nào.
Khi đứng, khi ngồi, khi nói chuyện;
Lúc say, lúc tỉnh, lúc chiêm-bao.
Trăng soi trước mặt ngò chân bước.
Gió thoảng bên tai ngổ miệng chào...*

Hắn chê tác-giả chưa đạt được lẽ tự-nhiên của Trời-Đất. Nhưng bây giờ, đôi lúc hắn muốn biết “Yêu là gì?” “Tại sao tôi yêu-thương?” “Tại sao tôi yêu một người chẳng bao giờ nghĩ tới tôi?” “Tại sao tôi muốn quên không quên được?”

Sự thất-bại trong tình-trường giày-vò hắn. “Tôi cũng như mọi người, nhưng chưa bao giờ được nghe một lời yêu-thương, chưa bao giờ được hứa-hẹn, chưa bao giờ được thề-bồ.” Hắn không được hưởng cái diễm-phúc của Nguyễn-Công-Trứ:

Trăng soi trước mặt ngờ chân bước.

Gió thoảng bên tai ngỡ miệng chào.

Đã nhiều lần hắn hỏi vợ: “Em có thương anh không?”, kể cả lúc mặn-nồng nhất, nàng cũng chỉ im-lặng, không trả lời. Vợ hắn khó chịu vì sự nhút-nhát của hắn. Bao nhiêu năm đèo-đéo theo một người không xong. Nàng cho đó là một sự sỉ-nhục. Nàng xấu-hổ đã lấy phải một người như hắn. Những gì hắn làm, những điều hắn cố-gắng đều vô-nghĩa. Trong đầu hắn, mẫu người lí-tưởng và người xưa hoà với nhau, e-ấp và dịu-dàng.

Những lúc vợ chồng không hoà-thuận, hắn không nói một câu. Lấy nhau không phải để cãi nhau. Hắn thu-thập những dòng chữ ghi-chép ngày xưa, đánh máy lại thật đẹp. Chẳng oán-trách ai. “Trách để làm gì?” Người xưa của hắn có lẽ đã quên từ lâu. Nhưng chính vì nàng, hắn thích thơ văn.

- Người ta có bao giờ nghĩ tới anh đâu!

Hắn không nói. Làm sao mà nói được!

Tình yêu của hắn không phải tình trai gái. Ngay từ ngày còn trẻ, cũng chẳng bao giờ coi người yêu là đối-tượng của ham-muốn. Hắn chưa bao giờ nghĩ đến lúc được ôm nàng trong tay. Sự ham-muốn và tình yêu không đi đôi với nhau. Bây giờ vẫn vậy, hắn chẳng bao giờ nghĩ người của hắn đã có chồng có con. Có thể người đó không có thật ở cõi đời này.

- Tại sao có vợ mà anh còn nghĩ tới người khác?

Hắn vẫn im-lặng. Vợ hắn hỏi thêm:

- Tại sao lúc nào anh cũng mơ-tưởng đến một người?

- Tại sao em nói vậy?

Hỏi để mà hỏi, không cần câu trả lời. Những gì hấn viết đã bị kiểm-soát từ ngày mới lấy nhau.

- Trong đầu anh có một người thật. Người đó an-ủi anh lúc anh buồn-khổ. Khi nào em hiền-lành, người đó là em. Khi nào em nhăn-nhó, cau-gắt, người đó ở trong mộng. Nhiều lúc em lạ lắm. Em không còn là của anh nữa.

- Người của anh đã chết từ lâu rồi! Ai làm nó thay-đổi? Vì ai nó nhăn-nhó? Mình tạo ra nó thì ráng mà chịu! Nó chỉ là sản-phẩm của hoàn-cảnh.

Thế là hấn lại ngâm miệng. Sự im-lặng của hấn cũng là sản-phẩm của hoàn-cảnh.

Những lúc cô-đơn hấn đọc lại những dòng chữ của chính mình:

*Ngày xưa có một lần anh đón.
Trời mưa lất-phất mờ hơi sương.
Nhẹ bước bên nhau chung một áo.
Lời nào nói hết nỗi yêu-thương.*

*Rời xa-cách mỗi người một ngả.
Nhìn vai gầy, nước mắt rung-rung.
Muốn an-ủi mà sao lúng-túng.
Tình dở-dang nói cũng ngập-ngừng.*

*Bỗng một hôm gặp nhau bờ-ngõ.
Đôi mắt hiền thăm-thăm mộng xưa.
Cả hai ao-uớc cùng trẻ lại.
Mình sống yên-vui đến trọn đời.*

Tất cả chỉ là mơ. Hình như cái gì đẹp cũng chỉ là mơ. Dù vậy, hấn vẫn muốn xoá-bỏ. Hấn cố-gắng tìm hạnh-phúc bên vợ con. Hấn cần sự thông-cảm và giúp-đỡ. Vợ hấn ngoảnh đi. Hình-bóng trong mộng, vì thế, càng ngày càng rõ hơn.

-oOo-

Nhiều khi hấn trách mình thừa xưa nhút-nhát để bây giờ chói-vói ở giữa nhớ-thương và bốn-phận. Nhưng xét cho cùng, giả như thời-gian có lùi trở lại, hấn cũng chẳng làm gì hơn được.

*Nếu anh hỏi: “Em thương anh không?”
Chắc em quay đi mà chẳng nói.
Rồi anh lúng-túng nhìn mông-lung.
Đứng khựng lại, chờ em đi khỏi.*

*Nếu anh đến bên em than-thở.
Em vùng-vằng vội-vã bước mau.
Rồi anh ngượng-ngùng đến khổ-đau.
Và từ đó tình ta tan-vỡ.*

*Vì thế không bao giờ anh nói.
Mà cũng chẳng bao giờ anh hỏi.
Nói làm gì để bẽ-bàng nhau.
Hỏi làm gì – chuốc hận mai sau.*

*Cứ như thể bắn-khoăn mong-đợi.
Ao-uớc sao ngày tháng như mơ.
Nuôi hi-vọng tình mình sẽ đẹp.
Không bao giờ cạn được nguồn thơ.*

*Hai mươi lăm năm sau em ạ!
Vẫn nhớ em – nhớ đến ngẩn-ngơ.
Nhờ người thăm-hỏi bóng-hình xưa.
Em bảo anh là người xa-lạ.*

Đúng vậy! Đúng hai mươi lăm năm sau, hấn mới biết sự thật. Một sự thật đau lòng. Hấn muốn bảo-vệ hạnh-phúc gia-đình, muốn tách rời người xưa ra khỏi bóng-dáng trong mộng. Nhưng hấn vẫn tìm đủ cách để dò hỏi tin-tức của nàng. Mấy năm sau mới có số dây nói. Lần đầu tiên nhắc tới hấn, người đó chẳng còn nhớ là ai. Mấy lần kể tiếp, nàng mới nhận “Ngày xưa chúng tôi là người lối xóm.”

Sự thật không phải chỉ có vậy. Không có cái đại nào giống cái đại nào. Hắn đã ngây-ngô gửi cho nàng mấy bài thơ thương-nhớ. Nàng trả lại, kèm theo hàng chữ *“Chỉ có gia-đình mới là tình-yêu đích-thực và vĩnh-cửu.”* Xấu-hổ và thất-vọng, hắn giận-dối vu-vơ:

*Trả lại cho tôi người yêu-dấu.
Để tôi thương-nhớ đến nghìn năm.
Để tôi đổi lại lời tâm-sự,
Sửa lại truyện xưa đã viết lầm.*

*Những gì đã xem thôi đừng nhớ!
Mấy dòng vó-vân rồi sẽ quên.
Chưa quen, chưa biết, chưa gặp-gỡ.
Chưa giận, chưa hờn, chưa vắn-vương.*

*Còn có khi nào hồi-tưởng lại.
Hãy nhớ tình xưa đã rã-rời.
Người thương-yêu cũ không còn nữa.
Kỉ-niệm trong mơ cũng tả-tôi.*

Tệ hơn thế nữa, khi đắm-chìm trong si-đần, chuyện gì cũng có thể xảy ra. Mấy tháng sau, hắn bay một phần tư quả đất, tới một nơi cách nàng hai giờ lái xe, gọi dây nói ngỏ ý muốn đến thăm. Nàng lạnh-lùng từ-chối.

Đặt máy xuống, mồ-hôi vã ra, hắn đứng không vững. Hắn trách mình, trách cả người xui đại hắn.

Hành-động đần-độn đó, như một vết nhơ, hắn không dám nói với ai. Hắn nhất-định bắt mình phải quên.

Cố hết sức, dùng đủ mọi cách. Có lần hắn nghĩ: *“Nếu ngày nào, trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng-hồ, anh không nhắc tới tên em, may ra anh mới quên em được.”*

Sau ba năm đăng-đăng, xét lại vẫn vậy. Dù là người đó không còn là bóng-dáng trong mộng của hắn nữa. Nhưng hắn vẫn thương-nhớ một người. Thương-nhớ ai? Hắn không biết. Nhưng hắn đã đặt tên cho người của hắn:

*Anh gọi em là Vân-Lan
Với muôn-ngàn thương-nhớ.
Anh tưởng-tượng em nước-nở,
Để bồi-hồi xót-xa...*

Hắn vẫn làm thơ, vẫn thương-nhớ, và vẫn bắt mình quên.

-oOo-

Hai năm sau nữa, vừa đúng ba mươi năm.

Trên quốc-lộ số năm, hắn và người bạn đồng-hành bàn-luận về ý-nghĩa của yêu-đương. Hắn kể lại chuyện của mình cho bạn nghe.

Mỗi tình một chiều chẳng có gì lôi-cuốn. Nhìn sang, tiếng ngày đang hoà với nhạc máy thu-thanh. Nhưng đã bắt đầu, hắn vẫn tiếp-tục. Hắn nói với chính hắn. Mấy giờ sau mới giật mình:

- Lạc mất rồi! Đáng lẽ phải ở trên đường rẽ vào San José từ một giờ trước mới phải.

Hắn đánh thức bạn.

- Không sao đâu, cứ đi đi!

Thêm một quãng nữa, thấy bảng chỉ đường đi Stockton.

- Lạc thật rồi! Tôi nhớ lần trước, một đường về San José, một đường đi Stockton. Stockton là nơi ở của người trong mộng của tôi, làm sao tôi quên được.

- Thế thì quay lại!

Hắn không quay lại:

- Âu cũng là cái số! Năm năm trước người ta không cho tôi tới thăm. Lần này người ta bằng lòng cũng không biết chừng.

- Thôi đi ông! Quá nửa đêm rồi! Làm thế không được đâu!

Tới Stockton, hắn ra đường phố. Không một bóng người. Các trạm xăng tối om. Hắn ngừng xe dưới một cột đèn, xem bản đồ, tìm đường về San José. "*Không biết người xưa của tôi đã ngủ chưa? Có mơ thấy tôi không?*" Nhớ lại ngày tháng qua, hắn mang-mang đau-đón. "*Anh ấy có nghĩ tới chuyện xưa hay không thì mình không biết; còn mình, chẳng bao giờ nghĩ tới. Với lại đã tiếp-xúc với nhau đâu mà bảo nhớ hay không nhớ.*" "*Đúng vậy em ạ, chúng mình đã gặp nhau bao giờ đâu.*"

Đêm hôm đó, gần ba giờ sáng, họ mới đến San José.

Chiều tối hôm sau, hắn đi thăm mấy người bạn đã cách mặt mười bảy mươi tám năm.

Trong một ngôi nhà nhỏ, gần mười người tranh nhau nói. Dù thứ truyện, đủ loại tin-tức. Khi rượu đã ngà-ngà, chẳng ai nghe ai. Hắn và Lam ngồi ở một góc, ôn lại kỉ-niệm xưa.

- Mày có nhớ con Quy không? Hình như bây giờ nó ở vùng này đó. Tao đồ mày biết thằng nào bị nó hạ cho một câu trời giáng. *“Cái mặt như thế này mà đòi theo người ta hả!”*

Lam có trí nhớ như thần; không có gì không nhớ. Con người thâm-trầm đó mà bộc-trực đó. Nhờ Lam, hắn thấy lại từng nhà, từng người trong khu phố.

- Mày ẹ! Mày còn nhớ con bé xinh-xinh ở cách nhà tao năm sáu căn không?

“Còn ai nữa? Người đó mà tôi quên thì tôi còn biết ai ở cõi đời này!?” Nhưng hắn đáp:

- Con nào? Gần nhà mày thì thiếu gì đứa xinh-xinh?

- Thế thì hồi đó mày trồng cây si con nào? Chẳng lẽ không phải con đó?

- Hai mươi chín, ba mươi năm rồi làm sao mà nhớ nổi. Nhiều lúc cũng cảm thấy nhớ-nhớ mà không biết nhớ cái gì.

- Người khác mày quên thì được; nhưng con đó mà mày quên thì tao chịu!

Vừa nói Lam vừa lắc đầu:

- Đúng mày là đứa vô-tâm, hèn chi tóc tao bạc trắng, tóc mày vẫn “xanh”.

Hắn ậm-ừ ngồi nghe Lam kể. Hình-ảnh xưa vẫn rục-rỡ đậm-đà như lúc mới bắt đầu yêu-thương. Hắn bồi-hồi luyện-tiết.

- Bây giờ mày đã nhớ ai chưa?

- Chịu! Lâu quá rồi! Nhớ không được!

- Không nhớ cũng không sao! Tao kể đoạn kết cho mày nghe!

Lam hạ giọng chậm-rãi:

- Cách đây ít lâu, con đó bỏ Stockton, xuống San Diego. Trên đường đi, chị ả gặp thằng Hoá nhà tao.

Hắn ngừng lại, góp mấy câu với đám ngậm thơ:

- Anh Bá hôm nay giọng không được hay lắm. Kì trước nghe trầm-thống hơn nhiều. Tại hôm nay nhiều tôm lược quá hay tại anh Vân?

Bá nửa đùa nửa thật:



- Anh đừng chê làm tôi mất hứng. Thơ tôi còn nhiều. Lát nữa tôi sẽ đọc cho các anh nghe. Chẳng gì lâu lắm anh Vân mới có dịp lên đây với tụi mình. Các anh hay ghen tị với tôi. Còn anh Vân thì chẳng sao. Anh ấy có đua với ai đâu!

Câu chuyện vừa đến chỗ chuyển-biến thì bị cắt ngang, hẫng lơ đi như không nghe thấy nhắc tới tên, quay sang Lam

giục:

- Rồi sao nữa? Nói tiếp đi!

- Tao thì tao không biết thực-hư. Tao ở đây mà thằng Hoá ở Los Angeles thì làm sao tao biết được. Nhưng tao nghe con Phụng kể lại. Nó bảo hai đứa gặp nhau, lén-lút với nhau. Thịnh-thoảng chị ả lái từ San Diego lên Los Angeles. Hồi còn trẻ, chị ả cong-cón lắm; bây giờ thì chị nào cũng như chị nào.

Hẫng chết lặng đi. Chẳng lẽ đó là sự thật của người hẫng thương-yêu?

Lúc ra về, hẫng bảo Lam:

- Sẽ có ngày tao cho mày xem những gì tao viết về xóm cũ của tụi mình.

Vào xe, không đợi máy ấm như thường-lệ, hẫng lao vào phố vắng, chẳng biết mình đi đâu. "*Biết để làm gì?*"

Hải-Vân



CHỮ NGHĨA VÀ CĂN TÍNH: VÔ PHÚ, NHỮNG NGÀY THƠ ẤU UYÊN NGUYỄN



Tác phẩm mở ra như một dòng sông, đưa người đọc trôi về miền ký ức xa xăm, nơi quá khứ vừa là một câu chuyện kể, vừa là một phần của căn tính, một mảnh hồn không thể tách rời. *Những Ngày Thơ Ấu* của Vô Phú là cánh cửa mở ra thế giới tuổi thơ, tựa một bàn giao hưởng của nỗi nhớ, nhưng cùng lúc chính là tiếng vọng của văn học Việt Nam hải ngoại, vốn từ lâu vẫn luôn phải đối diện với những câu hỏi không dễ trả lời:

Chúng ta viết gì?

Viết cho ai?

Và viết bằng ngôn ngữ nào?

Trong một không gian mà thế hệ trước mang theo tiếng mẹ đẻ như một hành trang tinh thần, nhưng thế hệ sau có thể đã xa rời nó, làm thế nào để văn chương giữ được sự kết nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa quê hương và nơi chốn lưu vong? *Những Ngày Thơ Ấu* xuất hiện trong bối cảnh ấy phải chăng là một câu trả lời đầy chân thành—một tác phẩm không những kể lại một thời thơ ấu đã qua mà còn giúp độc giả, dù thuộc thế hệ nào, tìm lại một phần của chính mình trong dòng chảy ký ức.

Vô Phú không viết về tuổi thơ với sự nuối tiếc hay luyến lưu đơn thuần. Phú viết như một chứng nhân, với tất cả sự tươi mới

của những ngày tháng rong chơi, nhưng cũng đầy đủ nỗi khắc khoải của một người đã đi xa, nhìn lại quê hương bằng đôi mắt của ký ức. Ở đó có những con đường đất đỏ của miền ven biển, có những mái tranh đơn sơ treo lưới đánh cá, có giếng nước chung nơi cả xóm tụ họp mỗi sáng. Và trên hết, có những tâm hồn non trẻ, lớn lên trong sự chật vật của một xã hội biến động, nhưng vẫn giữ trong lòng niềm vui trong trẻo của những ngày thơ dại.



Tác phẩm mới nhất của nhà văn trẻ Phú Võ.

NHỮNG NGÀY THƠ ẤU

Phát hành trên hệ thống POD Lulu, 2025

Điều đặc biệt trong *Những Ngày Thơ Ấu* là cách Võ Phú để những kỷ niệm tự chảy trôi mà không cần gò ép. Phú không cường điệu hóa, cũng không tô vẽ một hình ảnh quê hương lý tưởng. Thay vào đó, tác phẩm là một bức tranh chân thực về những điều giản dị nhất—một ngôi trường cũ với bàn ghế xiêu vẹo, những ngày hè rong chơi với bạn bè, một chuyến phiêu lưu trên biển cùng Phúc Ròm, hay chỉ đơn giản là bữa cơm đạm bạc nhưng đầy ắp yêu thương trong một gia đình nghèo. Chính sự chân thật đó làm cho *Những Ngày Thơ Ấu* không riêng là một câu

chuyện cá nhân, mà là ký ức tập thể của nhiều thế hệ đã từng lớn lên trong những năm tháng khó khăn ấy.

Nhưng vượt lên trên những ký ức cá thể, tác phẩm này còn đặt ra một câu hỏi lớn hơn: Làm thế nào để những thế hệ sau có thể hiểu được những gì đã qua? Khi chúng ta đi xa hơn, khi những thế hệ mới được sinh ra trong một thế giới không còn những giếng nước chung, những phiên chợ quê, khi tiếng Việt dần trở thành một ngôn ngữ thứ hai, thậm chí là xa lạ đối với nhiều người trẻ trong cộng đồng hải ngoại—liệu văn chương có thể là sợi dây níu giữ họ lại với nguồn cội?

Bấy giờ, Những Ngày Thơ Ấu là một cuốn sách để đọc, nhưng còn là một cây cầu nối giữa các thế hệ. Đối với những người lớn lên ở quê nhà, nó là một hồi chuông nhắc nhở về những giá trị đã từng tồn tại. Đối với những người trẻ lớn lên ở hải ngoại, nó là một lời mời gọi để hiểu hơn về nơi cha mẹ họ đã từng sống, về những gian khó mà họ chưa từng trải qua và về những điều đã làm nên bản sắc của một dân tộc.

Văn học hải ngoại từ lâu đã mang trong mình một sứ mệnh khó khăn: không riêng gìn giữ ngôn ngữ, mà còn gìn giữ tinh thần, truyền tải những câu chuyện của quá khứ vào tương lai. Trong bối cảnh đó, mỗi tác phẩm được viết ra sẽ là một sự sáng tạo cá nhân, cùng lúc là một phần của dòng chảy lớn hơn—dòng chảy của ký ức, của bản sắc, của nỗ lực tìm kiếm chính mình trong những đổi thay không ngừng.

Khi khép lại những trang sách này, người đọc không rời khỏi một câu chuyện, để còn mang theo một nỗi niềm, một chút suy tư về nơi mình đã từng thuộc về, hoặc nơi mình đang cố gắng tìm lại. Và có lẽ, đó chính là điều tuyệt vời nhất mà văn chương nói chung và *Những Ngày Thơ Ấu* nói riêng có thể làm được: kết nối chúng ta với quá khứ, với chính mình, và với nhau.

Chấn Bội, ngày 07 tháng 03 năm 2025
Uyên Nguyên

Tạp Chí Văn Bút Miền Đông

Số 3

Chủ Đề - Thu

Kính gửi quý tác giả và cộng tác viên,

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự đồng hành và những đóng góp quý báu của quý vị trong hai số báo vừa qua. Nhờ những trang của quý vị, Tạp chí Văn Bút Miền Đông ngày càng phong phú và gửi đến đông đảo bạn đọc yêu văn chương.

Với niềm hân hoan bước vào thời khắc giao mùa, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu chủ đề cho số báo tiếp theo: **Thu**.

Mùa Thu – mùa của ánh nắng vàng nhạt, của những chiếc lá rơi trong gió nhẹ, của nỗi nhớ khẽ khàng và những suy tư sâu lắng. Thu không chỉ là mùa của thiên nhiên chuyển mình, mà còn là mùa của tâm hồn – nơi ký ức, hoài niệm và những rung cảm tinh tế dễ dàng trỗi dậy.

Từ bao đời nay, Thu luôn là nguồn cảm hứng bất tận cho thi ca:

“Em không nghe rừng thu

Lá thu kêu xào xạc,

Con nai vàng ngơ ngác

Đạp trên lá vàng khô?”

(Lưu Trọng Lư – Tiếng Thu)

Hay trong một chiều thu dịu dàng, ta lại nghe đâu đó lời thơ của Xuân Diệu:

“Hôm nay trời nhẹ lên cao

Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn...”

Với chủ đề “Thu”, chúng tôi rất mong được đón nhận những sáng tác đa dạng từ quý tác giả: thơ, truyện ngắn, tùy bút, tản mạn, hoặc những suy ngẫm cá nhân về mùa thu, tình người và dòng chảy thời gian.

Mỗi bài viết là một chiếc lá, một ánh nắng, một tiếng vọng dịu dàng của mùa thu trong tâm hồn.

Chúng tôi hy vọng quý vị sẽ cùng chung tay thắp lên sắc thu qua từng trang giấy.

Thời gian nhận bài:

Từ thời điểm thông báo này đến hạn chót: ngày 15 tháng 9.

Gửi bài về địa chỉ email:

vbvnhn.vdbhk@gmail.com

Chúng tôi rất mong tiếp tục được đón nhận những tác phẩm quý báu của quý vị để cùng nhau làm nên một số báo đậm hương thu – đậm tình văn chương.

Trân trọng,
Ban Biên Tập



Tạp chí Văn Bút Miền Đông

Giới Thiệu Sách

Quý văn thi hữu có nhu cầu giới thiệu sách của mình trên tạp chí Văn Bút Miền Đông, vui lòng gửi một bản sách đến văn thi hữu Phú Võ tại địa chỉ tòa soạn.

Văn Bút Miền Đông

6614 Bethlehem Road

Richmond, VA 23230

Email: vbnhn.vdbhk@gmail.com

Ban Biên Tập sẽ sắp xếp giới thiệu trong số phát hành kế tiếp.

Chân thành cảm ơn sự hợp tác và đóng góp của quý văn thi hữu cùng các cộng tác viên.

Phiếu Mua Tạp Chí Văn Bút Miền Đông

Phu Vo

6614 Bethlehem Road

Richmond, VA 23230

Email: vbvnhn.vdbhk@gmail.com

Tên: _____

Địa chỉ: _____

Số điện thoại: _____

Email: _____

Mua số tạp chí: _____

Giá mỗi số: \$20

Số lượng mua: _____

Tổng số tiền: \$ _____

Hình thức chi trả:

Chi phiếu xin gửi về địa chỉ trên

PayPal: phuvo@yahoo.com

Zelle: 8043700215

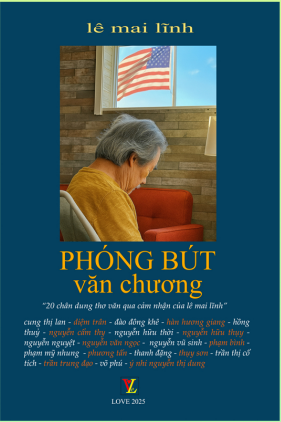
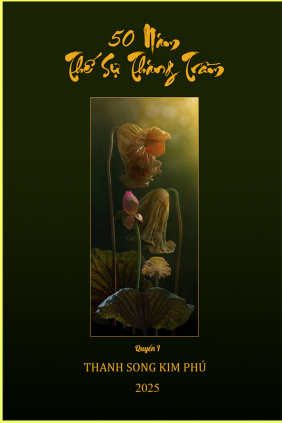
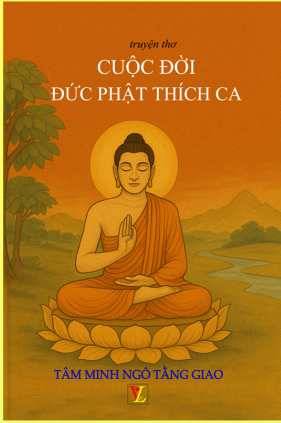
Cash apps: \$lamson1231

Venmo: @Phu-Vo-5

*****Lưu ý: Xin vui lòng nhấn tin 804-370-0215
nếu trả tiền qua PayPal, Cash apps, Zelle hay Venmo**

**Văn Bút Miền Đông xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ của quý
độc giả!**

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



\$20.00